

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN  
NGÀNH SINH HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội 2022**

# MỤC LỤC

<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>viii</b>
<b>DANH MỤC HÌNH.....</b>	<b>ix</b>
<b>DANH MỤC BẢNG .....</b>	<b>x</b>
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</b>	<b>1</b>
<b>1. Đặt vấn đề .....</b>	<b>1</b>
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá .....	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá .....	2
<b>2. Tổng quan chung.....</b>	<b>5</b>
2.1. Giới thiệu tóm tắt về Đại học Quốc gia Hà Nội .....	5
2.2. Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học Khoa học Tự nhiên .....	6
2.3. Giới thiệu tóm tắt về Khoa Sinh học .....	8
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>12</b>
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....</b>	<b>12</b>
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	12
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT .....	16
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .....	21

<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....</b>	<b>24</b>
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	25
Tiêu chí 2.2. Thông tin trong bản mô tả đề cương các học phần đầy đủ và cập nhật.....	29
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan để dàng tiếp cận.....	33
<b>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....</b>	<b>37</b>
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế theo hướng thực hiện chuẩn đầu ra.....	37
Tiêu chí 3.2. Mức độ đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng .....	43
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	47
<b>Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....</b>	<b>55</b>
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....	55
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	59
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....	63
<b>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....</b>	<b>67</b>
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra .....	67

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....	70
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	71
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập .....	73
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....	75
<b>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....</b>	<b>77</b>
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	78
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	82
Tiêu chí 6.3. Việc tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	85
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	91
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	94

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng ....	98
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	103
<b>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên .....</b>	<b>107</b>
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.....	108
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai .....	113
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....	115
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó ....	117
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	119
<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....</b>	<b>121</b>
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh và các tiêu chuẩn tuyển sinh cho các chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, được thông tin, công bố công khai và cập nhật .....	121
Tiêu chí 8.2. Các tiêu chí và phương thức cho việc tuyển chọn sinh viên được xác định rõ và được đánh giá.....	125

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống theo dõi đầy đủ, phù hợp về sự tiến bộ của sinh viên về rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập.....	127
Tiêu chí 8.4. Tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi dành cho sinh viên, và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn sẵn có để cải thiện học tập và khả năng có việc làm.....	131
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	137
<b>Tiêu chuẩn 9. Trang thiết bị và cơ sở vật chất.....</b>	<b>142</b>
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	142
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ phù hợp và được cập để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	144
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đầy đủ, phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	147
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng phục vụ học trực tuyến) được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	151
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai; có đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.....	153
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....</b>	<b>157</b>
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	158
Công nghệ mô và tế bào thực vật.....	164

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến.....	173
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra.....	175
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học .....	179
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến .....	183
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến .....	187
<b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra của Chương trình đào tạo.....</b>	<b>191</b>
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	191
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	196
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	200
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	203
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	207
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN .....</b>	<b>214</b>
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT .....	214

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....	217
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT .....	219
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT .....	221
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC .....</b>	<b>- 1 -</b>
PHỤ LỤC A. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	- 1 -
PHỤ LỤC B. CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN .....	- 22 -
PHỤ LỤC C. BẢNG DANH MỤC MINH CHỨNG.....	- 37 -



## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Diễn giải</b>
CDR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐHKHTN	Đại học Khoa học Tự nhiên
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
GV	Giảng viên
KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
NCV	Nghiên cứu viên
PTNTĐCNEP	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Enzym và Protein
SV	Sinh viên
TĐG	Tự đánh giá

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên .....	7
Hình 2. Sơ đồ tổ chức Khoa Sinh học.....	11
Hình 3.1. Mối quan hệ giữa chương trình giảng dạy, hoạt động học tập và đánh giá của chương trình Cử nhân sinh học.....	39
Hình 3.2. Biểu đồ phân bố các khối kiến thức trong khung chương trình Sinh học chuẩn (Theo khung 2019) .....	48

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. So sánh mục tiêu của chương trình Cử nhân Sinh học với sự mệnh và tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và Trường ĐHKHTN .....	13
Bảng 1.2. Bản tóm tắt các nhóm Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Sinh học.....	18
Bảng 2.1. Nội dung điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT so với năm 2015 [H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03] .....	27
Bảng 3.1. Đóng góp của các học phần trong chương trình Sinh học cho các CĐR	44
Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả phúc khảo .....	75
Bảng 6.1. Số liệu về GV&NCV cơ hữu giảng dạy ngành Sinh học giai đoạn 2017-2022.....	83
Bảng 6.2. Số liệu về chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành Sinh học giai đoạn 2017-2022.....	83
Bảng 6.3. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Sinh học.....	84
Bảng 6.4. Các tiêu chí chính để bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp.....	86
Bảng 6.5 Khen thưởng các cấp của GV&NCV khoa Sinh học từ 2017-2022.....	101
Bảng 6.6. Thống kê các hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2021 của Khoa Sinh học .....	104
Bảng 7.1. Số lượng nhân viên hỗ trợ của VNU (tính đến ngày 01/01/2021) .....	110
Bảng 7.2. Số lượng nhân viên hỗ trợ của HUS (tính đến tháng 5/2022).....	111
Bảng 8.1. Thống kê chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn ngành Sinh học trong 5 năm .....	122
Bảng 8.2. Tình hình tuyển sinh của ngành Sinh học trong 5 năm qua .....	123
Bảng 8.3. Số liệu quản lý sinh viên ngành Sinh học trong 5 năm .....	123

Bảng 8.4. Sự thay đổi tiêu chí và phương pháp tuyển chọn thí sinh .....	125
Bảng 8.5. Hệ thống giám sát học tập của sinh viên .....	128
Bảng 8.6. Ý kiến đánh giá phản hồi của sinh viên về hoạt động hỗ trợ .....	130
Bảng 8.7. Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp ngành Sinh học .....	133
Bảng 10.1. So sánh CTĐT đại học ngành Sinh học của Khoa Sinh học, ĐHKHTN với Ngành Sinh học của trường Cornell Hoa kỳ.....	160
Bảng 10.2. Sự điều chỉnh CTĐT năm 2019 so với năm 2015 .....	167
Bảng 10.3. Sự điều chỉnh CTĐT năm 2022 so với năm 2019 .....	170
Bảng 10.4. Bảng thống kê số lượng các hoạt động NCKH gắn với hoạt động dạy và học 2015, 2017, 2019 và 2021 [H10.10.04.01, H10.10.04.02, H10.10.04.06, H10.10.04.10, H10.10.04.11, H10.10.04.16].....	182
Bảng 11.1. Thống kê số sinh viên thôi học và tốt nghiệp ngành Sinh học.....	192
Bảng 11.2. Bảng thống kê thời điểm thôi học ngành SH.....	193
Bảng 11.3. So sánh tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp của ngành SH và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN.....	193
Bảng 11.4 Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp trung bình của các năm của ngành SH và các ngành khác trong trường ĐHKHTN .....	194
Bảng 11.5. Tỷ lệ và thời gian tốt nghiệp của SV ngành SH.....	197
Bảng 11.6. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành SH với một số ngành khác trong trường ĐHKHTN .....	198
Bảng 11.7. Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của ngành Sinh học và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN .....	201
Bảng 11.8. Cơ cấu việc làm ngành Sinh học và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN.....	201

Bảng 11.9. So sánh báo cáo NCKH của sinh viên ngành Sinh học và CNSH trong hội nghị KHSV giai đoạn 2017-2022 .....	205
Bảng 11.11. Ý kiến đánh giá phản hồi của sinh viên (thang điểm 5) .....	208
Bảng 11.12. Ý kiến đánh giá phản hồi của cựu sinh viên (thang điểm 5) .....	209
Bảng 11.13. Phản hồi tự đánh giá của giảng viên trong giai đoạn 2017-2021 (thang điểm 5).....	209
Bảng 11.14. Ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng (thang điểm 5).....	210

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

## 1. Đặt vấn đề

### *1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá*

Báo cáo Tự đánh giá cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Báo cáo gồm 4 phần chính sau:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về nội dung báo cáo, quá trình tổ chức thực hiện báo cáo, trách nhiệm của các bộ phận liên quan, các thông tin cơ bản về chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Mô tả và phân tích theo yêu cầu các tiêu chí đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo về các mặt sau:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh và điểm yếu của chương trình đào tạo được đánh giá và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng

Phần IV:

- Cơ sở dữ liệu
- Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá
- Kế hoạch chi tiết tự đánh giá.
- Danh mục minh chứng cho các tiêu chuẩn đánh giá

**Quy định về mã hoá các minh chứng:** Trong báo cáo tự đánh giá, các minh chứng được mã hóa theo quy định sau: Mã minh chứng [**Hn.ab.cd.ef**], trong đó:

H: Viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

n: số thứ tự của của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

### ***1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá***

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là yêu cầu tất yếu trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục, là phương thức xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường ĐHKHTN – ĐHQGHN.

Theo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong ĐHQGHN, và trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Khoa Sinh học đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học nhằm đánh giá chất lượng giáo dục so với mục tiêu đặt ra và nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng mục tiêu đào tạo trong giai đoạn mới; giải trình với cơ quan lí nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

TĐG chương trình đào tạo là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng chương trình đào tạo với mục đích chính là tự xem xét, đánh giá trên cơ sở Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong ĐHQGHN để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học làm cơ sở để trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

Tự đánh giá chương trình đào tạo không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường và Khoa cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá chương trình đào tạo đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

Căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao và các quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong ĐHQGH, Hiệu trưởng trường ĐHKHTN đã ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình Đào tạo Cử nhân Ngành Sinh học (Quyết định số 1106/QĐ - ĐHKHTN, ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐHKHTN . Hội đồng gồm có 19 thành viên (danh sách



kèm theo) với sự tham gia đầy đủ của Ban Giám hiệu, Ban chủ nhiệm Khoa Sinh học, trưởng các phòng chức năng, trưởng các bộ môn, đại diện sinh viên. Đồng thời, kèm theo quyết định là danh sách thành viên ban thư ký và danh sách các nhóm chuyên trách. Hội đồng Tự đánh giá đã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện kế hoạch TĐG và viết báo cáo TĐG theo từng mảng công việc được phân công cụ thể trong Kế hoạch chi tiết (Phần phụ lục).

**Công cụ đánh giá:** Công cụ được sử dụng để tự đánh giá chất lượng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo, được ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Công văn số 2085/QLCL-KĐCTGD của Cục quản lý chất lượng ngày 31/12/2020;

**Phương pháp đánh giá:** Dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, các công việc đã tiến hành xem xét theo các phương pháp sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng.
- Mô tả để làm rõ thực trạng của Khoa theo từng tiêu chí.
- Phân tích, so sánh đối chiếu, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại để từ đó đi đến những nhận định tự đánh giá cuối cùng.
- Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, có chỉ rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện.

**Quy trình tự đánh giá:**

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2: Thu thập thông tin và minh chứng

Bước 3: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 5: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG

Chương trình Cử nhân Sinh học được đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo kế hoạch ĐBCL của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thời gian để KĐCL chương trình đào tạo và thu thập được tính trong khoảng 6 năm (từ năm học 2015-2016) đến năm học (2021-2022).

Từ cuối tháng 04/2022, các thành viên trong nhóm chuyên môn bắt đầu thu thập minh chứng, mã hóa thông tin, xây dựng đề cương và bắt đầu viết báo cáo các tiêu chí. Tháng 7/2022 Ban thư ký bắt đầu tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành tiêu chuẩn, đọc nhận xét báo cáo từng tiêu chí, đồng thời viết Báo cáo phần tổng quan chung, đánh giá thu thập thêm thông tin bổ sung và hoàn thiện hồ sơ minh chứng.

Đến giữa tháng 7/2022, Dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1 và hồ sơ minh chứng của chương trình được hoàn thành. Hội đồng TĐG đọc thẩm định và thông qua trước khi gửi tới Viện ĐBCLGD để lấy ý kiến góp ý và nhận xét.

## **2. Tổng quan chung**

### ***2.1. Giới thiệu tóm tắt về Đại học Quốc gia Hà Nội***

Đại học Quốc Gia Hà Nội (ĐHQGHN) là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức và công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục Việt Nam. ĐHQGHN là đơn vị có quyền tự chủ cao với cơ chế tài chính đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển với các tên gọi khác nhau: Đại học Đông Dương (1906); Đại học Quốc Gia Việt Nam (1945), Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956), đến nay ĐHQGHN được tái cơ cấu và hiện có 08 trường đại học thành viên, 07 Viện nghiên cứu, 04 khoa và 02 trung tâm đào tạo trực thuộc, 15 đơn vị hỗ trợ và văn phòng cơ quan. Mục tiêu của ĐHQGHN là phát triển các trường đại học đa ngành chất lượng cao và kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng.

### ***Sứ mệnh và tầm nhìn của ĐHQGHN:***

**Sứ mệnh:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam

### **Tầm nhìn đến năm 2045**

Trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới.

### **Giá trị cốt lõi**

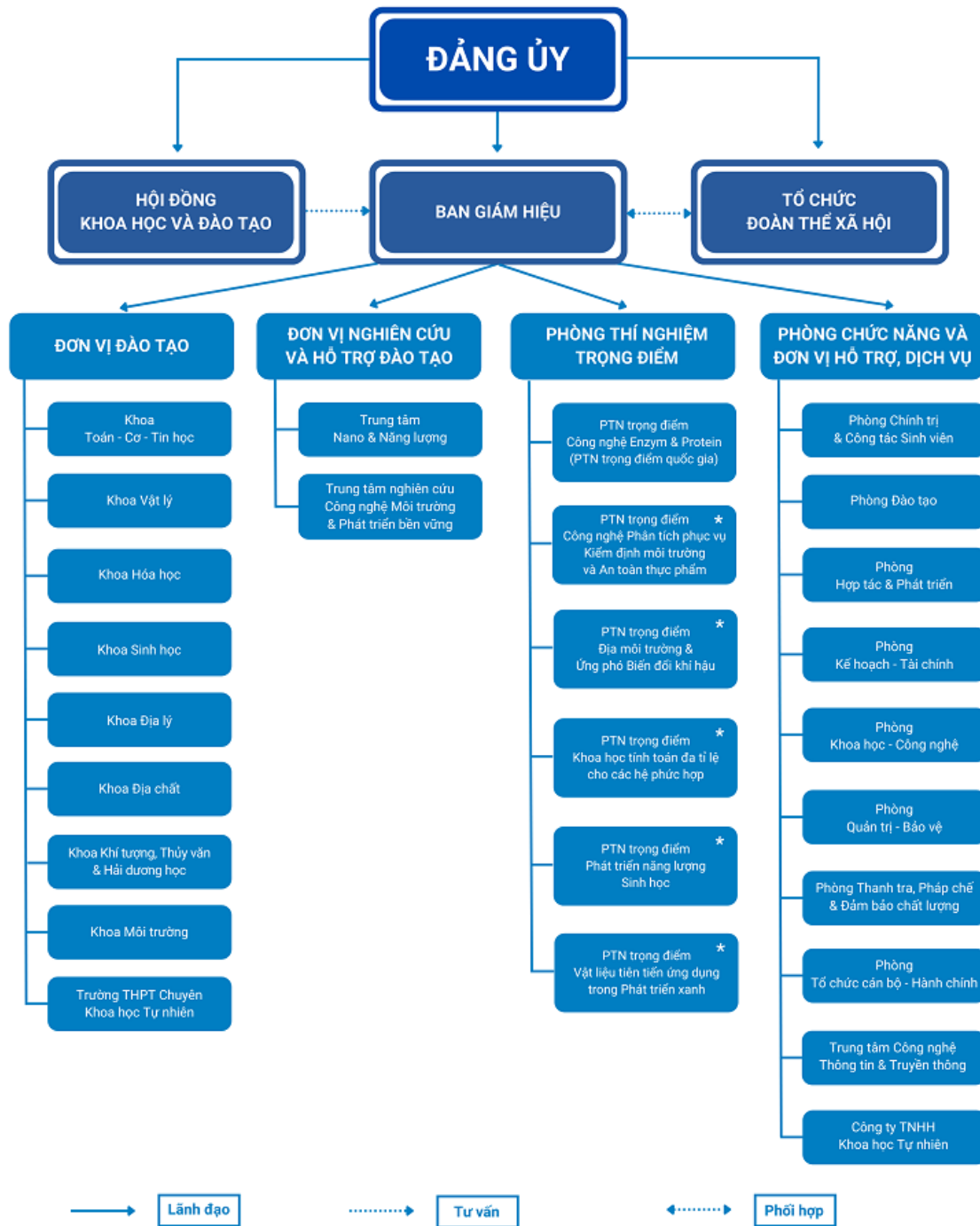
Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững

### **Khẩu hiệu hành động**

Đạt đỉnh cao dựa vào tri thức (Excellence through Knowledge)

### ***2.2. Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học Khoa học Tự nhiên***

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) là một trong 8 trường đại học thành viên của ĐHQGHN. Trường hiện có ba cơ sở chính: số 334 Nguyễn Trãi, số 19 Lê Thánh Tông và số 182 Lương Thế Vinh, Hà Nội. Hiện nay Trường có 8 khoa, 1 trường THPT chuyên, 11 đơn vị trực thuộc, 8 trung tâm và phòng thí nghiệm, 1 công ty TNHH một thành viên. Tính đến tháng 6 năm 2022, Trường có 700 cán bộ, trong đó số cán bộ cơ hữu là 454 người, gồm 19 giáo sư (GS), 112 phó giáo sư (PGS), 01 tiến sĩ khoa học (TSKH), 195 tiến sĩ (TS), 98 thạc sĩ (ThS) và 29 cử nhân và trình độ khác. Trường hiện có 32 chương trình đào tạo bậc đại học, 95 chương trình đào tạo sau đại học (47 chương trình thạc sĩ và 48 chương trình tiến sĩ) và 5 khối chuyên. Tổng số sinh viên của trường khoảng 5498 sinh viên đại học, 407 học viên cao học, 201 nghiên cứu sinh và khoảng 1956 học sinh phổ thông trung học. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học khoa học được thể hiện dưới đây:



\* : Các phòng thí nghiệm trọng điểm hoạt động theo cơ chế phối thuộc với các đơn vị đào tạo/ nghiên cứu

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

### ***Sứ mệnh và tầm nhìn của ĐHKHTN:***

**Sứ mệnh:** Trường ĐHKHTN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

**Tầm nhìn:** Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở châu Á vào năm 2035.

**Giá trị cốt lõi:** Chất lượng xuất sắc; Tiên phong, sáng tạo; Trách nhiệm xã hội; Hợp tác thân thiện.

Khẩu hiệu hành động: ***“Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội”***.

*Thông điệp của Trường ĐHKHTN: “Vững tư duy – bền sự nghiệp”*.

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN là trường đại học đầu tiên trong khối ASEAN tham gia kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN) và chính thức được công nhận đạt chuẩn chất lượng AUN-QA vào tháng 12 năm 2017.

### ***2.3. Giới thiệu tóm tắt về Khoa Sinh học***

Thành lập năm 1956, Khoa Sinh học là một trong số các Khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Qua hơn 65 năm phát triển, Khoa Sinh học đã trở thành một trong các trung tâm hàng đầu cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học đến thạc sĩ, tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau của ngành Sinh học và Công nghệ Sinh học. Hiện nay Khoa Sinh học có một đội ngũ nhân sự mạnh gồm 71 cán bộ, viên chức, trong đó hơn 70% là giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ. Từ chỗ chỉ có 2 bộ môn ban đầu, hiện nay Khoa có 9 bộ môn, 1 Trung tâm nghiên cứu Khoa học sự sống và 1 Bảo tàng Sinh vật với bộ sưu tập hơn 100.000 mẫu thực vật và động vật lâu đời nhất, đa dạng nhất và quý hiếm nhất trong cả nước. Khoa còn được Nhà nước đầu tư Phòng thí

nghiệm trọng điểm Quốc gia về Công nghệ Enzyme và Protein. Khoa Sinh học được xã hội đánh giá cao không chỉ về khoa học cơ bản mà còn cả về nghiên cứu ứng dụng và quy trình công nghệ.

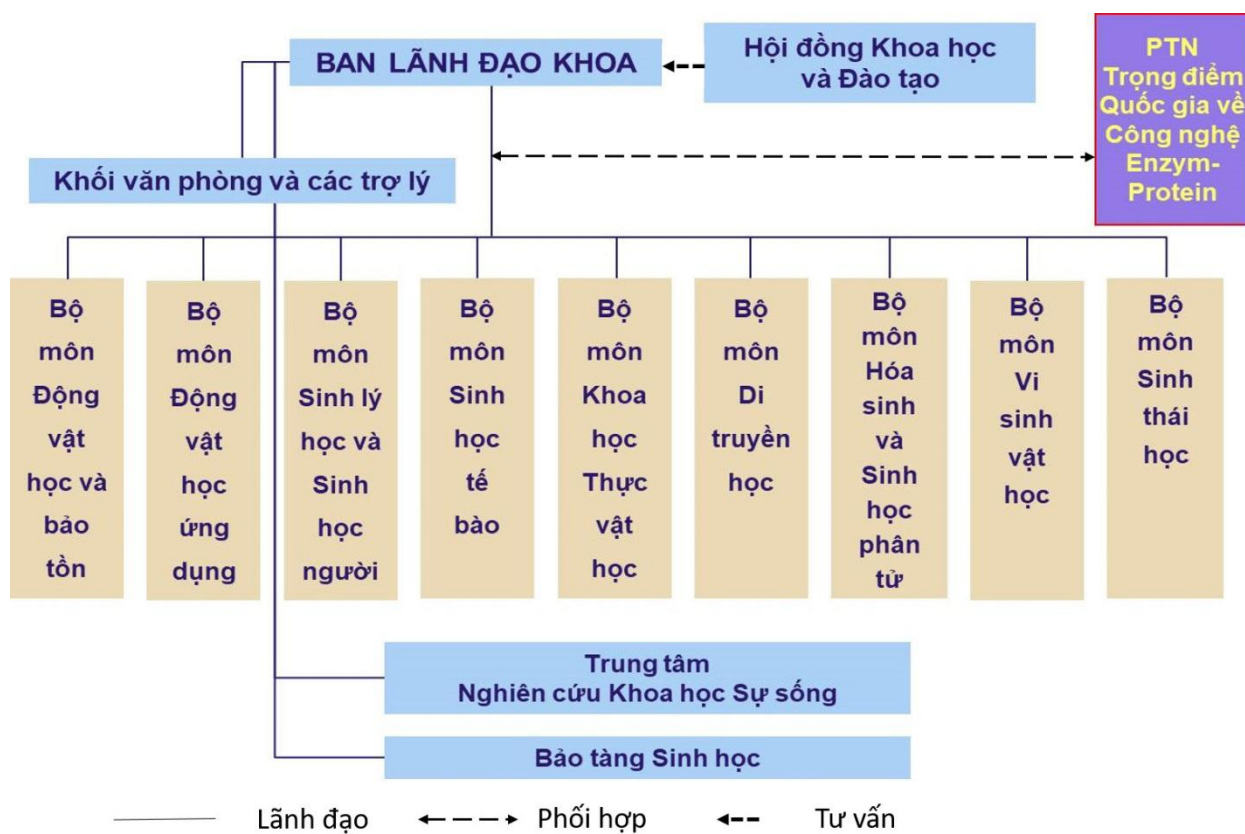
Khoa Sinh học đã đạt được nhiều thành tựu về giáo dục và đào tạo trong nhiều năm qua. Hàng năm, Khoa Sinh học cung cấp cho xã hội khoảng 150 cử nhân khoa học sự sống thuộc hai ngành Sinh học và Công nghệ sinh học hệ chính quy, trong đó có khoảng 15 cử nhân thuộc hệ đào tạo Cử nhân khoa học tài năng, với các hướng chuyên ngành: Hoá sinh học, Vi sinh vật và công nghệ lên men, Di truyền học và kỹ thuật di truyền, Sinh học Tế bào và nuôi cấy mô tế bào động vật, Sinh lý thực vật và nuôi cấy mô tế bào thực vật, Lý sinh học, Sinh học người, Sinh lý học, Sinh y học, Thực vật học, Động vật học, Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học, Sinh thái học, Sinh học môi trường. Với quá trình lịch sử lâu dài về đào tạo chất lượng cao, từ năm 2009, Khoa Sinh học đã xây dựng một chương trình đào tạo dựa theo chương trình đào tạo của Đại học Tufts, Hoa Kỳ. Khoa cũng chú trọng đặc biệt đến giáo dục sau đại học và kết quả là số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh tăng lên hàng năm. Hiện tại, Khoa Sinh học đang đào tạo 8 chuyên ngành Cao học và 13 chuyên ngành Tiến sĩ. Hàng năm có khoảng 80 học viên cao học và 20 nghiên cứu sinh nhập học vào Khoa.

**Cơ cấu tổ chức:** Khoa Sinh học hiện nay gồm 71 cán bộ cơ hữu trong đó có 54 người có trình độ TS trở lên, được chia thành 9 bộ môn, 01 trung tâm nghiên cứu và 01 Bảo tàng Sinh học.

Lãnh đạo khoa bao hiện tại gồm trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Quang Huy; phó trưởng khoa: PGS.TS. Phạm Thế Hải, PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh và PGS.TS. Nguyễn Thành Nam. Khoa có 9 Bộ môn bao gồm: Bộ môn Di truyền học, Bộ môn Động vật học ứng dụng, Bộ môn Động vật học và Bảo tồn, Bộ môn Hóa sinh và Sinh học phân tử, Bộ môn Khoa học Thực vật, Bộ môn Sinh học tế bào, Bộ môn Sinh lý học và Sinh học người, Bộ môn Sinh thái học, Bộ môn Vi sinh vật học.

Trong chương trình giảng dạy và nghiên cứu của tất cả các bộ môn trong khoa đều có liên quan đến ngành Sinh học. Bên cạnh đó, Khoa Sinh học còn quản lý Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sự sống với 7 phòng thí nghiệm chuyên sâu và Bảo tàng Sinh học (tại số 19 Lê Thánh Tông). Ngoài ra, Khoa còn được Nhà nước đầu tư Phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về Công nghệ Enzyme và Protein hỗ trợ rất lớn cho công tác đào tạo ngành Sinh học.

**Các hướng nghiên cứu chính tại Khoa Sinh học:** Sinh học phân tử; Công nghệ protein-enzyme và tìm kiếm, phát hiện các protein, enzyme có nhiều ứng dụng trong Y học, công nghiệp thực phẩm và phát triển công nghệ sinh học; Công nghệ nuôi cấy mô - tế bào thực vật; Công nghệ nuôi cấy mô - tế bào động vật; Công nghệ tế bào gốc động vật; Kỹ thuật di truyền và kỹ nghệ gen; Vi sinh vật học và Công nghệ lên men; Kỹ thuật và quy trình nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu; Tìm kiếm, thăm dò và tách chiết các chất có hoạt tính sinh học phục vụ Y học và Dược học; Nghiên cứu sản xuất các bộ KIT phục vụ các nghiên cứu sinh học phân tử và một số bộ KIT để phát hiện nhanh, sớm, chính xác một số bệnh hoặc mầm bệnh hiểm nghèo. Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học; Sinh học và sinh thái học các loài sinh vật có giá trị kinh tế và các loài quý hiếm; Sinh thái học và Sinh học môi trường; Sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật và phát triển bền vững; Đánh giá và quan trắc chất lượng môi trường bằng sinh vật chỉ thị; Ứng dụng các biện pháp và chế phẩm sinh học trong việc phòng, chống các bệnh cho cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản.



Hình 2. Sơ đồ tổ chức Khoa Sinh học

**Hợp tác trong nước:** Trong nhiều năm qua, Khoa Sinh học đã hợp tác đào tạo và NCKH với các Vụ, Cục, các Viện nghiên cứu, các Trường đại học, các Sở của các tỉnh và các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên trong cả nước. Việc hợp tác đã giúp gắn kết một cách hiệu quả hơn giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn.

**Hợp tác quốc tế:** Khoa Sinh học có quan hệ hợp tác Quốc tế rộng rãi với nhiều nước trên thế giới trong nhiều lĩnh vực về đào tạo và nghiên cứu khoa học Sinh học và Công nghệ sinh học như: Mỹ, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Đức, Singapore, Thái Lan, Nhật Bản, Hà Lan, Úc, Nga, Bỉ, Thụy sĩ, Thụy Điển, Canada, Ba Lan, Hungari, Sec, Slovac, Trung Quốc, Israel, Đan Mạch, Ấn Độ... Hàng năm, Khoa có 2-4 đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế.



## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Giáo dục đại học đóng vai trò quyết định chất lượng nguồn nhân lực của một xã hội. Giáo dục đại học mang sứ mệnh quan trọng là giáo dục, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ/ dịch vụ và đồng kiến tạo. Giáo dục đại học chính là lĩnh vực then chốt và một trong những động lực chính cho sự phát triển của đất nước. Hoạt động giáo dục đại học cần trang bị cho người học năng lực chủ động trong tư duy, sáng tạo, độc lập nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của cuộc sống, đáp ứng sự đa dạng của nhu cầu xã hội và sự phát triển, biến đổi không ngừng của xã hội hiện đại. Trên cơ sở đó, chương trình Cử nhân Sinh học được xây dựng và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, nhằm đào tạo ra những cử nhân Sinh học có nền tảng kiến thức chung và kiến thức về sinh học cơ bản, kiến thức chuyên sâu tốt, có khả năng tư duy độc lập để có thể phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu thực tế, có kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và có những phẩm chất đạo đức và kỹ năng xã hội cần thiết.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Chương trình đào tạo ngành Sinh học là chương trình đào tạo đầu tiên của Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, được bắt đầu xây dựng từ những năm 1950-1960. Cho đến nay, CTĐT đã được thực hiện tại Khoa Sinh học được hơn 65 năm và luôn được cập nhật và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội cũng như nhu cầu của người học. Công việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT được thực hiện ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường. Ngoài ra, CTĐT cũng được ban hành lại định kỳ, cụ thể vào năm 2015, 2019 và 2022 trong khoảng thời gian 7 năm trở lại đây [H1.01.01.01], [H1.01.01.02],

[H1.01.01.03]. CTĐT mới được phê duyệt và ban hành năm vào tháng 4 năm 2022 sẽ được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2022. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Sinh học đã được nêu rất rõ trong Quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học ngành Sinh học, cụ thể như sau: Đào tạo cử nhân Sinh học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng cơ bản vững vàng về khoa học sinh học để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Sau khi đào tạo sinh viên có kiến thức cơ bản vững vàng, trình độ chuyên môn giỏi, có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có năng lực sáng tạo, hiểu rõ và giải thích được những nguyên lý cơ bản và các quá trình sinh học ở các mức độ tổ chức khác nhau của thế giới sinh vật. Sinh viên có thể học tiếp ở những bậc học cao hơn, với nhiều cơ hội đào tạo ở nước ngoài hay làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất trong nước và quốc tế [H1.01.01.03].

Sự phù hợp giữa mục tiêu của chương trình Cử nhân Sinh học với sự mệnh và tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) cũng như Trường ĐHKHTN được thể hiện trong bảng 1.1 dưới đây:

*Bảng 1.1. So sánh mục tiêu của chương trình Cử nhân Sinh học với sự mệnh và tầm nhìn của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và Trường ĐHKHTN*

<b>Sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN</b>	<b>Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN</b>	<b>Mục tiêu của CTĐT</b>
<p><b>Sứ mệnh:</b> Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước, làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam [H1.01.01.04]</p> <p><b>Tầm nhìn đến năm 2045:</b></p>	<p><b>Sứ mệnh:</b> Trường đại học nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước [H1.01.01.05]</p>	<p><b>Mục tiêu:</b> Đào tạo cử nhân Sinh học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng cơ bản vững vàng về khoa học sinh học để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Sau khi đào tạo sinh viên có kiến thức cơ bản vững vàng, trình độ chuyên môn</p>

<b>Sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN</b>	<b>Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN</b>	<b>Mục tiêu của CTĐT</b>
Trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới [H1.01.01.04]	<b>Tầm nhìn đến năm 2035:</b> Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở châu Á cũng như tầm nhìn đến năm 2045 của ĐHQGHN về khả năng trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới [H1.01.01.05]	giỏi, có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có năng lực sáng tạo, hiểu rõ và giải thích được những nguyên lý cơ bản và các quá trình sinh học ở các mức độ tổ chức khác nhau của thế giới sinh vật. Sinh viên có thể học tiếp ở những bậc học cao hơn, với nhiều cơ hội đào tạo ở nước ngoài hay làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất trong nước và quốc tế [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học năm 2018, cụ thể là: "Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hoá, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế". Với mục tiêu của CTĐT Cử nhân Sinh học, sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng và

phẩm chất của sinh viên như được quy định trong mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học [H1.01.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT đã được xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của ĐHQGHN nói chung và Trường ĐHKHTN nói riêng. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT cũng phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học.

## 3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT Cử nhân Sinh học chưa nêu rõ được kỹ năng nghiên cứu, năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên tốt nghiệp ngành Sinh học. Sứ mạng của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đều nhấn mạnh rõ mục tiêu trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu châu Á nhưng mục tiêu của CTĐT chưa thể hiện đầy đủ năng lực nghiên cứu của sinh viên tốt nghiệp ngành Sinh học.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Làm rõ hơn về kỹ năng nghiên cứu, năng lực tự chủ và trách nhiệm vào mục tiêu của CTĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động, sẵn sàng trong các bước chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh mục tiêu của CTĐT phù hợp để bắt kịp với nhu cầu phát triển hiện nay của xã hội	Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

## 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT***

***1. Mô tả hiện trạng***

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sinh học được xác định rất rõ trong Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sinh học [H1.01.02.01]. Bảng 1.2 là chuẩn đầu ra (rút gọn) của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sinh học năm 2019. Chuẩn đầu ra được đăng tải trên trang web của trường, của Khoa và công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ và sinh viên [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định rõ sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành sâu, khả năng thực hành nghề nghiệp, thích ứng tốt với môi trường làm việc, có trình độ ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khả năng tự học tập nâng cao trình độ, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. CĐR của CTĐT Sinh học bao trùm CĐR của các học phần chung và các học phần chuyên ngành và được mô tả chi tiết trong bản đặc tả chương trình dưới dạng ma trận kỹ năng có liên quan [H1.01.02.04]. Các CĐR về kiến thức bao gồm kiến thức chung, theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành được nêu cụ thể trong CĐR 1.1 đến 1.5. Các CĐR về kỹ năng bao gồm kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ được nêu trong CĐR 2.1 và 2.2. CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm được nêu trong CĐR 3. Các CĐR về phẩm chất đạo đức được nêu trong CĐR4.1 đến CĐR4.3. Ngoài ra, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp được nêu rõ trong CĐR5 và CĐR6. Trong thiết kế CTĐT, các học phần được sắp xếp theo trình tự đạt được CĐR từ thấp đến cao, từ cơ bản đến chuyên sâu. Có một số học phần tiên quyết bắt

buộc sinh viên phải tích lũy trước khi học các học phần tiếp theo để đạt được CDR ở mức cao hơn [H1.01.02.05].

Chuẩn đầu ra của CTĐT cũng đã bao quát được CDR của các học phần rất đặc thù cho Khoa Sinh học bao gồm các học phần có thực nghiệm. Đa phần các thí nghiệm nhằm hỗ trợ cho các học phần được thực hiện trong các phòng thí nghiệm tại Khoa Sinh học hoặc ở các Viện nghiên cứu, các Trung tâm nghiên cứu hoặc cơ sở sản xuất của các đơn vị đối tác Khoa. Do vậy, sinh viên có kiến thức thực tế khá vững vàng. Bên cạnh đó, CTĐT ngành Sinh học còn có học phần Thực tập thiên nhiên. Đây là học phần để sinh viên thực hành các kiến thức đã học dựa trên thực tế của thế giới sinh vật trong tự nhiên, quan trọng hơn là, qua đó giáo dục lòng yêu thiên nhiên, hiểu được sự cần thiết phải bảo tồn đa dạng sinh học cũng như củng cố năng lực làm việc theo nhóm, năng lực hợp tác - các năng lực không thể thiếu đối với người làm khoa học. Tất cả các sinh viên đều được khuyến khích làm khóa luận tốt nghiệp như một học phần chính của chương trình đào tạo. Thông qua việc thực hiện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được tham gia vào một quá trình nghiên cứu, học và vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật thực hành để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể và kết thúc bằng việc viết và trình bày khóa luận trước một hội đồng chuyên môn với ít nhất là 3 chuyên gia hay nhà khoa học. Quá trình này giúp sinh viên củng cố và phát huy các kiến thức, kỹ năng có được từ các khóa học trước đó, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, kích thích sự mày mò, sáng tạo, tiếp thu và thực hành kỹ năng viết, trình bày và bảo vệ một công trình khoa học trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H1.01.02.05].

Đặc biệt, CDR của CTĐT đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, cụ thể trong CDR 3, 5 và 6. Các CDR này đã nêu rõ sinh viên ngành Sinh học có năng lực tự chủ cao, có khả năng hoạt động và nghiên cứu độc lập, có tinh thần trách nhiệm cao, có thể được đào tạo tiếp ở những bậc học cao hơn ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, một số vị trí việc làm ở các cơ sở giảng dạy, nghiên cứu, cơ quan quản lý

cũng đã được nêu rõ trong CĐR. Các CĐR về năng lực tự chủ, trách nhiệm, vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp đã được bổ sung và làm rõ trong CTĐT năm 2019 và 2022 [H1.01.02.01], [H1.01.02.06]. Đây chính là điểm mới của CTĐT năm 2019 và 2022 so với CTĐT được ban hành năm 2015 [H1.01.02.07] (bảng 1.3). Các CĐR của CTĐT cũng đã được xây dựng để có khả năng đánh giá đo lường theo thang đo Bloom, thông qua việc tích cực sử dụng các động từ theo từ khoá trong 6 bậc của thang Bloom như Vận dụng, Áp dụng, Đánh giá, Phân tích,...

*Bảng 1.2. Bản tóm tắt các nhóm Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Sinh học*

<p><b>CĐR1. Kiến thức</b></p> <p>CĐR1.1. Kiến thức chung</p> <p>CĐR1.2. Kiến thức theo lĩnh vực</p> <p>CĐR1.3. Kiến thức của khối ngành</p> <p>CĐR1.4. Kiến thức của nhóm ngành</p> <p>CĐR1.5. Kiến thức ngành</p> <p><b>CĐR2. Kỹ năng</b></p> <p>CĐR2.1. Kỹ năng chuyên môn</p> <p>    CĐR2.1.1. Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>    CĐR2.1.2. Kỹ năng lập luận tư duy giải quyết vấn đề</p> <p>    CĐR2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</p> <p>    CĐR2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống</p> <p>    CĐR2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</p> <p>    CĐR2.1.6. Bối cảnh tổ chức</p> <p>    CĐR2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn</p> <p>    CĐR2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp</p> <p>CĐR2.2. Kỹ năng hỗ trợ</p> <p>    CĐR2.2.1. Kỹ năng cá nhân</p> <p>    CĐR2.2.2. Làm việc theo nhóm</p> <p>    CĐR2.2.3. Quản lý và lãnh đạo</p>
---

<p>CDR2.2.4. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>CDR2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ</p> <p>CDR2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ</p> <p><b>CDR3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p><b>CDR4. Phẩm chất đạo đức</b></p> <p>CDR4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân</p> <p>CDR4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</p> <p>CDR4.1. Phẩm chất đạo đức xã hội</p> <p><b>CDR5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp</b></p> <p><b>CDR6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</b></p>
--

*Bảng 1.3. Bảng so sánh số lượng CDR của CTĐT ngành Sinh học*

STT	CTĐT	Số lượng CDR	Ghi chú các thay đổi chính
1	2015	23	
2	2019	25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung chuẩn của kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.</li> <li>- Bỏ CDR 1.2 Về năng lực chuyên môn, tích hợp vào CDR về kiến thức và CDR về kỹ năng.</li> <li>- Bổ sung CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm.</li> <li>- Bổ sung CDR về vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Bổ sung CDR về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.</li> </ul>
3	2022	25	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất CDR về kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ là tiếng Anh.</li> <li>- Chỉnh sửa CDR về phẩm chất đạo đức cá nhân và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.</li> </ul>



## 2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân Sinh học đã được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với mục tiêu của CTĐT; đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

## 3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra mới chỉ được thực hiện rà soát và điều chỉnh theo hướng dẫn và quy định của Trường ĐHKHTN mà chưa được Khoa Sinh học chủ động, sẵn sàng chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh sau từng năm học.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động rà soát, sẵn sàng trong các bước chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh các CDR CTĐT phù hợp để bắt kịp với nhu cầu phát triển hiện nay của xã hội.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động rà soát CDR của từng học phần để tiến hành đề xuất điều chỉnh CDR của CTĐT.	Giảng viên phụ trách học phần, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

## 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

***1. Mô tả hiện trạng***

Chuẩn đầu ra của CTĐT đã được chỉnh sửa, cập nhật và hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan bao gồm các nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và cán bộ hỗ trợ, cơ quan quản lý [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Vì thế CDR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. Việc rà soát, điều chỉnh CDR dựa vào các ý kiến của các bên liên quan nằm trong lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Ý kiến của người học: Những nhu cầu cơ bản của một người học khi tham gia chương trình đào tạo đại học là được trang bị những kiến thức, kỹ năng nền tảng, cần thiết để có khả năng tìm được việc làm phù hợp với ngành học sau khi ra trường, có khả năng tự học, thích nghi với môi trường làm việc thực tế, và có khả năng phát triển học lên các bậc cao hơn khi có nhu cầu. Theo thống kê của Khoa Sinh học, hầu hết cựu sinh viên của Khoa Sinh học đều tìm được việc làm phù hợp với ngành được đào tạo hoặc làm trong các lĩnh vực liên quan [H1.01.03.04].

- Ý kiến của nhà tuyển dụng: Điều tra gần đây cho thấy, các nhà tuyển dụng hài lòng với những kiến thức và kỹ năng nền tảng của những người được đào tạo bởi khoa Sinh học. Các sinh viên tốt nghiệp của Khoa Sinh học có kiến thức tốt, có kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm, khả năng làm việc, hợp tác nhóm tốt. Đồng thời, các nhà tuyển dụng cũng góp ý để chương trình đào tạo cần có những điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thực tế mới, từ đó tạo cơ sở cho việc cập nhật, điều chỉnh khung chương trình [H1.01.03.05].

- Ý kiến của cơ quan quản lý: CĐR chương trình đào tạo Cử nhân ngành Sinh học được đánh giá là phù hợp được tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước [H1.01.03.06].

Dựa vào các ý kiến của các bên liên quan, CĐR của CTĐT Sinh học được định kỳ rà soát và điều chỉnh bởi Hội đồng khoa học và đào tạo theo hướng dẫn của Nhà trường [H1.01.03.07]. CĐR của CTĐT Sinh học năm 2019 đã nhấn mạnh khả năng áp dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học; có kiến thức nền tảng rộng và mức độ thích ứng cao với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời, CĐR còn làm rõ hơn về kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ, cần đạt chuẩn bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thuộc một trong các thứ tiếng: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung. Ngoài ra, CTĐT Sinh học năm 2019 đã bổ sung thêm ba CĐR mới bao gồm 1) CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, cụ thể là sinh viên có năng lực tự chủ cao, có khả năng hoạt động và nghiên cứu độc lập; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và dám làm dám chịu trách nhiệm đối với các công việc được giao; 2) CĐR về vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, trong đó nêu rõ sinh viên tốt nghiệp ngành Sinh học có thể được đào tạo tiếp, có thể tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc ở các cơ quan quản lý; 3) CĐR về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp, cụ thể là sinh viên có khả năng được đào tạo tiếp ở những bậc học cao hơn, với nhiều cơ hội đào tạo trong nước và ở nước ngoài.

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sinh học năm 2022 về cơ bản giống với CTĐT năm 2019 với một số chỉnh sửa nhỏ trong CĐR về phẩm chất đạo đức cá nhân và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Khung chương trình và chuẩn đầu ra của chương trình Sinh học được công bố công khai trên website của Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học [H1.01.03.08]. Tờ rơi giới thiệu quảng bá về chương trình đào tạo của Khoa Sinh học

[H1.01.03.09]. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Sinh học được rà soát 2 năm một lần và sau 4 năm có sự điều chỉnh KCT để phù hợp với yêu cầu của người học và các bên liên quan.

## 2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Sinh học đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và cán bộ hỗ trợ, cơ quan quản lý. Chuẩn đầu ra được xây dựng với sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường. CDR của CTĐT được công bố công khai trên trang web của cơ sở đào tạo.

## 3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Sinh học được góp ý kiến bởi số lượng ít nhà tuyển dụng và cơ quan quản lý đào tạo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mời thêm các bên liên quan tham gia đóng góp trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động, sẵn sàng trong các bước chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh CDR của CTĐT phù hợp để bắt kịp với nhu cầu phát triển hiện nay của xã hội.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

## 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Kết luận về Tiêu chuẩn 1:*** Mục tiêu của CTĐT cử nhân Sinh học đã xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN. Mục tiêu của CTĐT đã được cụ thể hoá trong các CĐR của CTĐT trong đó bao gồm các CĐR cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp, phẩm chất đạo đức và triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Sinh học đã được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai trên trang web của cơ sở đào tạo.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí; tất cả tiêu chí đạt mức 5/7.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Một chương trình đào tạo cụ thể sẽ phản ánh rõ được các mục tiêu đào tạo, kết quả học tập mong đợi và đưa ra được các phương thức để giúp sinh viên đạt được các mục tiêu đào tạo. Chương trình đào tạo được mô tả cụ thể, chi tiết, luôn được thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với xu thế đào tạo là tiền đề quan trọng cho sự thành công về thực hiện nhiệm vụ đào tạo trong các cơ sở đào tạo. Các chương trình đào tạo đại học của Trường ĐHKHTN đều bám sát vào định hướng phát triển của ĐHQGHN và tuân thủ các quy định tổ chức đào tạo đại học ở ĐHQGHN đồng thời thể hiện tầm nhìn, chiến lược phát triển của ĐHKHTN.

Bản mô tả Chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học được thiết kế, xây dựng theo đúng các quy định mà ĐHQGHN và trường ĐHKHTN đã phê duyệt, trong đó đã cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo cho người học và các đối tượng liên quan có thể hiểu rõ và tham khảo.

## ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Bản mô tả CTĐT Cử nhân Sinh học được xây dựng dựa trên yêu cầu phát triển chung của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực thuộc ngành Sinh học có kiến thức và kỹ năng đáp ứng được nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa [H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03].

\* Bản mô tả CTĐT hiện hành chứa đựng đầy đủ các thông tin bao gồm: [H2.02.01.01].

- Giới thiệu chung về chương trình đào tạo: bao gồm thông tin về CTĐT, mục tiêu của CTĐT và thông tin tuyển sinh. Trong đó bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin cụ thể: tên CTĐT, ngành đào tạo, mã số ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, danh hiệu tốt nghiệp, thời gian đào tạo.

- Cung cấp thông tin về các chuẩn đầu ra về năng lực mà người học có thể đạt được sau khi hoàn thành khóa học trong đó thể hiện rõ trong ba tiêu chí quan trọng gồm CDR về kiến thức, về kỹ năng và về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ngoài ra CTĐT cũng cung cấp các thông tin về vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

- Cấu trúc, nội dung CTĐT: cung cấp các thông tin chi tiết cho sinh viên, giảng viên và các bên liên quan khác về tổng số tín chỉ phải tích lũy, khung CTĐT, cung cấp tóm tắt nội dung các học phần trong đó chia thành các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và thái độ theo chuẩn đầu ra đã công bố.

Các nội dung CTĐT được mô tả chi tiết, chia thành các nhóm khối kiến thức khác nhau (khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức theo

khối ngành, khối kiến thức theo nhóm ngành, khối kiến thức ngành) qua đó giúp người học xác định được các nội dung của CTĐT, lựa chọn các chuyên ngành phù hợp với năng lực và sở thích của mình.

Bản mô tả CTĐT chứa đầy đủ các nội dung giúp cho người học và người dạy nắm chắc được các yêu cầu của CTĐT qua đó thực hiện, quản lý CTĐT theo đúng quy định.

\* Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

Bản mô tả CTĐT được thiết kế giúp người học và người dạy cũng như các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận với các CTĐT, đồng thời giúp cho quá trình thực hiện các CTĐT theo đúng các quy định của Trường và Khoa. Các nội dung trong bản mô tả CTĐT luôn được đổi mới, cập nhật theo xu hướng phát triển của xã hội, khoa học cũng như nhu cầu của người học.

Để tiến hành cập nhật, trước tiên Khoa Sinh học sẽ lên kế hoạch điều chỉnh, xây dựng bản mô tả CTĐT mới [H2.02.01.04]. Bản mô tả chương trình mới được lấy ý kiến từ các bên liên quan theo các nội dung như mục tiêu đào tạo, nội dung CTĐT, chuẩn đầu ra, hình thức chung của khung CTĐT [H2.02.01.05]. Sau khi cập nhật, bản thảo CTĐT được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKHĐT) Khoa cùng các bên liên quan [H2.02.01.06, H2.02.01.07] và cuối cùng được VNU-HUS phê duyệt [H2.02.01.01]. Sau khi được phê duyệt, Khoa Sinh học sẽ công bố các nội dung tổ chức thực hiện CTĐT (thông báo cho các đối tượng người học, người dạy học, xây dựng thời khóa biểu mới dựa trên các điều chỉnh CTĐT đã cập nhật...). Toàn bộ quá trình điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo hướng dẫn của VNU-HUS [H2.02.01.08].

Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả CTĐT:

+ Về phần giới thiệu chung của CTĐT: Bản mô tả CTĐT luôn được thay đổi theo các cập nhật mới nhất của VNU-HUS như mã ngành đào tạo, tên văn bằng cũng như các phương thức tuyển sinh. Đặc biệt từ năm 2016 nhiều phương thức

tuyển sinh được đưa vào giúp cho người học dễ dàng định hướng lựa chọn (đưa thêm kì thi đánh giá năng lực, bổ sung thêm nhiều khối ngành đầu vào để tuyển sinh thu hút người học) [H2.02.01.09] .

+ Về thông tin chuẩn đầu ra: Bản mô tả CTĐT cử nhân sinh học được cập nhật đồng bộ với chuẩn đầu ra vào các năm 2015, 2019 và 2022 theo hướng dẫn của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H2.02.01.10]. Việc cập nhật chuẩn đầu ra giúp người học có thể tìm hiểu và xác định được mục tiêu học tập của mình. Bên cạnh đó cũng sẽ giúp cho việc thực hiện các CTĐT được đảm bảo theo đúng quy trình.

+ Về cấu trúc, nội dung đào tạo: So với năm 2015, bản mô tả CTĐT Sinh học mới nhất năm 2022 đã thể hiện sự thay đổi trong chương trình đào tạo, tăng thêm số học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, cho phép người học có nhiều lựa chọn hơn trong các học phần chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu và học tập [H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03] cụ thể như: Thay thế một số học phần có hướng chuyên sâu, cập nhật và phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của xã hội (Virut học, Bảo tồn và phát triển động thực vật Việt Nam...) Các học phần thay thế đều có tính chuyên ngành cao, nội dung được thay đổi cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay, giúp người học dễ dàng tiếp cận và cập nhật kiến thức. Bên cạnh đó một số học phần được thay đổi ngôn ngữ giảng dạy sang tiếng Anh giúp cho người học nâng cao khả năng tìm hiểu chuyên môn tiếp cận với ngôn ngữ quốc tế trong nghiên cứu, học tập.

Nội dung đào tạo được cập nhật, điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT được chỉ ra cụ thể tại Bảng 2.1.

*Bảng 2.1. Nội dung điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT so với năm 2015 [H2.02.01.01, H2.02.01.02, H2.02.01.03]*

<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2022</b>
- Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo,	+ Điều chỉnh số học phần tự chọn là 11 học phần, 33 tín chỉ, người học chọn 15/33 tín chỉ. - Bỏ môn Đa dạng sinh học, thay thế bằng các học phần



<p>nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy. Cho phép người học chủ động trong học tập để đạt theo CDR với nhiều hình thức khác nhau</p> <p>- Thay đổi, điều chỉnh một số học phần:</p> <p>Nhóm A: Sinh học phân tử và tế bào: Bổ sung thêm môn học Virus học.</p> <p>Nhóm B: Sinh học cơ thể: Bổ sung thêm môn học Sinh lý tuần hoàn cơ sở</p> <p>Nhóm C: Sinh học quần thể: bổ sung thêm môn học Phương pháp nghiên cứu cá</p> <p>- Bỏ học phần niên luận, chỉ còn khóa luận tốt nghiệp là 7 tín chỉ</p>	<p>chuyên sâu gồm Bảo tồn và phát triển động thực vật Việt Nam, sinh thái học ứng dụng và sinh học biển.</p> <p>- Một số môn học thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (chuyển sang dạy bằng tiếng anh): Sinh học phát triển, Vi sinh vật học ứng dụng, Tin sinh học, Sinh học tiến hóa và sinh học biển...</p> <p>+ Điều chỉnh một số học phần chuyên sâu:</p> <p>- Khung CTĐT chỉ còn 9 học phần (thay vì 11 học phần), 27 tín chỉ, chọn 9/27 tín chỉ giúp người học tập trung vào các môn học chuyên ngành chuyên sâu có định hướng.</p> <p>- Điều chỉnh tên một số học phần: Cơ sở di truyền học phân tử thành Di truyền học phân tử; Virut học cơ sở thành Virut học, Công nghệ mô và tế bào thực vật thành Nuôi cấy mô tế bào thực vật, Nội tiết học cơ sở thành Nội tiết học, Sinh lý tuần hoàn cơ sở thành sinh lý tuần hoàn...</p> <p>- Bỏ một số học phần: Cơ sở di truyền học chọn giống, Bệnh học miễn dịch và trị liệu, sinh lý vi tảo, sinh học vi nấm...</p> <p>- Một số học phần thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (chuyển sang dạy bằng tiếng anh): Di truyền học người, Enzym học, Vi sinh vật học phân tử, Sinh học khối u...</p>
---	--

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT chứa đựng chi tiết và đầy đủ thông tin giúp những người liên quan có đầy đủ thông tin để đánh giá. Các thông tin về chương trình đào tạo được mô tả rõ ràng từ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và cụ thể hóa nội dung đào tạo. Người học dễ dàng nắm bắt các thông tin và xây dựng kế hoạch học tập một cách chủ động. Các đối tượng liên quan như nhà quản lý, người dạy, người tổ chức dạy học cũng có được đầy đủ thông tin để thực hiện các CTĐT theo quy định.

Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật theo những nội dung có liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo. Toàn bộ quá trình điều chỉnh được thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, được các bên liên quan (các chuyên gia, các nhà quản lý, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên...) tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện CTĐT, phù hợp với nhu cầu xã hội.

### 3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc xây dựng, cải tiến và điều chỉnh các CTĐT đã có sự tham gia của các bên liên quan, tuy nhiên sự tham gia này còn chưa nhiều. Việc đánh giá KĐCLGD và đối sánh đang thực hiện lẻ tẻ, chưa thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mời thêm các bên liên quan tham gia đóng góp trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT	Trường ĐHKHTN Khoa Sinh học	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động, sẵn sàng trong các bước chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh các nội dung CTĐT phù hợp để bắt kịp với nhu cầu phát triển hiện nay của xã hội.	Khoa Sinh học Hội đồng khoa học của Khoa, Trường	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

### 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Tiêu chí 2.2. Thông tin trong bản mô tả đề cương các học phần đầy đủ và cập nhật**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả đề cương các học phần trong CTĐT Cử nhân Sinh học là một trong những yếu tố quan trọng đóng vai trò trong việc thực hiện chức năng đào tạo. Bản đề cương học phần cung cấp đầy các thông tin liên quan đến môn học học phần. Từ năm 2015, trong các bản đề cương của từng học phần trong CTĐT cử nhân sinh học đã được bổ sung về chuẩn đầu ra với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Dựa vào các bản đề cương của các học phần trong CTĐT, người học và người dạy cũng như cán bộ tổ chức đào tạo sẽ nắm vững được yêu

cầu của CTĐT từ đó xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập phù hợp, đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình. Bên cạnh đó, bản đề cương học phần sẽ giúp cho người dạy tổ chức thực hiện theo đúng lịch trình đào tạo (lịch trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá...) và người học cũng nắm vững được các nội dung học tập để xây dựng các kế hoạch học tập phù hợp.

\* 100% các môn học/học phần trong CTĐT đã cung cấp đầy đủ thông tin

Bản đề cương học phần của từng môn học trong CTĐT khung Sinh học được xây dựng theo hướng dẫn của Trường ĐHKHTN, cung cấp đầy đủ các thông tin cho người học: giới thiệu chung về tên học phần, số tín chỉ phải tích lũy, đơn vị/giảng viên phụ trách, ngôn ngữ giảng dạy, số tín chỉ, các học phần tiên quyết, mục tiêu môn học (kiến thức, kỹ năng, thái độ); chuẩn đầu ra của học phần phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp kiểm tra - đánh giá, nội dung chi tiết học phần, giáo trình học tập, tài liệu tham khảo [H2.02.02.01, H2.02.02.02, H2.02.02.03]. Trong phần nội dung chi tiết học phần của bản đề cương, các kiến thức của môn học được trình bày được chi tiết đến từng chương, mục thể hiện được cấu trúc và sự phân bố của môn học (Lý thuyết, thực hành, tự học...) Đối với các học phần có thực hành đều được bổ sung các nội dung của các bài thực hành. Bên cạnh đó, bản đề cương chi tiết cũng cung cấp và làm rõ cho người học về phương pháp dạy và học. Hình thức kiểm tra đánh giá học phần cũng được cung cấp chi tiết về thời gian kiểm tra, hình thức kiểm tra và các trọng số điểm của từng bài kiểm tra. Phần học liệu được chia thành hai mục: tài liệu chính và tài liệu tham khảo, các tài liệu đều cập nhật và dễ tìm...

Đối với học phần khóa luận tốt nghiệp (KLTN) sẽ có riêng các quy định về thực hiện và bảo vệ KLTN [H2.02.02.04, H2.02.02.05]. Kế hoạch về việc tổ chức bảo vệ KLTN sẽ được gửi đến người học [H2.02.02.04], các quy định và hướng dẫn về việc viết và bảo vệ KLTN cũng sẽ được thông báo trước 5 - 6 tháng để người học có thể chủ động trong việc thực hiện [H2.02.02.05]. Tất cả các nội dung

đều được mô tả rõ ràng, chi tiết từ nội dung quy định về cách viết KLTN, các quy định trong việc thực hiện KLTN (giáo viên hướng dẫn, các học phần thay thế nếu không làm KLTN...) đến các quy trình thực hiện buổi bảo vệ KLTN (thành lập hội đồng chấm KLTN, nội quy buổi bảo vệ...)

\* 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của nhà trường.

Trong quá trình cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần cũng được tiến hành điều chỉnh, bổ sung theo kế hoạch điều chỉnh chung của Khoa và Nhà trường.

Toàn bộ đề cương chi tiết học phần của 89 môn học theo khung CTĐT ngành Sinh học được cập nhật theo chu kỳ cải tiến của CTĐT vào các năm 2015, 2019, 2022 theo kế hoạch điều chỉnh của ĐHQGHN, ĐHKHTN và Khoa Sinh học [H2.02.02.01, H2.02.02.02, H2.02.02.03]. Chuẩn đầu ra của học phần được cập nhật phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Chuẩn đầu ra của từng học phần được kiểm tra, đánh giá theo thang Bloom [H2.02.01.09].

Quá trình điều chỉnh cập nhật đề cương chi tiết học phần được thực hiện như sau: Đầu tiên, 100% các đề cương học phần chi tiết được điều chỉnh/thay đổi/ cập nhật bởi các giáo viên phụ trách sau khi có thông báo kế hoạch điều chỉnh của HUS và Khoa Sinh học [H2.02.01.04] Các nội dung chi tiết của môn học/học phần được giảng viên thường xuyên cập nhật từ kết quả nghiên cứu mới, thay đổi về các phương pháp nghiên cứu mới, và những ứng dụng mới trong lĩnh vực sinh học đáp ứng nhu cầu xã hội; hệ thống tài liệu tham khảo cũng được cập nhật và bổ sung thường xuyên [H2.02.02.06]. Toàn bộ nội dung của đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh dựa theo các hướng dẫn của VNU-HUS [H2.02.01.08]. Nội dung cập nhật bài giảng được thông qua bộ môn chuyên môn kiểm định, xét duyệt [H2.02.02.07]. Sau khi cập nhật, đề cương học phần được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKHĐT) Khoa và được VNU-HUS phê duyệt [H2.02.02.08].

Một số điểm mới cập nhật của đề cương môn học trong CTĐT ngành Sinh học năm 2022 đã được điều chỉnh, thay đổi với năm 2019, 2017 [H2.02.02.01, H2.02.02.02, H2.02.02.03] cụ thể như sau:

- Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra học phần được viết rõ ràng, ngắn gọn và đầy đủ thông tin.

- Một số học phần tăng thêm nội dung thực tập: Sinh học tế bào, Sinh học người

- Một số học phần được bổ sung thêm nhiều nội dung mới, cập nhật, có sắp xếp lại các nội dung: Hóa sinh học, Di truyền học, Côn trùng học đại cương, Địa lý sinh học.

- Một số học phần được viết lại đề cương với nhiều nội dung mới cập nhật: Sinh lý người và động vật, Proteomic và sinh học cấu trúc, Cá thể và quần thể

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả đề cương học phần được xây dựng dựa trên hướng dẫn của ĐHQGHN cũng như trường ĐHKHTN nên có sự thống nhất và chuẩn hóa giữa các học phần.

Bản mô tả đề cương có đầy đủ các thông tin về nội dung học tập, kế hoạch học tập của từng nội dung, các phương pháp kiểm tra đánh giá cụ thể (đánh giá thường xuyên, giữa kì, cuối kì), các hình thức kiểm tra đánh giá cho phép người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập của mình để đạt được chuẩn đầu ra của học phần môn học. Các tài liệu tham khảo của các học phần đều được thường xuyên cập nhật giúp cho người học tiếp cận các nội dung mới nhất.

Đề cương các học phần luôn được cập nhật điều chỉnh những vấn đề mới nhất theo quy trình của VNU-HUS nhằm đưa ra được các bản đề cương hoàn thiện được thiết kế khoa học, rõ ràng, tỷ lệ các tiết học lý thuyết/thực hành/Tự học đáp ứng quy định của học phần. Đề cương các học phần trong CTĐT hiện hành đã bảo đảm được ba yếu tố quan trọng gồm: nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy,

học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá để có thể đạt được các chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Mặc dù việc xây dựng, cải tiến và điều chỉnh các CTĐT luôn được điều chỉnh cập nhật thường xuyên tuy nhiên việc đối sánh với các CTĐT của các cơ sở đào tạo khác còn chưa nhiều.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện thêm việc đối sánh với các chương trình đào tạo khác có liên quan đến nội dung học phần	Trường ĐHKHTN Khoa Sinh học	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh thay đổi cập nhật các bản đề cương môn học đáp ứng yêu cầu đào tạo của ĐHQG và Trường ĐHKHTN	Khoa Sinh học Hội đồng khoa học của Khoa, Trường, cán bộ giảng dạy môn học, tổ chuyên môn	Theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

### 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan để dàng tiếp cận***

#### 1. Mô tả hiện trạng

Theo yêu cầu của ĐHQGHN, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần được xây dựng theo quy trình chuẩn của VNU-HUS có tích hợp ý kiến của các bên liên quan [H2.02.01.05]. Ý kiến các bên liên quan được tích hợp ở hầu hết các nội dung trong bản mô tả chương trình, đặc biệt là mục tiêu đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Sinh học phục vụ xã hội. Trong đề cương học phần, ý kiến của nhà tuyển dụng về các yêu cầu cập nhật và

tăng cường kỹ năng cho sinh viên được thể hiện ở mục tiêu của từng học phần, chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp đánh giá các đầu điểm và ngay chính nội dung các giờ dạy [H2.02.01.05]. Bản mô tả chi tiết chương trình đào tạo và các đề cương học phần được truyền đạt và cung cấp cho các bên liên quan để chắc chắn các bên liên quan có được các thông tin mới nhất. Sau khi hoàn thiện, bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cung cấp cho các bên liên quan.

\* Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau:

- Trên website của VNU-HUS và Khoa Sinh học [H2.02.03.01]

- Tờ rơi, bản tin của Khoa [H2.02.03.02];

- Gửi bằng văn bản đến các bên liên quan [H2.02.03.03].

- Giới thiệu tại các sự kiện: (1) Các đợt tổ chức tư vấn tuyển sinh hàng năm tại các trường trung học phổ thông, (2) Trong các buổi hội thảo, ngày hội việc làm [H2.02.03.02];

\* 100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Đề cương chi tiết của các môn học, học phần được công bố công khai trên website của VNU-HUS và Khoa Sinh học [H2.02.03.01]. Người học và những bên liên quan có thể dễ dàng tìm kiếm, tiếp cận được các nội dung và thông tin liên quan đến CTĐT và nội dung học. Tại buổi gặp gỡ sinh viên đầu khóa, Đề cương học phần và các tài liệu hỗ trợ được giảng viên/ giáo viên chủ nhiệm cung cấp trực tiếp cho sinh viên [H2.02.03.04]. Trong vòng 2 tuần đầu tiên của học kỳ, đề cương học phần tiếp tục được các giảng viên phụ trách môn học giới thiệu, cung cấp và giải thích chi tiết cho người học. Cuối khóa các công văn liên quan đến hướng dẫn sinh viên làm KLTN và học phần thay thế KLTN cũng được gửi đến người học [H2.02.03.05] thông qua giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo Khoa qua email cũng như bằng văn bản.

\* Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên website của VNU-HUS và Khoa Sinh học [H2.02.03.03] cho phép các cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, người học cũng như người học đã tốt nghiệp đều dễ dàng thu nhận, tiếp cận các thông tin liên quan. Các CTĐT nói chung và CTĐT ngành Sinh học được sắp xếp trong thư mục đào tạo nằm ngay trên trang đầu của website, được phân bố thành các thư mục rất rõ ràng, giúp cho việc tìm kiếm trở nên đơn giản, thuận tiện.

Trong các đợt giao lưu sinh viên với các cơ sở đào tạo khác cũng như các đối tác của Khoa Sinh học, HUS và VNU, bản mô tả CTĐT tiếp tục được giới thiệu đến các cơ quan quản lý, các nhà tuyển dụng lao động nhằm giúp cho những bên liên quan có thể tiếp cận các CTĐT của Khoa một cách trực tiếp, nhanh chóng.

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT cũng như bản đề cương môn học/ học phần được công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau, giúp cho người học dễ dàng thu nhận thông tin. Không những thế, nhà tuyển dụng, các bên liên quan cũng tiếp cận các nội dung của CTĐT nhanh chóng, đơn giản với nhiều kênh thông tin khác nhau.

## *3. Điểm tồn tại*

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau, các bên liên quan đều dễ dàng tiếp cận tuy nhiên việc quảng bá website của Khoa chưa được giới thiệu ở quy mô lớn đến tất cả các đối tượng có liên quan.



#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường quảng bá về website của Khoa, Trường đến người quan tâm để có thể dễ dàng tiếp cận các CTĐT.	Trường ĐHKHTN Khoa Sinh học Giảng viên Sinh viên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các phương thức công bố chương trình đào tạo, nâng cấp quy mô để người quan tâm tiếp cận được nhiều nhất.	Khoa Sinh học Phòng CT và CTSV, Đoàn trường, khoa	Hàng năm

#### 5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

##### **Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Chương trình đào tạo ngành Sinh học được mô tả chi tiết và đầy đủ. Các thông tin về chương trình đào tạo được cung cấp rõ ràng từ tên chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và cụ thể hóa nội dung đào tạo. Người học và các bên liên quan có thể thu nhận đầy đủ các thông tin trong CTĐT, qua đó xây dựng kế hoạch học tập một cách chủ động. CTĐT luôn được điều chỉnh thực hiện định kỳ giúp bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo, giúp cập nhật kiến thức, đáp ứng nhu cầu của người học cũng như yêu cầu đào tạo của xã hội.

Bản mô tả đề cương học phần được xây dựng dựa trên hướng dẫn của ĐHQGHN cũng như trường ĐHKHTN nên có sự thống nhất giữa các môn học. Bản mô tả đề cương có đầy đủ các thông tin về nội dung học tập, kế hoạch học tập của từng nội dung, từng môn học, các phương pháp kiểm tra đánh giá cụ thể (đánh giá thường xuyên, giữa kì, cuối kì), các hình thức kiểm tra đánh giá cho phép người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập của mình để đạt được chuẩn đầu ra của học phần môn học.

Bản mô tả CTĐT cũng như bản đề cương môn học/học phần được công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau, giúp cho người học, các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cơ quan quản lý.. dễ dàng thu nhận thông tin. Việc xây dựng các kênh thông tin sâu rộng để giới thiệu quảng bá các CTĐT cũng như đề cương học phần giúp người quan tâm nhanh chóng nắm bắt một cách đơn giản và hiệu quả.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí; tất cả tiêu chí đạt mức 5/7.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Chất lượng đào tạo của ngành học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cấu trúc và nội dung chương trình dạy học là một yếu tố quan trọng. Vì vậy, khi xây dựng chương trình đào tạo ngành Sinh học, Khoa Sinh học đã căn cứ vào hướng dẫn xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra, theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo về xây dựng chương trình đào tạo và theo quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa Sinh học cũng mời các giảng viên, sinh viên, các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng góp ý và tham gia xây dựng chương trình Cử nhân ngành Sinh học theo các quy định được ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN. Chương trình đào tạo được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội.

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế theo hướng thực hiện chuẩn đầu ra***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sinh học được thiết kế theo các yêu cầu thực hiện các CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm (thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần, ma trận CDR và

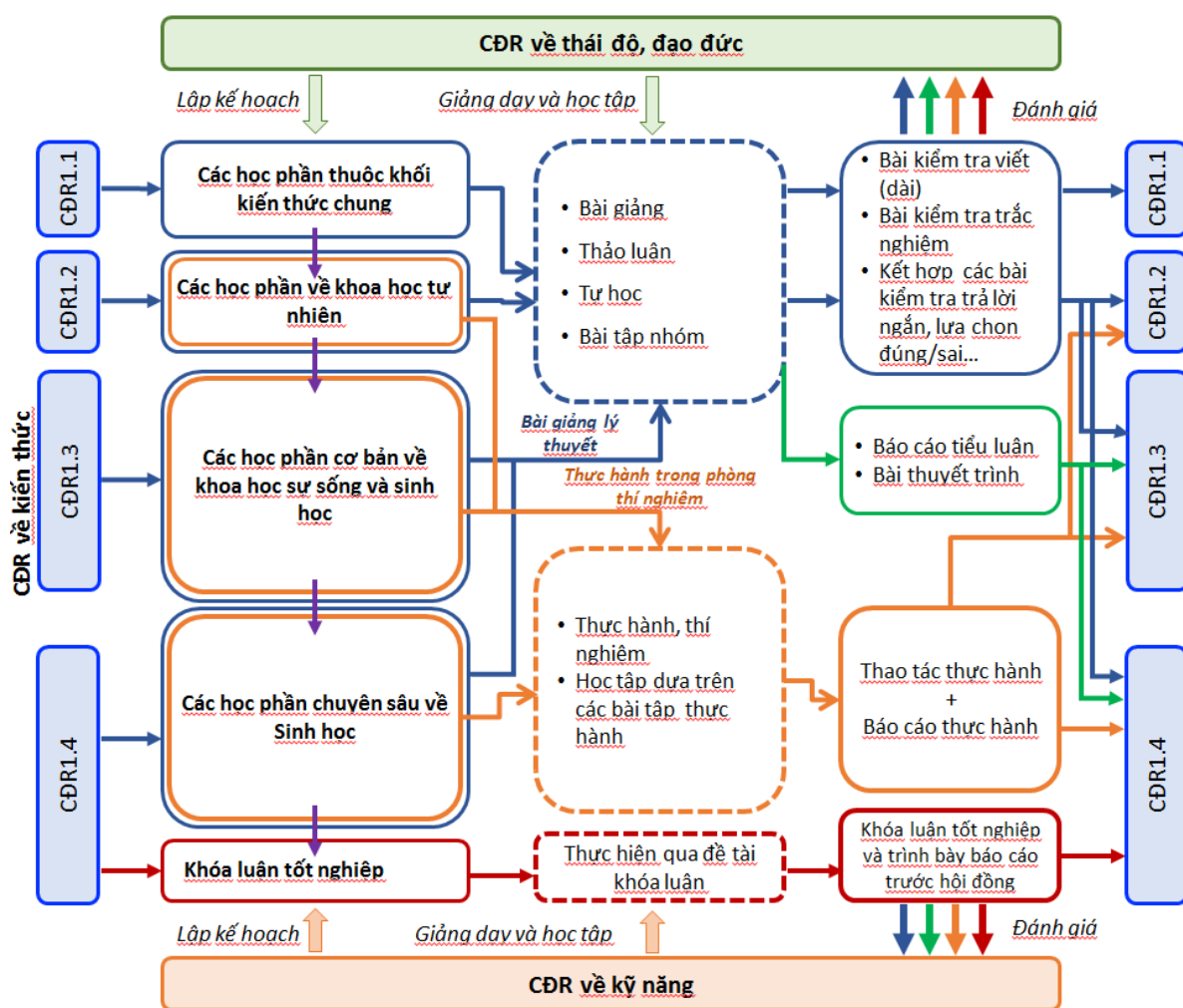
khung chương trình). Các quy định của Trường, Khoa về xây dựng CĐR, CTĐT là CĐR cần thể hiện mục tiêu đào tạo trong đó cần bao gồm các nội dung, mức độ và kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng chương trình và ngành đào tạo. Các nội dung CĐR về kiến thức, kỹ năng được xác định theo các khối kiến thức mô tả trong quy chế đào tạo. Việc xây dựng CĐR được giao cho đơn vị đào tạo chủ trì. CĐR được sử dụng làm cơ sở để thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT, tổ chức thực thi và đánh giá kết quả đào tạo. Mỗi môn học có CĐR và đề cương chi tiết theo mẫu, có vai trò riêng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức trong hệ thống môn học tích hợp thành CĐR của ngành đào tạo. Theo quy định, có 9 bước để xây dựng CĐR. Trong quá trình thực hiện, xây dựng CTĐT, CĐR của chương trình, Khoa Sinh học cũng đã tuân thủ theo các bước trong hướng dẫn Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra ở đại học quốc gia Hà Nội [H3.03.01.01].

Trong các hoạt động dạy và học, tương ứng là các phương pháp đánh giá được xây dựng phù hợp với từng hoạt động học tập để đạt được các CĐR (Hình 3.1) [H3.03.01.01; H3.03.01.02; H3.03.01.03].

Dựa vào các CĐR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, các hoạt động giảng dạy, học tập, các phương pháp đánh giá thích hợp được xây dựng để đo lường, đánh giá mức độ đạt được của người học đồng thời đưa ra những khuyến nghị cho người học.

Trong hầu hết các học phần, phần lý thuyết, tương ứng với CĐR của kiến thức, được thực hiện thông qua các bài giảng, các buổi thảo luận và bài tập cá nhân hoặc nhóm. Các yêu cầu cụ thể đối với CĐR của kiến thức trong chương trình được đặt ra và đo lường theo thang Bloom về mặt nhận thức, với sáu cấp độ: (1) nhớ, (2) hiểu, (3) áp dụng, (4) phân tích, (5) đánh giá và (6) sáng tạo [H3.03.01.03]. Khi xây dựng khung chương trình, các học phần thuộc khối kiến thức chung theo định hướng CĐR cần đáp ứng ở mức độ 1, 2, 3; các học phần thuộc khối kiến thức ngành CĐR tương ứng với cấp độ 2 và 3; và các học phần thuộc khối kiến thức

nhóm ngành khoa học sự sống và sinh học chủ yếu yêu cầu CĐR cấp độ 3 và 4. Việc đánh giá mức độ đạt được của các CĐR này thường theo các phương pháp như kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm hoặc kết hợp các loại câu hỏi khác nhau, hoặc báo cáo tiểu luận của các cá nhân hoặc nhóm [H3.03.01.04]. Khóa luận tốt nghiệp là một học phần được đúc kết từ kiến thức thu được trong quá trình học tập, vì vậy yêu cầu CĐR cần đạt được ở cấp độ 5 hoặc 6, và được đánh giá dựa trên bản báo cáo viết khóa luận tốt nghiệp và bản trình bày của sinh viên trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H3.03.01.05, H3.03.01.06, H3.03.01.07].



Hình 3.1. Mối quan hệ giữa chương trình giảng dạy, hoạt động học tập và đánh giá của chương trình Cử nhân sinh học

Các chuẩn đầu ra về kỹ năng được đánh giá thông qua kỹ năng thao tác thực hành của sinh viên qua các bài thực hành được xây dựng trong các học phần. Ví dụ:

trong học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành thường có 01 tín chỉ thực hành trong các phòng thí nghiệm, sinh viên sẽ được các giảng viên, nghiên cứu viên hướng dẫn về cơ sở lý thuyết của bài thực hành, hướng dẫn các bước thao tác tiến hành và sinh viên sẽ được giao nhiệm vụ tiến hành các thí nghiệm đó. Sau đó việc đánh giá sinh viên theo các CDR tương ứng (cả kỹ năng và kiến thức, tập trung nhiều hơn vào kỹ năng thực hành) có thể dựa trên kết quả hoạt động của sinh viên trong các buổi thực hành, hoặc báo cáo kết quả thí nghiệm bằng văn bản của họ.

Trong hầu hết các học phần liên quan về khoa học sự sống và sinh học cũng như một số học phần về khoa học tự nhiên liên quan, kết quả học tập của sinh viên trong các buổi học trong phòng thí nghiệm được sử dụng để đánh giá kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề (CDR 2.1), trong khi báo cáo thực hành của sinh viên là cơ sở chính để đánh giá kỹ năng tư duy phản biện (CDR2.2) và kỹ năng giao tiếp (CDR2.4). Nếu các báo cáo này được giao cho mỗi nhóm thì chúng có thể được sử dụng để phát triển cũng như đánh giá kỹ năng làm việc nhóm (CDR2.5) [H3.03.01.03, H3.03.01.08]. Tương tự, trong phần lý thuyết, các bài tập cá nhân hoặc nhóm, tự học được sử dụng để phát triển và đánh giá các kỹ năng tự học và tạo động lực cho bản thân (CDR2.3), kỹ năng giao tiếp và / hoặc kỹ năng làm việc nhóm (trong trường hợp bài tập nhóm) và có thể được đánh giá bằng báo cáo tiểu luận và thuyết trình miệng [H3.03.01.03, H3.03.01.04, H3.03.01.08]. Như vậy, mức tự chủ và trách nhiệm cũng được chương trình xác định rõ ở khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng thực hành trong phòng thí nghiệm, ngoài thực địa, khả năng lập kế hoạch, khả năng tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

Các CDR về thái độ được đánh giá dựa trên khả năng hiểu và thực hành thái độ và đạo đức của sinh viên, có nhiều hình thức đánh giá CDR về đạo đức và thái độ khác nhau, như bài kiểm tra viết, báo cáo bài luận, thuyết trình và khóa luận tốt nghiệp [H3.03.01.07, H3.03.01.08]. CDR 3.1 và CDR3.2 được tích hợp trong tất cả

các học phần của chương trình, còn CĐR 3.3 được tích hợp trong một số học phần có nội dung liên quan đến trách nhiệm xã hội của công dân [H3.03.01.02, H3.03.01.03].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của 100% các học phần trong chương trình dạy học phù hợp góp phần đạt được CĐR. Mỗi học phần có vai trò riêng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức là thành phần của CĐR của cả chương trình. Các CĐR được xác định rõ ràng và truyền đạt thông qua các hoạt động dạy-học, sử dụng kết hợp nhiều hoạt động, cách thức khác nhau như dạy trong phòng thí nghiệm, dạy trên phòng máy tính, dạy ngoài thiên nhiên, dạy online, .... Giảng viên được khuyến khích cập nhật phương pháp và cải tiến kỹ thuật giảng dạy để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đạt được các CĐR [H3.03.01.09]. Sự kết hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá được xem xét dựa trên mức độ phù hợp của chúng với các mục tiêu của mỗi học phần và mối quan hệ của chúng với các học phần khác. Đặc biệt, để củng cố phần lý thuyết từ các bài giảng, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung của học phần, đồng thời truyền cảm hứng cho họ tìm tòi và kỹ năng tự học hơn nữa, hầu hết các học phần về khoa học sự sống và công nghệ sinh học đều bao gồm các buổi thực hành trong phòng thí nghiệm. Ngoài ra, các buổi hội thảo và thảo luận về các chủ đề được giao cho sinh viên dưới dạng làm việc nhóm [H3.03.01.08]. Thông qua các hoạt động này, sinh viên có thể rèn luyện cho mình kỹ năng tìm kiếm tài liệu khoa học liên quan, trình bày vấn đề, hợp tác làm việc nhóm và tự học. Mặt khác, các phương pháp đánh giá được giảng viên lựa chọn tùy theo tính chất của từng học phần [H3.03.01.04, H3.03.01.07, H3.03.01.09]. Bên cạnh đó, 100% các học phần trong chương trình dạy học cũng đã xác định phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Các hình thức kiểm tra, đánh giá có sự đa dạng như thi vấn đáp, viết tiểu luận, thi viết, thi trắc nghiệm, thi thực hành... đảm bảo phù hợp với nội dung của học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong Bản mô tả

chương trình đào tạo (bản đề cương học phần) cũng được thông tin một lần nữa tới người học thông qua các buổi học đầu tiên của học phần bởi giảng viên phụ trách. Ví dụ các học phần thuộc khối kiến thức ngành, để đảm bảo được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thì sinh viên cần đạt được các điểm thành phần gồm: Điểm thường xuyên (có thể đánh giá bao gồm thái độ học tập - sự tập trung trong giờ học, phát biểu ý kiến, điểm kỹ năng trong các giờ thực hành, viết báo cáo thực hành). Điểm thường xuyên thường có tỷ trọng 20%. Điểm kiểm tra giữa kỳ thường thông qua các bài thi viết ngắn, thi trắc nghiệm hoặc báo cáo tiểu luận. Điểm giữa kỳ thường chiếm tỷ trọng 20%. Điểm kiểm tra cuối kỳ thường là hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm với trọng số thường là 60%. [H3.03.01.04, H3.03.01.02].

Kết quả thực hiện CTĐT theo CĐR cũng đã nhận được sự phản hồi, đánh giá cao của người sử dụng lao động thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học đã tốt nghiệp đi làm, về những điểm mạnh, tồn tại về kiến thức, kỹ năng của người học tốt nghiệp [H3.03.01.10].

Như vậy để đạt được các CĐR của CTDH Khoa sinh học cũng như trường ĐHKHTN đã có nguồn lực, cơ sở vật chất, chương trình và đề cương môn học [H3.03.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với CĐR của ngành Sinh học. Từng học phần trong các khối kiến thức của khung chương trình đều thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương thức dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt CĐR. Đặc biệt phần thực hành đã có trong hầu hết các học phần của khối kiến thức ngành và nhóm ngành. Chương trình đã xác định và áp dụng được tổ hợp các phương pháp dạy học và đánh giá phù hợp với đặc trưng các học phần, đảm bảo đạt được các tiêu chí của CĐR xác định.

### *3. Điểm tồn tại*

- Số lượng tín chỉ tự chọn trong CTDH với khung chương trình ban hành năm 2015 còn chiếm tỷ lệ ít (18/136 tín chỉ) vì vậy giảm tính linh động trong quá trình thực hiện chương trình dạy học. Tuy nhiên, chúng tôi đã nâng cao được tỷ lệ này đối với các khung ban hành năm 2019 và 2021 (31/132 tín chỉ).

- Tính liên ngành của nội dung chương trình chưa được thể hiện rõ. Trong chương trình dạy học, các học phần của khung ban hành năm 2015 và 2019 đều có ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Việt điều đó hạn chế cơ hội hội nhập quốc tế. Tuy nhiên vấn đề này cũng đã được chúng tôi điều chỉnh đối với khung ban hành năm 2022, đã có đến khoảng 20% học phần trong khối kiến thức ngành được giảng dạy bằng ngôn ngữ Tiếng Anh.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 -2023, Khoa sinh học sẽ điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo cử nhân Sinh học theo hướng xem xét lại các học phần, bố trí một số học phần trong khung chương trình sẽ được dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh để tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành và tăng cơ hội hội nhập quốc tế.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 3.2. Mức độ đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Dựa trên các CĐR tổng thể của chương trình, mỗi học phần trong chương trình được xây dựng để cung cấp các CĐR cụ thể, bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức, tương thích về nội dung và đóng góp cụ thể cho các CĐR tổng thể của chương trình (Bảng 3.1) [H3.03.02.01]. Những đóng góp của mỗi học phần cho



CĐR tổng thể của chương trình được tóm tắt trong ma trận CĐR của chương trình [H3.03.02.03].

Trong khung chương trình, các học phần thuộc khối kiến thức chung cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, luật, tin học và ngoại ngữ [H3.03.02.01]. Các học phần liên quan đến khoa học tự nhiên như toán học, vật lý và hóa học giúp bổ sung và hỗ trợ kiến thức về khoa học tự nhiên, đồng thời cũng để củng cố, phát triển các kỹ năng khác nhau, ví dụ: kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, tư duy logic [H3.03.02. 01]. Các học phần liên quan đến khoa học sự sống và sinh học, cả cơ bản và chuyên ngành là các học phần chính của khung chương trình sinh học giúp cung cấp kiến thức chuyên ngành và củng cố các kỹ năng liên quan đến các hướng cụ thể của sinh học và công nghệ sinh học [H3.03.02.01].

Trong chương trình dạy học, 100% các học phần đã được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được các CĐR [H3.03.02.01].

Trong chương trình dạy học, tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết, được xây dựng bám sát theo các yêu cầu của CĐR. Trong đề cương chi tiết các học phần đã nêu đầy đủ các thông tin như: Số tín chỉ, học phần tiên quyết, ngôn ngữ giảng dạy, dự kiến cán bộ giảng dạy, mục tiêu của học phần, các CĐR của học phần, tổ hợp các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá [H3.03.02.01].

*Bảng 3.1. Đóng góp của các học phần trong chương trình Sinh học cho các CĐR*

	<b>Kiến thức</b>	<b>Kỹ năng</b>	<b>Phẩm chất đạo đức</b>
<b>Khối kiến thức chung</b>	CĐR1.1	Phần lớn các học phần được xây dựng cần đạt CĐR về kỹ năng ở mức CĐR 2.2  Một số học phần cần đạt CĐR 2.3, CĐR 2.4, CĐR2.5, và CĐR2.6 (học phần Tiếng Anh)	CĐR 3.1, CĐR 3.2 tích hợp trong tất cả các học phần  CĐR 3.3 được tích hợp trong
<b>Các học phần</b>	CĐR1.2	+ Phát triển các kỹ năng để đạt các	

<b>liên quan đến khoa học tự nhiên</b>		CĐR 2.2, CĐR 2.3, CĐR 2.5 + Thành thực CĐR2.1 (đối với các học phần thực hành phòng thí nghiệm)	một số học phần
<b>Các học phần cơ bản liên quan đến khoa học sự sống và Sinh học</b>	CĐR 1.3	+ Thực hiện các các vấn đề để đạt CĐR 2.1 (đối với các học phần thực hành phòng thí nghiệm) + Thực hiện các các vấn đề để đạt CĐR 2.2; CĐR 2.3; CĐR2.4, CĐR 2.5 + CĐR 2.6 (Học phần tiếng anh chuyên ngành Sinh học)	
<b>Các học phần chuyên ngành về Sinh học</b>	CĐR 1.4	+ Thực hiện các các vấn đề để đạt CĐR 2.1 (đối với các học phần thực hành phòng thí nghiệm) + Thực hiện các các vấn đề để đạt CĐR 2.2; CĐR 2.3; CĐR2.4, CĐR 2.5	
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	Tích hợp CĐR1.2, CĐR1.3 và tập trung vào CĐR1.4	Thực hiện các các vấn đề để đạt CĐR 2.1, CĐR 2.2; CĐR 2.3; CĐR2.4, CĐR 2.5	

Các CĐR được xác định rõ ràng và được chuyển tải qua các hoạt động giảng dạy với sự định hướng kết hợp học tập với nhiều hoạt động cụ thể trên lớp. Giảng viên được khuyến khích thay đổi phương pháp, cải tiến kỹ thuật giảng dạy để nhằm đạt được các CĐR như yêu cầu của chương trình. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập kiểm tra đánh giá phù hợp cho từng môn học và hỗ trợ lẫn nhau. Ví dụ để củng cố kiến thức lý thuyết được học trên giảng đường các môn học đặc biệt là các môn chuyên ngành luôn có các tiết thực hành phòng thực tập hoặc thực tập thiên nhiên điều đó giúp sinh viên nhớ lâu kiến thức, khơi gợi niềm đam mê tìm tòi và rèn luyện kỹ năng tự học cho sinh viên. Bên cạnh việc sinh viên nghe giảng thì các buổi seminar báo cáo theo chủ đề cũng có thể được giảng viên giao cho từng nhóm. Thông qua hoạt động này rèn luyện cho sinh viên khả năng tìm kiếm tài liệu, trình bày vấn đề, hợp tác làm việc nhóm và khả năng tự nghiên cứu. Mặt khác phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được giảng viên lựa chọn phù hợp cho từng môn học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá có sự đa dạng như thi vấn đáp, viết tiểu

luận, thi viết, thi trắc nghiệm, thi thực hành... đảm bảo phù hợp với nội dung của học phần [H3.03.02.04, H3.03.02.05].

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Nội dung của từng môn học/ học phần trong CTDH được xây dựng bám sát theo các CDR. Các học phần được thiết kế theo định hướng giúp sinh viên theo các hướng tiếp cận khác nhau về chuyên môn sâu hoặc theo định hướng nhu cầu xã hội hoặc hỗ trợ sinh viên phát triển và mở rộng kiến thức [H3.03.02.01]. Bên cạnh đó, việc cải tiến cách tiếp cận trong giảng dạy, đặt người học ở trung tâm, giúp người học chủ động học tập, rèn luyện kỹ năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề, điều chỉnh quá trình tự đào tạo cũng góp phần nâng cao CĐR của chương trình. Thường sau 3 năm, từng học phần và chương trình được đánh giá, sửa đổi để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Như vậy, các học phần trong khung chương trình Sinh học chuẩn đã được thiết kế để cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp xúc với các phương pháp tiếp cận khác nhau liên quan đến kiến thức chuyên ngành về sinh học và công nghệ sinh học cũng như các kiến thức về khoa học xã hội, ngoại ngữ và những kỹ năng khác.

## *2. Điểm mạnh*

Các học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo sự tương thích về nội dung và góp phần đạt CĐR của chương trình, đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được CĐR được xác định rõ ràng trong đó, các học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành thể hiện rõ được kỹ năng nghề nghiệp trong CĐR của chương trình.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù các CĐR về kỹ năng cứng, kỹ năng mềm đã được tích hợp trong các học phần, tuy nhiên trong quá trình thực hiện các kỹ năng này chưa thực sự được chú trọng và đánh giá triệt để.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ quan tâm hơn đến việc giáo dục các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm cho sinh viên, tập trung lấy ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động, GV, SV để điều chỉnh CDR về kỹ năng mềm của sinh viên thông qua các hoạt động rèn luyện của sinh viên.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

### ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình đào tạo cử nhân sinh học chuẩn được xây dựng theo hướng đảm bảo tính liên kết, liên thông giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, cơ bản và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất của chương trình. Chương trình nhằm cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức từ cơ bản đến nâng cao và chuyên sâu, cũng như kỹ năng chuyên môn về sinh học và công nghệ sinh học. Chương trình sinh học chuẩn được phát triển dựa trên sự tích hợp và liên kết giữa các học phần, thể hiện một phần bằng điều kiện tiên quyết (tính thứ tự) của các học phần về khoa học tự nhiên và các học phần về khoa học sự sống, sinh học và công nghệ sinh học [H3.03.03.01].

Tất cả các học phần trong khung chương trình đều có sự tương thích với nhau về kiến thức và kỹ năng [H3.03.03.01]. Sự tích hợp trong chương trình giảng dạy được trình bày trong các khối (nhóm) học phần như sau (Hình 3.2).

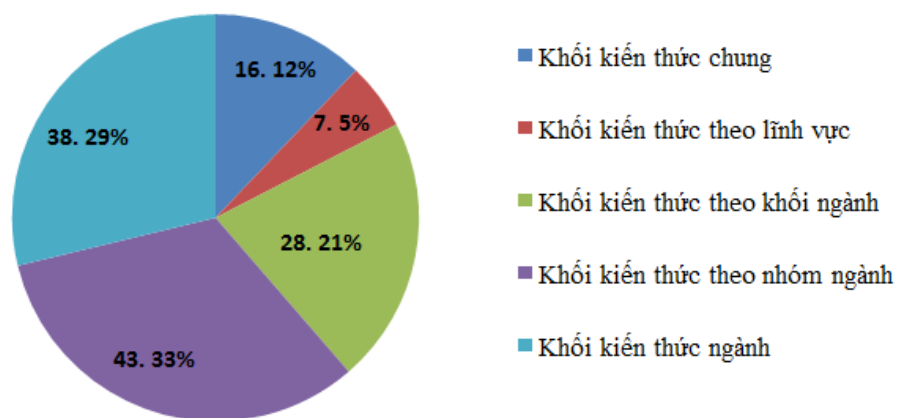
Khối kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực: Các học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, tin học và ngoại ngữ, nhằm giúp sinh viên áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và tin học trong sự nghiệp và cuộc sống tương lai của họ, như cũng như kiến

thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc (chiếm 16,12% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Các học phần về khoa học tự nhiên (khối kiến thức theo khối ngành): Các học phần này giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của các ngành khoa học liên quan, chẳng hạn như toán học, vật lý và hóa học, làm nền tảng và bổ sung kiến thức cho việc học các học phần về khoa học sự sống (chiếm 28,21% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Các học phần cơ bản về khoa học sự sống và sinh học (khối kiến thức nhóm ngành và ngành): Các học phần này giúp sinh viên vận dụng, phân tích và tổng hợp các kiến thức về khoa học sự sống như các bước tiếp cận kiến thức của các hướng chuyên ngành sinh học (chiếm 43,33% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Đặc biệt các học phần về chuyên ngành sinh học giúp sinh viên phân tích và tổng hợp kiến thức về sinh học và công nghệ sinh học, hiểu được các vấn đề thực tiễn và hình thành ý tưởng, phát triển, tổ chức, thực hiện và đánh giá các phương pháp, kỹ thuật, dự án trong lĩnh vực sinh học và công nghệ sinh học. Các học phần này cũng giúp sinh viên áp dụng kiến thức và thực hành trong lĩnh vực sinh học và công nghệ sinh học, có khả năng tiếp cận và hội nhập tốt với môi trường làm việc trong nước và quốc tế trong tương lai.



Hình 3.2. Biểu đồ phân bố các khối kiến thức trong khung chương trình Sinh học chuẩn (Theo khung 2019)

Nhìn chung, tất cả các học phần trong chương trình đã được phân bổ hợp lý. Điều này được thể hiện trong chương trình học đã phân bổ khoảng 16,12% tín chỉ dành cho các học phần thuộc khối kiến thức chung (bao gồm các học phần về khoa học xã hội và chính trị, ngoại ngữ); 28,21% tín chỉ cho các học phần về khoa học liên quan đến toán học, vật lý và hóa học (khối kiến thức theo khối ngành). Khối kiến thức chiếm tỷ lệ cao nhất (43,33%) là các học phần cơ bản thuộc nhóm ngành sinh học. Tiếp theo là khối kiến thức ngành chiếm 38,29% là các học phần chuyên sâu và nâng cao thuộc nhóm ngành sinh học, công nghệ sinh học và khóa luận tốt nghiệp (Hình 3.2). Các học phần đã được thiết kế và sắp xếp theo sự gia tăng dần mức độ nâng cao và chuyên sâu [H3.03.03.01]. Trong chương trình học, mỗi nhóm học phần đều bao gồm cả học phần bắt buộc (để đảm bảo sinh viên tích lũy kiến thức cần thiết, làm tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức chuyên sâu, nâng cao) và các học phần tự chọn (cho phép sinh viên phát triển năng lực và kỹ năng tùy theo sở thích của họ điều đó sẽ thúc đẩy niềm đam mê của sinh viên và làm phong phú thêm kinh nghiệm thực tế [H3.03.03.01].

Ngoài ra, để giúp người học đạt được các CDR thì lịch trình dạy và học đã được đề xuất trong chương trình và được điều chỉnh phù hợp trong thời khóa biểu được chuẩn bị trước mỗi năm học (Bảng 3.2). Việc sắp xếp các học phần, theo học kỳ từ năm đầu tiên đến năm cuối của chương trình đào tạo tuân theo thứ tự tăng dần từ cấp độ cơ bản đến nâng cao, từ các CDR cụ thể chung cho đến CDR một cách cụ thể chi tiết [H3.03.03.01, H3.03.03.02, H3.03.03.03]. Việc chỉ định các học phần tiên quyết đảm bảo rằng sinh viên phải tích lũy các học phần cơ bản trước khi tham gia các học phần chuyên sâu, nâng cao hơn [H3.03.03.01].

Để tổ chức và thực hiện kế hoạch giảng dạy, trước mỗi năm học Khoa Sinh học luôn lập một thời khóa biểu cụ thể để phân bổ các học phần trong mỗi học kỳ [H3.03.03.03]. Thời khóa biểu của mỗi năm học dựa trên kế hoạch được khuyến nghị trong khung chương trình, nhưng có thể được điều chỉnh hàng năm [H3.03.03.03]. Kế hoạch học tập và thời gian biểu học tập cũng có tính linh hoạt,

sao cho sinh viên đáp ứng được các yêu cầu tiên quyết cho các học phần mà họ đang đăng ký [H3.03.03.02, H3.03.03.03, H3.03.03.04].

Học kỳ							
1	2	3	4	5	6	7	8
Các học phần đại cương * (do ĐHQGHN yêu cầu, gồm Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng)							
Các học phần đại cương (do VNU-HUS yêu cầu): 01 học phần bắt buộc (INM1000) & 01 học phần tự chọn							
Các học phần liên quan đến khoa học tự nhiên* : 10 học phần bắt buộc & 01 học phần tự chọn.							
		Các học phần cơ bản về khoa học sự sống và sinh học*: 10 học phần bắt buộc.					
			Các học phần cơ bản về khoa học sự sống và sinh học: 05 học phần tự chọn.				
				Các học phần chuyên ngành sinh học: 06 học phần bắt buộc.			
					Các học phần chuyên sâu về sinh học: 03 học phần tự chọn theo từng hướng chuyên ngành.		
						Khóa luận tốt nghiệp **	
							Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp ***

\* Sinh viên có các lựa chọn để tham gia học phần này trong các học kỳ bổ sung hè, được tổ chức giữa các năm học.

\*\* Khung thời gian chính của khóa luận tốt nghiệp là học kì 8, tuy nhiên sinh viên có thể bắt đầu làm khóa luận từ học kì 7.

\*\*\* Các học phần tự chọn thay thế cho khóa luận tốt nghiệp: bất kỳ sinh viên nào cũng có thể học ba (03) học phần tự chọn, được chỉ định thay thế cho khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của xã hội về nguồn lao động trong lĩnh vực sinh học và công nghệ sinh học, đồng thời bám sát chiến lược giáo dục của ĐHQGHN, cũng như đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, chương trình giảng dạy đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Các điều chỉnh đã xem xét đến ý kiến của người sử dụng lao động, của sinh viên (thông qua các cuộc họp sinh viên), đánh giá và đề xuất của hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Sinh học. Các điều chỉnh sau đó phải được sự chấp thuận của Phòng Đào tạo và Hiệu trưởng của Đại học Khoa học tự nhiên. Vào năm 2017, chương trình đã được cập nhật, năm 2019 và 2022 một chương trình giảng dạy mới được sửa đổi đã được ban hành để thay thế chương trình được ban hành vào năm 2015 [H3.03.03.05, H3.03.03.06, H3.03.03.07, H3.03.03.08]. So với chương trình ban hành năm 2015, chương trình sửa đổi, cập nhật năm 2019, 2022 đã được điều chỉnh khoảng 15% nội dung, môn học [H3.03.03.09].

Đối với mỗi học phần, đặc biệt là các học phần chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp, trong quá trình giảng dạy cũng như hướng dẫn sinh viên, các giảng viên của Khoa Sinh học đã không ngừng cập nhật kiến thức mới, cập nhật các nguồn tài liệu học tập, hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan theo các chủ đề cập nhật theo xu hướng phát triển của sinh học và công nghệ sinh học [H3.03.03.10, H3.03.03.11, H3.03.03.12, H3.03.03.13].

Trong quá trình xem xét và điều chỉnh chương trình giảng dạy, Khoa Sinh học luôn tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của ĐHQG Hà Nội và của Trường ĐHKHTN [H3.03.03.16, H3.03.03.17]. Cụ thể chúng tôi đã thực hiện theo các bước sau:

***(1) Tổ chức cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo***

- a) Đơn vị chuyên môn đề xuất cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương học phần của các chương trình đào tạo;



b) Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị họp thẩm định chương trình cập nhật, điều chỉnh;

c) Trình ĐHQGHN hồ sơ đề nghị thẩm định và ban hành.

**(2) Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo**

a) ĐHQGHN tổ chức thẩm định chương trình đào tạo;

b) Nếu nội dung cập nhật, điều chỉnh các khối kiến thức chuyên môn của chương trình đào tạo có tỉ lệ dưới 20% so với chương trình đào tạo hiện hành, ĐHQGHN thẩm định và quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, điều chỉnh;

Đặc biệt, trong quá trình cập nhật điều chỉnh, chúng tôi đã tham khảo một số chương trình đại học tiên tiến về sinh học để đảm bảo rằng chương trình được cập nhật. Đặc biệt, Khoa Sinh học đã tham khảo chương trình sinh học của Đại học Tuff của Mỹ, Cornell, Mỹ là những chương trình đại học được xếp hạng cao [H3.03.03.14, H3.03.03.15].

Bên cạnh đó, để điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo chúng tôi cũng đã tiến xây dựng bộ phiếu điều tra phản hồi của các bên liên quan về CTĐT và CDR.

Cụ thể năm 2017, chúng tôi đã khảo sát thông qua phiếu điều tra trực tuyến về CTĐT và chất lượng đào tạo với kết quả tỷ lệ trả lời là 371/400 (với cựu sinh viên), 114/114 (với nhà tuyển dụng). Nhìn chung, Kết quả phản hồi đã đánh giá tốt về CTĐT và chất lượng đào tạo (mức điểm giao động 3,5-4,9/5). Ngoài ra chúng tôi cũng đã nhận được các góp ý như: nhà trường nên tạo điều kiện tăng cường thực hành cho sinh viên, tăng kiến thức thực tế, khảo sát thực tế, cần cho sinh viên tăng cường về kiến thức chuyên ngành, đào tạo ngoại ngữ, sinh viên cần tăng cường tinh thần làm việc nhóm.

Năm 2018 chúng tôi cũng đã lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về CTĐT và chất lượng đào tạo thông qua hình thức phát phiếu và gọi điện thoại, tỷ lệ trả lời là 163/163. Kết quả phản hồi đã đánh giá tốt về CTĐT và chất lượng đào tạo

nhu chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu của đơn vị, phù hợp với nhu cầu hội nhập quốc tế (mức điểm giao động 3,9-4,5/5). Đối với các năm 2019, 2020, 2021, 2022 chúng tôi cũng đã thu được kết quả phản hồi và đánh giá cao của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên [H3.03.03.18, H3.03.03.19, H3.03.03.20, H3.03.03.21]

Những góp ý của cựu sinh viên, sinh viên và nhà tuyển dụng đã giúp trường ĐHKHTN điều chỉnh khung chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học để đáp ứng được các nhu cầu của xã hội. Cụ thể nhà trường đã cung cấp cho sinh viên các khóa học về kỹ năng mềm, về giáo dục thể chất, quốc phòng, an ninh, các điều kiện về chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, hàng năm tổ chức thường niên các hội nghị khoa học sinh viên để tăng cường năng lực nghiên cứu và làm việc nhóm [H3.03.03.22, H3.03.03.23, H3.03.03.24, H3.03.03.25]

Như vậy chương trình dạy học cử nhân ngành sinh học luôn được cập nhật điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với nhu cầu của xã hội và sự phát triển của tri thức khoa học nói chung và kiến thức về sinh học nói riêng. Quá trình điều chỉnh cập nhật CTĐT, Khoa sinh học cũng luôn tuân thủ theo các hướng dẫn của trường đại học KHTN, của ĐHQGHN và dựa trên phản hồi, đóng góp của các bên liên quan. Do đó, các học phần trong chương trình giảng của khung sinh học được sắp xếp hợp lý theo trình tự tiến trình học tập, và chương trình giảng dạy đã được xem xét thường xuyên để theo kịp với sự phát triển và thành tựu gần đây của khoa học sự sống và sinh học.

## *2. Điểm mạnh*

Chương trình đào tạo cử nhân sinh học có cấu trúc hợp lý và sắp xếp logic giữa các khối kiến thức chung, kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Tỷ lệ về tổng số tín chỉ giữa các khối kiến thức hợp lý, kiến thức thực hành được chú trọng, đảm bảo yêu cầu giảm học phần lí thuyết, tăng cường thực hành và tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp

với sở thích và năng lực cá nhân. Các học phần được bố trí thời lượng hầu hết là 3 tín chỉ đảm bảo tính cân đối về khối lượng học tập trung học kì và dễ dàng lựa chọn các học phần thay thế tương đương. Khoa đã thực hiện việc rà soát, cập nhật chương trình theo định kì.

### *3. Điểm tồn tại*

Trong quá trình thực hiện, việc lựa chọn các học phần tự chọn chưa phù hợp được hết với các nhu cầu của tất cả sinh viên. Quá trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa được thực hiện liên tục và bài bản để cải tiến điều chỉnh kịp thời chương trình dạy học.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học tiếp theo (từ năm học 2022-2023), Khoa Sinh học sẽ có kế hoạch kết hợp với các đơn vị chức năng trong nhà trường để lấy ý kiến phản hồi sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về nội dung dạy học, CĐR một cách thường xuyên hơn để bổ sung cập nhật chương trình đào tạo định kỳ hợp lý.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3:***

- ***Điểm mạnh của tiêu chuẩn:*** Chương trình đào tạo cử nhân Sinh học đã đảm bảo về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm như CĐR đã công bố, trong đó, các học phần được xây dựng và thực hiện theo các định hướng của CĐR đã đạt được hầu hết các tiêu chí của CĐR. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo đạt CĐR. Chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học được xây dựng thành một khối thống nhất, có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ và logic. Tỷ lệ giữa kiến thức thực hành và lí thuyết tương đối cao, đảm bảo yêu cầu giảm học phần lí thuyết, tăng cường thực hành và tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn các chuyên đề phù hợp với sở trường của bản

thân. Việc sắp xếp thực hiện chương trình phù hợp, tạo điều kiện cho người học đạt kết quả học tập tối ưu nhất. Chương trình đã được rà soát, cập nhật theo định kì.

- *Điểm tồn tại của tiêu chuẩn:* Một số học phần nên có thêm phần thực hành, hoặc tăng số tín chỉ để đạt được các CDR rõ ràng nhất. Quá trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thực sự được liên tục và có kế hoạch để cải tiến điều chỉnh kịp thời chương trình dạy học.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí; tất cả tiêu chí đạt mức 5/7.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Khoa Sinh học là một trong số các Khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội). Tháng 9 năm 1956, Trường đã mở khoá đào tạo đầu tiên về Sinh học. Qua hơn 65 năm phát triển, Khoa Sinh học đã trở thành một trong các trung tâm hàng đầu cả nước về đào tạo cử nhân ngành Sinh học. Trong suốt quá trình hơn 65 năm qua Khoa Sinh học luôn coi trọng phương pháp tiếp cận trong dạy và học, coi đó là yếu tố then chốt quyết định nên hiệu quả và thành công của một chương trình đào tạo nói chung và chương trình đào tạo Sinh học nói riêng.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu đào tạo được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### ***1. Mô tả hiện trạng***

Cùng đồng hành với Chiến lược phát triển của trường Đại học Khoa học Tự nhiên “Trở thành trường đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á và có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến châu Á, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước” và triết lý giáo dục của Khoa Sinh học “Học tập chủ động, học đi đôi với

hành, đổi mới sáng tạo và gắn với nhu cầu xã hội”, mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo cử nhân Sinh học luôn được đặt ra rõ ràng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và triết lý giáo dục của Khoa. Mục tiêu đào tạo được công bố thông qua văn bản và website chính thức của Trường ĐHKHTN, của Khoa Sinh học [H4.04.01.01, H4.04.01.02].

Mục tiêu đào tạo của chương trình Cử nhân Sinh học cụ thể như sau: “Sinh viên được trang bị những kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, những kiến thức cơ bản về Sinh học, những nguyên lý và các quá trình sinh học ở các mức độ khác nhau của khoa học sự sống (phân tử, tế bào, cơ quan, cơ thể, quần thể, quần xã), mối quan hệ của chúng với nhau và với môi trường ngoài; được trang bị các phương pháp thu thập mẫu, đo đạc và tổng hợp, phân tích các số liệu, kỹ năng thực hành, được tiếp cận những trang thiết bị máy móc, phát triển tư duy nghiên cứu và làm việc độc lập; có khả năng ứng dụng Sinh học vào giải quyết các bài toán thực tế trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội.”.

Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học từ năm 2015 (điều chỉnh năm 2019, 2022) đã được Khoa Sinh học (Trường ĐHKHTN), nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo xác định theo các văn bản quy định của BGD&ĐT, của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN về xây dựng chương trình đào tạo với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học... [H4.04.01.03, H4.04.01.04, H4.04.01.05].

Để đạt được triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo, phương pháp tiếp cận trong dạy và học thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã lựa chọn định hướng tiếp cận đáp ứng nhu cầu xã hội, dạy học lấy người học làm trung tâm, tăng cường năng lực thực hành phát triển kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên thông qua từng học phần. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các học phần tiên quyết và học phần tự chọn được sắp xếp logic và hợp lý. Thiết kế các học phần của chương trình nhằm đạt được mục tiêu và CDR của chương trình

đào tạo. Trong từng học phần: nội dung giảng dạy, hoạt động dạy và học được xây dựng nhằm đáp ứng được CDR của học phần. Phương pháp tiếp cận trong dạy học thuộc chương trình đào tạo cử nhân Sinh học đã được thiết kế cơ bản phù hợp với định hướng và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN [H4.04.01.06, H4.04.01.07, H4.04.01.08].

Học tập chủ động là sinh viên được tự lên kế hoạch học tập, chủ động lựa chọn học phần, thời gian học, chủ động đưa ra các vấn đề, câu hỏi để thảo luận, giải quyết, chủ động chọn một số nội dung học phần để thuyết trình, cũng như được chủ động lựa chọn định hướng chuyên môn sâu. Việc học tập chủ động giúp sinh viên say mê cũng như có những lựa chọn phù hợp với khả năng và nhu cầu của bản thân. Đặc biệt, hình thức đào tạo theo tín chỉ giúp sinh viên chủ động đăng ký học phần theo kế hoạch của bản thân. Để thực hiện điều này một cách hiệu quả, sinh viên luôn được hướng dẫn và hỗ trợ, tư vấn từ giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập [H4.04.01.09].

Đổi mới, sáng tạo thể hiện ở việc áp dụng các phương pháp dạy và học mới, hiện đại như làm việc theo nhóm, thảo luận, thuyết trình, thực hiện các bài tập thực tế, học tập online qua đó giúp sinh viên làm quen với các bài toán thực tế, hiểu được mối liên hệ chặt chẽ giữa lý thuyết với thực tế, nhờ đó nắm chắc kiến thức hơn và tạo cho sinh viên cơ hội được vận dụng các kiến thức đã được học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn [H4.04.01.10].

Học đi đôi với hành được thể hiện qua việc sinh viên được khuyến khích tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học như tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, tham gia báo cáo ở các hội nghị khoa học sinh viên, tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học từ năm thứ ba và khóa luận tốt nghiệp năm thứ tư [H4.04.01.11]. Những hoạt động này giúp sinh viên có cơ hội được vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tế, rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực sáng tạo trong giải quyết các vấn đề khoa học.

Các hoạt động dạy và học được xây dựng, thực hiện và điều chỉnh thường xuyên với sự tham gia tư vấn, góp ý của các giảng viên và chuyên gia trong ngành Sinh học, tham khảo các ý kiến phản hồi của sinh viên và các nhà tuyển dụng [H4.04.01.12, H4.04.01.13, H4.04.01.14].

Triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình Cử nhân Sinh học đã được phổ biến đến toàn thể giảng viên, cán bộ của Khoa Sinh học thông qua “Chiến lược phát triển của Khoa Sinh học giai đoạn 2017 – 2022”, họp tổng kết Khoa Sinh học hàng năm. Từ đó toàn thể các giảng viên, cán bộ của Khoa thấu hiểu triết lý đào tạo, mục tiêu đào tạo thể hiện thông qua việc thiết kế môn học phù hợp, lựa chọn phương pháp giảng dạy, đánh giá phù hợp với triết lý và mục tiêu đào tạo [H4.04.01.15, H4.04.01.16].

Mục tiêu giáo dục của trường ĐHKHTN, triết lý giáo dục của Khoa Sinh học và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Sinh học được phổ biến đến toàn thể sinh viên năm nhất thông qua “Tuần sinh hoạt công dân” do Trường ĐHKHTN tổ chức và sự hỗ trợ, tư vấn từ giáo viên chủ nhiệm & cố vấn học tập [H4.04.01.17].

## *2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục và chiến lược phát triển của trường Đại học KHTN; được xây dựng tường minh và được tuyên bố rõ ràng trên website của nhà Trường, của Khoa. Triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên, cán bộ của Khoa Sinh học và toàn thể sinh viên theo học chương trình bằng nhiều hình thức. Các mục tiêu này đều được cụ thể hóa trong các học phần, chi tiết trong đề cương của mỗi học phần thuộc chương trình đào tạo.

### *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học được công bố công khai cho tất cả các đối tượng liên quan nhưng các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng chưa nhiều. Một số sinh viên còn chưa thực sự hiểu rõ triết lý giáo dục của Khoa, từ đó còn thụ động trong việc tham gia các hoạt động đào tạo của Khoa

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 -2023, Khoa Sinh học sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, chương trình đào tạo và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CĐR cho sát với yêu cầu thực tiễn. Bộ phận đào tạo Khoa, trợ lý và các cố vấn học tập & giáo viên chủ nhiệm có nhiều hình thức hơn trong tuyên truyền, phổ biến rõ về triết lý giáo dục của Khoa cũng như mục tiêu đào tạo của chương trình Cử nhân Sinh học đến sinh viên.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện được mục tiêu của chương trình đào tạo, việc xác định CĐR của chương trình là rất quan trọng. CĐR của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã được xây dựng và hoàn thiện theo “Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra ở Đại học Quốc gia Hà nội” [H4.04.02.01] nhằm đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình [H4.04.02.02]. Căn cứ trên CĐR của chương trình, các học phần đã được lựa chọn, thiết kế, sắp xếp hợp lý trong chương trình để người học có thể lĩnh hội kiến thức và đạt được chuẩn đầu ra của chương trình sau 04 năm học. Để xây dựng chương trình học được hiệu quả và đáp



ứng được mục tiêu của chương trình, toàn thể giảng viên và cán bộ Khoa Sinh học đã tham gia vào quá trình xây dựng khung chương trình, cũng như Khoa Sinh học đã lĩnh hội những ý kiến đóng góp của chuyên gia ngoài trường, nhà tuyển dụng [H4.04.02.03, H4.04.02.04].

Xây dựng CĐR các học phần: các học phần thuộc mã số BIO của chương trình Cử nhân Sinh học đã được Khoa Sinh học phân công cho các đơn vị chuyên môn thực hiện xây dựng đề cương chi tiết học phần. Đề cương các học phần đã được xây dựng rõ ràng, chi tiết và đáp ứng được CĐR của chương trình, mục tiêu của học phần. Trong từng đề cương chi tiết của các học phần đều có CĐR của học phần và căn cứ trên đó giảng viên sẽ lựa chọn phương pháp dạy phù hợp để người học có thể lĩnh hội được kiến thức của học phần và đáp ứng được CĐR của học phần cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Điều này được thể hiện qua việc phân bổ số giờ tín chỉ cho cách thức giảng dạy và học tập đó là lý thuyết/ thực hành, bài tập/ tự học. Căn cứ trên nội dung học phần, CĐR mà các giảng viên sẽ lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. Toàn bộ mục tiêu, CĐR, kế hoạch hoạt động dạy và học, kế hoạch kiểm tra đánh giá đều được thể hiện chi tiết trong đề cương các học phần [H4.04.02.05]

Ví dụ minh họa cho hoạt động dạy và học phù hợp CĐR của từng học phần:

- *Khối kiến thức nhóm ngành* – Học phần Thực tập thiên nhiên (BIO2223, 2TC): Mục tiêu “Cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiên cứu sinh học ngoài thực địa”. Số giờ tín chỉ được phân bổ: 05 tiết lý thuyết; 25 tiết thực hành. Với học phần này giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên ngoài thực địa các phương pháp khảo sát, ghi chép, phân loại, thu mẫu sinh vật... Sinh viên sẽ được trực tiếp thực hành các kiến thức cơ bản đã được học vào thực tế. Thông qua học phần này, sinh viên có được kiến thức và kỹ năng nghiên cứu sinh học ngoài thực địa, tổng hợp và hệ thống hóa những kiến thức về đa dạng sinh học [H4.04.02.06].

- *Khối kiến thức ngành* - Học phần Cơ sở Sinh thái học (BIO3258, 3TC): Mục tiêu “Cung cấp kiến thức về những nguyên lý cơ bản về mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật; và giữa sinh vật với môi trường ở các mức độ tổ chức khác nhau: cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái...”. Số giờ tín chỉ được phân bổ: 30 tiết lý thuyết; 10 tiết thực hành và 05 tiết tự học. Với học phần này các phương pháp giảng dạy được áp dụng bao gồm dạy lý thuyết trên giảng đường qua các bài giảng slide, bài báo, video...; dạy thực hành thông qua các thí nghiệm trong PTN, làm bài tập... Từ đó sinh viên có được kiến thức khoa học của học phần, học kỹ năng làm việc PTN, viết tường trình thí nghiệm, làm việc nhóm... [H4.04.02.07].

- *Các học phần chuyên sâu* - Học phần Sinh thái học môi trường (BIO 3234, 3TC, học phần dành cho SV năm 4 theo chuyên ngành Sinh thái học): Mục tiêu “Cung cấp kiến thức về các dạng ô nhiễm chủ yếu hiện nay trên trái đất bao gồm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, ô nhiễm chất thải rắn và chất thải nguy hại. Bên cạnh đó còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát triển bền vững. Tác động của các dạng ô nhiễm lên hệ sinh thái, lên sức khỏe của sinh vật và con người”. Số giờ tín chỉ được phân bổ: 40 tiết lý thuyết; và 05 tiết tự học. Với học phần này các phương pháp giảng dạy được áp dụng bao gồm dạy lý thuyết trên giảng đường thông qua các bài giảng slide, hướng dẫn sinh viên tìm đọc các bài báo, đưa chủ đề tiểu luận để sinh viên thảo luận viết báo cáo... Từ đó sinh viên sẽ có kỹ năng tự học, tìm và tham khảo tài liệu, xử lý số liệu khoa học, viết và thuyết trình báo cáo [H4.04.02.08].

Như vậy, phương pháp giảng dạy (hoạt động dạy) các học phần của chương trình đã được xây dựng đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Trong mỗi học phần, giảng viên có thể tổ chức nhiều hoạt động giảng dạy và học tập khác nhau bao gồm giảng bài trên lớp, giảng dạy online, sinh viên thuyết trình, thảo luận theo nhóm, làm thí nghiệm... cùng với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ (trình chiếu, sử dụng video...) để tạo ra môi trường học tập lý thú, cuốn hút sinh viên học tập chất lượng để sinh viên thu được kết quả học tập tốt nhất đáp ứng

chuẩn đầu ra của chương trình. Ngoài ra, trong giai đoạn dịch bệnh Covid vừa qua, các giảng viên đã rất nhanh chóng tiếp cận và thích ứng với phương pháp giảng dạy, đánh giá trực tuyến. Từ đó vẫn đảm bảo truyền tải kiến thức đến người học và đáp ứng được CDR của học phần [H4.04.02.09].

Nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng trong giảng dạy của giảng viên, sau mỗi học kỳ Phòng thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng của Trường đều tiến hành lấy phiếu đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy và nội dung học phần, sau đó tổng hợp và gửi kết quả cho Khoa và giảng viên. Từ đó Khoa và giảng viên có thể điều chỉnh phương pháp giảng dạy, nội dung bài giảng để vừa đáp ứng được yêu cầu của CDR của học phần vừa đáp ứng được nhu cầu của người học [H4.04.02.10].

Để đánh giá hoạt động học của sinh viên: mỗi học phần đều có 03 đầu điểm đó là điểm thường xuyên – đánh giá hoạt động học hàng ngày trên lớp, trong PTN của sinh viên; điểm giữa kỳ - đánh giá khả năng lĩnh hội của sinh viên sau ½ thời gian học và điểm này được công bố với sinh viên sau khi kiểm tra, để sinh viên có thể tự nhìn nhận khả năng lĩnh hội kiến thức của bản thân; điểm thi cuối kỳ - đánh giá sinh viên đạt CDR của học phần ở mức độ nào. Bên cạnh đó sau mỗi kỳ học sinh viên đều được đánh giá điểm rèn luyện, điểm rèn luyện của sinh viên được đánh giá bởi Hội đồng cấp Khoa. Như vậy, sau mỗi kỳ học sinh viên đều được thông báo kết quả thi và đánh giá điểm rèn luyện. Với những sinh viên có kết quả học tập trung bình thấp thì nhà trường đều tổ chức cuộc họp xét học vụ và phản ánh kết quả đến giảng viên phụ trách, sinh viên từ đó giúp điều chỉnh, cải thiện một cách kịp thời [H4.04.02.11].

## *2. Điểm mạnh*

Hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học được thiết kế phù hợp với CDR của chương trình, phù hợp với CDR của từng học phần. Kết thúc từng kỳ học đều có khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người học đối với

nội dung và phương pháp giảng dạy được sử dụng trong từng học phần. Từ đó giúp giảng viên, Khoa và Trường đưa ra được những cách thức cải tiến trong giảng dạy từng học phần nói riêng và cả chương trình nói chung.

### *3. Điểm tồn tại*

5 năm trở lại đây số lượng sinh viên theo học ngành Sinh học tăng cao, do vậy cơ sở vật chất của một số PTN của Khoa chưa đáp ứng được 100% yêu cầu trong thực hành, nghiên cứu của sinh viên. Trường chưa có phần mềm kiểm tra, đánh giá thi cuối kỳ trực tuyến hiệu quả trong giai đoạn dịch Covid.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 -2023, Trường ĐH KHTN đầu tư thêm cơ sở vật chất cho các PTN giúp tăng cường điều kiện nghiên cứu cho sinh viên cả về trang thiết bị và không gian PTN. Trường cần xây dựng phần mềm kiểm tra, đánh giá trực tuyến riêng của Trường để đảm bảo tính trung thực và công bằng cho sinh viên trong các kỳ thi giữa kỳ và cuối kỳ.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình đào tạo cử nhân Sinh học bao gồm 132 tín chỉ với 89 học phần, trong đó có 63 học phần có mã BIO do giảng viên Khoa Sinh học phụ trách biên soạn đề cương chi tiết. 100% đề cương chi tiết các học phần đều mô tả rõ các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm theo CDR của chương trình. Bên cạnh đó, chương trình học cũng được xây dựng toàn diện từ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội đến các kiến thức ngành nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của sinh viên cũng như trang

bị cho sinh viên khả năng tự học, tự khám phá bản thân và nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học [H4.04.03.01].

Để thúc đẩy việc tự học của sinh viên, tất cả các học phần của chương trình đều phân bổ một số giờ tín chỉ nhất định cho mục tự học, trong quá trình giảng dạy giảng viên sẽ lựa chọn những nội dung phù hợp để sinh viên có thể tự tìm tài liệu hoặc tìm tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên để tự học. Bên cạnh đó các hình thức giảng dạy và học tập như thảo luận nhóm, seminar, đưa ra tình huống, bài tập... cũng góp phần giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học đã và đang được các giảng viên Khoa Sinh học áp dụng trong các học phần [H4.04.03.02].

Ngoài việc chủ động lên kế hoạch học tập sinh viên còn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học, từ đó giúp sinh viên tự tìm hiểu và định hướng trong học tập và công việc sau này. Để làm được điều này, hàng năm Khoa Sinh học đều tổ chức buổi giới thiệu chuyên ngành cho sinh viên, với sự tham gia chủ yếu là các em sinh viên năm thứ 2. Mục đích của buổi giới thiệu chuyên ngành là giúp các em sinh viên Khoa Sinh học có được hiểu biết về các bộ môn trong Khoa, các chuyên ngành, hướng nghiên cứu và các thông tin liên quan đến định hướng nghề nghiệp. Từ đó, các sinh viên trong Khoa sẽ tham gia nghiên cứu khoa học, định hướng lựa chọn học phần chuyên sâu năm thứ 4 để thực hiện nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.03].

Hoạt động nghiên cứu khoa học, là hoạt động không thể thiếu đối với sinh viên Khoa Sinh học. Đây là một trong những hoạt động học hiệu quả giúp người học tự rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của bản thân. Hàng năm Khoa Sinh học đều tổ chức Hội nghị Khoa học sinh viên trong khuôn khổ Hội nghị Khoa học sinh viên Trường Đại học KHTN. Hoạt động nghiên cứu, báo cáo khoa học thu hút được đông đảo sinh viên tham gia. Chủ đề nghiên cứu do sinh viên lựa chọn hoặc đề xuất, được sự chấp thuận của cán bộ hướng dẫn,

của Bộ môn và Khoa. Qua hoạt động này, khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu của sinh viên cũng như rèn luyện kỹ năng thực hành, kỹ năng báo cáo của sinh viên [H4.04.03.04].

Khóa luận tốt nghiệp là học phần chiếm tỷ lệ số tín chỉ cao (7 tín chỉ). Thông qua học phần này, sinh viên được hướng dẫn và chiếm lĩnh kiến thức cơ bản và chuyên sâu, tiếp cận được các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại về một trong các lĩnh vực: sinh học phân tử và tế bào, sinh học cơ thể động, thực vật và người, sinh học quần thể, quần xã, hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Sinh học vào việc giải quyết một vấn đề cụ thể. Có kỹ năng tìm hiểu và đọc tài liệu bằng tiếng nước ngoài, có khả năng đánh giá và phân tích một nghiên cứu cụ thể. Biết sử dụng một số các thiết bị thí nghiệm truyền thống và các máy móc hiện đại nhằm đáp ứng tốt các công việc liên quan đến một lĩnh vực cụ thể trong Sinh học và có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết sau khi ra trường. Hầu hết các sinh viên đều đăng ký học học phần KLTN. Do vậy sinh viên sau khi tốt nghiệp đều được trang bị kỹ năng tự học, làm chủ việc học tập, nghiên cứu và kỹ năng làm việc [H4.04.03.05].

Bên cạnh các hoạt động học các học phần của chương trình đào tạo ngành Sinh học, sinh viên Khoa Sinh học nói chung và sinh viên ngành Sinh học nói riêng còn được học các kỹ năng mềm thông qua các hoạt động ngoại khóa do Trường, Khoa, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức như các hoạt động tình nguyện “Hiên máu nhân đạo”, “tiếp sức mùa thi” ...Tham gia các lễ hội như “HUS’s open day”, “Hội chợ việc làm”, “Giờ trái đất”, tham dự các bài giảng đại chúng, các hoạt động thể thao “Giải bóng đá” cấp Khoa và Trường. Qua những hoạt động này, sinh viên được tích lũy làm giàu thêm các kỹ năng giao tiếp, sự tự tin, thái độ chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện và trách nhiệm xã hội [H4.04.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

100% các học phần của chương trình sử dụng phương pháp giảng dạy thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và tự học của người học. Khoa Sinh học thường xuyên tổ chức tư vấn định hướng nghề nghiệp, hội nghị khoa học, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học giúp rèn luyện các kỹ năng nghề và nâng cao khả năng tự học của sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Vẫn còn một số sinh viên chưa thật sự chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Số sinh viên năm thứ 4 học học phần KLTN chưa đạt tỷ lệ 100% do một số sinh viên thay đổi định hướng nghề nghiệp của bản thân.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2022 – 2023, bộ phận đào tạo Khoa, trợ lý và các cố vấn học tập & giáo viên chủ nhiệm có nhiều hình thức hơn trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Trường đầu tư thêm cơ sở vật chất cho các PTN giúp tăng cường điều kiện nghiên cứu cho sinh viên. Khoa Sinh học tiếp tục phối hợp với các đơn vị ngoài trường như Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh thái & Tài nguyên sinh vật, Viện Vi sinh vật, Học viện Quân y, ... trong công tác đào tạo bậc cử nhân, giúp cho sinh viên có cơ hội được học tập và nghiên cứu ở các cơ sở ngoài trường.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4***

Triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục và chiến lược phát triển của trường Đại học KHTN. Hoạt động dạy và học của chương trình được thiết kế phù hợp với CDR của chương trình, phù hợp với CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết các học phần được trình bày rõ ràng. Hình thức giảng dạy đa dạng, phù hợp với CDR,

thúc đẩy người học rèn luyện các kỹ năng đáp ứng CĐR của học phần và chương trình. Người học được chủ động trong học tập, được nâng cao tư duy, nhận thức và phát triển khả năng tự học tập suốt đời của bản thân.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí; trong đó có 03 tiêu chí đạt mức 5. Trung bình 5/7.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học tập, theo đúng nội dung, lịch trình quy định tại đề cương học phần và hướng dẫn đào tạo hàng năm của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Trường ĐHKHTN), tuân thủ quy chế đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và Bộ Giáo dục Đào tạo. Các hướng dẫn, quy định về đánh giá kết quả học tập được công bố cho sinh viên mỗi đầu khóa học và mỗi đầu học kì. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra (CĐR), nhằm đánh giá mức độ đạt CĐR. Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được công bố cho sinh viên đúng thời gian quy định và sinh viên được khiếu nại và nhận phản hồi khiếu nại.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học ban hành năm 2015 (điều chỉnh năm 2019, 2022) có quy định rõ ràng về CĐR của chương trình đào tạo [H5.05.01.06] cũng như từng học phần [H5.05.01.07]. Việc đánh giá kết quả đào tạo được thực hiện theo đúng quy chế của ĐHQGHN và Bộ Giáo dục Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03, H5.05.01.04, H5.05.01.05]. Kế hoạch kiểm tra đánh giá được công bố vào tháng 8 hàng năm theo kế hoạch năm học [H5.05.01.09] và được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế,



ví dụ như trong dịch Covid-19 [H5.05.01.10]. Nội dung, trọng số và hình thức kiểm tra được công bố vào đầu mỗi năm học theo Hướng dẫn tổ chức, quản lý giảng dạy và học tập năm học [H5.05.01.11] và đầu mỗi học kì theo từng học phần [H5.05.01.07]. Các học phần được đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình học, đánh giá giữa kỳ vào khoảng tuần 7-8 của mỗi học kì và đánh giá cuối kỳ vào cuối mỗi học kì [H5.05.01.07, H5.05.01.09]. Hướng dẫn, quy định về việc tổ chức đánh giá, thi cuối kì, ra đề thi và chấm thi được quy định rõ ràng [H5.05.01.12, H5.05.01.13]. Các quy trình, tài liệu hướng dẫn đánh giá được thiết kế phù hợp với mục tiêu đánh giá các mức độ đạt được CDR của từng học phần [H5.05.01.13, H5.05.01.19]. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học, kết hợp thảo luận trong lớp với các bài kiểm tra ngắn, tập trung chủ yếu vào đánh giá mức độ ghi nhớ và hiểu kiến thức được truyền đạt của sinh viên trong và sau các buổi học. Đánh giá giữa kì được thực hiện thông qua các bài kiểm tra giữa kỳ được thiết kế để đánh giá mức độ ghi nhớ, hiểu và khả năng vận dụng kiến thức của sinh viên [H5.05.01.19]. Đánh giá cuối kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra cuối kỳ có bổ sung thêm các câu hỏi để đánh giá năng lực phân tích vấn đề của sinh viên [H5.05.01.19]. Đề thi đánh giá thường xuyên do cán bộ giảng dạy thiết kế có điều chỉnh giữa các khóa học và gần như tất cả cán bộ giảng dạy đều tham gia đánh giá thường xuyên, có điểm đánh giá thường xuyên riêng cho mỗi sinh viên. Đề thi giữa kỳ và cuối kỳ được thiết kế, thảo luận thống nhất và quản lý bởi các cán bộ giảng dạy với các câu hỏi tương ứng với tỉ trọng các phần nội dung kiến thức và mức độ đạt được CDR và có điều chỉnh sau mỗi học kỳ. Đặc biệt, do tính chất quan trọng, khóa luận tốt nghiệp (KLTN) của sinh viên được hướng dẫn đánh giá riêng với các quy định, yêu cầu rõ ràng, phù hợp đánh giá mức độ đạt được CDR [H5.05.01.14, H5.05.01.15, H5.05.01.16, H5.05.01.19]. Cả Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học đều có kế hoạch, hướng dẫn thực hiện, chấm KLTN hàng năm. Mỗi cán bộ hướng dẫn, tùy theo học hàm và học vị chỉ được hướng dẫn tối đa 3-6 sinh viên mỗi năm, đảm bảo cho mỗi sinh viên nhận được hướng dẫn đầy

đủ của cán bộ hướng dẫn cho việc thực hiện và viết KLTN. Hội đồng chấm KLTN được thành lập theo quyết định của Ban lãnh đạo Khoa với tối thiểu 03 ủy viên (thường gồm 05 ủy viên) để đảm bảo đánh giá toàn diện, khách quan kết quả học tập, nghiên cứu của sinh viên. Kết quả rèn luyện của sinh viên được đánh giá theo đúng quy chế của Bộ GDĐT và ĐHQGHN [H5.05.01.02, H5.05.01.04], theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHKHTN với quy trình, tiêu chí rõ ràng, do sinh viên, giáo viên chủ nhiệm và hội đồng chấm điểm rèn luyện thực hiện [H5.05.01.05, H5.05.01.17, H5.05.01.18]. Việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện theo đúng các tiêu chí cụ thể cho từng tiêu chuẩn và theo đúng quy trình: (1) sinh viên tự đánh giá → (2) họp lớp cùng giáo viên chủ nhiệm để đánh giá tập thể → (3) hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp Khoa đánh giá → (4) hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp Trường xem xét và kết luận → (5) kết quả đánh giá được công bố công khai và thông báo cho sinh viên [H5.05.01.05, H5.05.01.17, H5.05.01.18].

## *2. Điểm mạnh*

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế hợp lý để đo lường mức độ đạt được CDR. Kế hoạch đánh giá được quy định rõ ràng cho từng năm học và từng học kì.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên đạt CDR về kỹ năng bổ trợ như kỹ năng quản lý và lãnh đạo khó thực hiện tốt cho tất cả sinh viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ tổ chức nhiều hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng có giám sát để nhiều sinh viên có cơ hội tham gia, thể hiện năng lực lãnh đạo cũng như phẩm chất đạo đức.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

***1. Mô tả hiện trạng***

Các quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định rõ ràng trong quy chế đào tạo [H5.05.02.01, H5.05.02.02, H5.05.02.03, H5.05.02.04]; trong sổ tay sinh viên [H5.05.02.05] và được cung cấp cho mỗi sinh viên đầu khóa học cũng như được truyền đạt trực tiếp đến sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học và đầu các năm học [H5.05.02.06]; trong kế hoạch năm học được cung cấp cho sinh viên đầu mỗi năm học [H5.05.02.07]; trong đề cương học phần được cung cấp cho sinh viên đầu mỗi học kỳ [H5.05.02.08]; trong hướng dẫn ra đề, chấm thi, thi cuối kỳ được cung cấp cho sinh viên qua email trong mỗi học kỳ [H5.05.02.09]. Các học phần được đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình học (20% điểm), đánh giá giữa kỳ vào khoảng tuần 7-8 của mỗi học kỳ (20% điểm) và đánh giá cuối kỳ vào cuối mỗi học kỳ (60% điểm) [H5.05.02.08, H5.05.02.07]. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua thảo luận trong lớp, các bài kiểm tra ngắn ~15 phút. Đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ thường được thực hiện thông qua các bài kiểm tra trong một giờ hoặc dài hơn tùy theo số tín chỉ của học phần. Hình thức kiểm tra (thi tự luận, trắc nghiệm hay tiểu luận...) đều được thông báo trước cho sinh viên trong mỗi học kỳ. Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) thường có hướng dẫn/quy định riêng được quy định rõ ràng trong kế hoạch năm học, trong Hướng dẫn viết và chấm KLTN, trong Quyết định thành lập Hội đồng chấm KLTN được công bố hàng năm [H5.05.02.10, H5.05.02.11, H5.05.02.12]. Các tài liệu, hướng dẫn đều được gửi cho tất cả sinh viên qua hệ thống email của Trường, được công bố trên trang web của Trường và Khoa. Sinh viên có thể tự tiếp cận các quy định, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập được cung cấp qua email, trang web hoặc có thể hỏi thêm các trợ lý đào tạo của Khoa Sinh học hay cán bộ giảng dạy.

## *2. Điểm mạnh*

Những quy định về đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định rõ ràng và được cung cấp cho từng sinh viên ở mỗi đầu khóa học, đầu năm học hay đầu các học kì.

## *3. Điểm tồn tại*

Nhiều hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập của sinh viên còn được trình bày dưới dạng mô tả, ít được biểu diễn dưới dạng sơ đồ.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ biên soạn lại một số tài liệu hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới dạng sơ đồ, với hình ảnh, bảng biểu minh họa dễ hiểu hơn.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau được quy định trong quy chế đào tạo, hướng dẫn dạy học và đề cương học phần [H5.05.03.01, H5.05.03.02, H5.05.03.03, H5.05.03.04, H5.05.03.05, H5.05.03.06, H5.05.03.07, H5.05.03.08]. Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong suốt quá trình học thông qua thảo luận giữa sinh viên với cán bộ giảng dạy, giữa sinh viên với sinh viên trong các giờ học và thông qua các bài kiểm tra ngắn ~15 phút trong giờ học hoặc bài kiểm tra online cuối ngày. Đánh giá giữa kỳ thường được thực hiện thông qua các bài kiểm tra một giờ trên lớp với các câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận. Bài kiểm tra giữa kỳ được chấm bởi cán bộ giảng dạy. Đánh giá cuối kỳ thường được thực hiện thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm

hoặc tự luận với thời lượng tương xứng với số đơn vị tín chỉ của mỗi học phần và được tổ chức chung toàn trường. Chấm thi cuối kỳ được thực hiện tập trung ở phòng chấm thi do phòng Đào tạo phụ trách, bài thi của sinh viên do phòng Đào tạo quản lý. Gần như tất cả cán bộ giảng dạy đều tham gia vào việc chấm thi cuối kỳ. Điểm thi cuối kỳ được cán bộ phòng Đào tạo kiểm tra trước khi nhập vào hệ thống và thông báo cho sinh viên. Đề thi được thiết kế với nhiều mức độ khó khác nhau phù hợp với CDR của mỗi học phần và chương trình đào tạo [H5.05.03.09, H5.05.03.10, H5.05.03.08]. Nhiều học phần được giảng dạy bởi 2-4 giảng viên thì tất cả các giảng viên đều tham gia vào đánh giá kết quả học tập của sinh viên và tham gia xây dựng đề thi, các tiêu chí đánh giá sinh viên. Đề thi giữa kỳ và cuối kỳ được đề xuất bởi cán bộ giảng dạy, được điều chỉnh dựa trên kết quả thi của học kỳ trước và hoạt động giảng dạy của học kỳ hiện thời. Đề thi được góp ý bởi các cán bộ giảng dạy, được thảo luận và thống nhất trong mỗi học kỳ. Sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí rõ ràng, thống nhất, đảm bảo tính công bằng cho tất cả sinh viên [H5.05.03.10]. Kỹ năng thực hành được đánh giá trực tiếp qua các thao tác thực hành trong mỗi giờ học và thông qua báo cáo các bài thực hành sau mỗi buổi thực hành. Điểm đánh giá thực hành có thể được kết hợp vào điểm đánh giá thường xuyên hoặc giữa kỳ, đảm bảo đo lường được mức độ đạt CDR về cả kỹ năng và kiến thức. Đối với một số học phần, đặc biệt là các chuyên đề năm thứ tư, việc đánh giá có thể được thực hiện qua các bài seminar, tiểu luận nghiên cứu về một vấn đề cụ thể. Hình thức đánh giá này giúp đánh giá được đồng thời nhiều kỹ năng như kỹ năng tìm kiếm tài liệu, năng lực đọc hiểu, phân tích và tổng hợp tài liệu, kỹ năng viết báo cáo, trình bày báo cáo khoa học, kỹ năng thảo luận, phản biện các vấn đề khoa học... Với thế mạnh về nghiên cứu khoa học, Khoa Sinh học rất chú trọng vào việc thực hiện và đánh giá KLTN của sinh viên [H5.05.03.11, H5.05.03.12, H5.05.03.13]. Phần lớn sinh viên tham gia học tập và thực hiện nghiên cứu khoa học ở các phòng thí nghiệm từ năm thứ ba. Nhờ tham gia trực tiếp vào nghiên cứu khoa học, sinh viên rèn luyện được kỹ năng thực hành tốt và tích

lũy thêm nhiều kiến thức chuyên ngành chuyên sâu. Sinh viên được báo cáo KLTN trong khoảng 15-20 phút và được đánh giá bởi hội đồng gồm 3-5 ủy viên. Đánh giá KLTN được thực hiện thông qua thảo luận trực tiếp các vấn đề liên quan trong buổi bảo vệ KLTN, thông qua nội dung và hình thức của KLTN. Đối với một số sinh viên không thực hiện KLTN thì KLTN được thay thế bằng các học phần với số tín chỉ tương đương. Các phương pháp kiểm tra đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR cả về kiến thức lẫn kỹ năng.

## *2. Điểm mạnh*

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức, phương pháp đa dạng với tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo công bằng, khách quan và độ tin cậy.

## *3. Điểm tồn tại*

Bài thi cuối kỳ của sinh viên không được rọc phách, danh tín của sinh viên được xác định rõ ràng trên mỗi bài thi.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ đề nghị phòng Đào tạo rọc phách bài thi cuối kì.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt: 5/7

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc phản hồi kết quả đánh giá cho sinh viên được quy định rõ ràng trong quy chế đào tạo của ĐHQGHN và hướng dẫn giảng dạy hàng năm của Trường ĐHKHTN [ H5.05.04.01, H5.05.04.02, H5.05.04.03, H5.05.04.04]. Các tài liệu này

đều được công bố cho cán bộ giảng dạy và sinh viên qua email hoặc trên trang web của Trường. Kết quả đánh giá được phản hồi cho sinh viên theo đúng quy định của Trường. Kết quả đánh giá thường xuyên và giữa kỳ của mỗi học phần thường được phản hồi cho sinh viên trong một vài tuần trước khi thi kết thúc học phần. Với việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đánh giá kết quả học tập, ví dụ sử dụng Google Classroom, Google Forms, kết quả đánh giá được phản hồi cho sinh viên được thực hiện nhanh hơn và chi tiết hơn. Riêng các đánh giá kỹ năng như thuyết trình, thực hành được phản hồi ngay cho sinh viên để sinh viên cải thiện việc học tập. Kết quả thi cuối kỳ được phản hồi cho sinh viên trong vòng 1-2 tuần sau khi thi xong [H5.05.04.01, H5.05.04.04]. Ngoài kết quả đánh giá học tập từng học phần, kết quả học tập chung của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ bởi hội đồng cấp Trường và thông báo cho sinh viên cũng như giáo viên chủ nhiệm lớp để động viên, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập. Sinh viên có kết quả học tập tốt được khen thưởng còn sinh viên có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu sẽ bị nhắc nhở, cảnh cáo tùy theo mức độ [H5.05.04.05, H5.05.04.06].

## *2. Điểm mạnh*

Kết quả đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN. Việc sử dụng công nghệ thông tin giúp kết quả đánh giá được phản hồi nhanh chóng cho sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Để có thể thực hiện nhanh chóng việc phản hồi kết quả đánh giá, kết quả đánh giá thường xuyên và giữa kỳ thường được công bố cho sinh viên dưới dạng danh sách chung của cả lớp, ảnh hưởng đến bí mật điểm của cá nhân sinh viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ phối hợp với Trường ĐHKHTN để triển khai hệ thống nhập điểm trực tuyến, cho phép giảng viên nhập kết quả đánh giá vào hệ thống và phản hồi riêng rẽ cho từng sinh viên.

## 5. Tự đánh giá

Đạt: 5/7

### **Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã quy định và hướng dẫn rõ ràng, được công bố cho sinh viên từ đầu khóa cũng như nhắc lại ở mỗi học kỳ [H5.05.05.01, H5.05.05.02]. Đối với kết quả đánh giá thường xuyên và giữa kỳ, sinh viên có thể khiếu nại trực tiếp với cán bộ giảng dạy. Sinh viên sẽ được giải thích rõ ràng cho các thắc mắc về kết quả đánh giá trước khi điểm được nộp cho Phòng Đào tạo. Đối với kết quả đánh giá cuối kỳ, sinh viên có thể khiếu nại với Phòng Đào tạo trong vòng hai tuần sau khi kết quả đánh giá được công bố và thường sẽ được nhận được kết quả khiếu nại trong vòng hai tuần sau khi sinh viên khiếu nại [H5.05.05.01; H5.05.05.02, H5.05.05.03]. Việc phúc khảo và trả lời kết quả phúc khảo được thống kê hàng năm [H5.05.05.04, H5.05.05.05, Bảng 5.1]. Số liệu cho thấy mỗi học kỳ có vài sinh viên chương trình Sinh học nộp đơn phúc khảo điểm thi cuối kỳ (Bảng x). Tính trung bình 44% (22/50) số sinh viên chương trình Sinh học nộp đơn phúc khảo có điểm thi thay đổi, trong đó 72,7% (16/22) được tăng điểm sau phúc khảo. Công tác chấm thi, cộng điểm, nhập điểm thi cuối kỳ cần được cải thiện.

*Bảng 5.1. Tổng hợp kết quả phúc khảo*

Năm học	Học kì		Số bài phúc khảo	Số bài thay đổi điểm	Tỉ lệ %	Số bài tăng điểm	Tỉ lệ %
2017-2018	I	Toàn trường	156	49	31	40	82
		CT Sinh học	6	0	0	0	-
	II	Toàn trường	212	58	27	52	90
		CT Sinh học	7	3	43	3	100
2018-2019	I	Toàn trường	140	50	36	46	92



Năm học	Học kì		Số bài phúc khảo	Số bài thay đổi điểm	Tỉ lệ %	Số bài tăng điểm	Tỉ lệ %
		CT Sinh học	5	1	20	1	100
		Toàn trường	151	53	35	45	85
	II	CT Sinh học	8	5	63	2	40
		Toàn trường	39	17	44	16	94
		CT Sinh học	1	1	100	1	100
2019-2020	I	Toàn trường	164	42	26	36	86
		CT Sinh học	4	2	50	1	50
	II	Toàn trường	169	58	34	54	93
		CT Sinh học	7	5	71	4	80
2020-2021	I	Toàn trường	189	69	37	52	75
		CT Sinh học	7	3	43	2	67
2021-2022	I	Toàn trường	39	17	44	15	88
		CT Sinh học	3	2	67	2	100

## 2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã quy định, hướng dẫn rõ ràng và được phổ biến đến tất cả sinh viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện đúng thời gian quy định.

## 3. Điểm tồn tại

Việc giải quyết khiếu nại về đánh giá thường xuyên, giữa kỳ được thực hiện trực tiếp bởi giảng viên, thông qua tương tác cá nhân trực tiếp giữa sinh viên với giảng viên, cần có hệ thống ghi chú các khiếu nại đó và kết quả giải quyết. Mặc dù ít sinh viên khiếu nại điểm thi cuối kỳ nhưng tỉ lệ sinh viên khiếu nại có điểm thi thay đổi cao.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ phối hợp với Trường để đưa việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại kết quả đánh giá thường xuyên, giữa kỳ vào hệ

thông quản lý trực tuyến của Trường. Ngoài ra, Khoa Sinh học sẽ phối hợp với Trường để nâng cao chất lượng chấm thi, vào điểm bài thi cuối kì.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt: 4/7

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5:***

- *Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:* Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR với hệ thống quy định, hướng dẫn rõ ràng, được phổ biến đến tất cả sinh viên mỗi đầu khóa học cũng như trong mỗi học kỳ. Phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR cả về kiến thức lẫn kỹ năng, đảm bảo độ tin cậy và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho sinh viên, góp phần giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập. Sinh viên được biết và thực hiện quyền khiếu nại kết quả đánh giá và được nhận kết quả khiếu nại trong thời gian quy định.

- *Tồn tại chủ yếu:* Việc đánh giá, theo dõi kết quả học tập, phản hồi kết quả học tập, khiếu nại kết quả học tập của sinh viên còn thực hiện manh mún, chưa có một hệ thống quản lý trực tuyến chung thuận lợi cho việc đánh giá, phản hồi kết quả đánh giá cũng như việc khiếu nại và trả lời kết quả khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí; trong đó có 01 tiêu chí đạt mức 4, 04 tiêu chí đạt mức 5.

#### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp. Trải qua hơn 65 năm phát triển, Khoa Sinh học đã trở thành một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu cả nước trong lĩnh vực Sinh học và Công nghệ Sinh học. Để làm được điều đó, đội ngũ cán bộ của Khoa luôn được coi là trọng tâm, mang ý

nghĩa quan trọng hàng đầu để đạt được sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Khoa Sinh học luôn chú trọng đặc biệt đến công tác xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (GV&NCV) đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, có lý tưởng, đạo đức và bản lĩnh chính trị vững vàng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục, đặc biệt đối với chuyên ngành đào tạo cử nhân Sinh học.

Đội ngũ GV&NCV thực hiện công tác giảng dạy ngành cử nhân Sinh học là những chuyên gia hàng đầu cả nước và có uy tín trên trường quốc tế, tạo được thương hiệu và uy tín cho Khoa, Trường ở trong nước và quốc tế. Các quy trình quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, chấm dứt hợp đồng, kéo dài thời gian công tác, nghỉ chế độ và nghỉ hưu được thực hiện theo quy trình công khai, minh bạch, đúng quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN. Các tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm được đưa ra đáp ứng tiêu chuẩn của GV&NCV bao gồm cả chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, khả năng nghiên cứu khoa học và đạo đức, bản lĩnh chính trị. Chế độ làm việc, bố trí giảng dạy, chế độ đánh giá để khen thưởng, kỷ luật luôn được thực hiện thường xuyên, đúng quy định, đảm bảo các yếu tố công bằng, khách quan và hiệu quả. Do đó các giảng viên luôn nhận thức đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ, các mối quan hệ công tác và trách nhiệm giải trình.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Để thực hiện tốt các mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, công tác quy hoạch đội ngũ GV&NCV nắm giữ vai trò quan trọng. Khoa Sinh học và Trường ĐHKHTN đã luôn thực hiện đúng và đầy đủ các quy

định về công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức và miễn nhiệm đối với công chức, viên chức, người lao động trong Nhà trường theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Công tác quy hoạch đội ngũ GV&NCV được thực hiện thông qua việc xây dựng các bản kế hoạch phát triển nguồn lực ngắn và dài hạn. Căn cứ bản chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN giai đoạn 5 năm từ 2015-2020 [H6.06.01.01], Khoa Sinh học đã tiến hành xây dựng các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn. Các kế hoạch dài hạn được đề ra trong Chiến lược phát triển của Khoa Sinh học, được cụ thể hóa thông qua bản Đề án điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Khoa Sinh học nhằm hoàn thiện mô hình quản trị đại học nghiên cứu tiên tiến, trong đó đào tạo gắn liền với nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.02]. Bên cạnh đó, các Nghị quyết của Chi bộ khoa Sinh học cũng đã đưa ra các kế hoạch về công tác quy hoạch đội ngũ nhân sự trong các nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2022 [H6. 06.01.03]. Khoa Sinh học cũng đã đề ra Chương trình xây dựng và phát triển khoa Sinh học nhiệm kỳ 2017-2022, trong đó sẽ nâng cáo các chỉ số về GV&NCV đạt trình độ TS và chức danh PGS, GS; mở rộng định biên nhân lực lên 80-85 cán bộ; tổ chức lại các PTN, nhóm nghiên cứu mạnh và phát triển các trung tâm nghiên cứu xuất sắc [H6. 06.01.04].

Các kế hoạch hàng năm của Khoa Sinh học được thực hiện xây dựng dựa trên Bản chỉ tiêu kế hoạch nhiệm của hàng năm của Trường ĐHKHTN được ĐHQGHN phê duyệt [H6. 06.01.05], qua các bản kế hoạch trên, khoa Sinh học đã có căn cứ để tiến hành phân tích, dự báo biến động nguồn nhân sự hàng năm để có kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, thu hút nhân tài, đào tạo bồi dưỡng thế hệ kế cận, thực hiện công tác hưu trí, nghỉ công tác đủ chế độ và đúng thời hạn [H6. 06.01.06]. Các công tác cán bộ còn được nêu rõ trong các bản kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học [H6.06.01.07].

Thêm vào đó, trên cơ sở chỉ tiêu nhân sự các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN, kết hợp với việc phân tích cơ cấu tổ chức, yêu cầu công việc và đánh giá thực trạng đội ngũ GV&NCV, Trường ĐHKHTN đã tiến hành xây dựng vị trí việc làm để có cơ sở tổng quan quan trọng trong việc định biên nhân lực, xác định được số lượng giảng viên, có kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và quản lý giảng viên, nghiên cứu viên trong Khoa [H6.06.01.08]. Trong khoảng định kỳ 2-3 năm, công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các cấp được tiến hành thực hiện công khai, minh bạch theo các quy định, hướng dẫn của Trường và của ĐHQGHN, các tiêu chí được xét gồm năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và mức độ uy tín trong đơn vị và trong nghề. Khoa đã đề nghị đưa ra quy hoạch đội ngũ cấp ủy của Chi bộ với 02 đồng chí do đã chuyển công tác và đề nghị bổ sung 15 đồng chí. Đối với đội ngũ lãnh đạo Khoa và các Bộ môn, đã đề nghị bổ sung 15 cán bộ (14 PGS, 01 TS) vào quy hoạch lãnh đạo Khoa, bổ sung 39 cán bộ được quy hoạch cho đội ngũ Trường, Phó các đơn vị trực thuộc Khoa [H6.06.01.09].

Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ theo lộ trình ngắn, trung và dài hạn, cùng với các quy định rõ ràng về quy hoạch cán bộ, hiện tại đội ngũ GV&NCV giảng dạy tại Khoa có trình độ chuyên môn cao với tỷ lệ GV&NCV cho ngành Sinh học có 100% trình độ trên ThS và trên 85% có trình độ TS trở lên, cao hơn mức chỉ tiêu chung của toàn Trường ĐHKHTN (80,5%), đa số đều là cán bộ trẻ với độ tuổi trung bình là 44.13 tuổi, đây được coi là đội ngũ nhân lực nòng cốt của Khoa Sinh học và cũng như của Trường, đã và đang đáp ứng rất tốt các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (Bảng 6.1) [H6.06.01.10].

Bên cạnh đó, Trường ĐHKHTN đã thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để báo cáo ĐHQGHN, trong đó ý kiến của Giảng viên đã được tiếp nhận đầy đủ qua đó đã tiếp thu và hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác quy hoạch đội ngũ GV&NCV được thực hiện một cách bài bản, có lộ trình, hiệu quả và khoa học dựa trên các kế hoạch nguồn nhân lực ngắn và dài hạn, qua đó đã đáp ứng được các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong giai đoạn qua. Đội ngũ GV&NCV tham gia chương trình đào tạo ngành Cử nhân Sinh học đã đáp ứng đầy đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đảm bảo về chất lượng, trình độ chuyên môn; có nhiều kinh nghiệm, có đội ngũ kế cận được đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ trong hiện tại và trong những giai đoạn tiếp theo.

## *3. Điểm tồn tại*

- Sức hút của khoa học cơ bản còn thấp, mức thu nhập của cán bộ không cao, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các trường đại học dẫn đến việc xây dựng đội ngũ khoa học trình độ cao gặp nhiều khó khăn.

- Khoa Sinh học đang ở giai đoạn chuyển giao thế hệ, thiếu hụt cán bộ đầu ngành, đặc biệt là trong nhiều năm Khoa chỉ có duy nhất 01 giảng viên có học hàm GS.

## *4. Kế hoạch hành động*

- Ban lãnh đạo Khoa thường xuyên theo dõi, bám sát các chỉ tiêu nguồn nhân lực để xây dựng kế hoạch tuyển dụng một cách chủ động, theo hàng năm, nhiệm kỳ công tác và các kế hoạch dài hạn trên 5 năm.

- Đề nghị Trường ĐHKHTN có thêm các chính sách ưu đãi các nhà khoa học trình độ cao về Khoa làm việc như ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị, được tạo điều kiện trong việc xin đề tài, dự án, xuất bản khoa học và chế độ đãi ngộ lương, thưởng tốt.

- Khoa làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ theo kế hoạch năm học đã đặt ra và theo yêu cầu của ĐHQGHN.

- Động viên và giao trách nhiệm phần đầu đăng ký xét chức danh GS/PGS đối với các giảng viên trẻ để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên có học hàm GS/PGS của đơn vị.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt. Mức: 6/7

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, tỷ lệ giảng viên/sinh viên của khối ngành IV là 1/20 [H6.06.02.01]. Dựa trên quy định về thời gian làm việc của cán bộ giảng dạy, hàng năm, Khoa Sinh học đều tiến hành rà soát tỷ lệ giảng viên/sinh viên nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy, nghiên cứu của năm học đó, cũng như đưa ra đề xuất về chỉ tiêu tuyển sinh của năm học sau [H6.06.02.02, H6.06.02.03]. Kết quả được thể hiện trong bảng 6.1 đến 6.3 dưới đây. Kết quả cho thấy các chỉ số đều đáp ứng yêu cầu: tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên ngày càng cao, từ năm 2017-2018 đạt 75% tới năm 2021-2022 đã đạt 85.3% (quy định: trên 40%; Bảng 6.1); tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên số sinh viên vượt tiêu chuẩn đề ra của Bộ là 1 giảng viên/20 sinh viên với các năm học gần nhất đều đạt tiêu chuẩn, đặc biệt năm học gần nhất đạt tiêu chuẩn với tỷ lệ là 1 giảng viên/14.2 sinh viên (Bảng 6.3).

Tổng quỹ thời gian làm việc của đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu trong một năm học tuân theo quy định của VNU và HUS. Theo đó, để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong ĐHQGHN, mỗi GV, NCV cần đảm bảo 1.760 giờ/năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ

chuyên môn khác, sau khi trừ số ngày nghỉ theo qui định [H6.06.02.02, H6.06.02.03]. Trong đó, các định mức công việc được phân chia chi tiết, rõ ràng về tỉ lệ số giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ phục vụ cộng đồng trong một năm học cho các ngạch giảng viên và nghiên cứu viên khác nhau trong Quy định về chế độ việc làm của GV&NCV do ĐHQGHN và trường ĐHKHTN ban hành [H6.06.02.02, H6.06.02.03].

*Bảng 6.1. Số liệu về GV&NCV cơ hữu giảng dạy ngành Sinh học giai đoạn 2017-2022*

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu	Cơ hữu là ThS	Tỷ lệ ThS (%)	Cơ hữu là TS	Tỷ lệ TS (%)	Cơ hữu là PGS	Tỷ lệ PGS (%)	Cơ hữu là GS	Tỷ lệ GS (%)	Tổng số GV quy đổi
2017-2018	56	14 (10/4)	25	29 (18/11)	51.8	13 (6/7)	23.2			111
2018-2019	57	12 (10/2)	21	33 (21/12)	58	12 (5/7)	21			114
2019-2020	58	10 (9/1)	17.2	33 (21/12)	56.9	14 (6/8)	24.1	01 (0/1)	1.8	123
2020-2021	59	9 (8/1)	15.3	33 (20/13)	55.9	16 (6/10)	27.1	01 (0/1)	1.7	128
2021-2022	61	9 (8/1)	14.7	35 (22/13)	57.5	16 (8/8)	26.2	01 (0/1)	1.6	132

\* Các chỉ số được viết dưới dạng: t(f/m) với t là tổng số, f là số tính cho nữ giới; và m là số tính cho nam giới.

(\*) Hệ số quy đổi GV&NCV: GS = 5, PGS = 3, TS = 2, ThS = 1.

*Bảng 6.2. Số liệu về chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành Sinh học giai đoạn 2017-2022*

Năm học	Số tín chỉ	Số sinh viên	Tổng chỉ số FTEs
2017-2018	136	225	273.21
2018-2019	136	259	314.5
2019-2020	132	281	331.18
2020-2021	132	300	353.57
2021-2022	132	291	342.96

Theo hướng dẫn tại công văn 1074/KTKĐCLGD-KDDH ngày 28/6/2016: Tải trọng: 14TC/kỳ, 1 năm là 28 TC. Chỉ số FTE của 1 sinh viên/năm = Số TC bình quân trong năm/28



*Bảng 6.3. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành Sinh học*

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số FTEs của GV</b>	<b>Tổng số FTEs của SV</b>	<b>Tỷ lệ GV/SV</b>
2017-2018	17.8	273.21	1/15.4
2018-2019	18.275	314.5	1/17.2
2019-2020	18.81	331.18	1/17.6
2020-2021	20.56	353.57	1/17.2
2021-2022	24.15	342.96	1/14.2

*Số lớp dạy trong 1 năm của mỗi giảng viên giảng dạy khung chương trình chuẩn SH được tính dựa vào thời khóa biểu của từng năm học.*

*Theo hướng dẫn tại công văn 1074/KTKĐCLGD-KDDH ngày 28/6/2016: 4 lớp/học kỳ được tính 1 FTE cho 1 GV cơ hữu → FTE của GV cơ hữu = hệ số quy đổi x số lớp dạy trong năm / 8.*

Đầu mỗi năm học mới, mỗi cán bộ đều tiến hành đăng kí nhiệm vụ năm học [H6.06.02.04]. Căn cứ kế hoạch giảng dạy hàng năm của Khoa đề xuất, Bộ môn tiến hành họp và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn và năng lực của giảng viên [H6.06.02.05]. Cuối năm học, dựa vào Phiếu tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của viên chức, Bộ môn, Khoa và Trường sẽ tiến hành họp để đánh giá và xếp loại viên chức căn cứ trên các nhiệm vụ đã đăng ký, các nhiệm vụ được giao và các chỉ tiêu về giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo quy định [H6.06.02.06, H6.06.02.07]. Kết quả đánh giá xếp loại thi đua của cá nhân, tập thể sẽ được công khai để có các biện pháp cải thiện, xem xét các hình thức khen thưởng, nâng lương trước thời hạn [H6.06.02.08, H6.06.02.09]. Việc đánh giá chất lượng giảng viên cùng với xác định tải trọng công việc hiện tại sẽ là căn cứ để Khoa lên kế hoạch nhân sự cho năm học tới. Các ý kiến phản hồi của GV&NCV tham gia thực hiện CTĐT về việc phân công nhiệm vụ của Bộ môn, của Khoa và khối lượng, chất lượng công việc được thường xuyên thực hiện [H6.06.02.10].

## *2. Điểm mạnh*

Do xây dựng được đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và chất lượng nên tỉ lệ trung bình giữa người học và giảng viên hợp lý và vượt chuẩn, nên việc vận hành

các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học đảm bảo được chất lượng, giúp sinh viên có được nhiều sự hỗ trợ từ giảng viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Việc rà soát, thống kê giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giám sát, đánh giá thường xuyên và chặt chẽ theo đúng quy định. Nên Khoa có thể có kế hoạch nhằm bổ sung, cải tiến chất lượng đào tạo, kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể có các thành tích xuất sắc.

### *3. Điểm tồn tại*

Các tiêu chí để xét giờ phục vụ cộng đồng hay các hoạt động cộng đồng còn chưa được làm rõ nên khó xác định tính giờ cho GV, NCV.

### *4. Kế hoạch hành động*

- Đề nghị Trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chi tiết, đầy đủ các danh mục công việc thuộc ba nhiệm vụ chính là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó cần có sự đối sánh với các tiêu chuẩn mang định hướng chuẩn quốc tế để thúc đẩy cán bộ phát triển năng lực bản thân. Bên cạnh đó, có sự hỗ trợ, khen thưởng tương xứng với các nỗ lực đó của cán bộ.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt Mức: 6/7

***Tiêu chí 6.3. Việc tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, Khoa Sinh học đã xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn trong việc bổ nhiệm, điều chuyển các chức danh nghề nghiệp (GV&NCV), chức danh khoa học (GS, PGS) và chức danh quản lý như sau:

*Đối với chức danh nghề nghiệp (GV&NCV):*

Chính sách tuyển dụng GV&NCV của khoa Sinh học dựa trên chất lượng học thuật, vị trí việc làm, đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, công khai, đúng với các quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN [H6.06.03.01]. Công tác tuyển dụng của Khoa được thực hiện hàng năm dựa trên đề xuất của các đơn vị (Bộ môn và Khoa) và nhu cầu thực tế của Trường bám sát kế hoạch phát triển nhân lực đã được xây dựng, Trường ĐHKHTN lên kế hoạch chung cho công tác tuyển dụng để báo cáo ĐHQGHN [H6.06.03.02]. Năng lực trong nghiên cứu cũng như kỹ năng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm được đánh giá, đề xuất từ Bộ môn (hội đồng chuyên môn) và Khoa [H6.06.03.03]. Các thông tin nhu cầu tuyển dụng và kết quả tuyển dụng được ĐHQGHN tiến hành đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng và dân chủ [H6.06.03.04].

Về tiêu chí chính để bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp GV&NCV được tuân theo quy định chung của Trường ĐHKHTN, cụ thể mô tả trong bảng 6.4.

*Bảng 6.4. Các tiêu chí chính để bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp*

Đối tượng	Học vị		Năng lực NCKH	Năng lực ngoại ngữ
	Tiến sĩ	Thạc sĩ		
Chức danh giảng dạy (Giảng viên)	Có chuyên ngành phù hợp (yêu cầu cao hơn của Bộ GD&ĐT)			
Chức danh nghiên cứu (Nghiên cứu viên)	Được ưu tiên	Tốt nghiệp loại giỏi, chuyên ngành phù hợp, cam kết có bằng hoặc quyết định công nhận học vị TS trong 4 năm kể từ ngày tuyển dụng (cao hơn quy định của Bộ KH&CN)	Ưu tiên có công bố quốc tế chất lượng cao, khả năng hội nhập trong đào tạo, nghiên cứu	B2 trở lên (tương đương 5.5-6.5 của IELTS)

Ngoài ra, đối với cán bộ giảng dạy và nghiên cứu, Trường còn có một số yêu cầu như: năng lực giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, đạo đức nhà giáo, đạo đức trong nghiên cứu, tôn trọng tự do học thuật, ... [H6.06.03.01, H6.06.03.03].

Để thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, Trường có kế hoạch xét tuyển ngay ứng viên vào vị trí giảng viên và nghiên cứu viên có trình độ Tiến sĩ, đáp ứng yêu cầu đặt ra theo hướng dẫn của ĐHQGHN [H6.06.03.01].

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa đã thực hiện tuyển dụng 07 GV&NCV xuất sắc được đào tạo trong và ngoài nước. Các GV&NCV mới tuyển đều là những cán bộ trẻ, có đầy đủ các năng lực để thực hiện các công việc: chuẩn bị bài giảng, tham gia xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, xây dựng đề cương học phần, biên soạn sách; sử dụng thành thạo các phương tiện dạy và học, lựa chọn được phương pháp phù hợp để đánh giá việc dạy và học; chủ trì và tham gia thực hiện hoặc đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ xã hội.

Bên cạnh đó, Khoa còn thu hút được 03 cán bộ là nhà khoa học đầu ngành trong nước về công tác tại Khoa [H6.06.03.05] và tiếp nhận 03 GV trình độ cao hết tuổi quản lý về Khoa làm công tác đào tạo và nghiên cứu Khoa học [H6.06.03.06]. Ngoài ra, để đào tạo đội ngũ kế cận bổ sung trong tương lai, có 01 sinh viên, học viên tốt nghiệp đạt loại giỏi trở lên được ký hợp đồng tạo nguồn có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định [H6.06.03.07].

Tính đến nay, 85.3% đội ngũ GV&NCV giảng dạy CTĐT ngành Sinh học đều đạt trình độ từ tiến sĩ trở lên (Bảng 6.1). Với chất lượng đầu vào được sàng lọc với tiêu chuẩn cao, cùng với quá trình bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức và năng lực chuyên môn, các cán bộ sau khi được tuyển dụng có đầy đủ các năng lực để thực hiện các công việc: chuẩn bị bài giảng, tham gia xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, xây dựng đề cương học phần, biên soạn sách; sử dụng thành thạo các

phương tiện dạy và học, lựa chọn được phương pháp phù hợp để đánh giá việc dạy và học; chủ trì và tham gia thực hiện hoặc đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu của xã hội.

Đối với các công tác thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện tuân theo các quy định chung của Nhà nước, ĐHQGHN và hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H6.06.03.08]. Tính đến nay, khoa Sinh học có 19 giảng viên cao cấp (01 GS, 18 PGS), 06 giảng viên chính (06 TS).

*Bổ nhiệm chức danh khoa học (GS, PGS):*

Khoa Sinh học đã xây dựng kế hoạch nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS căn cứ vào kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn [H6.06.03.09]. Hàng năm, Trường ĐHKHTN công bố công khai nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS và số lượng GS, PGS ở các ngành, chuyên ngành cần bổ nhiệm [H6.06.03.10]. Trong giai đoạn từ 2017 đến nay, Khoa Sinh học đã đề nghị bổ nhiệm 04 giảng viên vào chức danh PGS, các giảng viên đều đang giảng dạy các môn học cho chương trình đào tạo cử nhân Sinh học [H6.06.03.11].

*Bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý:*

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các vị trí lãnh đạo quản lý dựa trên cơ cấu bộ máy tổ chức của Khoa và thực hiện theo một quy trình và yêu cầu thống nhất đã được quy định và được sự giám sát bởi ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H6.06.03.12]. Trong giai đoạn từ 2017-2021, Khoa Sinh học đã tiến hành đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các giảng viên giữ vị trí trong Ban lãnh đạo Khoa và Trưởng, Phó các Bộ môn trực thuộc đúng quy định của Trường và của ĐHQGHN. Cụ thể, Trưởng và Phó các Bộ môn trực thuộc đều đạt trình độ cao. Trong đó, Ban Lãnh đạo Khoa, cho đến nay đều là các tiến sĩ đạt chức danh PGS. Đối với các Trưởng bộ môn, đều là Tiến sĩ trong đó có 7 tiến sĩ đạt chức danh PGS và đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý (từng là Phó trưởng bộ môn) (Mục 24, Phụ lục 7) [H6.06.03.13].

Để tiếp thu các ý kiến về công tác Tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, sắp xếp nhân sự của Trường và của Khoa, Trường ĐKHTN thông qua phòng TT, PC & ĐBCL thường xuyên lấy ý kiến góp ý của các cán bộ trong Trường nhằm kịp thời phản hồi các thắc mắc cũng như có căn cứ để thực hiện các kế hoạch điều chỉnh kịp thời [H6.06.03.14].

## *2. Điểm mạnh*

Các quy trình tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển về Khoa được thực hiện một cách bài bản, công khai, minh bạch với tiêu chí, tiêu chuẩn cho các ứng viên rõ ràng. Hội đồng đánh giá có chất lượng chuyên môn cao. Các giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng và lựa chọn bổ nhiệm vào các vị trí đều đang phát huy được năng lực của bản thân, phù hợp với chương trình giảng dạy Cử nhân Sinh học và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Khoa, của Trường.

Xây dựng được các chính sách ưu đãi và thu hút nhà khoa học giỏi, tài năng: (i) được đảm bảo quyền tự do học thuật theo thông lệ quốc tế; (ii) được ưu tiên đầu tư triển khai đề xuất ý tưởng đặc sắc có khả năng tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ hoàn chỉnh, có tầm ảnh hưởng lớn; (iii) được hưởng cơ chế đặc thù hỗ trợ nghiên cứu; (iv) được tạo điều kiện về các cơ hội thăng tiến, hỗ trợ tài chính cho cán bộ khoa học sau khi tuyển dụng.

## *3. Điểm tồn tại*

Yêu cầu tuyển dụng của Khoa và của Trường là cao hơn so với mặt bằng tuyển dụng giảng viên chung, tuy nhiên các chế độ đãi ngộ về lương và thưởng chưa thực sự hợp lý dẫn tới việc thu hút còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, các chỉ tiêu nhân lực đào tạo nguồn không có nhiều nên việc đào tạo đội ngũ giảng viên trẻ tạo nguồn chưa được thực hiện nhiều. Trong 5 năm gần đây, Khoa mới chỉ ký hợp đồng được với 01 giảng viên hợp đồng tạo nguồn.

Số lượng GV&NCV đăng ký xét tiêu chuẩn GS, PGS còn chưa cao và chưa thu hút được nhiều nguồn từ bên ngoài Trường, do vậy chưa đạt được theo kế hoạch về số lượng GS, PGS giảng dạy tại Khoa.

Các cán bộ giảng dạy tham gia kiêm nhiệm nhiều chức vụ quản lý cũng gây chồng chéo, hạn chế trong xử lý công việc cũng như thực hiện nhiệm vụ của giảng viên.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Dựa trên những góp ý của các đơn vị, Trường ĐHKHTN hiện đang tiến hành rà soát, xây dựng quy định mới về cách đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ để trả phụ cấp thu nhập tăng thêm, trong đó có phương pháp tính để tăng thu nhập với cán bộ mới tuyển dụng.

- Khoa cần tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ trẻ tham gia và chủ trì các đề tài, dự án các cấp và hỗ trợ kinh phí cho các công bố quốc tế cũng như cho các bằng sáng chế và các giải pháp hữu ích, theo các quyết định của Trường ĐHKHTN.

- Khoa và Trường cần tạo điều kiện để cán bộ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; khuyến khích cán bộ đi báo cáo khoa học tại các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế có sự hỗ trợ kinh phí dưới mọi hình thức từ đề tài, dự án hoặc các đơn vị, tổ chức theo đúng quy định của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt Mức: 6/7

## ***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Năng lực của đội ngũ GV&NCV trước và sau tuyển dụng được xác định theo các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà nước, của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN [H6.06.04.01, H6.06.04.02, H6.06.04.03]. Thêm vào đó, Trường ĐHKHTN đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm trong đó mỗi vị trí tuyển dụng được gắn với mã số chức danh nghề nghiệp và được quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ và năng lực yêu cầu tương ứng [H6.06.04.04]. Hàng năm, các Bộ môn tiến hành họp để phân công nhiệm vụ dựa trên năng lực của từng GV&NCV vào đầu mỗi học năm học [H6.06.04.05]. Các tiêu chuẩn và phân công nhiệm vụ trên chính là căn cứ quan trọng trong việc đánh giá năng lực GV&NCV.

Hàng năm, GV&NCV sẽ được tiến hành đánh giá ở nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

Đánh giá theo năm học (tháng 6 hàng năm), các tiêu chí đánh giá được dựa theo bản quy định về chế độ việc làm của GV&NCV trong đó quy định cụ thể các nhiệm vụ, thời gian làm việc, định mức chuẩn khối lượng công việc cần hoàn thành trong 1 năm học đối với từng mã ngạch GV&NCV cần thực hiện gồm nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác [H6.06.04.06]. Dữ liệu đánh giá này được sử dụng trong việc xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch, chính sách về nguồn nhân lực, đảm bảo các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV&NCV trong Khoa, cũng như toàn Trường ĐHKHTN. Đồng thời, là căn cứ để chi trả thu thập tăng thêm (từ 2021) và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm [H6.06.04.07].

Bên cạnh đó, đối với các GV&NCV cần thực hiện quy trình ký tiếp Hợp đồng, các quy trình đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được thực hiện theo Quy định của Trường ĐHKHTN [H6.06.04.08]. Đối với các GV&NCV mới tuyển dụng và



trải qua 01 năm tập sự, sẽ cần hoàn thành bản tự đánh giá, sau đó sẽ được người hướng dẫn tập sự, Bộ môn và Khoa đánh giá, nhận xét về năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian tập sự [H6.06.04.09, H6.06.04.10, H6.06.04.11]. Các GV&NCV giảng dạy ngành cử nhân Sinh học trong giai đoạn 2016-2021 đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được đề nghị Trường ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc tiếp theo.

Đối với các GV&NCV là đảng viên, thực hiện thêm đánh giá hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của Đảng viên dựa theo các quy định, hướng dẫn của Đảng [H6.06.04.12].

Năng lực của GV&NCV thực hiện chương trình đào tạo ngành Sinh học còn được phản ánh thông qua các đợt khảo sát đối với người học của CTĐT thông qua việc đánh giá các môn học, khóa học [H6.06.04.13]. Kết quả cho thấy hầu hết các GV&NCV thực hiện CTĐT đều được đánh giá rất cao về năng lực giảng dạy và NCKH.

Tổng hợp các kết quả đánh giá giúp cán bộ phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm còn hạn chế trong thực hiện công việc, đây cũng là căn cứ để thực hiện các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, khen thưởng, tôn vinh đối với cán bộ. Tính đến nay, năng lực của đội ngũ GV&NCV giảng dạy cho ngành Sinh học đều đạt tiêu chuẩn về chuyên môn với tỷ lệ giảng viên cơ hữu đã tuyển dụng có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu đạt 100%. Về trình độ ngoại ngữ và tin học đều ở mức cao với hầu hết các GV&NCV đều được đào tạo ở nước ngoài. Bên cạnh đó, 100% các GV&NCV đều đã hoàn thành các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm đại học và chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên các hạng I, II, III tương ứng với chức danh nghề nghiệp mà GV&NCV đang giữ.

## *2. Điểm mạnh*

Việc quy định các tiêu chuẩn của GV&NCV trong Trường ĐHKHTN cao hơn tiêu chuẩn cứng về học vị và năng lực sử dụng tiếng Anh của Bộ GD&ĐT, bộ KH&CN đã cho thấy đội ngũ giảng dạy khoa Sinh học mạnh về chuyên môn, nghiệp vụ, có nhiều công trình khoa học mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, đóng góp phần quan trọng trong việc đưa trường ĐHKHTN luôn nằm tốp đầu về các chỉ số KHCN của ĐHQGHN. Điều đó được thể hiện rõ thông qua các thành tích xuất sắc về các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Về việc đánh giá của các GV&NCV đã phản ánh khá đầy đủ các phương diện về năng lực của GV&NCV và cho thấy sự công bằng và khách quan. Thêm vào đó, việc đánh giá được tiến hành thường xuyên và đúng quy trình đã kịp thời đưa ra các cơ sở dữ liệu đáng tin cậy giúp bản thân GV&NCV và các cấp quản lý kịp thời đưa ra kế hoạch điều chỉnh và xem xét hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ.

## *3. Điểm tồn tại*

Do tiêu chuẩn về năng lực của GV&NCV của Trường ĐHKHTN cao hơn so với mặt bằng chung, do vậy, một số cán bộ trong thời gian gần đây chưa hoàn thành giờ giảng dạy/giờ nghiên cứu.

Việc đánh giá theo năm học và năm công tác còn nhiều nội dung bị trùng lặp dẫn tới việc chồng chéo văn bản và tăng khối lượng công việc hành chính.

Kết quả đánh giá độc lập của các bên như Đoàn TN và Công đoàn đều đã có hình thức khen thưởng cho các cá nhân, tập thể xuất sắc, tuy nhiên kết quả phản hồi của sinh viên thì chưa có hình thức khen thưởng, tuyên dương mà mới chỉ mang tính chất để tham khảo.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Dựa trên phân công giảng dạy đầu mỗi kỳ học, sẽ tính toán dự kiến số giờ đạt được trong kỳ và tiến hành tính lũy tiến vào kỳ tiếp theo. Qua đó, có kế hoạch thực hiện giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong kỳ tiếp theo, đạt đủ KPI của vị trí đảm nhiệm.

Trong các kỳ học tới, các cán bộ được sinh viên bình chọn nhiều nhất sẽ được tuyên dương và khen thưởng qua đó thể hiện mức độ coi trọng và là một kênh chính thức nhằm đánh giá năng lực của GV&NCV.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt. Mức: 6/7

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhằm phát triển chuyên môn và nghiệp vụ của GV&NCV luôn được Khoa Sinh học và Trường ĐHKHTN đề cao nhằm đáp ứng với sự phát triển Trường trong thời kỳ khoa học công nghệ tiên tiến và không ngừng đổi mới, từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế. Hàng năm, Trường ĐKHTN luôn tiến hành rà soát, lên kế hoạch và phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H6.06.05.01]. Bên cạnh đó, khoa Sinh học thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV&NCV [H6.06.05.02], qua đó tiến hành xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển đội ngũ GV&NCV được xác định rõ trong kế hoạch hành động của Ban Lãnh đạo Khoa và trong các bản kế hoạch năm học [H6.06.05.03]. Căn cứ các quy trình trên, một số hoạt động đào tạo bồi dưỡng chính đã được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân GV&NCV cũng như yêu cầu của Chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo cho GV&NCV mới tuyển dụng: Trường cử cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp hướng dẫn và phụ trách các GV&NCV mới để làm quen với môi trường làm việc [H6.06.05.04]. Ngoài ra, Trường còn cung cấp Sổ tay cán bộ, giúp cán bộ mới có thể chủ động tìm hiểu về Trường và đơn vị công tác [H6.06.05.05].

- Đào tạo nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn:

(1) *Đi học Tiến sĩ, sau Tiến sĩ*: dựa trên các chỉ tiêu nguồn nhân lực đến năm 2015-2020, định hướng 2025, Khoa thường xuyên rà soát và hỗ trợ các cán bộ chưa đạt trình độ Tiến sĩ học tập, nghiên cứu khoa học sớm đạt chuẩn giảng viên của Trường. Trong đó, Trường ĐHKHTN có nhiều hình thức hỗ trợ như hỗ trợ 100% kinh phí, giảm 60% giờ giảng dạy cho GV&NCV đã qua tuyển dụng là học viên cao học và nghiên cứu sinh [H6.06.05.06], hỗ trợ đăng báo quốc tế [H6.06.05.06, H6.06.05.07], tạo điều kiện thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp [H6.06.05.08], khen thưởng đối với các giảng viên hoàn thành trước và đúng hạn [H6.06.05.06]. Trong giai đoạn 2017-2021, Khoa đã cử 09 cán bộ đi học Tiến sĩ, trong đó có 03 giảng viên được cử đi học ở nước ngoài, 06 đang là NCS trong các cơ sở đào tạo trong nước, Khoa cũng đã cử 07 giảng viên đi học sau Tiến sĩ ở nước ngoài [H6.06.05.09].

(2) *Đạt chuẩn chức danh GS, PGS*: khoa Sinh học định hướng tập trung phát triển đội ngũ cán bộ theo chiều sâu nhằm nâng cao đội ngũ các cán bộ đầu ngành, do vậy Khoa căn cứ vào kế hoạch, thực trạng, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Khoa để xây dựng kế hoạch bổ nhiệm chức danh GS, PGS trong 5 năm và thông báo nhu cầu bổ nhiệm hàng năm ở các ngành, chuyên ngành [H6.06.05.10]. Dựa trên kế hoạch đó và các yêu cầu đạt chuẩn chức danh GS, PGS, Trường và Khoa đã có những hình thức hỗ trợ như thông báo, cập nhật các nguồn quỹ tài trợ đề tài, dự án và hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án khoa học các cấp [H6.06.05.11]; phân công hướng dẫn sinh viên, cao học, nghiên cứu sinh [H6.06.05.12]; hỗ trợ

công bố bài báo trong nước và quốc tế [H6.06.05.07]. Trong 5 năm qua, đã có 04 giảng viên là TS đạt chuẩn chức danh PGS [H6.06.05.13].

(3) *Nâng cao các kỹ năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học*: khoa Sinh học có sự hợp tác với các đối tác khoa học trong và ngoài nước, do vậy, các cán bộ của Khoa thường xuyên có cơ hội được đi học tập, trao đổi, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu.

+) Đã có 50 lượt cán bộ được cử đi giảng dạy, học tập, trao đổi chuyên môn ngắn hạn ở nước ngoài từ 2017-2021 [H6.06.05.14].

+) Khoa cũng luôn khuyến khích cán bộ hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các xí nghiệp, nhà máy và các địa phương qua đó nâng cao tính ứng dụng các công nghệ thực tiễn vào việc giảng dạy, cập nhật và phục vụ các nhu cầu của xã hội. Từ năm 2017 đến nay, đã thực hiện 30 đề tài nghiên cứu khoa học, hợp đồng dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm [H6.06.05.15].

+) Các GV&NCV cũng thường xuyên được cử đi tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế và trong nước nhằm tăng cường giao lưu, trao đổi học thuật và công bố khoa học, đã có 68 lượt cán bộ được mời đi báo cáo khoa học trong các Hội nghị từ 2017-2021 [H6.06.05.16].

+) Khoa Sinh học cũng đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tiến hành tổ chức các hội thảo khoa học nhằm thúc đẩy hoạt động trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu và thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ [H6.06.05.17].

+) Về đào tạo các kỹ năng giảng dạy, các GV&NCV của Khoa được Trường cử đi tham gia các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học, hiện nay 100% giảng viên cơ hữu giảng dạy ngành Sinh học đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học [H6.06.05.18].

+ ) Khoa cũng cử các GV&NCV đi học nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ công tác giảng dạy bằng tiếng Anh [H6.06.05.19].

+ ) Để cập nhật phương pháp giảng dạy trong thời đại 4.0, các GV&NCV được cử đi tập huấn các khóa về sử dụng các thiết bị của Dự án phòng học thông minh [H6.06.05.20].

+ ) Trong thời kỳ diễn ra đại dịch COVID-19, ĐHQGHN, Trường và khoa Sinh học cũng đã chủ động tổ chức việc dạy và học theo hình thức trực tuyến, để hỗ trợ và khắc phục các khó khăn cho GV&NCV thực hiện theo hình thức mới này, đã có những văn bản hướng dẫn, tọa đàm trực tuyến nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo [H6.06.05.21].

+ ) Đối với các kỹ năng quản lý, nghiệp vụ hành chính, có 24 lượt cán bộ được cử tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng các khóa về kiểm định chất lượng đại học [H6.06.05.22].

Nhằm nâng cao chất lượng của các Khóa đào tạo, bồi dưỡng, ý kiến phản hồi của người học luôn được tiếp thu [H6.06.05.23]. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đều được phản hồi tốt từ các GV&NCV đã tham gia, cho thấy các chương trình đào tạo phù hợp với đối tượng và đạt được những kết quả tốt.

## *2. Điểm mạnh*

Căn cứ bản kế hoạch nguồn nhân lực ngắn và dài hạn đã xác định được các mục tiêu quan trọng về phát triển đội ngũ nhân lực trình độ cao, do vậy công tác đào tạo, bồi dưỡng tương ứng được triển khai một cách bài bản, bám sát chỉ tiêu, có kế hoạch hành động cụ thể cho từng nhiệm vụ, chỉ tiêu và đáp ứng được nhu cầu đào tạo của GV&NCV trong Khoa. Về mặt bằng chung, đội ngũ giảng dạy ngành Sinh học có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ ngoại ngữ, khả năng nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế đã tiệm cận với trình độ quốc tế. Bản thân các GV&NCV cũng là những người luôn nỗ lực học hỏi, tích cực tham gia các hoạt động, chương trình đào tạo nhằm không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy,

nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khoa và Trường đã tạo điều kiện tốt nhất để các GV&NCV được trình bày đề xuất nhu cầu đào tạo và đã có các chương trình nhằm đáp ứng đối với các nhu cầu đó, đảm bảo được có ít nhất 75% số GV&NCV được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Khoa và của Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số GV&NCV do thời gian làm NCS trùng với các đợt dịch COVID-19 nên nhiều kế hoạch nghiên cứu chưa thực hiện được dẫn đến bị chậm quá trình hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng. Một số GV&NCV chưa có nhiều công bố khoa học quốc tế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Có kế hoạch hỗ trợ các NCS chưa đạt chuẩn học vị sớm hoàn thành bằng các hình thức khác nhau như giảm giờ giảng dạy, hỗ trợ công bố, ...

Cần có quy định rõ ràng về số lượng công bố quốc tế cần đạt được theo năm và theo giai đoạn để thuận tiện cho việc theo dõi, đo lường và đánh giá hiệu quả công việc đối với đội ngũ GV&NCV.

Tăng cường hỗ trợ tiền công bố khoa học nhằm tạo động lực cho GV&NCV.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt. Mức: 6/7

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHKHTN đã và đang vận hành hệ thống quản lý về kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV&NCV, bao gồm cả việc khen thưởng, ghi nhận kết quả và

tư vấn đề tạo động lực phát triển, hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống quản lý xuyên suốt các cấp gồm Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường, Hội đồng đánh giá viên chức và người lao động. Đối với các GV, NCV giảng dạy ngành Sinh học, việc quản trị được đánh giá được quy định trong quy chế làm việc của GV&NCV trường ĐHKHTN, dựa trên các mặt gồm: giảng dạy; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tham gia các công tác quản lý đào tạo và hoạt động KHCN; công tác học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phục vụ và kết nối cộng đồng [H6.06.06.01].

Hàng năm Trường ĐHKHTN yêu cầu đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm học (tháng 6 hàng năm) để đánh giá bình bầu thi đua khen thưởng. Quy trình thực hiện đánh giá được dựa vào ba tiêu chí và cũng là nhiệm vụ của GV&NCV gồm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các bản đánh giá được lưu trữ, tổng hợp bởi Phòng TCCB-HC, kết quả đánh giá được báo cáo cho Hiệu trưởng, Trưởng khoa và toàn thể GV&NCV. Trong đó, các GV&NCV kể từ năm 2021 sẽ được phân hạng theo mức A, B, C, D (đã được thay đổi vào năm 2022 theo các mức A1, A2, A3, B, C, D) và thực hiện theo phương pháp đánh giá “360 độ” gồm [H6.06.06.02]:

Cán bộ tự đánh giá: mức độ hoàn thành các công việc được giao trong năm gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được quy đổi theo giờ làm việc và mức độ hoàn thành tương ứng với từng ngạch và chức vụ của GV&NCV. Cán bộ kê khai thông qua cổng thông tin quản lý báo cáo công việc năm học của cán bộ trường ĐHKHTN và tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học, đồng thời đưa ra kế hoạch làm việc trong năm học tới [H6.06.06.03].

Đồng nghiệp đánh giá thông qua cuộc họp của BM và Khoa: dựa vào bản báo cáo của các GV&NCV, các bộ môn tiến hành họp, nhận xét từng cá nhân, đánh



giá và bình bầu thi đua, khen thưởng. Sau đó, Khoa tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ viên chức để tổng kết đánh giá, bình bầu thi đua khen thưởng toàn Khoa [H6.06.06.04].

Đánh giá của Hội đồng thi đua khen thưởng: trên cơ sở kết quả bình bầu thi đua, xếp loại của các bộ môn và của Khoa, hội đồng thi đua khen thưởng của Khoa tiến hành họp bình xét và kết quả được gửi qua phòng TCCB-HC. Sau khi có kết quả các Khoa, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường sẽ họp, đánh giá và xếp loại thi đua của cán bộ viên chức toàn trường [H6.06.06.05].

Đánh giá độc lập của sinh viên, ban thanh tra nhân dân, Công đoàn: Việc giảng dạy của GV&NCV cũng được lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về nội dung môn học, chất lượng giảng dạy, kiểm tra đánh giá và mức độ tương tác với người học [H6.06.06.06]. Việc đi giảng dạy, coi thi, chấm thi đầy đủ, đúng giờ cũng được ghi nhận và báo cáo hàng năm [H6.06.06.07]. Các tổ chức Đoàn TN và Công đoàn cũng tiến hành họp và tổng kết, trong đó các cá nhân có thành tích đóng góp xuất sắc cũng được bình chọn và xét khen thưởng [H6.06.06.08]. Các đánh giá trên mang tính chất tham khảo cho công tác bình bầu thi đua khen thưởng hàng năm.

Dựa theo kết quả đánh giá trên, các hình thức khen thưởng, hỗ trợ và tôn vinh đã được tiến hành như sau:

- Đối với các GV&NCV đạt mức A sẽ được hưởng thêm 20% thu nhập tăng thêm. Toàn bộ cán bộ GV&NCV giảng dạy cho chương trình Sinh học đều được nhận mức A trong năm học 2020-2021 [H6.06.06.05].

- Chi trả vượt giờ giảng dạy theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.06.09].

- Hỗ trợ các công bố quốc tế nằm trong danh mục quy định [H6.06.06.10].

- Khen thưởng và đề xuất khen thưởng các cá nhân xuất sắc được bình chọn ở các cấp khen thưởng khác nhau (Bảng 6.5).

*Bảng 6.5 Khen thưởng các cấp của GV&NCV khoa Sinh học từ 2017-2022*

Danh hiệu thi đua	Năm học			
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021
Lao động tiên tiến	53	52	55	56
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	10	11	12	11
Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN	02	01	02	02
Giấy khen Hiệu trưởng	22	20	22	16
Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN	05	0	04	03

- Nâng lương trước hạn đối với những cán bộ đạt thành tích xuất sắc [H6.06.06.11].

- Khen thưởng các thầy, cô có sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp Trường, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ [H6.06.06.12].

Bên cạnh đó, Trường ĐHKHTN đã ban hành hướng dẫn triển khai bình chọn GV&NCV xuất sắc [H6.06.06.13].

Tổng hợp khối lượng công việc của GV&NCV toàn trường được tổng hợp, phân tích và báo cáo ĐHQGHN hàng năm [H6.06.06.14]. Các ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV&NCV của CTĐT về việc đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ và quản trị theo kết quả công việc, việc ghi nhận và khen thưởng đều nhận được những ý kiến phản hồi tích cực và sâu sát, cho thấy các hình thức khen thưởng, ghi nhận khá đa dạng và đúng người, đúng việc, đã tạo được động lực làm việc và niềm tin vào tổ chức của GV&NCV [H6.06.06.15].

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống quản trị khối lượng công việc đã được xây dựng bài bản, có tính khoa học và logic cao, không những đảm bảo tiêu chuẩn về hoàn thành nhiệm vụ của GV&NCV giảng dạy Đại học mà còn vượt các tiêu chí về nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, học viên. Đánh giá hàng năm để xét thi đua, khen thưởng được tiến hành minh bạch, công khai và đạt hiệu quả trong việc phản ánh cách vận hành hệ thống tổ chức và đánh giá được thực chất năng lực của cán bộ, tạo được cơ

sở dữ liệu chính xác cho việc xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho những năm kế tiếp.

### *3. Điểm tồn tại*

Khối lượng công việc của một số giảng viên có chức danh khoa học, học vị cao còn lớn so với quy định, ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa chưa có chế độ khen thưởng đối với các cán bộ khoa học ngoài trường (giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước) có sự đóng góp vào sự phát triển sự nghiệp của Khoa và của Trường

Chế độ khen thưởng đôi khi chưa đủ sức thuyết phục hoặc chưa kịp thời để có thể khích lệ, động viên cán bộ giảng viên trong công tác.

Số lượng chỉ tiêu cho các hình thức khen thưởng xuất sắc như Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở còn đang phân bổ theo chỉ tiêu sẽ làm hạn chế số lượng GV&NCV có thành tích xuất sắc trong năm học đạt được.

### *4. Kế hoạch hành động*

Xây dựng kế hoạch về việc áp dụng hình thức sau 3 năm giảng dạy liên tục, GV&NCV hoàn thành nhiệm vụ sẽ được đăng ký miễn giảng dạy 1 học kỳ và không nhận lương để tập trung nghiên cứu khoa học và tu nghiệp ở trong và ngoài nước.

Xây dựng các giải thưởng công hiến hoặc vinh danh đối với các cá nhân, tổ chức có những sự đóng góp lớn vào sự nghiệp phát triển của Khoa và của Trường.

Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường ĐHKHTN nên xem xét đưa ra tiêu chí cho việc xếp loại các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp để tạo động lực cho cán bộ nỗ lực cố gắng trong từng năm học.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt. Mức: 6/7

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

***1. Mô tả hiện trạng***

Với định hướng trở thành đại học nghiên cứu, nhiệm vụ NCKH của GV&NCV trong trường ĐHKHTN được xem là nhiệm vụ tiên quyết và hàng đầu để hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo, trở thành trung tâm sáng tạo ra tri thức mới và chuyển giao công nghệ. Nhiệm vụ NCKH là cơ sở, điều kiện, tiền đề nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy trên lớp. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV&NCV trong Trường ĐHKHTN được quy định theo các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy [H6.06.07.01]. Các loại hình hoạt động KH-CN đối với GV&NCV được quy định cụ thể trong quy định của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN gồm các công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, thực hiện các đề tài, dự án khóa học các cấp, bài giảng, tài liệu dịch, sách/chương sách chuyên khảo/tham khảo, bằng độc quyền giải pháp hữu ích/sáng chế, hướng dẫn sinh viên/học viên [H6.06.07.02, H6.06.07.03].

Công tác giám sát các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV&NCV được thực hiện bởi các cấp quản lý khác nhau và từng cá nhân GV&NCV. Đối với cấp Khoa, dựa trên tình hình nhân sự và kế hoạch phát triển, hàng năm Khoa Sinh học đề xuất các chỉ tiêu về NCKH trong bản phương hướng nhiệm vụ hàng năm. Đây cũng chính là căn cứ để đối chiếu việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của cấp Khoa [H6.06.07.04]. Sự rà soát này giúp Khoa đề ra kế hoạch giao nhiệm vụ NCKH khoa học trong các năm tiếp theo. Dữ liệu về loại hình và công bố khoa học trong giai đoạn 2017-2021 được trình bày trong Bảng 6.6.

*Bảng 6.6. Thống kê các hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2021 của Khoa Sinh học*

Chỉ số	Đơn vị tính	2017	2018	2019	2020	2021
A. Đề tài nghiên cứu khoa học (lấy mốc thời gian là năm kết thúc)		6	15	6	22	6
Đề tài cấp cơ sở	Đề tài	3	3	2	0	2
Đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Nhà nước	Đề tài	2	9	4	19	2
Đề tài hợp tác trong nước, quốc tế	Đề tài	1	3	0	3	1
B. Công bố khoa học	Bài	83	95	102	83	137
Công bố quốc tế thuộc danh mục ISI&SCOPUS	Bài	16	33	37	28	43
Công bố quốc tế ngoài danh mục ISI&SCOPUS	Bài	4	4	1	2	3
Bài báo trong nước (tạp chí)	Bài	50	31	27	28	58
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	Bài	4	12	11	0	9
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia	Bài	11	15	26	25	24
C. Số bằng sáng chế/GPHI	Bằng	2	3	4	4	
D. Số cán bộ khoa học cơ hữu	Cán bộ	66	64	65	65	70
Tỷ lệ công bố/cán bộ cơ hữu	Hiện trạng	1,3	1,5	1,6	1,3	1,9
	Chỉ tiêu	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5

Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ 2017-2022, các cán bộ Khoa Sinh học đã có 29 sáng chế/giải pháp hữu ích [H6.06.07.05], 13 sách/chương sách được xuất bản trong và ngoài nước [H6.06.07.06], 32 báo cáo mời tại các hội nghị, hội thảo quốc tế và trong nước [H6.06.07.07].

Đối với mỗi cá nhân, GV&NCV tiến hành tự đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ NCKH được đánh giá theo trọng số theo chức danh nghề nghiệp [H6.06.07.08].

Hàng năm, Trường tiến hành thu thập các ý kiến đánh giá, phản hồi của GV&NCV của Khoa về cơ chế chính sách khuyến khích NCKH và những kết quả đạt được của Khoa và của từng GV&NCV, bên cạnh những phản hồi tích cực, cũng

đã nhận được những góp ý chi tiết nhằm cải tiến chất lượng của công tác NCKH của đơn vị [H6.06.07.09].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác NCKH của đội ngũ GV&NCV khoa Sinh học được Khoa và Nhà trường chú trọng và đã có những quy định rất cụ thể về loại hình và số lượng NCKH hàng năm và theo nhiệm kỳ. Các GV&NCV tham gia chương trình đào tạo cử nhân Sinh học đều có năng lực nghiên cứu tốt và xuất sắc. Có nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và luôn hoàn thành đủ và vượt định mức nhiệm vụ NCKH của năm học. Đã có nhiều nghiên cứu mang tính ứng dụng và chuyển giao công nghệ được cho các doanh nghiệp, các địa phương trong việc sản xuất kinh doanh và y tế.

Công tác giám sát và đối chiếu được kết hợp vào việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ năm học đã phản ánh được kết quả NCKH của GV&NCV, tạo ra cơ sở đáng tin cậy để Khoa tiến hành xây dựng bộ chỉ tiêu cho năm học, nhiệm kỳ tiếp theo.

## *3. Điểm tồn tại*

Bên cạnh những cá nhân xuất sắc, hoạt động nghiên cứu khoa học của một số GV&NCV thuộc chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Sinh học còn chưa thực sự hiệu quả, vẫn còn một số giảng viên chưa đạt được chỉ tiêu về NCKH. Số lượng bài báo quốc tế uy tín chưa đều giữa các GV&NCV.

Cần có nhiều hơn nữa những đề tài, dự án nghiên cứu mang tính ứng dụng nhằm giải quyết các vấn đề của xã hội như môi trường, nông nghiệp, y tế, giáo dục.

Mặc dù đã có PTN trọng điểm cấp Nhà nước (PTN Trọng điểm công nghệ Enzyme và Protein) là đơn vị phối hợp đào tạo và NCKH, cho tới nay Khoa chưa xây dựng thêm được các nhóm nghiên cứu mạnh, PTN Trọng điểm cấp ĐHQGHN trực thuộc.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020-2021, ĐHQGHN đã ban hành quy chế về chế độ làm việc của GV&NCV trong đó đã quy định về định mức các công bố phải thực hiện và cách quy đổi giờ NCKH, qua đó có các quy định để khen thưởng và đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của từng GV&NCV. Bên cạnh đó, Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học cũng cần có những cơ chế khuyến khích, động viên và khen thưởng tới các giảng viên đặc biệt xuất sắc. Đồng thời hỗ trợ những GV&NCV trẻ thực hiện các công tác NCKH như tăng cường kinh phí cho NCKH. Tiến hành xây dựng các nhóm nghiên cứu tiềm năng định hướng xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và đủ tiềm lực để xây dựng các PTN trọng điểm cấp ĐHQGHN.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt. Mức: 6/7

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6:***

*Những điểm mạnh nổi bật:* Trong giai đoạn 2017-2021, Khoa Sinh học đã thực hiện tốt các công tác nhân sự liên quan đến quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, khen thưởng, hưu trí, đảm bảo đúng quy định, quy chế, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển của Khoa và của Trường. Năng lực và khối lượng công việc của GV&NCV được xác định, giám sát và điều chỉnh, qua đó có các căn cứ đáng tin cậy cho bản thân GV&NCV và cho Lãnh đạo Khoa sử dụng để đổi chiều, so sánh cho việc đánh giá thi đua khen thưởng và xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch phát triển đội ngũ giảng dạy, hướng tới đạt các tiêu chuẩn quốc tế. Do vậy, Khoa đã xây dựng được đội ngũ GV&NCV của ngành Cử nhân Sinh học đáp ứng yêu cầu về số lượng, phù hợp về cơ cấu, có nhiều giảng viên là nhà khoa học đầu ngành, giàu kinh nghiệm, đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng tốt các yêu cầu của chương trình đào tạo cử nhân Sinh học. Mặc dù còn nhiều khó khăn, cả ba nhiệm

vụ chính của GV&NCV gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng về cơ bản đều được hoàn thành xuất sắc.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:* Mặc dù đội ngũ GV&NCV có tính hội nhập quốc tế cao hơn nhưng số lượng cán bộ đầu ngành có sự giảm so với trước đây. Nguồn kinh phí được sử dụng cho việc thu hút đội ngũ nhân lực xuất sắc và tiềm năng, cũng như việc đào tạo bồi dưỡng cần được bổ sung. Khả năng công bố quốc tế của một số GV&NCV còn chưa cao, chưa chủ động.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí; trong đó có 07 tiêu chí đạt mức 6. Trung bình 6/7.

### **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

Chất lượng đào tạo phụ thuộc nhiều vào sự tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, GV không thể hoàn thành tốt công việc nếu như không có sự trợ giúp từ đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Đội ngũ này bao gồm nhân viên thư viện, văn phòng, trung tâm công nghệ thông tin và các trợ lý công tác đào tạo, công tác sinh viên và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và Khoa được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có tinh thần phục vụ tốt, sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong quá trình công tác, đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng ở trong và ngoài nước về chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo.



***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả hiện trạng***

Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ hỗ trợ các cấp được thực hiện theo chiến lược dài hạn và ngắn hạn, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, cụ thể như sau:

- Kế hoạch dài hạn: được xây dựng cụ thể trong Văn kiện của các tổ chức đảng, Chiến lược phát triển của các đơn vị [H7.07.01.01, H7.07.01.02], Kế hoạch nguồn nhân lực 5 năm của Khoa Sinh học [H7.07.01.03]. Theo chỉ đạo của ĐHQGHN, việc thực hiện quy hoạch và rà soát quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện hai năm một lần ở tất cả các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN. Tiêu chuẩn của vị trí được quy hoạch và quy trình thực hiện được quy định rõ ràng. Danh sách quy hoạch được cấp trên trực tiếp phê duyệt [H7.07.01.04].

- Các kế hoạch ngắn hạn: được xây dựng hàng năm trong phương hướng nhiệm vụ năm học của các đơn vị [H7.07.01.05].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được trải dài theo 3 tuyến, từ cấp ĐHQGHN, cấp Trường ĐHKHTN và cấp Khoa. Trong hệ thống ĐHQGHN có 5 đơn vị lớn đảm nhiệm vai trò hỗ trợ chung cho các trường thành viên gồm:

- Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên (VNU-CSS) là đơn vị thực hiện công tác quản lý, phục vụ học sinh - sinh viên (HSSV) nội trú; tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo và bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết cho HSSV; tổ chức cung cấp các dịch vụ nâng cao đời sống và hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học cho HSSV; quản lý, vận hành kí túc xá. Tính đến nay, Trung tâm có 72 nhân viên (trong đó có 11 thạc sĩ, 38 cử nhân) đều được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ sinh viên [H7.07.01.06].

- Trung tâm Thông tin - Thư viện (VNU-LIC) có chức năng quản lý thông tin, tư liệu và thư viện phục vụ các hoạt động của ĐHQGHN; nghiên cứu thu thập, xử lý, thông báo, phổ biến và cung cấp tin, tài liệu khoa học, dịch vụ thông tin cho cán bộ và người học. Đến thời điểm này, với 10 máy chủ, 250 máy trạm, 3 hệ thống số hóa hiện đại trên tổng diện tích 6000 m<sup>2</sup> và được phân chia thành các phòng chức năng chuyên biệt, cùng với đội ngũ 120 nhân viên (trong đó có 1 TS, 15 ThS, 92 cử nhân), trung tâm đã đáp ứng tốt cho việc học tập và nghiên cứu của cán bộ và sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên của Khoa nói riêng [H7.07.01.07]. Hệ thống thư viện phục vụ trực tiếp cho sinh viên trường ĐHKHTN nói chung và sinh viên ngành Sinh học nói riêng được đặt tại khu nhà M và tầng 7 nhà T5 (ở 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân) và ký túc xã Mễ Trì.- Bệnh viện ĐHQGHN: Được thành lập từ tháng 12/2011, bên cạnh nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho học sinh, sinh viên và cán bộ trong VNU, bệnh viện còn là nơi đào tạo thực hành và nghiên cứu cho cán bộ, sinh viên tốt nghiệp cũng như cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao phục vụ cho cộng đồng. Tính đến hết năm 2020, đội ngũ nhân viên bệnh viện bao gồm 182 cán bộ (trong đó có 06 tiến sĩ, 37 thạc sĩ, 79 cử nhân). Bệnh viện ĐHQGHN bố trí phòng y tế và cử cán bộ y tế trực hàng ngày để giải quyết các vấn đề sức khỏe khẩn cấp và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe kịp thời cho cán bộ, sinh viên [H7.07.01.08]. Tại trường ĐHKHTN, bộ phận chăm sóc y tế được đặt tại tầng 1 nhà T5.

- Trung tâm Dự báo và phát triển nguồn nhân lực (VNU-HDC) có nhiệm vụ tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, dự báo về thị trường lao động, việc làm cho sinh viên và học viên của ĐHQGHN; tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hướng nghiệp cho sinh viên và học viên của ĐHQGHN; triển khai các hoạt động nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực, đánh giá khả năng cạnh tranh về nguồn nhân lực, cung cấp cơ sở khoa học cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và cung ứng nguồn nhân lực. Tính đến tháng

01/2021, trung tâm có 10 nhân viên, trong đó có 01 TS và 09 ThS có kinh nghiệm và nhân lực phù hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ nêu trên [H7.07.01.09].

*Bảng 7.1. Số lượng nhân viên hỗ trợ của VNU (tính đến ngày 01/01/2021)*

TT	Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được					Tổng số
		PGS	TS	ThS	ĐH	Khác	
1	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	0	2	15	24	29	70
2	Trung tâm thông tin - thư viện	1	2	17	86	6	111
3	Bệnh viện ĐHQGHN	0	6	37	79	60	182
4	Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực	0	1	9	0	0	10
5	Trung tâm chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp	0	5	4	1	0	10

- Trung tâm Chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp (VNU-CSK) là đơn vị đầu mối của ĐHQGHN thực hiện các công tác sở hữu trí tuệ, hỗ trợ và tổ chức triển khai hoạt động chuyển giao tri thức, công nghệ, sản phẩm khoa học và công nghệ trong và ngoài ĐHQGHN. Với đội ngũ cán bộ gồm 10 thành viên, trong đó có 5 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ và 1 Cử nhân (tính đến hết tháng 12/2020), VNU-CSK đã tổ chức nhiều khóa tập huấn về khởi nghiệp cho cán bộ và sinh viên [H7.07.01.10].

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp trường ĐHKHTN gồm:

- Các Phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác lãnh đạo, quản lý điều hành hoạt động của Trường, phục vụ hỗ trợ cho cán bộ và sinh viên, bao gồm 9 phòng ban và trung tâm (Bảng 7.2). Các Phòng chức năng của VNU-HUS hiện có 94 cán bộ, trong đó có 07 PGS, 14 TS, 40 ThS, 17 cử nhân và 16 cán bộ trình độ dưới cử nhân đều được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với khả năng của cán bộ, đáp ứng yêu cầu vị trí công việc và được công bố công khai trên website của Trường [H7.07.01.11 – H7.07.01.20].

- Các tổ chức đoàn thể trong HUS cũng có những vai trò riêng nhất định trong việc hỗ trợ thực hiện tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường. Thế mạnh

của Công đoàn Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn và trình độ quản lý vững vàng, sẵn sàng dành hết tâm huyết cho tập thể và thẳng thắn đấu tranh để bảo vệ cho quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ. Hội sinh viên và Đoàn thanh niên là hai tổ chức hỗ trợ nhiệt tình cho sinh viên của Trường. Hội sinh viên có vai trò thực hiện các mục tiêu đào tạo của nhà trường, quản lý sinh viên và phối hợp chăm lo đời sống, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của sinh viên và vì sự phát triển của sinh viên. Đoàn thanh niên đã có nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như thành lập diễn đàn, định hướng nghề nghiệp, mở rộng giao lưu tìm kiếm các nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được vai trò đầu tàu trong giai đoạn hội nhập và phát triển hiện nay [H7.07.01.21].

*Bảng 7.2. Số lượng nhân viên hỗ trợ của HUS (tính đến tháng 5/2022)*

TT	Nhân viên thuộc phòng	Trình độ cao nhất đạt được					Tổng số
		PGS	TS	ThS	ĐH	Khác	
1.	Chính trị và công tác sinh viên		2	4	1		7
2.	Đào tạo	2	3	9	1		15
3.	Hợp tác phát triển	1	1	2	1	2	7
4.	Khoa học Công nghệ	1	3	3			7
5.	Kế hoạch tài chính			3	4		7
6.	Quản trị bảo vệ			4	6	10	20
7.	Tổ chức cán bộ - Hành chính	1	4	7	3	4	19
8.	Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng	1	1	3			5
9.	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	1		5	1		7
	Tổng cộng	7	14	40	17	16	94

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp Khoa: có chức năng hỗ trợ ban lãnh đạo Khoa trong công tác điều hành hoạt động chung và hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên trong việc học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học và hướng nghiệp. Đội ngũ hỗ trợ cấp Khoa gồm tổ văn phòng; các trợ lý; các cán bộ là cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm

cho các lớp sinh viên; các nghiên cứu viên và kỹ thuật viên trong phòng thí nghiệm.

- Tổ văn phòng có 03 chuyên viên, trong đó có 1 ThS, 2 CN, gồm: 1 trợ lý giáo vụ, 1 kế toán, và 1 cán bộ phụ trách công tác hành chính - văn thư [H7.07.01.22]. Cán bộ văn thư hành chính còn được giao nhiệm vụ phụ trách thư viện riêng của Khoa, đặt tại phòng 230 nhà T1.

- Với quyền hạn được giao, Trưởng Khoa Sinh học đã phân công các GV, NCV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH, quản lý SV của Khoa, gồm: 1 cán bộ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo sau đại học; 1 cán bộ phụ trách công tác chính trị SV; 1 cán bộ hỗ trợ công tác giáo vụ và cố vấn học tập, 1 cán bộ hỗ trợ công tác NCKH. Đội ngũ cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm của các khóa trong chương trình đào tạo cử nhân tại khoa Sinh học đều là những cán bộ có trình độ Tiến sĩ và do Hiệu trưởng ra quyết định [H7.07.01.23].

- Trong các phòng thí nghiệm trực thuộc Khoa Sinh học, luôn có đội ngũ nghiên cứu viên và kỹ thuật viên dày dặn kinh nghiệm, trình độ cao, hỗ trợ nhiệt tình cho công tác nghiên cứu khoa học tại Khoa Sinh học [H7.07.01.24].

Ngoài thời gian làm việc và học tập chính khóa, cán bộ và sinh viên Khoa Sinh học còn được tham gia các tổ chức đoàn thể của Khoa như Liên chi Đoàn, Chi đoàn Cán bộ, Liên chi Hội sinh viên. Các tổ chức này hỗ trợ tổ chức các câu lạc bộ, các buổi seminar, các hoạt động ngoại khóa giúp cho cán bộ, sinh viên Khoa Sinh học thêm gắn kết, nâng cao kiến thức và cải thiện các kỹ năng mềm, và đặc biệt là có những trải nghiệm hoạt động vì cộng đồng rất tích cực [H7.07.01.25].

## *2. Điểm mạnh*

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của VNU và HUS đủ về số lượng, có trình độ cao, nghiệp vụ tốt, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại Khoa luôn có sự hợp tác chặt chẽ, chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với vị trí đảm nhận.

### *3. Điểm tồn tại*

Tinh thần cởi mở và trình độ ngoại ngữ hạn chế của một số ít nhân viên đã làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trường và Khoa khuyến khích các cán bộ tự học và tăng cường tổ chức các khóa học ngoại ngữ cũng như nghiệp vụ ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ phục vụ.

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức: 6/7

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc tuyển dụng nhân sự của Trường ĐHKHTN đều tuân theo quy định của ĐHQGHN [H7.07.02.01]. Dựa vào nhu cầu thực tế của đơn vị, Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ cùng các tiêu chí lựa chọn cụ thể, rõ ràng cho từng vị trí nhân sự (được miêu tả trong Bản mô tả vị trí công việc) và trình lên Trường [H7.07.02.02- H7.07.02.04]. Trường ĐHKHTN sẽ tập hợp nhu cầu từ các đơn vị trực thuộc rồi xây dựng thành Đề án vị trí việc làm và trình ĐHQGHN xem xét [H7.07.02.05]. Sau khi được ĐHQGH phê duyệt, Nhà trường sẽ ra thông báo tuyển dụng công khai qua hệ thống văn bản và trên website của ĐHQGHN và các đơn vị trực thuộc [H7.07.02.06].

Nhằm tạo sự chủ động về nguồn nhân lực trong đơn vị, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt, lâu dài của quá trình phát triển ĐHQGHN và từng đơn vị, đảm bảo tính kế thừa, ổn định và phát triển giữa các thế hệ cán bộ, làm cơ sở dự báo nhu cầu cán

bộ để chuẩn bị xây dựng quy hoạch cho những năm tiếp theo, khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giữa vững đoàn kết nội bộ, ĐHQGHN đã ban hành các văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo theo nhiệm kỳ 5 năm. Và mỗi hai năm một lần, ĐHQGHN và các trường thành viên đều có văn bản thông báo tới các đơn vị về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các vị trí quản lý. Các tiêu chí tuyển chọn nhân sự để bổ nhiệm đều được quy định rõ ràng, kết quả quy hoạch được phổ biến công khai [H7.07.02.07]. Tháng 10 năm 2020, Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN đã ban hành quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức quản lý trong Trường [H7.07.02.08].

Trong 5 năm gần đây, Khoa Sinh học đã có 01 cán bộ được bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Đào tạo của Trường ĐHKHTN [H7.07.02.09], 14 cán bộ được bổ nhiệm và tái bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo trong Khoa [H7.07.02.10].

Về công tác bổ nhiệm các chức danh khoa học, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN đều tuân thủ theo đúng quy trình được hướng dẫn trong Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. Mọi thông tin liên quan đến quy trình bổ nhiệm các chức danh Phó giáo sư và Giáo sư của Trường đều được công bố công khai bằng văn bản tới các đơn vị trực thuộc và trên website [H7.07.02.11].

## *2. Điểm mạnh*

Việc tuyển dụng nhân sự xuất phát từ nhu cầu của đơn vị sử dụng nên các tiêu chí được xây dựng sát thực tế, minh bạch, công khai, đáp ứng được nhu cầu của cả hai bên: đơn vị tuyển dụng và người tuyển dụng.

Tuyển chọn nhân sự để bổ nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển đều có tiêu chí xác định rõ ràng và được công bố công khai, đảm bảo tính minh bạch, công bằng.

Với các tiêu chí tuyển chọn cụ thể, phù hợp với sự phát triển của Trường, Khoa đã lựa chọn được đội ngũ nhân viên có trình độ, phù hợp với vị trí đảm nhận.

### *3. Điểm tồn tại*

Chính sách thu hút cán bộ trẻ về công tác tại đơn vị còn gặp nhiều khó khăn do cơ chế lương thưởng của Nhà nước.

### *4. Kế hoạch hành động*

Có kế hoạch xây dựng các nguồn thu khác từ các dịch vụ đào tạo/nghiên cứu khoa học tại đơn vị, để cải thiện thu nhập của cán bộ.

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức: 5/7

## ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng ngay từ khi tuyển dụng. Quy trình tuyển dụng đội ngũ cán bộ tại ĐHQGHN được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, được ĐHQGHN quy định rõ trong Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và người lao động trong ĐHQGHN [H7.07.03.01]. Dựa trên quy định của Nhà nước, của ĐHQGHN về tuyển dụng cán bộ, Trường ĐHKHTN đã xây dựng khung năng lực cho các vị trí tuyển dụng của đơn vị mình [H7.07.03.02]. Ngoài ra, Khoa Sinh học cũng xây dựng riêng các tiêu chuẩn theo vị trí việc làm của từng đơn vị trực tiếp sử dụng nhân sự (được mô tả chi tiết trong Bản mô tả công việc) [H7.07.03.03]. Tất cả các quy định về tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được thông báo rộng rãi công khai qua hệ thống văn bản và trên website của ĐHQGHN và các đơn vị trực thuộc [H7.07.03.04].

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H7.07.03.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện như sau: cá nhân tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên trực tiếp đánh giá và người học đánh giá. Thông qua đối sánh Bản báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm học và Bản đăng



thi đua của mỗi cán bộ [H7.07.03.06, H7.07.03.07], các đơn vị phụ trách cán bộ sẽ bình xét để xếp loại cán bộ [H7.07.03.08], làm cơ sở để xét tặng các danh hiệu thi đua theo quy định của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN [H7.07.03.09]. Mặc dù mới được thành lập vào năm 2017, nhưng Tổ văn phòng của Khoa Sinh học đã được ghi nhận là tập thể lao động xuất sắc cấp Trường ĐHKHTN và cấp ĐHQGHN trong năm học 2019-2020. Trong 4 năm học liên tục, từ 2017-2021, đội ngũ phục vụ riêng ngành Sinh học của Khoa Sinh học luôn nhận được sự khen thưởng từ các cấp: năm học 2017-2018: 01 kỹ thuật viên được nhận Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; năm học 2018-2019: 13 cán bộ được khen thưởng các cấp (Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN: 01 cán bộ; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 02 cán bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN: 10 cán bộ); năm học 2019-2020: 02 cán bộ (01 cán bộ được nhận giấy khen của Giám đốc ĐHQGHN; 1 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở); năm học 2020-2021: 7 cán bộ (1 nhận bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN, 1 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 5 cán bộ nhận giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN) [H7.07.03.09]. Ngày 16/6/2021, Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động. Quy định này đã nêu rõ các chỉ tiêu cụ thể để đánh từng đối tượng cán bộ viên chức, các hình thức “thưởng và trừ điểm” để từ đó có đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ theo 4 bậc khác nhau, làm cơ sở để xét thi đua khen thưởng và chi trả thu nhập tăng thêm vào cuối năm [H7.07.03.10].

Việc thanh tra, khen thưởng và vinh danh hàng năm cho phép các cá nhân tự đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, ĐHQGHN và trường ĐHKHTN ghi nhận đóng góp của nhân viên, từ đó có cái nhìn tổng quan về năng lực cũng như xác định các chiến lược phát triển phù hợp đối với nhân viên hỗ trợ.

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Khoa và Trường ĐHKHTN, có kinh nghiệm làm việc, nắm vững các quy định của Trường ĐHKHTN và Khoa trong công việc được phân công phụ trách.

## *3. Điểm tồn tại*

Trường ĐHKHTN và Khoa chưa có định mức xác định khối lượng công việc của nhân viên hỗ trợ; công tác thi đua khen thưởng với vị trí nhân viên thường gặp nhiều khó khăn trong khen thưởng cấp cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học tới, Khoa đề xuất với Trường ban hành định mức khối lượng công việc đánh giá năng lực làm việc của nhân viên hỗ trợ. Chủ động bổ sung các tiêu chí phù hợp trong quá trình đánh giá thi đua, khen thưởng.

## *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức: 5/7

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm được thực hiện hàng năm thông qua phiếu khảo sát và đăng ký của các cán bộ bằng văn bản hoặc trực tuyến trong mỗi năm học [H7.07.04.01, H7.07.04.02].

Dựa trên kết quả khảo sát, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã cử nhiều lượt cán bộ đi học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Theo thống kê, từ năm 2016, Nhà trường đã cử hơn trăm lượt cán bộ chuyên viên đi học các lớp kỹ năng mềm nhằm tăng cường khả năng ứng xử, kỹ năng xử lý tình huống, hơn 60

lượt cán bộ đi học lớp quản lý hành chính chương trình Chuyên viên, Chuyên viên chính, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu về các mảng công việc khác nhau, nâng cao trình độ tiếng Anh, một số cán bộ được Trường cử đi học nâng cao chuyên môn [H7.07.04.03, H7.07.04.04, H7.07.04.05, H7.07.04.06, H7.07.04.07].

Kinh phí chi cho đào tạo và bồi dưỡng nhân viên được lấy từ ngân sách của ĐHQGHN, các trường đại học, doanh nghiệp, hiệp hội, dự án hỗ trợ trong và ngoài nước [H7.07.04.08]. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đều hài lòng về các khóa đào tạo bồi dưỡng [H7.07.04.09].

## *2. Điểm mạnh*

Có nhiều chương trình hỗ trợ và khuyến khích nhân viên hỗ trợ đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và ngoại ngữ.

Các nhân viên được cử đi học luôn có hứng thú và đạt được kết quả cao trong việc học tập cho thấy sự hiệu quả đối với các chương trình đào tạo

## *3. Điểm tồn tại*

Một số nhân viên do phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên khó sắp xếp tham gia các khóa học, chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tuy nhiên, tính chủ động tự đề xuất tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng của cán bộ phục vụ vẫn chưa cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Khoa và Nhà trường sẽ tạo điều kiện về thời gian tối đa để nhân viên hỗ trợ có thể tham gia các khóa tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nếu được ĐHQGHN phê duyệt, Khoa và Nhà trường sẽ tuyển dụng các cán bộ/chuyên viên chính nhiệm, giảm tải công việc cho đội ngũ kiêm nhiệm.

## *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức: 4/7

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả hiện trạng***

Việc quản trị hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên phục vụ được thực hiện hàng năm, cùng đợt với các đội ngũ cán bộ khác trong Khoa vào cuối các năm học và cuối năm tài chính. Các nội dung đánh giá gồm tác phong làm việc và văn hóa ứng xử; tinh thần và thái độ phục vụ; năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong giải quyết công việc; tinh thần, thái độ hợp tác với các bên liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, theo quy trình: cá nhân tự đánh giá, đồng nghiệp, cấp trên trực tiếp đánh giá và các bên liên quan đánh giá [H7.07.05.01]. Hoạt động thường niên này giúp Lãnh đạo đơn vị nắm được mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên, biết được điểm mạnh, điểm yếu để có phương án hành động cụ thể trong việc bố trí, điều chỉnh, sắp xếp nhân lực. Việc quản lý hiệu quả chính xác cũng là cơ sở để đưa ra các hình thức khen thưởng và công nhận tương xứng với sự cố gắng và thúc đẩy nhân viên hoàn thành công việc tốt hơn [H7.07.05.02]. Bên cạnh việc thực hiện khen thưởng, ĐHQGHN và các đơn vị trực thuộc còn thực hiện việc nâng lương trước hạn đối với các cán bộ có thành tích xuất sắc [H7.07.05.03].

Trong giai đoạn giãn cách xã hội do dịch covid-19, Ban Giám hiệu Trường ĐHKHTN đã có chính sách hỗ trợ kịp thời cho viên chức, người lao động đến Trường làm việc theo phân công của Lãnh đạo đơn vị như một sự ghi nhận đóng góp tích cực của cán bộ, nhân viên trong Trường [H7.07.05.04].

***2. Điểm mạnh***

Các mô tả công việc cho từng vị trí công việc của nhân viên được thực hiện đầy đủ, qua đó có căn cứ chính xác cho việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên.

Các hình thức đánh giá được tiến hành đầy đủ và đã phản ánh được tình hình thực tế trong việc thực hiện công việc của nhân viên.

Các hình thức khen thưởng đa dạng và chính xác đã là nguồn động lực làm việc hiệu quả hơn đối với các nhân viên trong Khoa và Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Chỉ tiêu khen thưởng phân bổ chung cho cả GV, NCV và Nhân viên hỗ trợ, nên việc số cán bộ phục vụ được lựa chọn để khen thưởng hàng năm còn thấp.

### *4. Kế hoạch hành động*

Đề nghị các năm học tới tiến hành phân bổ rõ chỉ tiêu cho từng đối tượng để tránh việc nhiều GV, NCV và nhân viên có thành tích trong công việc xuất sắc nhưng chưa được khen thưởng kịp thời.

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 5/7

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa có trình độ năng lực chuyên môn vững và luôn sẵn sàng thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN.

Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, kịp thời, có tác dụng khuyến khích động viên.

Tuy vậy trong quá trình xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt là phát triển đội ngũ chuyên viên văn phòng còn gặp không ít khó khăn trong vì chỉ tiêu

biên chế có hạn. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên cần được tạo điều kiện tham gia tích cực hơn trong các hội thảo, tập huấn cũng như có kế hoạch hướng đến phục vụ số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng tăng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí; trong đó có 01 tiêu chí đạt mức 4, 05 tiêu chí đạt mức 5, 01 tiêu chí đạt mức 6. Trung bình 5/7.

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Trên thực tế, hoạt động đào tạo nói chung phụ thuộc không nhỏ vào chất lượng tuyển sinh đầu vào, do đó các hoạt động tuyển sinh, triển khai công tác đào tạo của các bậc đào tạo luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm và thực hiện, nghiêm túc, đúng quy chế, tuyển chọn được người học có năng lực thực sự đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, các chính sách liên quan tới người học và hỗ trợ người học có tác động nhất định tới việc thu hút người học cũng như góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh và các tiêu chuẩn tuyển sinh cho các chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, được thông tin, công bố công khai và cập nhật***

### ***1. Mô tả hiện trạng***

Hàng năm, Khoa Sinh học thực hiện công tác tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.01.01], Quy chế đào tạo tại ĐHQGHN [H8.08.01.02] và chỉ tiêu, kế hoạch của Trường ĐHKHTN [H8.08.01.03; H8.08.01.04].

Các thông tin tuyển sinh như chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển), tiêu chí xét tuyển, khối thi, hình thức thi tuyển được quy định rõ ràng [H8.08.01.04, H8.08.01.05, H8.08.01.06]. Các thông tin này được thông báo rộng rãi theo nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi [H8.08.01.07, H8.08.01.08] hay

trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, Khoa Sinh học [H8.08.01.09, H8.08.01.10].

Hàng năm, trước các kỳ tuyển sinh, Khoa Sinh học và Nhà trường chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá thông tin về ngành Sinh học, công tác đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh đại học và tư vấn cho về cách thức đăng ký, thời gian đăng ký dự thi, CTĐT, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... cho hàng nghìn lượt học sinh, phụ huynh học sinh tại các trường Trung học Phổ thông (THPT) do Nhà trường tổ chức tại nhiều tỉnh, thành phố (Thanh Hóa, Nghệ An, ...) [H8.08.01.11, H8.08.01.12].

Từ năm 2018, công tác tuyển sinh đào tạo đại học tại ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN nói chung và Khoa Sinh học nói riêng thực hiện theo kỳ thi chung của Bộ GD&ĐT, sử dụng kết quả thi chung quốc gia để làm căn cứ xét tuyển đầu vào. Đặc biệt năm 2021, toàn bộ ĐHQGHN bắt đầu tái khởi động lại phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực học sinh THPT do Trung tâm Khảo thí - ĐHQGHN tổ chức đồng thời triển khai theo hướng đa dạng hóa hình thức xét tuyển hướng tới các chuẩn mực quốc tế (SAT, A-Level, ACT, IELTS và chứng chỉ quốc tế tương đương - có trong danh mục quy định của ĐHQGHN) [H8.08.01.13]. Năm 2022, ĐHQGHN tuyển sinh 13.150 chỉ tiêu theo 03 phương thức tuyển sinh: (1) Kết quả thi THPT; (2) Kết quả thi ĐGNL của ĐHQGHN; (3) Xét tuyển thẳng và xét tuyển theo phương thức khác. Do vậy, Khoa Sinh học luôn hoàn thành mục tiêu tuyển được các sinh viên chất lượng và tăng tỉ lệ sinh viên các chương trình đào tạo trong thời gian 5 năm gần đây, được thể hiện trong bảng số liệu sau:

*Bảng 8.1. Thống kê chỉ tiêu tuyển sinh và điểm chuẩn ngành Sinh học trong 5 năm*

<b>Năm</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>
Chỉ tiêu	90	80	80	80	90
Điểm chuẩn	18	18,7	20	23,1	24,2
Hình thức thi tuyển	Tốt nghiệp THPTQG	Tốt nghiệp THPTQG	Tốt nghiệp THPTQG	Tốt nghiệp THPTQG	Tốt nghiệp THPTQG; ĐGNL

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều thống kê và đánh giá số lượng thí sinh đăng ký nguyện vọng và trúng tuyển để đánh giá tình hình, xu hướng đăng ký ngành học. Bảng 8.1 và 8.2 cho thấy số lượng sinh viên đăng ký vào ngành Sinh học giảm dần, trong khi đó chỉ tiêu tuyển sinh tăng, khiến tỉ lệ cạnh tranh giảm dần trong 5 năm. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa Sinh học đánh giá xu hướng và từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ khác.

*Bảng 8.2. Tình hình tuyển sinh của ngành Sinh học trong 5 năm qua*

<b>Năm học</b>	<b>Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)</b>	<b>Số trúng tuyển (người)</b>	<b>Tỉ lệ cạnh tranh</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>
2017 - 2018	518	139	1/3,73	111
2018 - 2019	549	133	1/4,13	101
2019 - 2020	586	126	1/4,65	91
2020 - 2021	489	126	1/3,88	101
2021 - 2022	475	141	1/3,37	94

Tùy vào kết quả thi của thí sinh theo từng khối và số lượng thí sinh đăng ký học ngành Sinh học và chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường, điểm chuẩn của Khoa trong các năm trước đó, Khoa Sinh học cùng Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường đưa ra thông báo về mức điểm sàn dự kiến hoặc cách thức để giúp các thí sinh dễ dàng quyết định lựa chọn ngành học [H8.08.01.14, H8.08.01.15]. Do vậy, trong 5 năm qua, khoa Sinh học đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng sinh viên theo học ngành Sinh học ổn định như sau:

*Bảng 8.3. Số liệu quản lý sinh viên ngành Sinh học trong 5 năm*

<b>Khóa học</b>	<b>Số lượng sinh viên</b>				<b>Tổng số</b>
	<i>Sinh viên nữ</i>	<i>Đang học</i>	<i>Bảo lưu</i>	<i>Thôi học</i>	
K66	59	74	11	3	88



Khóa học	Số lượng sinh viên				Tổng số
	Sinh viên nữ	Đang học	Bảo lưu	Thôi học	
K65	54	80	1	3	84
K64	55	65	0	11	76
K63	60	67	1	13	81
K62	67	36	0	10	93 (đã tốt nghiệp 47)

Như vậy, trong 5 năm qua quy mô đào tạo ngành Sinh học về cơ bản tương đối ổn định, có sự tăng nhẹ giữa các năm. Điều này cho thấy ngành Sinh học vẫn là ngành học có sức hút đối với người học và đảm bảo yêu cầu của Chương trình đào tạo.

## 2. Điểm mạnh

- Chính sách tuyển sinh của ngành Sinh học được công khai và rõ ràng tới các đối tượng có liên quan.

- Tình hình tuyển sinh về cơ bản tương đối ổn định giữa các năm.

## 3. Điểm tồn tại

Các hình thức quảng bá về ngành Sinh học và cơ hội việc làm còn chưa thực sự phong phú và hiệu quả.

## 4. Kế hoạch hành động

Nhà trường và Khoa sẽ tăng cường các biện pháp quảng bá, giới thiệu ngành nghề để người học hiểu rõ và có sự lựa chọn đối với ngành Sinh học.

## 5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 5/7

***Tiêu chí 8.2. Các tiêu chí và phương thức cho việc tuyển chọn sinh viên được xác định rõ và được đánh giá***

***1. Mô tả hiện trạng***

Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học được Khoa và Nhà trường xác định, ghi rõ trong chương trình đào tạo, được thực hiện nghiêm túc trong quá trình tổ chức thi và xét tuyển. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHKHTN, Hội đồng tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Phương pháp tuyển sinh gồm có 2 hình thức chính là thi tuyển và xét tuyển, trong đó hình thức thi tuyển đã có sự thay đổi qua các thời kỳ theo quyết định của ĐHQGHN [H8.08.02.01, H8.08.02.02]. Cụ thể là từ năm 2017, thí sinh được tuyển vào ngành Sinh học từ kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức theo 4 khối là A00; B00; B03; D08. Từ năm 2018, tổ chức theo 4 khối là A00; A02; B00; D08 [H8.08.02.03].

***Bảng 8.4. Sự thay đổi tiêu chí và phương pháp tuyển chọn thí sinh***

Năm	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu	
		Theo kết quả thi THPT	Theo phương thức khác
2017	A00; B00; B03; D08	86	4
2018	A00; B00; A02; D08	86	3
2019	A00; B00; A02; D08	76	4
2020	A00; B00; A02; D08	67	13
2021	A00; B00; A02; D08	75	15
2022	A00; B00; A02; D08	60	12+18 (ĐGNL)

Hệ thống giám sát hoạt động tuyển sinh được thiết lập chặt chẽ từ ĐHQGHN đến Trường ĐHKHTN [H8.08.02.01]. Chất lượng của hoạt động tuyển sinh thường xuyên được báo cáo từ cấp khoa và trường để phân tích, đánh giá nhằm đạt hiệu quả tốt trong công tác tuyển sinh [H8.08.02.04]. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng đầu vào tốt luôn là tiêu chí hàng đầu của hoạt động tuyển sinh. Do đó, nhằm thu hút

được nhiều thí sinh giỏi, nâng cao chất lượng đầu vào tăng cường hội nhập quốc tế nên năm 2021, ĐHQGHN đã bổ sung thêm hình thức xét tuyển theo kết quả bài thi ĐGNL [H8.08.01.05] và trong tương lai sẽ mở rộng quy mô tổ chức các kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN.

Là đơn vị thành viên của Trường ĐHKHTN, Khoa Sinh học đã tham gia tích cực cùng với Nhà trường trong công tác tư vấn tuyển sinh [H8.08.02.06]. Bên cạnh đó, việc phân công tổ chức tuyển sinh chặt chẽ từ ĐHQGHN, theo hướng tập trung vào một đầu mối đã đảm bảo tính khách quan, minh bạch. [H8.08.02.07]

Nhìn chung, quy trình tuyển sinh của Khoa được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, khách quan, công bằng, lựa chọn được các thí sinh có chất lượng đầu vào tốt.

## *2. Điểm mạnh*

Phương pháp và các tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn sinh viên được thực hiện với chính sách rõ ràng theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

## *3. Điểm tồn tại*

Kênh quảng bá và tư vấn tuyển sinh cần được mở rộng và triển khai chủ động.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trước mỗi đợt tuyển sinh, Nhà trường và Khoa sẽ có các biện pháp quảng bá tuyển sinh có chất lượng và hiệu quả sâu rộng hơn.

## *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 5/7

### ***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống theo dõi đầy đủ, phù hợp về sự tiến bộ của sinh viên về rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Khoa Sinh học và Trường ĐHKHTN có hệ thống đồng bộ và tích hợp theo dõi sự tiến bộ của sinh viên, kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên. Việc theo dõi này được thực hiện dựa trên cơ sở Quy chế đào tạo [H8.08.03.01], Quy định công tác học sinh sinh viên ở ĐHQGHN nói chung [H8.08.03.02] cũng như Trường ĐHKHTN nói riêng [H8.08.03.03].

Khoa Sinh học luôn chú trọng đến việc giám sát quá trình học tập của sinh viên. Quá trình theo dõi này được thực hiện bởi nhiều bộ phận liên quan, bao gồm phòng đào tạo, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với LCD Đoàn thanh niên và LCH sinh viên, các câu lạc bộ sinh viên, các hội đồng thi đua, khen thưởng, hội đồng đánh giá rèn luyện và xét học bổng, đánh giá Đoàn viên (Bảng 8.5) [H8.08.03.04, H8.08.03.05]. Đối với sinh viên ngành Sinh học, giáo viên chủ nhiệm đồng thời thực hiện nhiệm vụ của cố vấn học tập: tư vấn cho sinh viên về các quy chế, quy định, quy trình về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và Khoa Sinh học, tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập và phương pháp nghiên cứu khoa học, về xây dựng kế hoạch học tập cho từng học kỳ và toàn khóa học sao cho phù hợp với chương trình đào tạo, học lực và điều kiện cá nhân của từng sinh viên cũng như tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ cho SV đăng kí học phần ở từng học kỳ để hoàn thành kế hoạch học tập và tham gia các hoạt động khác.

Bên cạnh kết quả học tập còn có các hoạt động theo dõi, giám sát quá trình học tập và tu dưỡng của sinh viên được tiến hành thường xuyên, hàng kỳ, được thực hiện theo hướng dẫn và quy trình chặt chẽ. Nội dung đánh giá bao gồm: ý thức học tập; ý thức rèn luyện; chấp hành nội quy, quy chế; việc tham gia các hoạt động xã hội, thể thao, văn hóa văn nghệ, phòng chống tệ nạn xã hội; phẩm chất công dân,

quan hệ cộng đồng, tham gia công tác quản lý lớp, đoàn thể và các thành tích đặc biệt khác [H8.08.03.06].

*Bảng 8.5. Hệ thống giám sát học tập của sinh viên*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Chức năng, nhiệm vụ</b>
<b>Trường ĐHKHTN</b>	
Phòng Đào tạo	Kế hoạch học tập, quản lý điểm, giải quyết học vụ, phúc tra
Phòng Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng	Thanh tra học đường, thi cử, đánh giá học phần nhằm nâng cao chất lượng dạy và học
Phòng Chính trị và công tác sinh viên	Chế độ chính sách, khen thưởng, hỗ trợ học tập
Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp	Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các hình thức học bổng, khởi nghiệp
Đoàn thanh niên và Hội sinh viên	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV
<b>Khoa Sinh học</b>	
Ban lãnh đạo Khoa, Trợ lý giáo vụ	Giám sát việc thực hiện kế hoạch học tập
GVCN +CVHT	Giám sát kết quả học tập, Tư vấn cho SV về học tập và rèn luyện
Bộ môn phụ trách học phần	Tư vấn về chuyên môn
Liên chi Đoàn + Liên chi Hội + Chi đoàn cán bộ	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV cấp Khoa
Câu lạc bộ Khoa	Tổ chức các hoạt động chuyên đề cho SV cấp Khoa

Quy trình đánh giá sinh viên được hướng dẫn và thực hiện chặt chẽ: Việc đánh giá sinh viên được Trường ĐHKHTN thực hiện dựa trên kết quả học tập [H8.08.03.07] và điểm rèn luyện của sinh viên từng học kỳ [H8.08.03.08, H8.08.03.09]:

- Sau mỗi học kỳ chính, Nhà trường và Khoa sẽ rà soát những sinh viên có điểm học tập trung bình của học kỳ dưới 1.0 để tiến hành cảnh báo học vụ [H8.08.03.10]. Trên cơ sở đánh giá này, lãnh đạo Khoa Sinh học họp với Giáo vụ

khoa, GVCN và cán bộ lớp về từng trường hợp để đưa ra các giải pháp hỗ trợ sinh viên phù hợp.

- Việc đánh giá điểm rèn luyện gồm 5 bước [H8.08.03.06]: i) Sinh viên tự đánh giá sau mỗi học kỳ; ii) lớp tổ chức bình xét; iii) Hội đồng cấp Khoa xem xét; iv) Hội đồng cấp Trường xem xét và công nhận bảng điểm rèn luyện cho sinh viên; v) Công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết kết quả điểm rèn luyện. [H8.08.03.09] Điểm rèn luyện là tiêu chí quan trọng để xét học bổng cho SV [H8.08.03.02].

Dữ liệu đánh giá học tập, rèn luyện được lưu trữ, cập nhật kịp thời và công khai trên phần mềm quản lý đào tạo và quản lý người học. Các dữ liệu điểm học tập và điểm rèn luyện được Phòng Đào tạo và Phòng Chính trị & Công tác sinh viên cập nhật hàng kỳ trên phần mềm quản lý đào tạo và quản lý người học [H8.08.03.07].

Căn cứ quy định của Trường ĐHKHTN về số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ, vào đầu mỗi học kỳ, Khoa tư vấn cho SV đăng ký học phần phù hợp với tải trọng và tiến trình học tập [H8.08.03.11, H8.08.03.12, H8.08.03.13, H8.08.03.14]. Sau đó, sinh viên tự đăng ký học phần trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường. Khối lượng học tập của sinh viên được theo dõi và phân tích, đánh giá thông qua hệ thống đăng ký học phần. Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên qua mỗi học kỳ, hệ thống đăng ký học phần của phòng đào tạo sẽ cho phép sinh viên đăng ký tối đa và tối thiểu số lượng tín chỉ trong một học kỳ. Tiến trình đào tạo được thiết kế với 8 học kỳ, với tổng số tín chỉ tối thiểu là 14 tín chỉ/học kỳ đảm bảo cho một sinh viên có học lực trung bình đủ điều kiện tích lũy và ra trường trong thời gian quy định. Hệ thống này giúp sinh viên theo dõi được tiến trình học tập của cá nhân và có kế hoạch tự điều chỉnh trong những kỳ tiếp theo [H8.08.03.14].

Tại Khoa Sinh học, cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 học kỳ/1 lần thông qua buổi họp giao ban công tác đào tạo giữa ban lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và trợ lý đào tạo. Qua buổi giao ban công tác sinh viên, ban lãnh đạo Khoa và các thầy/cô kịp thời nắm bắt được tình hình và các phản hồi từ sinh viên để kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào tiến trình giảng dạy cũng như kịp thời hỗ trợ cho các hoạt động khác cho sinh viên [H8.08.03.15]. Do đó, đánh giá của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ đã tốt hơn sau từng năm (Bảng 8.6).

*Bảng 8.6. Ý kiến đánh giá phản hồi của sinh viên về hoạt động hỗ trợ*

	2017	2018	2019	2020	2021
Hoạt động hỗ trợ	3,8	4	3,9	3,9	4,1

Như vậy, với sự kết hợp của rất nhiều các phương thức giám sát, sự hỗ trợ tới từng sinh viên được thực hiện một cách hiệu quả nhất.

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống theo dõi về sự tiến bộ của sinh viên, kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên hợp lý, có hệ thống và sử dụng hệ thống phần mềm tiện ích. Hoạt động này dành được sự quan tâm thường xuyên của Ban giám hiệu, các phòng ban, bộ phận và Khoa. Các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm chủ động, tích cực và sâu sát với sinh viên. Sự tiến bộ của mỗi sinh viên được đánh giá đầy đủ và khách quan.

## *3. Điểm tồn tại*

Quá trình cập nhật thông tin về sự tiến bộ của sinh viên, kết quả học tập và khối lượng học tập của sinh viên chưa thực sự nhanh chóng; việc học tập theo chương trình tín chỉ gây khó khăn cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên theo lớp.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Nhà trường trong việc phổ biến, cập nhật thông tin tới người học thông qua các hình thức như: họp lớp thường xuyên, trao đổi trên nhiều kênh thông tin khác nhau.

#### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 5/7

***Tiêu chí 8.4. Tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi dành cho sinh viên, và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn sẵn có để cải thiện học tập và khả năng có việc làm***

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Sinh viên ngành Sinh học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả ngay từ khi nhập học và trong suốt quá trình học tập tại Khoa Sinh học. Hàng năm, vào đầu năm học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị cho 100% sinh viên năm thứ nhất [H8.08.04.01], trong đó giới thiệu với các quy chế, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được quy định rất chi tiết tại Quy chế học sinh sinh viên [H8.08.04.02], đồng thời các thông tin khác như danh sách giáo vụ, thanh tra giảng đường, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập đều được công bố công khai [H8.08.04.03] và đề cập trong Sổ tay sinh viên đầu khóa [H8.08.04.04] cũng như các phương tiện truyền thông khác [H8.08.04.05].

Tại Khoa Sinh học, trong ngày đón tiếp sinh viên khóa mới nhập học, Khoa chuẩn bị kế hoạch đón tiếp và giới thiệu các thông tin chung về Khoa và các ngành học [H8.08.04.05, H8.08.04.06].

Hàng năm, sinh viên có cơ hội tìm hiểu, định hướng ngành nghề và giải đáp các thắc mắc thông qua các buổi đối thoại với Ban Lãnh đạo Trường, Khoa [H8.08.04.07] cũng như trên các kênh thông tin khác [H8.08.04.08]. Ngoài ra, trong suốt quá trình học tập, sinh viên luôn nhận được sự tư vấn, hỗ trợ và phản



hỏi về việc học tập của mình qua các cố vấn học tập, giảng viên, trợ lý giáo vụ của khoa, Ban lãnh khoa. [H8.08.04.03].

- Đầu năm học và kết thúc mỗi học kỳ, Ban chủ nhiệm Khoa Sinh học cùng đội ngũ giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, đội ngũ trợ lý đào tạo, trợ lý công tác sinh viên tổ chức buổi sinh hoạt, gặp gỡ với sinh viên khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển của khoa, đội ngũ giảng viên, về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu kiểm tra đánh giá, về công tác học vụ và tư vấn về phương pháp học tập đại học [H8.08.04.06].

- Mọi khó khăn trong việc đăng kí môn học, giảm bớt môn học, thay đổi môn học, đăng kí giảng viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp được giải quyết thông qua trợ lý giáo vụ, phòng đào tạo [H8.08.04.03]

- Vào tháng 4 hàng năm, sinh viên được tham dự buổi “Giới thiệu chuyên ngành” do Ban lãnh đạo Khoa và các giảng viên có kinh nghiệm cung cấp thông tin đầy đủ về các hướng nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ sinh viên lựa chọn chuyên ngành phù hợp [H8.08.04.09].

- Về nghiên cứu khoa học: Hội nghị NCKH sinh viên của Khoa Sinh học được tổ chức thường niên vào tháng 4 [H8.08.04.10, H8.08.04.11]. Tại Hội nghị, cả hai hình thức báo cáo (báo cáo trình bày và báo cáo poster) được áp dụng. Các sinh viên tích cực tham gia vào các đề tài NCKH, qua đó có thể học hỏi được phương pháp nghiên cứu. Khi cần trợ giúp trong việc định hướng NCKH, sinh viên có thể hỏi cố vấn học tập, các thầy cô hướng dẫn. Các sinh viên NCKH đều được hỗ trợ tiếp cận và sử dụng các trang thiết bị nghiên cứu của Trường thông qua giảng viên hướng dẫn. Việc nghiên cứu khoa học của sinh viên luôn được Khoa Sinh học coi là nhiệm vụ quan trọng [H8.08.04.12, H8.08.04.13]. Ngoài ra, sinh viên được tạo điều kiện thực hiện đề tài nghiên cứu tốt nghiệp tại khoa Sinh học và tại các đơn vị nghiên cứu ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội, giúp sinh viên có đầy đủ năng lực

nghiên cứu độc lập, thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.14, H8.08.04.15, H8.08.04.16]

- Về trao đổi sinh viên: Việc trao đổi sinh viên cũng được Nhà trường và Khoa Sinh học quan tâm và đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Sinh viên có cơ hội đi trao đổi học tập, nghiên cứu khoa học, giao lưu văn hóa hàng năm tại các trường Đại học đối tác tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), qua đó có thêm những trải nghiệm học tập, tìm hiểu văn hóa đời sống và giao lưu với sinh viên các nước trên thế giới [H8.08.04.17].

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm: Vào tháng 4 hàng năm, Khoa Sinh học tổ chức giới thiệu, định hướng cho sinh viên trong việc lựa chọn chuyên ngành [H8.08.04.09]. Qua đó, sinh viên được tự do lựa chọn ngành học, hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp. Hàng năm, Trường và Khoa phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hội chợ việc làm sinh viên, tổ chức các buổi tiếp xúc giữa sinh viên với các đơn vị tuyển dụng, tổ chức các đợt đi thực tập thực tế tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp [H8.08.04.15, H8.08.04.18]. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên có điều kiện làm quen với thị trường lao động, biết được các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển chọn của các nhà tuyển dụng để từ đó điều chỉnh việc học tập cho phù hợp. Các thông tin tuyển dụng được thông báo rộng rãi tới sinh viên trên website và trang Facebook của Trường và Khoa [H8.08.04.19]. Hiệu quả của các hoạt động định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên ngành Sinh học tăng lên rõ rệt sau nhiều năm (Bảng 8.7).

*Bảng 8.7. Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp ngành Sinh học*

Năm khảo sát	Năm tốt nghiệp	Ngành học	Số lượng khảo sát	Số lượng phản hồi	Số lượng có việc làm sau 1 năm	Số lượng học cao hơn	Tỷ lệ có việc làm
2019	2018	<b>Sinh học</b>	76	72	59	2	<b>84,7</b>
2020	2019	<b>Sinh học</b>	65	54	23	15	<b>70,37</b>
2021	2020	<b>Sinh học</b>	57	41	35	3	<b>92,68</b>

Để phục vụ cho học tập và NCKH, sinh viên ngành Sinh học còn được tiếp cận các hướng nghiên cứu và kiến thức về Sinh học thông qua các khóa học, buổi sinh hoạt chuyên đề phong phú [H8.08.04.20].

Ngoài các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học, tìm kiếm việc làm, Nhà trường và Khoa Sinh học rất quan tâm thực hiện quy định về chính sách xã hội đối với người học (trợ cấp, miễn giảm học phí cho sinh viên chính sách được thực hiện hàng kỳ), tư vấn, thông tin kịp thời tạo điều kiện cho người học được tiếp cận loại học bổng, hỗ trợ vay vốn không lãi suất phục vụ học tập, thực hiện các quy định về chăm sóc sức khỏe cho người học (vào đầu và cuối khóa học, sinh viên được khám sức khỏe tại Bệnh viện ĐHQGHN) [H8.08.04.21]. Trạm y tế cử cán bộ y tế về trực tại Trường hàng ngày để chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, sinh viên.

Sự hỗ trợ tới sinh viên còn được thực hiện thông qua Trung tâm Hỗ trợ sinh viên của ĐHQGHN (<http://css.vnu.edu.vn/>), Phòng CT&CTSV, văn phòng Hỗ trợ khởi nghiệp của Trường ĐHKHTN, tổ chức Đoàn thanh niên và Hội sinh viên [H8.08.04.22]. Các tổ chức này giúp sinh viên nhận được sự trợ về nội dung cụ thể như sau:

- Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, ... các hình thức vui chơi, giải trí khác gắn với chuyên môn, học thuật, góp phần rèn luyện phẩm chất, đạo đức [H8.08.04.23], các hoạt động bồi trợ kỹ năng mềm cho sinh viên [H8.08.04.24].

- Tư vấn, hướng nghiệp, thông tin về các chương trình học bổng, việc làm... đặc biệt là hỗ trợ và khuyến khích sinh viên khởi nghiệp [H8.08.04.25].

- Sinh viên được chăm sóc sức khỏe qua hệ thống bảo hiểm y tế bắt buộc. Sinh viên còn nhận được các hoạt động tư vấn về tâm lý và sức khỏe từ các chuyên gia, nhân viên y tế [H8.08.04.26]. Các tổ chức Đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh

niên, Hội sinh viên), giáo viên chủ nhiệm cùng ban cán sự lớp quan tâm, giúp đỡ các trường hợp gặp khó khăn về tâm lý, ảnh hưởng đến học tập.

- Sinh viên được phòng Chính trị và Công tác sinh viên hướng dẫn, tạo điều kiện để vay vốn từ các ngân hàng, quỹ tín dụng của sinh viên để phục vụ học tập

- Hàng năm nhà trường xét duyệt Sinh viên thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi, tàn tật,... được trợ cấp hàng tháng một cách kịp thời nhằm động viên khích lệ các em có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục cố gắng học tập [H8.08.04.27]. Trong học kỳ 2 năm học 2019-2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Trường ĐHKHTN đã kịp thời quyết định giảm học phí cho toàn bộ sinh viên [H8.08.04.28].

- Hết mỗi học kỳ, sinh viên có kết quả học tập tốt nhận được học bổng khuyến khích học tập từ ngân sách [H8.08.04.29]. Ngoài ra, còn có hơn 20 loại học bổng ngoài ngân sách [H8.08.04.30, H8.08.04.31] do các cá nhân, các cơ quan, doanh nghiệp tài trợ để khen thưởng cho các sinh viên có thành tích cao và sinh viên có triển vọng trong nghiên cứu khoa học. Việc xét học bổng khuyến khích học tập theo từng học kì đều được Nhà trường gửi thông báo công khai và rộng rãi tới các sinh viên có đủ điều kiện [H8.08.04.30].

Hàng năm, Nhà trường có nhiều nội dung khảo sát người học của các đơn vị về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát; có triển khai các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học. Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá nội bộ từng đơn vị; Khảo sát hiệu quả chương trình cải cách thủ tục hành chính; khảo sát chất lượng Đào tạo. Đồng thời, trong suốt quá trình học tập tại khoa Sinh học, sinh viên được khuyến khích phản ánh các ý kiến cá nhân thông qua nhiều hình thức khác nhau như hội thảo, đối thoại, thư góp ý, email, ... [H8.08.04.32, H8.08.04.08, H8.08.04.33]. Thông qua phiếu khảo sát và góp ý của sinh viên về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, Ban lãnh đạo Khoa Sinh học tiến hành điều chỉnh hoạt động, nội dung và thái

độ phục vụ đối với người học hàng năm đem lại kết quả đào tạo ngày càng cao [H8.08.04.34, H8.08.04.35].

Tóm lại, các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho sinh viên ngành Sinh học đạt hiệu quả tốt và được sinh viên đánh giá cao.

## *2. Điểm mạnh*

Quá trình học tập và rèn luyện của người học luôn được Ban lãnh đạo khoa theo dõi một cách khá chặt chẽ và sát sao. Thông tin về học tập luôn đảm bảo tính chính xác và được phản ánh đến với người học kịp thời một cách trực tiếp.

Các hình thức hỗ trợ sinh viên đa dạng như tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi dành cho sinh viên, và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn sẵn có để cải thiện học tập và khả năng có việc làm được tổ chức thường xuyên, đa dạng và hướng tới nhiều đối tượng sinh viên. Nhà trường và Khoa Sinh học dành nhiều sự quan tâm tới việc phát triển toàn diện của sinh viên cả trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm và tư tưởng chính trị. Khoa chủ động xây dựng các chương trình ngoại khóa, thiết lập mối quan hệ hợp tác với các nhà tuyển dụng để tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên có cơ hội trải nghiệm trong quá trình học tập cũng như cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động còn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn do việc học tập của sinh viên theo mô hình tín chỉ gây cản trở cho việc tham gia thường xuyên các hoạt động ngoại khóa.

## *4. Kế hoạch hành động*

Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng để thường xuyên nắm bắt phản hồi từ sinh viên để có các hình thức hỗ trợ hiệu quả nhất.

## *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 6/7

### ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Mọi hoạt động của Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học luôn hướng tới sinh viên, tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên phát huy được năng lực học tập và phấn đấu toàn diện của mình, đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu về thể chất, xã hội và tâm lý là cách thức đảm bảo học tập chất lượng của sinh viên.

Năm 2021 và 2022, ĐHQGHN cùng với Trường ĐHKHTN tiếp tục ứng dụng CNTT hỗ trợ thí sinh xác nhận nhập học và triển khai phần mềm nhập học nộp hồ sơ trực tuyến. Điều này giúp thí sinh và gia đình tiết kiệm chi phí, hạn chế đi lại; đồng thời làm giảm đáng kể hồ sơ giấy tờ cho các đơn vị tuyển sinh, tránh tình trạng thất lạc hồ sơ, tiết kiệm thời gian, nhân lực và có số liệu chính xác để có thể ra phương án xét tuyển bổ sung – nếu cần [H8.08.05.01]

Về các hoạt động phong trào: Sinh viên được tự do sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở các khuôn viên chung của trường và của ĐHQGHN [H8.08.05.02]. Nhằm nâng cao đời sống văn hóa, thể chất, tinh thần của sinh viên, các hoạt động của sinh viên Khoa Sinh học được quan tâm và đầu tư để đổi mới về hình thức, thu hút ngày càng nhiều sinh viên tham gia. Ngoài ra, các cuộc thi thể dục thể thao được Đoàn và Hội sinh viên tổ chức hàng năm nhằm khuyến khích phong trào tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe của sinh viên [H8.08.05.03, H8.08.05.04]

Sinh viên ngành Sinh học được tham gia các hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên Khoa Sinh học cũng như của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Sinh viên khoa Sinh học luôn xung phong như những lá cờ đầu

trong phong trào, tích cực tham gia và đảm nhận nhiều vai trò nòng cốt trong công tác tình nguyện. Không chỉ tham gia tích cực vào các hoạt động tình nguyện do Đoàn cấp trên tổ chức, BCH LCD còn động viên, giúp đỡ để sinh viên mạnh dạn đề xuất và tổ chức những chương trình thiện nguyện riêng, mang đậm chất Sinh học. Có thể kể đến một số hoạt động như: Đội Tình nguyện Tết khoa Sinh học 2020 “Tết đông đầy” tại Khu Dừng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ với các hoạt động chính: Tu sửa lại đoạn đường đi, cầu, tặng tủ sách, tổ chức chương trình “Em yêu khoa học”; trao tặng 26 phần quà ý nghĩa cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng Mùa hè xanh, Áo ấm tình thương... [H8.08.05.03, H8.08.05.04, H8.08.05.05].

Các Câu lạc bộ Sinh học, Câu lạc bộ Handmade có nhiều hoạt động để sinh viên tham gia ngoài giờ học, vừa để trao đổi kinh nghiệm học tập, tích lũy các kiến thức xã hội, vừa là nơi giao lưu kết bạn [H8.08.05.05]. Câu lạc bộ Handmade vì cộng đồng với lực lượng nòng cốt là sinh viên Khoa Sinh học đã tổ chức các hoạt động tình nguyện như “Tết ấm vùng cao”, tặng quà, biểu diễn văn nghệ tại thôn Cọ Sơn, xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ vào tháng 01/2021, hay tham gia hoạt động tình nguyện tại làng trẻ Hòa Bình, Thanh Xuân, Hà Nội vào tháng 4/2021.

Tại Khoa Sinh học, các phòng học và phòng thí nghiệm cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, đầu tư với các trang thiết bị dạy và học đầy đủ, trong đó có phòng học thông minh, phòng học có điều hòa không khí. Đặc biệt, đối với các học phần có thực hành, Khoa và Nhà trường đầu tư trang thiết bị, dụng cụ phòng thí nghiệm để tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học tập [H8.08.05.06, H8.08.05.07].

Ngoài ra, sinh viên ngành Sinh học dễ dàng tiếp cận với các học liệu bắt buộc (giáo trình, tài liệu, sách tham khảo) phục vụ các môn học từ đại cương đến

chuyên sâu của chuyên ngành, với tổng cộng khoảng 161.700 học liệu số của Trung tâm thông tin thư viện bằng cách đăng nhập phần mềm bằng tài khoản email được ĐHQGHN cấp từ đầu năm thứ nhất [H8.08.05.08, H8.08.05.09].

Hệ thống Wifi được lắp đặt và phủ sóng trong toàn bộ khuôn viên của Trường [H8.08.05.10, H8.08.05.11, H8.08.05.12] và được hoàn thiện hàng năm có sự đầu tư nhiều về cơ sở vật chất. Hệ thống mạng được duy trì ổn định và được bộ phận chuyên nghiệp theo dõi, vận hành và bảo trì [H8.08.05.13]. Nhờ đó, SV được truy cập internet miễn phí trong quá trình học tập tại Trường.

Khu Cantin sinh viên tách biệt khu học tập với không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, đảm bảo cung cấp phần ăn, giải khát cho sinh viên. Năm 2022, Trường ĐHKHTN đã sửa chữa và nâng cấp kang trang hơn, đầy đủ tiện nghi giúp cho các sinh viên yên tâm trong quá trình học tập [H8.08.05.14].

Ngoài ra, Trạm y tế và bệnh viện ĐHQGHN được đầu tư trang thiết bị đầy đủ để chăm sóc sức khỏe cho sinh viên và cán bộ [H8.08.05.15, H8.08.05.16, H8.08.05.17, H8.08.05.18].

Đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên như tổng vệ sinh diệt khuẩn xung quanh khuôn viên nhà trường, tổ chức giảng dạy trực tuyến cho sinh viên, hỗ trợ các sinh viên gặp khó khăn về lương thực, thực phẩm do cách ly xã hội theo yêu cầu của Chính phủ và sinh viên có hoàn cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được hỗ trợ rất kịp thời [H8.08.05.19, H8.08.05.20].

Nhà trường và Khoa cũng chú trọng đến công tác an ninh để đảm bảo phục vụ hiệu quả các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có tổ bảo vệ trực 24/24 giờ trong khu vực làm việc và khu vực giảng đường. Vào các dịp lễ lớn hoặc khi có hoạt động đặc biệt đều có sự tăng cường phối hợp với cơ quan công an địa phương nhằm đảm bảo công tác an ninh [H8.08.05.21].



Trường ĐHKHTN có Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng giúp BGH trong công tác thanh tra và ĐBCL toàn diện các hoạt động của Trường, là đầu mối giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên [H8.08.05.21]. Cuối mỗi học kì, đều lấy ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên cho từng môn học cũng như ý kiến đánh giá của học sinh, sinh viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính của Trường. Ngoài ra, mỗi năm học, Trường tổ chức gặp mặt giữa sinh viên với lãnh đạo Trường để lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, hỗ trợ sinh viên của Trường cũng như lắng nghe tâm tư nguyện vọng của sinh viên.[H8.08.05.22]. Ngoài các kênh chính thống, Phòng ĐT và CT&CTSV và Khoa Sinh học còn có được phản hồi của sinh viên từ các trang mạng xã hội, các diễn đàn. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức buổi họp giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập để lắng nghe các ý kiến đóng góp về công tác hỗ trợ sinh viên. [H8.08.05.23]. Hội nghị giao ban toàn trường được tổ chức định kỳ 1 tháng/1 lần. Tại các hội nghị này, lãnh đạo các đơn vị phải báo cáo tình hình triển khai công việc của đơn vị mình, trong đó có công tác hỗ trợ sinh viên để Trường có các điều chỉnh phù hợp.

Tóm lại, các công tác này đã góp phần tích cực giúp người học cũng như đội ngũ cán bộ giảng viên yên tâm công tác, tạo môi trường sư phạm tốt, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng.

## *2. Điểm mạnh*

Hoạt động hỗ trợ diễn ra rộng khắp và liên tục và có hệ thống nhằm tạo một môi trường năng động và cởi mở cho sinh viên học tập tại trường. Sinh viên hào hứng và nhiệt tình tham gia các hoạt động này.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số cơ sở vật chất của Nhà trường đã cũ, có dấu hiệu xuống cấp, việc ứng dụng công nghệ thông tin của Trường còn chưa thực sự hiệu quả.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Đề xuất với Nhà trường trong việc đồng bộ nâng cấp cơ sở vật chất, nền tảng công nghệ thông tin phục vụ công tác đào tạo, đặc biệt quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông. Bên cạnh đó, cần từng bước số hóa học liệu, thư viện số và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến.

#### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt yêu cầu mức: 5/7

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 8:***

Chính sách tuyển sinh và phương pháp đánh giá trong việc lựa chọn sinh viên được công khai tới các bên liên quan, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

Các hoạt động hỗ trợ người học được thực hiện một cách tương đối toàn diện, giúp sinh viên có động cơ học tập lành mạnh, thiết thực.

Cơ sở vật chất, điều kiện học tập cho sinh viên trong những năm gần đây đã được Nhà trường và Khoa quan tâm nâng cấp, cải thiện để người học có môi trường học tập, và nghiên cứu khoa học tốt nhất trong điều kiện có thể.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí; trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5 và 01 tiêu chí đạt mức 6. Trung bình 5,2/7.

## **Tiêu chuẩn 9. Trang thiết bị và cơ sở vật chất**

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHKHTN hiện quản lý sử dụng diện tích đất 27.440 m<sup>2</sup>, trong đó trụ sở chính tại 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội có diện tích 16.466 m<sup>2</sup>, tại phân hiệu 19 Lê Thánh Tông là 8.883 m<sup>2</sup>, cơ sở 2 tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc là 2.140 m<sup>2</sup>. Đến thời điểm năm 2022, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu của Trường ĐHKHTN là 42.398 m<sup>2</sup>, trong đó, tại trụ sở chính 334 Nguyễn Trãi là 28.561 m<sup>2</sup>, phân hiệu 19 Lê Thánh Tông là 6.304 m<sup>2</sup> và tại cơ sở 182 Lương Thế Vinh là 7.533 m<sup>2</sup>. Hiện tại, 03 khuôn viên 334 Nguyễn Trãi, 19 Lê Thánh Tông và 182 Lương Thế Vinh là các cơ sở sử dụng thường xuyên phục vụ cho học tập, nghiên cứu, kí túc xá và các hoạt động ngoại khóa của sinh viên [H9.09.01.01]. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể xây dựng ĐHQGHN tại Thạch Thất, Hà Nội (cơ sở Hòa Lạc) từ năm 2013, trong đó có khuôn viên phục vụ tất cả các hoạt động của Trường ĐHKHTN [H9.09.01.02, H9.09.01.03]. Cơ sở phục vụ cho chương trình Giáo dục quốc phòng của các trường thành viên ĐHQGHN tại Hòa Lạc đã được sử dụng từ nhiều năm nay. Tới thời điểm hiện nay, các tòa nhà HT1, HT2 của Trường ĐHKHTN trong dự án Hòa Lạc đang được hoàn thành, sẽ sớm được đưa vào sử dụng. Từ tháng 5/2022, cơ quan ĐHQGHN đã chính thức chuyển trụ sở làm việc tới Hòa Lạc, thực hiện hóa mục tiêu đề ra [H9.09.01.04].

Trong các khuôn viên hiện tại của Trường ĐHKHTN, hệ thống với 149 phòng học với diện tích đa dạng, phù hợp cho việc bố trí giảng dạy từ những môn học đại cương với đông sinh viên, đến những môn chuyên đề với quy mô nhỏ, tổng cộng 7.505 m<sup>2</sup> sàn. Các phòng học được đảm bảo về chiếu sáng, được đầu tư nâng

cấp với nhiều thiết bị phụ trợ cho hoạt động dạy và học [H9.09.01.01, H9.09.01.05, H9.09.01.06]. Đa số các giảng đường đều được trang bị điều hòa nhiệt độ, máy chiếu, màn chiếu, đặc biệt các phòng học thông minh được trang bị màn chiếu tương tác, giúp cho nội dung trình chiếu của bài học có thể trực quan hơn. Các phòng chờ giảng được bố trí tại các cụm giảng đường, thuận tiện cho giảng viên nghỉ giải lao, đảm bảo hỗ trợ giảng viên về các phương tiện giảng dạy cũng như sử dụng các trang thiết bị trong giảng đường [H9.09.01.05]. Với tổng cộng diện tích sàn 2.220 m<sup>2</sup> cho 27 phòng chức năng (Văn phòng hiệu bộ, Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên...), Trường ĐHKHTN đảm bảo nơi làm việc của các cán bộ và hoạt động của toàn trường được hiệu quả [H9.09.01.01].

Cơ sở vật chất của các phòng học được quan tâm duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo trạng thái hoạt động ổn định, nâng cao sự thoải mái, thuận tiện cho cả người dạy và người học. Những phản hồi, đánh giá của sinh viên về cơ sở vật chất sử dụng trong đào tạo đối với mỗi học phần là cơ sở để Khoa và Trường sắp xếp thứ tự ưu tiên cho công việc này. Thông qua các dự án sửa chữa, cải thiện năng lực, hệ thống trang thiết bị được lên kế hoạch sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mới [H9.09.01.07, H9.09.01.08]. Hiện tại, tính riêng cho Trường ĐHKHTN, diện tích đất/người học là 3,71 m<sup>2</sup>/người, diện tích sàn/người học là 5,74 m<sup>2</sup>/người [H9.09.01.01].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường được thành lập từ rất sớm, được thừa hưởng những khuôn viên rộng rãi. Qua nhiều năm phát triển, hệ thống phòng học, cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp.

## *3. Điểm tồn tại*

Diện tích đất của Trường ĐHKHTN không mở rộng được nữa trong khi dự án xây dựng tại Hòa Lạc của ĐHQGHN vẫn chưa hoàn thành. Do vậy, việc mở rộng đào tạo gặp khó khăn.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học sẽ cố gắng tận dụng tối đa cơ sở vật chất sẵn có, sắp xếp lịch học để tối ưu việc sử dụng hệ thống phòng học và làm việc.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt, 4/7 điểm

### ***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ phù hợp và được cập để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hệ thống thư viện của ĐHQGHN phục vụ chung cho các đơn vị thuộc ĐHQGHN trong đó có Trường ĐHKHTN. Hệ thống này bao gồm các thư viện chính đặt tại 144 Xuân Thủy, 336 Nguyễn Trãi, 182 Lương Thế Vinh và các chi nhánh thư viện tại các Trường đại học thành viên. Trụ sở thư viện tại Trường ĐHKHTN được đặt tại tầng 7 nhà T5 cơ sở 334 Nguyễn Trãi, với diện tích 425 m<sup>2</sup> [H9.09.02.01]. Hệ thống thư viện tại ĐHQGHN được xây dựng, thiết kế vừa là nơi lưu trữ tài liệu, vừa có phòng đọc để phục vụ hoạt động học tập, tra cứu của người học và cán bộ [H9.09.02.02]. Thư viện có trang bị máy tính giúp người đọc tra cứu và tìm kiếm tài liệu, phòng đọc trang bị điều hòa, bàn ghế đủ đáp ứng nhu số lượng người sử dụng lớn. Nội quy, quy định cũng như các bảng chỉ dẫn của thư viện được thể hiện rõ ràng, giúp người sử dụng dễ dàng tìm được thông tin mình cần. Hiện tại, công việc tra cứu tài liệu, quản lý dữ liệu thư viện đã được số hóa bằng hệ thống phần mềm toàn diện, giúp giảm thiểu thời gian và sai sót cho cả người sử dụng lẫn nhân viên thư viện [H9.09.02.02].

Trung tâm thông tin thư viện của ĐHQGHN (VNU-LIC) hiện lưu trữ kho tài liệu lớn, tính riêng tài liệu in gồm khoảng 114.000 đầu sách, 400 tên tạp chí, với số lượng bản in khổng lồ để phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của toàn bộ

ĐHQGHN. Ngày nay, nguồn tài nguyên số có ưu điểm trong việc tiếp cận nhanh chóng tới số lượng lớn người học và người nghiên cứu khoa học. Cán bộ, sinh viên VNU-HUS được cung cấp tài khoản ĐHQGHN để sử dụng hệ thống thông tin điện tử và cơ sở dữ liệu của Trung tâm VNU-LIC với nguồn tài nguyên số nội sinh bao gồm 33.793 luận án, luận văn điện tử, khoảng 2.000 kết quả nghiên cứu của ĐHQGHN được mã hóa, lưu trữ trong các hệ thống máy chủ của mạng cục bộ, có kết nối Internet. Với nguồn tài nguyên ngoại sinh, VNU-LIC đóng vai trò quan trọng là cầu nối của người học và cán bộ ĐHQGHN với những cơ sở dữ liệu tri thức có mất phí của thế giới như ScienceDirect, SpringerLink, Bookboon, Elsevier, Sage, WorldScientific... Người sử dụng VNU-LIC có khả năng truy cập tới khoảng 53.000 sách điện tử, 4.100 tạp chí điện tử trên thế giới mà không cần phải trả thêm chi phí [H9.09.02.03].

Đối với ngành Sinh học, VNU-LIC trang bị đầy đủ các học liệu bắt buộc (giáo trình, tài liệu, sách tham khảo) phục vụ các môn học từ đại cương đến chuyên sâu của chuyên ngành. Trung tâm thông tin thư viện đã phát triển phần mềm đọc sách VNU-LIC có thể cài đặt trên máy tính (tải về từ trang web <https://bookworm.vnu.edu.vn/>) và phiên bản cho điện thoại thông minh. Người dùng có thể đăng nhập phần mềm bằng tài khoản email được ĐHQGHN cấp để truy cập kho sách, tài liệu của thư viện đã được số hóa, với tổng cộng khoảng 161.700 học liệu số có thể đọc ngay trên máy tính, điện thoại của mình nhanh chóng, tiện lợi [H9.09.02.03, H9.09.02.04].

VNU-LIC thường xuyên cập nhật, bổ sung (dựa trên đề xuất của các đơn vị) nguồn tài liệu phục vụ các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu của ĐHQGHN [H9.09.02.05]. Thư viện cũng là nơi phục vụ thường xuyên cho nhu cầu không gian học tập của sinh viên, đặc biệt trong thời gian ôn thi [H9.09.02.06].

Trung tâm thông tin – Thư viện của ĐHQGHN luôn tích cực cải thiện chất lượng hoạt động phục vụ bằng các hình thức điều tra ý kiến phản hồi, để từ đó có

thể hỗ trợ tốt hơn cho đào tạo và nghiên cứu khoa học [H9.09.02.08]. Theo khảo sát năm 2021, trong tổng số 5.760 phiếu, có 4.647 phiếu phản hồi từ sinh viên, mức độ hài lòng của người sử dụng ở trên mức 4 trong thang 5 điểm. Tuy nhiên, cũng vẫn có nhiều ý kiến đóng góp mong muốn Thư viện cải thiện hơn nữa về cơ sở vật chất để phục vụ tốt hơn nữa cho người dùng.

Ngoài nguồn tài liệu này, đối với các môn học chuyên ngành, các bộ môn trong khoa Sinh học thường lưu trữ và cập nhật tài liệu chuyên ngành, khóa luận, luận văn, luận án và các bài báo khoa học liên quan đến ngành đào tạo của Khoa để phục vụ cán bộ, sinh viên tra cứu [H9.09.02.07].

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống thư viện của ĐHQGHN lớn, với truyền thống lâu năm, được đầu tư bài bản, nên đáp ứng được nhu cầu về cả tài nguyên nội sinh và tài nguyên ngoại sinh của thành viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Diện tích thư viện tại Trường ĐHKHTN nếu được mở rộng hơn nữa sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho sinh viên học tập.

## *4. Kế hoạch hành động*

ĐHQGHN có kế hoạch xây dựng thư viện VNU-LIC mới, hiện đại trong tổng thể dự án tại Hòa Lạc, có thể đảm bảo không gian học tập sinh viên ĐHQGHN.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt, 6/7 điểm.

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị đầy đủ, phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường ĐHKHTN được trang bị hệ thống 169 phòng thí nghiệm với tổng diện tích sàn xây dựng là 8.930 m<sup>2</sup> phục vụ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, phòng thí nghiệm chuyên sâu theo các hướng nghiên cứu của nhóm ngành, của ngành (được giao cho các khoa quản lý) cụ thể là: Phòng thí nghiệm (PTN) đại cương, PTN chuyên đề (chủ yếu phục vụ giảng dạy), PTN mục tiêu và PTN trọng điểm (chủ yếu phục vụ NCKH) [H9.09.03.01]. Các thông tin về PTN và thiết bị được Trường và Khoa thống kê và cập nhật hàng năm để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của các đơn vị [H9.09.03.02, H9.09.03.02].

Song song với hoạt động học tập trên giảng đường, nhiều học phần trong CTĐT của ngành Sinh học bao gồm cả nội dung thực hành. Với các học phần chung, sinh viên được thực hành tại các phòng thí nghiệm ở các khoa phụ trách học phần đó (Khoa Vật lí, Khoa Hóa học). Đối với những học phần chuyên ngành Sinh học, có 8/11 phòng thí nghiệm của Khoa Sinh học được sử dụng cho các nội dung thực hành. Nếu sinh viên có nhu cầu tham gia nghiên cứu khoa học, khoa hỗ trợ để có thể tiến hành hoạt động nghiên cứu tại tất cả 11 phòng thí nghiệm với sự hướng dẫn của các cán bộ trong khoa. Hơn nữa, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sự sống, Phòng thí nghiệm Trọng điểm Công nghệ Enzyme và Protein và Bảo tàng Sinh học là ba đơn vị nằm trong khuôn viên Trường ĐHKHTN chia sẻ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Đặc biệt Trung tâm Nghiên cứu Khoa học sự sống được cung cấp nhiều thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu về giảng dạy và nghiên cứu khoa học như hệ thống máy HPLC, hệ thống máy Realtime PCR, hệ thống kính hiển vi huỳnh quang [H9.09.03.05, H9.09.03.06].

Tuy nhiên, trong điều kiện mặt bằng phòng thực tập cho người học còn hạn chế, hệ thống trang thiết bị ngày càng nhiều, nên đôi khi có khó khăn trong điều



phối và sắp xếp lịch học tập của sinh viên. Để khắc phục hạn chế này, khoa Sinh học chủ động lên lịch điều phối sử dụng chung các phòng thực hành để tận dụng tối đa mặt bằng sẵn có [H9.09.03.07].

Với tần suất hoạt động của các phòng thí nghiệm, việc quản lý sử dụng là rất quan trọng. Để đảm bảo công tác quản lý, các cán bộ phụ trách luôn ghi nhật ký sử dụng [H9.09.03.08]. Trên cơ sở đó và định hướng phát triển, Trường và Khoa thực hiện đánh giá, kiểm tra và lập kế hoạch ngắn hạn (hàng năm), trung hạn và dài hạn để nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ [H9.09.03.09, H9.09.03.10, H9.09.03.11, H9.09.03.12, H9.09.03.13, H9.09.03.14, H9.09.03.15].

Nhà Trường có quy định chung về phòng chống cháy nổ, việc sử dụng an toàn hóa chất, và quy định chung về an toàn cho các PTN [H9.09.03.16, H9.09.03.17]. Sinh viên ngành Sinh học được sử dụng các PTN theo kế hoạch năm học, theo yêu cầu thực hành của các môn học và theo hướng nghiên cứu khi làm khóa luận tốt nghiệp [H9.09.03.18].

Ngoài ra khoa Sinh học gắn chặt hoạt động nghiên cứu và đào tạo với Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ enzym và Protein (PTNTĐCNEP). Hầu hết các cán bộ của PTNTĐCNEP đều tham gia giảng dạy tại Khoa Sinh học [H9.09.03.19]. Tại PTNTĐCNEP, các sinh viên có chuyên ngành phù hợp đều có thể tham gia học tập và thực hành các kỹ thuật của sinh học hiện đại như enzyme học, phân tích hoạt tính sinh học, phân tích DNA, proteomic, protein tái tổ hợp, các kỹ thuật lên men... Các bộ môn trong Khoa Sinh học được hình thành và phát triển trải qua nhiều năm đã hoàn thiện với 8 phòng thí nghiệm cấp Bộ môn và các phòng chuyên đề giúp cho việc học tập, thực hành của sinh viên theo các hướng chính là sinh học thực nghiệm và đa dạng sinh học [H9.09.03.03].

Cho đến nay, khoa Sinh học hiện đang “sở hữu” một hệ thống máy móc hiện đại, đồng bộ và cập nhật cùng với nhiều loại dụng cụ thí nghiệm để phục vụ cho

đào tạo giáo dục và nghiên cứu khoa học về cả về hướng đa dạng sinh học lẫn công nghệ sinh học.

Ngoài ra, trong Khoa Sinh học còn có hệ thống phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm Nghiên cứu khoa học sự sống với các trang thiết bị tốt hỗ trợ các thực hành và nghiên cứu của sinh viên. Để có thể tiến hành các bài thí nghiệm về đa dạng sinh học Khoa Sinh học có Bảo tàng sinh vật. Đây là nơi lưu trữ bảo quản hàng trăm mẫu động thực vật là nguồn tư liệu quý ở Việt Nam giúp cho sinh viên có thể tiếp cận thực tế thiên nhiên [H9.09.03.21]. Gần đây, Khoa Sinh học đã được nâng cấp nhà nuôi động vật để góp phần nâng cao chất lượng bài giảng thực hành và phát triển nghiên cứu thực nghiệm [H9.09.03.11].

Không những vậy, Khoa Sinh học còn liên kết với các trung tâm, phòng thí nghiệm hiện đại khác như Viện Vi sinh vật học và Công nghệ sinh học, ĐHQGHN; Viện Công nghệ sinh học, Viện Di truyền, Viện nghiên cứu hệ gen, Viện Công nghệ thực phẩm... để tận dụng thế mạnh cơ sở vật chất cũng như đẩy mạnh việc nghiên cứu và trao đổi các thông tin khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến công nghệ sinh học; hàng năm nhiều sinh viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp tại các Viện nghiên cứu này, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên làm khóa luận, nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của cán bộ Khoa và cán bộ của cơ sở đối tác [H9.09.03.22].

Số lượng và chất lượng trang thiết bị NCKH và đào tạo được Giảng viên và sinh viên định kỳ đánh giá. Theo kết quả khảo sát phản hồi, có khoảng 80% sinh viên được hỏi đánh giá tích cực về khả năng đáp ứng của các PTN với quá trình học tập của sinh viên [H9.09.03.23]. Kết quả qua đánh giá định kỳ và kiểm định chất lượng cho thấy cơ sở vật chất của Trường đáp ứng các điều kiện cơ bản cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Hàng năm, thông qua cuộc họp tổng kết năm học, Khoa tổng kết các ý kiến góp ý liên quan để báo cáo Trường ĐHKHTN [H9.09.03.23]. Dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc cũng đã lấy ý kiến các

trường thành viên để thiết kế, xây dựng phòng thí nghiệm mới đảm bảo đáp ứng được các nhu cầu về PTN phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học [H9.09.03.25].

Trường thường xuyên kiểm tra tất cả hoạt động của các phòng thí nghiệm [H9.09.03.15], đồng thời đưa mục đánh giá về cơ sở vật chất phòng thí nghiệm trong các phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học và cán bộ [H9.09.03.23]. Nhìn chung, ý kiến phản hồi từ người học đánh giá về cơ sở vật chất các PTN phục vụ thực hành cho các học phần của khoa Sinh học đều được đánh giá ở mức trên 4 điểm (thang điểm 5). Phòng Khoa học – Công nghệ hàng năm đều đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị và PTN 2 lần. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra, Trường ĐHKHTN lập kế hoạch bảo trì và sửa chữa các dụng cụ bị hỏng hóc và đầu tư mua mới các thiết bị cần thiết [H9.09.03.24].

## *2. Điểm mạnh*

Phòng thí nghiệm có đủ trang thiết bị đáp ứng được các các học phần chuyên sâu trong chương trình đào tạo Sinh học và cả nghiên cứu khoa học. Đội ngũ cán bộ có kiến thức và kỹ năng tốt.

## *3. Điểm tồn tại*

Diện tích sàn sử dụng và số lượng thiết bị chưa đủ đáp ứng nhu cầu trong điều kiện số lượng người học tăng lên và tần suất sử dụng cao.

## *4. Kế hoạch hành động*

Sắp xếp, phân lịch sử dụng hợp lý để tối ưu hóa cơ sở vật chất sẵn có. Duy tu, bảo dưỡng chống xuống cấp hệ thống phòng thí nghiệm.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt, 5/7 điểm

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng phục vụ học trực tuyến) được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trong thời đại ngày nay, thông tin có rất lớn còn đối với sự phát triển của xã hội. Đối với Trường ĐHKHTN, việc cung cấp thông tin của Trường cho xã hội cũng như tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên tiếp nhận thông từ bên ngoài đều quan trọng. Hệ thống công nghệ thông tin có vai trò quan trọng đối với giáo dục và nghiên cứu khoa học. Từ 2016, Trường ĐHKHTN đã quyết định thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, có chức năng đảm bảo phối hợp các công ty chuyên nghiệp về công nghệ thông tin để xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống hạ tầng máy tính, mạng máy tính, và điều hành cập nhật thông tin lên website của Trường [H9.09.04.01]. ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin có khả năng đáp ứng cho nhu cầu đào tạo và NCKH. Nhà trường đã ký kết hợp đồng với nhà thầu có năng lực cao là công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT để lắp đặt đồng bộ hệ thống mạng có dây và Wifi, kết nối Internet tốc độ cao trong toàn bộ khuôn viên nhà trường. Tất cả cán bộ và sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và cả khách đến làm việc đều được cấp tài khoản miễn phí để truy cập hệ thống mạng tốc độ cao này [H9.09.04.02].

Trang web của Trường ĐHKHTN [H9.09.04.03] có đầy đủ các thông tin cần thiết cho công tác quản lý, đào tạo, NCKH và dịch vụ, được kết nối với trang web của ĐHQGHN và các đơn vị trực thuộc. Để phục vụ trực tiếp cho công tác của Khoa, trang web của Khoa Sinh học [H9.09.04.04] cung cấp thông tin về các chuyên ngành đào tạo, các thiết bị nghiên cứu, các hoạt động giảng dạy, hợp tác quốc tế...

Trường ĐHKHTN thực hiện việc tin học hóa trong quản lý, đào tạo, NCKH và trong công tác sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử. Việc tin học hóa và hệ

thông hóa thông tin đã giúp ích cho các giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học như đăng kí học phần, xem điểm, tìm kiếm tài liệu, biểu mẫu, bài giảng, thông tin giảng viên... [H9.09.04.05, H9.09.04.06, H9.09.04.07]. Khoa Sinh học thường xuyên cập nhật, bổ sung, nâng cấp trang web của khoa nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác nghiên cứu và giảng dạy. Hiện nay, mạng xã hội trên internet đã trở thành phương tiện thông tin, liên lạc có hiệu quả vô cùng to lớn đối với cả xã hội. Năm bắt được điều này, các cán bộ Khoa, giáo viên chủ nhiệm lớp đã sử dụng hình thức mạng xã hội để giải đáp các thắc mắc và cung cấp thêm thông tin các hoạt động cho sinh viên được kịp thời, nhanh chóng.

Đặc biệt, đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, toàn bộ giảng viên tham gia dạy trực tuyến qua hệ thống Google Class, Google Meet, Zoom và Microsoft Teams [H9.09.04.08]. Để hỗ trợ cho việc thực hiện giảng dạy trực tuyến, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã tổ chức nhiều buổi tập huấn để các giảng viên có thể hoàn thành được nhiệm vụ trong hoàn cảnh đặc biệt này. ĐHQGHN cũng đã có những trao đổi với các hãng phần mềm này giúp cho cán bộ của ĐHQGHN sử dụng dễ dàng hơn như: sử dụng Zoom để dạy trực tuyến không giới hạn thời gian, liên kết gói phần mềm Microsoft Team để quản lý lớp học và giảng dạy trực tuyến. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh dịch bệnh Covid-19 kéo dài, đối với các nội dung liên quan đến thực hành, khoa Sinh học và Trường ĐHKHTN đã nhanh chóng trang bị một số phụ kiện quay video, chụp ảnh để phục vụ thực hành trực tuyến, hỗ trợ việc tiếp thu kiến thức của sinh viên [H9.09.04.09].

Trường thường xuyên lấy ý kiến về hạ tầng công nghệ thông tin của Trường và các Khoa thông qua phản hồi từ giảng viên và người học. Kết quả phản hồi cho thấy hạ tầng mạng của Trường về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của sinh viên trong quá trình học tập, tuy nhiên với nhu cầu tăng cao trong học trực tuyến, hạ tầng công nghệ thông tin cần tiếp tục nâng cấp.

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống công nghệ thông tin và mạng máy tính được đầu tư và nâng cấp thường xuyên. Trung tâm CNTT&TT được thành lập và là bộ phận chuyên trách đảm nhiệm lấy tin tức và cập nhật website. Điều này đảm bảo các sự cố về hạ tầng mạng, cũng như thông tin của Trường được xử lý chuyên nghiệp hơn.

## *3. Điểm tồn tại*

Thiếu ổ cắm điện tại những không gian tự học để sinh viên có thể sử dụng máy tính xách tay được thuận tiện hơn.

Một số khu vực, hệ thống wifi còn hoạt động chưa được hiệu quả. Hệ thống đăng kí trực tuyến các học phần còn bị quá tải.

## *4. Kế hoạch hành động*

Nhà Trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống wifi, cũng như khả năng tương tác trực tuyến của các hệ thống đăng kí học phần và quản lý sinh viên hàng năm.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt, 5/7 điểm

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai; có đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật***

### *1. Mô tả hiện trạng*

Dựa trên các chính sách an toàn của Nhà nước và ĐHQGHN, Trường đã triển khai thực hiện các hoạt động theo quy định về vệ sinh môi trường, an toàn PTN, an toàn Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và sức khỏe tại nơi làm việc [H9.09.05.01]. Các khu giảng đường tại 334 Nguyễn Trãi và 19 Lê Thánh Tông được sử dụng phục vụ học tập của khối đại học chính quy và sau đại học, giảng đường đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về phòng học cho học sinh sinh viên: đủ ánh sáng, thông thoáng, dùng phần ít bụi. Mỗi khu học tập đều có phòng chờ giảng

được trang bị điều hòa, đầy đủ nước uống, nước rửa tay. Nhà trường đã cải tạo cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ người khuyết tật có thể dễ dàng hơn trong việc học tập và nghiên cứu tại Trường như: có ram dốc, thang máy, sắp xếp lớp học tại tầng 1, bố trí học các học phần thể dục phù hợp vừa để có những hoạt động thể chất vừa để nâng cao sức khỏe cho sinh viên [H9.09.05.02, H9.09.05.03]. Nhà trường đã ký kết hợp đồng với công ty chuyên nghiệp về vệ sinh công nghiệp thực hiện công việc vệ sinh thường xuyên cho toàn bộ khu vực giảng đường, các nhà vệ sinh và khu vực hành lang, sảnh, trang bị và xử lý thùng rác thải hàng ngày.

Trong hoạt động thường xuyên của Trường luôn có kế hoạch xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng được các yêu cầu của một trường đại học nghiên cứu tiên tiến, trong đó có yêu cầu về đảm bảo môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu [H9.09.05.04, H9.09.05.05, H9.09.05.06]. Trường có kế hoạch đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, kế hoạch đảm bảo vệ sinh môi trường. Trung tâm Y tế dự phòng Hà Nội và Bệnh viện ĐHQGHN có kế hoạch kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường [H9.09.05.06].

Các khuôn viên của Trường đảm bảo tỷ lệ cây xanh và không gian giải trí cho cán bộ, sinh viên. Các ký túc xá đều có nhà văn hóa, thư viện, chỗ tập thể thao đảm bảo cho sinh viên có điều kiện vui chơi, giải trí [H9.09.05.07]. Trường còn có Trung tâm sinh thái tại Ba Vì, cơ sở mới tại Hòa Lạc cho sinh viên toàn trường trong các hoạt động học quân sự, dã ngoại, tìm hiểu thiên nhiên [H9.09.05.08].

Căng tin của Trường sạch sẽ, được xây mới, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ tốt nhu cầu ăn trưa của cán bộ và sinh viên [H9.09.05.09]. Các nguồn nước được kiểm tra chất lượng theo định kỳ bởi sở Y tế thực hiện, đảm bảo đạt chuẩn các quy định của Nhà nước và đáp ứng được tiêu chuẩn nước sạch Việt Nam và được đánh giá phản hồi hàng năm từ sinh viên [H9.09.05.06].

Theo yêu cầu của ĐHQGHN, 100% cán bộ và sinh viên toàn trường có bảo hiểm y tế [H9.09.05.10]. Nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của cán

bộ và sinh viên, Bệnh viện ĐHQGHN được thành lập năm 2011 và đặt tại khu vực kí túc xá Mễ Trì. Bệnh viện ĐHQGHN hoạt động 24 giờ một ngày và 7 ngày trong tuần [H9.09.05.11]. Bệnh viện có bố trí 01 phòng sơ cứu, có cán bộ trực tại trụ sở chính của Trường tại tầng 1, Nhà T5, 334 Nguyễn Trãi. Bệnh viện ĐHQGHN có đủ nhân lực và cơ sở vật chất để đảm bảo sức khỏe và điều kiện an toàn cho sinh viên và cán bộ [H9.09.05.11]. Những ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động của Bệnh viện ĐHQGHN là căn cứ để Bệnh viện nâng cao chất lượng phục vụ. Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch Covid-19, Trường đã lắp đặt các bồn rửa tay bằng nước sát khuẩn tại cổng trường và trước các tòa nhà, trong thang máy [H9.09.05.12]. Công tác tuyên truyền, cập nhật các số liệu về hiện trạng, số người mắc bệnh, các điểm nóng và giải pháp phòng tránh được trường cập nhật liên tục qua các thông báo đến Khoa, và trực tiếp đến sinh viên [H9.09.05.13]. Tới thời điểm hiện nay, các cán bộ viên chức của Trường đều thực hiện đủ các mũi tiêm Covid-19. Đối với sinh viên đại học chính quy, có 5.446 sinh viên đã thực hiện tiêm chủng, trong đó có 5.396 sinh viên đã tiêm đủ 2 mũi trở lên; 50 sinh viên đã tiêm mũi 01 và 57 sinh viên chưa được tiêm chủng do yếu tố chỉ định.

Với đặc thù ngành học liên quan đến hóa chất, an toàn sinh học Khoa Sinh học có những quy định riêng tại các PTN đảm bảo an toàn cho sức khỏe cũng như học tập và nghiên cứu của sinh viên [H9.09.05.14]. Cán bộ vận hành thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH của Trường và Khoa đều được đào tạo về quy trình thí nghiệm để đảm bảo an toàn lao động và thực hiện theo đúng nội quy PTN, đảm bảo có thể vận hành, hướng dẫn sinh viên sử dụng PTN được an toàn [H9.09.05.15]. Trường ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý hóa chất độc hại phát sinh từ hoạt động của các phòng thí nghiệm [H9.09.05.16].



## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường cố gắng để đáp ứng những tiêu chuẩn của Nhà nước và ĐHQGHN về môi trường, sức khỏe. Đặc biệt, Bệnh viện ĐHQGHN có thể đáp ứng nhu cầu về y tế đối với sinh viên.

## *3. Điểm tồn tại*

Diện tích Trường ĐHKHTN không đủ rộng để mở rộng không gian xanh.

## *4. Kế hoạch hành động*

Nhà Trường cố gắng tận dụng diện tích sẵn có để tối đa hóa không gian xanh bằng cách làm các giàn hoa giấy trên cao, sửa sang lại khu vực vườn hoa đẹp hơn.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt, 6/7 điểm.

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 9:***

Cơ sở vật chất phục vụ CTĐT được thừa hưởng từ lịch sử phát triển của Trường ĐHKHTN và được đầu tư nâng cấp thường xuyên để đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống thư viện chung của ĐHQGHN có lượng dữ liệu rất lớn, đảm bảo phục vụ cho các nhu cầu của các CTĐT khác nhau và cả nhu cầu nghiên cứu khoa học của cán bộ.

Cơ sở vật chất, điều kiện học tập cho sinh viên trong những năm gần đây đã được ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học quan tâm nâng cấp, cải thiện để người học có môi trường học tập, và nghiên cứu khoa học tốt nhất trong điều kiện có thể. Dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc đang trong quá trình đẩy mạnh xây dựng, và cơ sở này sẽ đảm bảo tối đa về không gian, hạ tầng, điều kiện học tập, nghiên cứu theo tiêu chuẩn cao trong tương lai.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí; trong đó có 01 tiêu chí đạt mức 4, có 02 tiêu chí đạt mức 5 và 02 tiêu chí đạt mức 6. Trung bình 5,2/7.

### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

Từ khi được thành lập năm 1956, Khoa Sinh học là một trong những Khoa lớn và lâu đời nhất của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Với bề dày hơn 65 năm lịch sử, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo đối với ngành Sinh học đã luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Trường cũng như lãnh đạo Khoa và các bộ phận liên quan. Nhờ sự đầu tư của Nhà nước, của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường ĐHKHN, Khoa Sinh học đã trở thành một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sinh học.

Chương trình đào tạo luôn được coi là một yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo, là yếu tố cốt lõi đảm bảo chất lượng quy trình giảng dạy và học tập. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học, Khoa Sinh học đã có định hướng và áp dụng nhiều biện pháp cụ thể, ngay từ việc thiết kế, xây dựng đến việc tổ chức, thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến, đổi mới nội dung chương trình đào tạo cũng như áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học. Thêm vào đó, Khoa Sinh học đã tuân thủ theo đúng Quy chế đào tạo và các hướng dẫn về xây dựng chương trình đào tạo của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ, có hệ thống và đã quy tụ được ý kiến đóng góp của các bên tham gia như đội ngũ giảng viên, chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý, người học và các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN đều có sự điều chỉnh, cập nhật và bổ sung cho chương trình đào tạo để có những cải tiến chương trình phù hợp.

Dưới đây là những đánh giá và minh chứng cho hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Sinh học.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

***1. Mô tả hiện trạng***

CTĐT ngành Sinh học của Khoa Sinh học trước hết được xây dựng có tính kế thừa từ các CTĐT trong suốt hơn 65 năm xây dựng và phát triển ngành Sinh học. CTĐT liên tục được cập nhật, chỉnh sửa theo từng giai đoạn phát triển. Gần đây nhất là vào các năm 2015, 2019 và 2022 căn cứ vào: 1) nhu cầu xã hội và ý kiến phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, chuyên gia, người học bao gồm cả người học đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động), 2) tầm nhìn sứ mạng của Trường và Khoa, 3) sự chỉ đạo của ĐHQGHN và hướng dẫn của ĐHKHTN [H10.10.01.01 đến H10.10.01.05]. Theo quy định của ĐHQGHN, trong quá trình xây dựng, điều chỉnh và thực hiện CTĐT phải lấy ý kiến của các bên liên quan và tuân thủ những quy định của ĐHQGHN về CTĐT [H10.10.01.01, H10.10.01.03]. Theo quy định về chức năng và nhiệm vụ của các Phòng, Ban chức năng của Trường ĐHKHTN ban hành tháng 7/2015 [H10.10.01.24], hàng năm, Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL, Trường ĐHKHTN ban hành các văn bản và lập kế hoạch công tác ĐBCL [H10.10.01.06] trong đó nêu rõ kế hoạch và hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về các môn học, ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và những bên liên quan khác về chương trình đào tạo. Việc hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan cũng được thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp [H10.10.01.02, H10.10.01.03, H10.10.01.04].

Quy trình khảo sát được tiến hành như sau:

Bước 1: Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL xây dựng kế hoạch để trình ban giám hiệu phê duyệt về kế hoạch và hoạt động lấy ý kiến khảo sát.

Bước 2: Cùng với những góp ý của Khoa về mục đích, yêu cầu, đối tượng và phương pháp khảo sát, Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL thống nhất và hoàn thiện phiếu khảo sát.

Bước 3: Khoa lập danh sách, số lượng người cần khảo sát và gửi về Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL

Bước 4: Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL in, nhân bản phiếu khảo sát hoặc thiết kế phiếu khảo sát online hoặc chuyển về Khoa cùng phối hợp thực hiện.

Bước 5: Tùy thuộc vào đối tượng khảo sát mà Khoa hoặc Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL tiến hành gửi và thu lại phiếu khảo sát bản cứng, hoặc gửi link khảo sát đến các bên liên quan xin ý kiến.

Bước 6: Khoa và Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL xử lý, phân tích dữ liệu và làm báo cáo kết quả khảo sát

Bước 7: Toàn bộ giữ liệu khảo sát được Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL làm báo cáo tổng hợp và lưu trữ.

Để xây dựng, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo, trên cơ sở những thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.02, H10.10.01.07, H10.10.01.08, H10.10.01.09, H10.10.01.010, H10.10.01.11], cùng với mỗi môn học, Nhà trường đều triển khai lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về môn học và nội dung môn học thông qua các câu hỏi lấy ý kiến phản hồi vào buổi cuối trước khi kết thúc học phần [H10.10.01.12, H10.10.01.13]. Ngoài ra, Ban giám hiệu Nhà trường cũng tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên có sự tham gia của Ban lãnh đạo các Khoa [H10.10.01.14]. Thêm vào đó, Khoa Sinh học đã tổ chức lấy ý kiến tham vấn của các thành viên Hội đồng Khoa học - Đào tạo ngành Sinh học với nhiều chuyên gia trình độ cao có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy [H10.10.01.15] và tham khảo chương trình đào tạo của một số nước trên thế giới [H10.10.01.26, H10.10.01.27] để từ đó có phương án phù hợp nhằm điều chỉnh đề cương chi tiết và bố cục chương trình đào tạo cân đối về nội dung, kiến thức lý thuyết, thực hành và kiến thức chuyên sâu, tự chọn. Tiếp theo, Khoa thành lập ban

soạn thảo và phát triển chương trình đào tạo [H10.10.01.16] và được triển khai, cụ thể hóa nhiệm vụ tới từng Bộ môn [H10.10.01.17]. Khoa cũng yêu cầu Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, các Câu lạc bộ Sinh viên thảo luận và phản ánh những ý kiến về chương trình học tới Ban Lãnh đạo Khoa và Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng.

Bên cạnh đó, một phần không thể thiếu được khi thiết kế xây dựng và điều chỉnh CTĐT là việc tham khảo, đối chiếu và so sánh với CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới như của trường Boston, Duke, Tufts và Cornell Hoa kỳ. Nội dung đối sánh với đại diện Cornell được thể hiện ở bảng 10.1 dưới đây.

*Bảng 10.1. So sánh CTĐT đại học ngành Sinh học của Khoa Sinh học, ĐHKHTN với Ngành Sinh học của trường Cornell Hoa kỳ*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài</b>	<b>Phần trăm nội dung giống nhau</b>
	<b>Khối kiến thức chung của nhóm ngành</b>		
	<i>Các môn bắt buộc</i>		
1.	Sinh học tế bào <i>Cell Biology</i>	BIOMG 4320 -Survey of Cell Biology	90%
2.	Sinh học phân tử <i>Molecular Biology</i>	BIOMG 3320 -Principles of Biochemistry: Molecular Biology	100%
3.	Hóa sinh học <i>Biochemistry</i>	BIOMG 3300 - Principles of Biochemistry, Individualized Instruction BIOMG 3330 - Principles of Biochemistry: Proteins, Metabolism, and Molecular Biology BIOMG 3350 - Principles of	95%

TT	Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài	Phần trăm nội dung giống nhau
		Biochemistry: Proteins, Metabolism, and Molecular Biology BIOMG 3310 - Principles of Biochemistry: Proteins and Metabolism BIOMG 3320 - Principles of Biochemistry: Molecular Biology	
4.	Di truyền học <i>Genetics</i>	BIOMG 2810 - Genetics and Genomics	95%
5.	Vi sinh vật học <i>Microbiology</i>	BIOMI 2900 -General Microbiology Lectures BIOMI 2911 -General Microbiology Laboratory	100%
6.	Thống kê sinh học <i>Biostatistics</i>	BTRY 3010 - Biological Statistics I	100%
7.	Sinh lý học người và động vật <i>Animal and Human Physiology</i>	BIOAP 3110 - Introductory Animal Physiology BIOAP 3190 - Animal Physiology Experimentation	95%
8.	Sinh học phát triển <i>Developmental Biology</i>	BIOMG 3850 - Developmental Biology	100%
9.	Thực tập thiên nhiên Field studies in Biology	NTRES 2100 -Introductory Field Biology BIOEE 3611, Field Ecology	90%
	<b>Các môn tự chọn</b>		
10.	Đa dạng sinh học <i>Biodiversity</i>	BIOEE 1780 - Evolutionary Biology and Diversity	75%
11.	Lý sinh học		

<b>TT</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài</b>	<b>Phần trăm nội dung giống nhau</b>
	<i>Biophysics</i>		
12.	Proteomic và sinh học cấu trúc <i>Proteomics and Structural Biology</i>		
13.	Nguyên tắc phân loại sinh vật <i>Principles of Biological Systematics</i>	BIOPL/ENTOM 4400, Phylogenetic Systematics	90%
14.	Sinh học biển <i>Fundamental Marine Biology</i>	BIOSM 1610 - Ecology and the Marine Environment BIOSM 1780 - Evolution and Marine Diversity BIOEE 3500 (EAS 3500), Dynamics of Marine Ecosystems BIOSM 4130, Research in Marine Biology BIOEE/EAS 4620, Marine Ecology	90%
	<b>Khối kiến thức ngành và bổ trợ</b>		
	<b><i>Các môn học bắt buộc</i></b>		
15.	Thực vật học <i>Botany</i>	BIOPL 2410, Introductory Botany BIOPL 3450 - Plant Anatomy	100%
16.	Động vật học động vật không xương sống <i>Invertebrate Zoology</i>	ENTOM 2120, Insect Biology BIOSM 3730 Biodiversity and Biology of Marine Invertebrates	80%
17.	Động vật học động vật có xương sống <i>Vertebrate Zoology</i>	BIOEE/BIOSM 2740, The Vertebrates: Structure, Function, and Evolution	90%
18.	Sinh lý học thực vật	BIOPL 3420 - Plant	90%

TT	Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài	Phần trăm nội dung giống nhau
	<i>Plant Physiology</i>	Physiology, Lectures BIOEE 4660 - Physiological Plant Ecology, Lectures BIOEE 4661 - Physiological Plant Ecology, Laboratory	
19.	Sinh học người <i>Human Biology</i>	NS 2750 Human Biology and Evolution NS 3410 Human Anatomy and Physiology NS 3420 Human Anatomy and Physiology-laboratory NS 3470 Human Growth and Development	100%
20.	Cơ sở sinh thái học <i>Fundamental Ecology</i>	BIOEE 1610 - Ecology and the Environment BIOEE 4780, Ecosystem Biology	80%
21.	Miễn dịch học <i>Immunology</i>	BIOMS 3150 - Basic Immunology NS 4370 Nutrition, Immunology and Infectious Diseases	100%
22.	<i>Các môn tự chọn</i>		
	<i>Các môn học chuyên sâu về phân tử và tế bào</i>		
23.	Cơ sở di truyền học phân tử <i>Molecular Genetics</i>	BIOMG 4840, Molecular Evolution	80%
24.	Cơ sở di truyền học chọn giống <i>Genetic fundamentals of crop selection</i>	BIOPL 4826 - Plant Biotechnology	75%
25.	Di truyền học người	NS/ANTHR 2750, Human Biology and Evolution	60%



TT	Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài	Phần trăm nội dung giống nhau
	<i>Human Genetics</i>		
26.	Enzyme học <i>Enzymology</i>		
27.	Vi sinh vật học công nghiệp <i>Industrial microbiology</i>	BIOMI 3940 - Applied and Food Microbiology	80%
28.	Vi sinh vật học y học <i>Medical microbiology</i>	BIOMI 3210 - The Normal Microbes of the Human Body in Health and Disease BIOMI 4040 - [Pathogenic Bacteriology] BIOMI 4310 - Medical Parasitology VETMI 3290 -Medical and Veterinary Mycology	90%
29.	Vi sinh vật học phân tử <i>Molecular Microbiology</i>	BIOMI 4200 - Microbial Genomics BIOMG 4850 - Bacterial Genetics	
	<i>Các môn chuyên sâu về Sinh học cơ thể</i>		
30.	Công nghệ mô và tế bào thực vật <i>Plant cell and tissue technology</i>	PLBR 4010 - Plant Cell and Tissue Culture BIOPL 4440 - Plant Cell Biology	90%
31.	Sinh trưởng và phát triển thực vật <i>Plant Development</i>	BIOPL 2420 - Plant Function and Growth Lectures BIOPL 2421 - Plant Function and Growth, Laboratory BIOPL 4220 - Plant Development	90%
32.	Dinh dưỡng khoáng và nitơ ở thực vật	BIOPL 4620 - Plant Biochemistry	75%

<b>TT</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)</b>	<b>Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài</b>	<b>Phần trăm nội dung giống nhau</b>
	<i>Mineral and nitrogen metabolism in plants</i>		
33.	Nội tiết học cơ sở <i>Fundamental Endocrinology</i>	ANSC 4270 - Fundamentals of Endocrinology	100%
34.	Sinh lý sinh sản <i>Reproduction biology</i>	BIOAP 4890 - Mammalian Embryology	50%
35.	Sinh học phân tử người Molecular human biology	NS 2750 Human Biology and Evolution	85%
36.	Dinh dưỡng học <i>Nutrition Study</i>	NS 4210 Nutrition and Exercise PLBR 4070 - Nutritional Quality Improvement of Food Crops	75%
37.	Sinh học thần kinh <i>Neurobiology</i>	BIONB 4910 - Principles of Neurophysiology	90%
	<i>(Các môn học chuyên sâu về Sinh học quần thể)</i>		
38.	Danh pháp thực vật <i>Botanical Nomenclature</i>	BIOPL 2480 - Vascular Plant Systematics/ BIOPL 4520 - Systematics of Tropical Plants	90%
39.	Phương pháp nghiên cứu thực vật <i>Methodology of Botanical Research</i>	BIOPL 4521 - Systematics of Tropical Plants: Field Laboratory	90%
40.	Côn trùng học đại cương <i>General Entomology</i>	ENTOM 2120, Insect Biology	90%
41.	Thủy sinh học đại cương <i>General Hydrobiology</i>	BIOEE/NTRES 4560, Stream Ecology BIOEE 4570 & 4571, Limnology: Ecology of Lakes Lecture and Lab	90%
42.	Địa lý sinh vật	BIOEE 1780 - Evolutionary	50%

TT	Tên học phần trong chương trình đào tạo của Khoa Sinh học (tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài	Phần trăm nội dung giống nhau
	<i>Biogeography</i>	Biology and Diversity	
43.	Sinh học nghề cá <i>Fisheries Biology</i>	BIOEE 4760, Biology of Fishes Lecture and Lab	95%
44.	Quản lý các hệ sinh thái <i>Management of Ecosystems</i>	BIOEE 4780, Ecosystem Biology	70%
45.	Sinh thái học môi trường <i>Environmental Ecology</i>	BIOEE 4780, Ecosystem Biology	70%
	<b>Các môn học bổ trợ</b>		
46.	Ứng dụng thông tin địa lý và viễn thám trong sinh học <i>Application of GIS in Biology</i>	BIOEE 3611, Field Ecology	80%
47.	Nhập môn công nghệ sinh học <i>Introduction to Biotechnology</i>		
48.	Vi rút học cơ sở <i>Fundamental Virology</i>	BIOMI 4090 - Principles of Virology	95%
49.	Kỹ thuật di truyền <i>Genetic techniques</i>	BIOMG 4400 -Laboratory in Biochemistry and Molecular Biology	90%
50.	Năng lượng sinh học <i>Biological Energy</i>		
	<b>Khôi kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>		
	<b>Thực tập và niên luận</b>		
51.	Tiểu luận Khoa học <i>Annual Essay</i>		
52.	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>		

Sau khi hoàn thành xây dựng, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá chương trình đào tạo ngành Sinh học trước khi ra quyết định ban hành chương trình đó [H10.10.01.18]

Khung chương trình đào tạo ngành Sinh học được xây dựng theo quyết định số 3599/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30 tháng 9 năm 2015 [H10.10.01.19], bao gồm khối kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức theo khối ngành, khối kiến thức theo nhóm ngành và khối kiến thức ngành, phù hợp với các tiêu chí, nhiệm vụ của Trường ĐHKHTN trong quá trình hội nhập quốc tế và trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.02] và sau khi có công văn về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo đại học của Trường ĐHKHTN [H10.10.01.20].

Cũng trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, thông tin về thị trường lao động - nguồn thông tin quan trọng để thiết kế chương trình giảng dạy vì sinh viên ra trường cần đáp ứng được các nhu cầu của xã hội, khung chương trình đào tạo ngành Sinh học được điều chỉnh, cập nhật theo quyết định số 3343/QĐ-ĐHKHTN ký ngày 25 tháng 10 năm 2019 [H10.10.01.21]. Chương trình đào tạo hiện nay được thực hiện theo quyết định số 879/QĐ-ĐHKHTN, ký ngày 13/4/2022 [H10.10.01.22] với những thay đổi đã được thể hiện rất rõ trong phần thuyết minh, giải trình và so sánh khung chương trình đào tạo năm 2015 với năm 2019 [H10.10.01.23] và giữa năm 2019 với năm 2022 [H10.10.01.24]. Cụ thể sự điều chỉnh được thể hiện trên bảng 10.2 và 10.3 dưới đây.

*Bảng 10.2. Sự điều chỉnh CTĐT năm 2019 so với năm 2015*

1. Khung chương trình đang thực hiện (năm 2015)	2. Khung chương trình điều chỉnh năm 2019
<b>3. Tên gọi, mã số của chương trình đào tạo</b>	
Sinh học, mã số <b>52420101</b>	Sinh học, mã số <b>7420101</b>
<b>4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo</b>	
CDR của Chương trình đào tạo được xây dựng theo Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết	CDR của Chương trình đào tạo đã được điều chỉnh, cập nhật trên cơ sở Khung trình độ quốc gia và tiếp cận yêu

<p>định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 (Quy chế 5115) của ĐHQG Hà Nội gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Chuẩn về kiến thức;</li> <li>2) Chuẩn về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ;</li> <li>3) Chuẩn về thái độ;</li> <li>4) Vị trí việc làm người học có thể đảm nhận sau TN;</li> <li>5) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.</li> </ol>	<p>câu của CMCN 4.0, cụ thể như sau:</p> <p>1) Chuẩn về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật yêu cầu sinh viên tốt nghiệp ngành đào tạo có kiến thức lý thuyết sâu, rộng và kiến thức thực tế vững chắc;</li> <li>- CĐR khối kiến thức chung của ĐHQG về tư tưởng, đạo đức, lối sống;</li> <li>- Đã cập nhật yêu cầu về kiến thức nền tảng rộng, thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0 và kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;</li> <li>- Đã cập nhật yêu cầu có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trên cơ sở bổ sung hoàn thiện chuẩn đầu ra của các học phần liên quan.</li> </ul> <p>2) Chuẩn về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã cập nhật yêu cầu kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp trên cơ sở hoàn thiện CĐR và có tên mới là: Có kỹ năng nhận dạng, lập kế hoạch và triển khai giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành;</li> <li>- Đã cập nhật yêu cầu kỹ năng về khởi nghiệp, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trên cơ sở hoàn thiện CĐR và có tên mới là: Có kỹ năng làm việc nhóm, hoạt động khởi nghiệp; có khả năng quản lý và lãnh đạo nhóm, đánh giá chất lượng công việc của nhóm và các thành viên;</li> <li>- Các yêu cầu khác về kỹ năng như kỹ năng phản biện phê phán; kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức; kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ; kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; kỹ năng tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân; kỹ năng lập kế hoạch, điều phối hoạt động đã có trong các CĐR của chương trình đang thực hiện;</li> </ul> <p>3) Chuẩn về thái độ: giữ nguyên như chương trình</p>
--	---

	<p>đang thực hiện.</p> <p>4) Vị trí việc làm sinh viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp: đã rà soát và bổ sung theo hướng các cử nhân ngành đào tạo có thể đảm nhận công việc tại các cơ quan tuyển dụng và sử dụng lao động liên quan đến ngành đào tạo.</p>
<p><b>5. Khung chương trình đào tạo</b></p>	
<p>Xây dựng theo Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 (Quy chế 5115) của ĐHQG Hà Nội</p> <p style="text-align: center;"><b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ</b></p> <p style="text-align: center;"><i>-Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN (M1): 16 tín chỉ (Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, Kỹ năng bổ trợ)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>-Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (M2): 07 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Khối kiến thức chung theo khối ngành (M3): 28 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>-Khối kiến thức theo nhóm ngành (M4): 43 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>+ Bắt buộc: 28 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>+ Tự chọn: 15/27 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Khối kiến thức ngành (M5): 38 tín chỉ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>+ Bắt buộc: 22 tín chỉ</i></p>	<p>Tổng số tín chỉ của CTĐT và cấu trúc các khối kiến thức có thay đổi so với chương trình đang thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số Tín chỉ của Chương trình đào tạo: <b>132</b> tín chỉ;</li> <li>- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN (M1): <b>16</b> tín chỉ, đã điều chỉnh theo hướng dẫn chung của Trường;</li> <li>- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (M2): <b>07</b> tín chỉ, đã điều chỉnh theo hướng dẫn chung của Trường;</li> <li>- Khối kiến thức theo khối ngành (M3): <b>28</b> tín chỉ, giữ nguyên như khung CTĐT cũ;</li> <li>- Khối kiến thức theo nhóm ngành (M4): <b>43</b> tín chỉ. Đổi tên học phần Tiếng Anh cho Sinh học thành Tiếng Anh chuyên ngành Sinh học. Các học phần bổ trợ gồm 03 môn (Nhập môn công nghệ sinh học, 3TC, Tin sinh học 3TC, Sinh học tiến hóa 3TC) chuyển lên Khối kiến thức theo nhóm ngành mục các học phần tự chọn. Bổ sung học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học (03 TC), học phần Proteomics và sinh học cấu trúc bổ sung thêm phần thực hành.</li> <li>- Khối kiến thức ngành (M5): <b>38</b> tín chỉ. Bổ sung học phần Virus học cơ sở (3TC), Bệnh học miễn dịch và trị liệu 3TC) vào các học phần chuyên sâu nhóm A, học phần Sinh lý tuần hoàn cơ sở (3TC) vào các học phần chuyên sâu Nhóm B. Thay thế học phần Sinh học nghề cá (3TC) thành học phần Phương pháp nghiên cứu cá (3TC). Bỏ Các học phần học bổ trợ, bỏ học phần Tiểu luận khoa học 1TC. Học phần Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp là 07/16 TC.</li> </ul>

<p>+ Tự chọn: 9 tín chỉ</p> <p>+ Khóa luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 07/12 tín chỉ</p>	
<b>6. Đề cương chi tiết của các học phần</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật tất cả các Đề cương học phần: điều chỉnh, cập nhật danh sách Giảng viên giảng dạy; điều chỉnh cập nhật mục tiêu học phần, CDR học phần; cập nhật bổ sung tài liệu, học liệu; rà soát nội dung các chương mục.</li> <li>- Xây dựng Đề cương học phần mới: Phương pháp nghiên cứu khoa học (03 TC); Sinh lý tuần hoàn cơ sở (3TC); Phương pháp nghiên cứu cá (3TC); Bệnh học miễn dịch và trị liệu 3TC)</li> <li>- Chuẩn lại tên tiếng Anh các học phần.</li> </ul>

Bảng 10.3. Sự điều chỉnh CTĐT năm 2022 so với năm 2019

Khung chuẩn Sinh học ban hành 2019	Khung Sinh học đề nghị 2022	So sánh hai khung
<b>Tổng: 132 tín chỉ</b>	<b>Tổng: 132 tín chỉ</b>	<i>Giống nhau</i>
<b>I. Khối kiến thức chung: 16 tín chỉ</b>		
<b>16 tín chỉ</b>	<b>16 tín chỉ</b>	<i>Giống nhau</i>
<b>II. Khối kiến thức theo lĩnh vực: 7 tín chỉ</b>		
		<i>Giống nhau</i>
<i>Các học phần bắt buộc: 1 học phần 2 tín chỉ</i>		
<i>Các học phần tự chọn: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ, chọn 5/15</i>		
<b>III. Khối kiến thức theo khối ngành: 28 tín chỉ</b>		
		<i>Giống nhau</i>
<i>Các học phần bắt buộc: 26 tín chỉ</i>		
<i>Các học phần tự chọn: gồm 2 học phần, 4 tín chỉ, chọn 2/4</i>		
<b>IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành: 43 tín chỉ</b>		
<i>Các học phần bắt buộc: 10 học phần, 28 tín chỉ</i>		<i>Giống nhau</i>
<b>Các học phần tự chọn:</b>		
- Khung Sinh học chuẩn 2019: 9 học phần, 27 tín chỉ, chọn 15/27	Khung sinh học chuẩn đề nghị 2022: 11 học phần, 33 tín chỉ, chọn 15/33	<i>Khác số học phần</i>
Học phần: Đa dạng sinh học	<i>Không có trong khung đề nghị 2022</i>	<i>Bỏ học phần trong khung 2019</i>
Bảo tồn và phát triển động thực vật Việt Nam		<i>Thêm học phần mới trong khung đề nghị 2022</i>
Sinh thái học ứng dụng		<i>Chuyển từ học phần lựa chọn của khối kiến thức ngành (V.2.3) ở khung 2019</i>
Sinh học biển		<i>Chuyển từ học phần thay thế khóa luận ở khung 2019</i>
Sinh học phát triển; Vi sinh vật học ứng dụng; Tin sinh học;	Sinh học phát triển; Vi sinh vật học ứng dụng; Tin sinh học;	<i>Thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (05 học phần)</i>

Sinh học tiến hóa; Sinh học biển - <i>Học bằng tiếng Việt</i>	Sinh học tiến hóa; Sinh học biển - <i>Học bằng tiếng Anh</i>	
<b>V. Khối kiến thức ngành: 38 tín chỉ</b>		
<i>Các học phần bắt buộc: 7 học phần, 22 tín chỉ</i>		<i>Giống nhau</i>
<b>Các học phần tự chọn: 9 tín chỉ</b>		
<b>Các học phần chuyên sâu</b>		
<b>Nhóm A: Sinh học phân tử và tế bào</b>		
<b><i>Khung 2019: 11 học phần, 33 tín chỉ, chọn 9/33 tín chỉ</i></b>	<b><i>Khung đề nghị 2022: 9 học phần, 27 tín chỉ, chọn 9/27 tín chỉ</i></b>	<i>Khác số lượng học phần học</i>
Cơ sở di truyền học phân tử; Virus học cơ sở	Di truyền học phân tử; Virus học	<i>Điều chỉnh tên học phần học</i>
Cơ sở di truyền học chọn giống; Bệnh học miễn dịch và trị liệu	<i>Không có trong khung đề nghị 2022</i>	<i>Bỏ hai học phần trong khung 2019</i>
Di truyền học người; Enzym học; Vi sinh vật học phân tử; Sinh học khối u - <i>Học bằng tiếng Việt</i>	Di truyền học người: Enzym học; Vi sinh vật học phân tử; Sinh học khối u - <i>Học bằng tiếng Anh</i>	<i>Thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (04 học phần)</i>
Khung chuẩn Sinh học ban hành 2019	Khung Sinh học đề nghị 2022	<i>So sánh hai khung</i>
<b>Nhóm B: Sinh học cơ thể</b>		
<b><i>Khung 2019: 10 học phần, 30 tín chỉ, chọn 9/30 tín chỉ</i></b>	<b><i>Khung đề nghị 2022: 9 học phần, 27 tín chỉ, chọn 9/27 tín chỉ</i></b>	<i>Khác số lượng học phần để chọn</i>
Công nghệ mô và tế bào thực vật	Nuôi cấy mô tế bào thực vật	<i>Điều chỉnh tên phần học</i>
Sinh lý vi tảo; Sinh học vi nấm; Dinh dưỡng học	<i>Không có trong khung đề nghị 2022</i>	<i>Bỏ 3 học phần trong khung 2019</i>
Dinh dưỡng khoáng ở thực vật; Sinh lý tính chống chịu ở thực vật		<i>Thêm 2 học phần mới trong khung mới</i>
Nội tiết học cơ sở; Sinh lý tuần hoàn cơ sở	Nội tiết học; Sinh lý tuần hoàn	<i>Điều chỉnh tên học phần</i>
Nuôi cấy mô tế bào thực vật; Nội tiết học cơ sở; Sinh học phân tử người; Sinh lý tuần hoàn cơ sở - <i>Học bằng tiếng Việt</i>	Nuôi cấy mô tế bào thực vật; Nội tiết học; Sinh học phân tử người; Sinh lý tuần hoàn - <i>Học bằng tiếng Anh</i>	<i>Thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (04 học phần)</i>
<b>Nhóm C: Sinh học quần thể</b>		
<b><i>Khung 2019: 12 học phần, 36 tín chỉ, chọn 9/36 tín chỉ</i></b>	<b><i>Khung đề nghị 2022: 9 học phần, 27 tín chỉ, chọn 9/27 tín chỉ</i></b>	<i>Khác số lượng học phần để chọn</i>
Động vật không xương sống y học	<i>Không có trong khung đề nghị 2022</i>	<i>Bỏ học phần này trong khung mới</i>
Phương pháp nghiên cứu cá	<i>Chuyển sang học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>Chuyển sang học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp ở khung đề nghị 2022</i>
Sinh thái học ứng dụng	<i>Không có trong khung đề nghị</i>	<i>Chuyển sang mục Tự chọn khối</i>



	2022	<i>kiến thức nhóm ngành (IV.2)</i>
Phương pháp nghiên cứu thực vật; Côn trùng học đại cương; Địa lý sinh vật; Sinh thái học môi trường - <i>Học bằng tiếng Việt</i>	Phương pháp nghiên cứu thực vật; Côn trùng học đại cương; Địa lý sinh vật; Sinh thái học môi trường - <i>Học bằng tiếng Anh</i>	<i>Thay đổi ngôn ngữ giảng dạy (04 học phần)</i>
<b>Khóa luận tốt nghiệp 7 tín chỉ</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp 7 tín chỉ</b>	<i>Giống nhau</i>
<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</b>		
Khung 2019: 7 học phần, 16 tín, chọn 7/16 thay “Sinh học biển” bằng “Phương pháp nghiên cứu cá”	Khung đề xuất 2022: 7 học phần, 16 tín, chọn 7/16	<b>Sinh học biển</b> chuyển lên các học phần tự chọn khối kiến thức nhóm ngành (IV.2) <b>Phương pháp nghiên cứu cá</b> chuyển từ các học phần tự chọn khối kiến thức ngành (V.2.3)

## 2. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi tốt từ các bên liên quan gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động và các tổ chức xã hội. Các bước thực hiện chặt chẽ và tuân thủ những quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN cũng như của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lưu trữ những thông tin phản hồi chưa hợp lý và chưa có hệ thống thống nhất giữa Khoa và Trường. Tuy có hệ thống thu thập thông tin tốt, nhưng việc sử dụng những ý kiến phản hồi của các bên liên quan để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo chưa thành hệ thống.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các Phòng Ban chức năng, đặc biệt là Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của những thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm căn cứ để điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tế và nhu cầu của xã hội.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 5/7

### ***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được thiết lập trước hết dựa trên những quy định, hướng dẫn của Trường và ĐHQGHN. Năm 2012, ĐHQGHN ban hành quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở ĐHQGHN [H10.10.02.01]. Sau khi có thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ký ngày 16 tháng 4 năm 2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học [H10.10.02.02], quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN xây dựng và hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Chương trình đào tạo của ngành Sinh học năm 2015 được xây dựng theo Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ký ngày 25/12/2014 của ĐHQGHN H10.10.02.03. Quy trình thực hiện được giám sát bởi hội đồng khoa học của ĐHQGHN và Viện đảm bảo chất lượng ĐHQGHN.

Như vậy, quy trình mở mới chương trình đào tạo được ĐHQGHN ban hành vào năm 2012 và 2018. Quy trình năm 2018 có sự cải tiến so với quy trình năm 2012 ở điểm:

- Đơn vị đào tạo phải khảo sát nhu cầu xã hội trước khi xây dựng đề án mở chương trình đào tạo.

- Đơn vị đào tạo phải tự đánh giá các điều kiện mở ngành và trong trường hợp cần thiết thì ĐHQGHN mới tổ chức kiểm tra các điều kiện mở ngành tại đơn vị.

Về quy trình điều chỉnh chương trình được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN với quyết định số 1110/HD-ĐHQGHN ký ngày 30/3/2015 của ĐHQGHN hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo đại học theo Quy chế đào tạo đại học [H10.10.02.04], quyết định số 628/QĐ-ĐHQGHN về đảm bảo chất lượng giáo dục trong ĐHQGHN [H10.10.02.05], quyết định về việc mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học số 1111/QĐ-ĐHQGHN ký ngày 04/4/2018 [H10.10.02.06] và Hướng dẫn số 2321/HD-ĐHKHTN về việc hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHKHTN ký ngày 29 tháng 07 năm 2019 [H10.10.02.07]. Quy trình điều chỉnh năm 2018 và 2015 đều phân ra 2 mức độ điều chỉnh chương trình với tỷ lệ trên 20% và dưới 20%, nhưng phiên bản năm 2018 đề cập rõ hơn là điều chỉnh 20% kiến thức chuyên môn (bao gồm khối kiến thức theo khối ngành, khối kiến thức theo nhóm ngành và khối kiến thức ngành).

Chương trình đào tạo của ngành Sinh học năm 2019, 2022 được tiến hành điều chỉnh theo quy định của ĐHQGHN năm 2018 và công văn hướng dẫn của trường ĐHKHTN năm 2019. Việc xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo đúng quy trình chặt chẽ, từ khâu tổ chức khảo sát nhu cầu của xã hội và ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động đến việc thành lập nhóm chuyên gia xây dựng chương trình [H10.10.02.08], tổ chức họp các cán bộ chủ chốt của Khoa [H10.10.01.15], triển khai lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, ý kiến của các chuyên gia, Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Sinh học và quyết định thành lập hội đồng thẩm định như đã trình bày ở phần tiêu chí 10.1.

## *2. Điểm mạnh*

Có quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, các bước thực hiện theo đúng những quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Trong quá trình thiết kế chương trình có lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Chú trọng đến việc cải tiến chất lượng chương trình qua các lần điều chỉnh.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo chưa đầy đủ

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL làm đầu mối kết hợp chặt chẽ hơn nữa với Khoa để xây dựng kho dữ liệu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo giúp cho việc đánh giá, cải tiến quy trình này tốt hơn.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 5/7

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục là yếu tố sống còn của một cơ sở đào tạo nói chung và của từng ngành học nói riêng. Để đảm bảo chất lượng giáo dục, hay quá trình dạy học thì số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy là vấn đề thiết yếu. Do đó, Khoa Sinh học luôn chú trọng đầu tư cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy. Các cán bộ trẻ luôn được khuyến khích tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm, ưu tiên việc đi học tập, trao đổi kiến thức ở các nước có nền giáo dục tiên tiến như Nhật, Đức, Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Singapore...[H10.10.03.01, H10.10.03.02]. Hiện nay, 100% giảng viên của Khoa Sinh học đều có trình độ tiến sĩ trở lên, hầu hết được đào tạo ở nước ngoài. Các cán bộ cũng được khuyến khích tham gia hoặc chủ trì các đề tài nghiên

cứu các cấp, hỗ trợ nghiên cứu khoa học của Khoa như là một hình thức tự nâng cao trình độ chuyên môn của mình [H10.10.03.03, H10.10.03.04, H10.10.03.27].

Quá trình dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên luôn được tuân thủ theo quy chế đào tạo và đảm bảo chất lượng của ĐHQGHN [H10.10.03.05, H10.10.03.06], Khung chương trình đã được thẩm định và ban hành [H10.10.03.07, H10.10.03.08 và H10.10.03.09] và đề cương chi tiết của các học phần [H10.10.03.10, H10.10.03.11, H10.10.03.12].

Hàng năm, vào đầu năm học, Khoa và các bộ môn họp rà soát kế hoạch đào tạo, lên kế hoạch chi tiết năm học, phân công cán bộ giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy, sự logic và phù hợp nhu cầu người học [H10.10.03.13, H10.10.03.14, H10.10.03.15]. Cuối năm Khoa tiến hành tổng kết và đề ra kế hoạch cho năm học tiếp theo [H10.10.03.16].

Để đánh giá phương pháp và nội dung giảng dạy của giảng viên, Nhà Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học của 100% các học phần thông qua phiếu khảo sát và đối thoại [H10.10.03.17, H10.10.03.18, H10.10.03.19, H10.10.03.20, H10.10.03.28]. Các giảng viên trong trường đều được gửi kết quả đánh giá của sinh viên qua email và kết quả được lưu trữ ở nhiều kỳ học [H10.10.03.19, H10.10.03.28]. Ngoài ra hoạt động dạy học của giảng viên trẻ còn được đánh giá thông qua dự giờ của đại diện lãnh đạo Khoa và các đồng nghiệp [H10.10.03.21] và thường xuyên tổ chức các buổi seminar trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong Khoa [H10.10.03.22].

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Ở Khoa Sinh học, dạy học không chỉ là truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho sinh viên mà còn tạo cơ hội cho sinh viên thay đổi nhận thức thực tế. Triết lý “lấy người học làm trung tâm” đang ngày càng được áp dụng sâu rộng trong việc giảng dạy các môn học của Khoa Sinh học. Đội ngũ giảng viên được yêu cầu thường xuyên cập nhật và đổi mới phương pháp giảng dạy để ngày

càng hướng tới triết lý này. Một số phương pháp mới đã và đang được áp dụng như tự học qua tự dạy (learning by teaching – seminar), học theo nhóm (teamworking) và học qua thực hiện đề tài nghiên cứu (project-based learning). Một số công nghệ mới trong dạy học được đưa vào sử dụng để hỗ trợ cho quá trình giảng dạy, ví dụ như sử dụng video, phim ảnh... hay học trên các trang điện tử và học trực tuyến cũng đang được lắp đặt [H10.10.03.23]. KSH cũng liên kết với các viện nghiên cứu trong và ngoài nước để cử sinh viên đến thực tập và nghiên cứu khoa học [H10.10.03.01].

Để đảm bảo sự phù hợp giữa 3 quá trình (dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên), các giảng viên đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy (giảng bài, thảo luận nhóm, giải bài tập) và cập nhật bài giảng hàng năm [H10.10.03.24, H10.10.03.25]. Trong thời gian chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, ĐHQGHN và trường ĐH Khoa học Tự nhiên thông báo kế hoạch triển khai công tác dạy - học trực tuyến cho sinh viên, đồng thời Khoa Sinh học đã thực hiện và hướng dẫn cụ thể cho sinh viên về cách tự học, cách sử dụng các nền tảng học trực tuyến như Google Classroom, Google meet [H10.10.03.26].

Để đạt được các chuẩn đầu ra, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Để đảm bảo chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng, các giảng viên đã thực hiện nhiều hình thức khác nhau (thi viết, vấn đáp, bài tập, trắc nghiệm online, seminar, tiểu luận, thuyết trình,...) những hình thức này đã được thể hiện rất rõ trong đề cương chi tiết của các học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.10, H10.10.03.11, H10.10.03.12]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được giảng viên thông báo cho sinh viên khi bắt đầu học phần để sinh viên có kế hoạch học tập phù hợp. Quy trình đánh giá kết quả bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên (không quá 20%), điểm kiểm tra giữa kỳ (không quá 30%) sao cho tổng hai phần

này chiếm 40% và điểm kiểm tra cuối kỳ (60%). Quy trình này được áp dụng với tất cả các môn học.

Quá trình rà soát, đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá sinh viên được thực hiện đồng bộ với những lần điều chỉnh CTĐT [H10.10.03.29, H10.10.03.30, H10.10.03.31].

Để đảm bảo chất lượng thi cử, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức kỳ thi, quy trách nhiệm rõ từng thành phần tham gia kỳ thi gồm trách nhiệm các Phòng Ban chức năng, các giảng viên, nghiên cứu viên tham gia coi thi và trách nhiệm của sinh viên trong kỳ thi [H10.10.03.32]. Đối với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thành lập các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.03.33]. Các hội đồng thực hiện đúng quy chế đào tạo [H10.10.03.05]. Phòng TTPC & ĐBCL lên kế hoạch và thực hiện giám sát các hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên, [H10.10.03.34]. Kết quả kiểm tra đánh giá cũng được khảo sát thông qua phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên về học phần [H10.10.03.19]. Sinh viên cũng có quyền được bày tỏ quan điểm, tranh luận, thảo luận với nhau và với giảng viên cũng như với các đơn vị quản lý về việc kiểm tra và đánh giá kết quả học tập một cách công khai trên diễn đàn sinh viên <https://vi-vn.facebook.com/HusFanpage> [H10.10.03.20].

Việc đánh giá kết quả học tập của người học luôn được trường Đại học khoa học Tự nhiên rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

## *2. Điểm mạnh*

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học đặc biệt chú trọng, được thực hiện bài bản, chặt chẽ và khoa học. Quá trình này luôn được rà soát và đánh giá thường xuyên. Thông qua các ý kiến phản hồi, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã có sự điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với CDR.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về quá trình dạy và học, kiểm tra đánh giá là rất quan trọng nhưng chưa đủ, cần có thêm dữ liệu phản hồi của các bên liên quan khác như các chuyên gia, các nhà quản lý giáo dục, các tổ chức xã hội,... Cần có những quy định cụ thể hơn về việc thực hiện rà soát, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra; theo đó, đánh giá về kết quả thực hiện đã đạt được trong thực tế triển khai so với các yêu cầu.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học sẽ xây dựng những quy định cụ thể về việc thực hiện rà soát, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra. Bên cạnh đó, Khoa kết hợp với các Phòng Ban chức năng, đặc biệt là Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL thiết kế, cải tiến phiếu điều tra để có được những ý kiến phản hồi tốt hơn nữa nhằm góp phần xây dựng cải tiến quá trình dạy và học cũng như đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tốt hơn nữa.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 6/7

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động nghiên cứu khoa học được xác định là một trong hai nhiệm vụ cơ bản, quan trọng của tất cả các giảng viên. Thông qua kết quả nghiên cứu khoa học, giảng viên có thể khẳng định khả năng chuyên môn của mình. Kết quả của các nghiên cứu bao gồm các loại hình như công trình công bố trong nước và quốc tế, các sản phẩm, giải pháp hữu ích, các sản phẩm đào tạo cử nhân, thạc sĩ và hỗ trợ



đào tạo tiến sĩ, sách chuyên khảo, ... hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tổ chức hàng năm để khuyến khích các sinh viên có niềm đam mê với nghiên cứu khoa học. Hàng năm, các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên đều đăng ký và được chấp nhận để chủ trì hoặc tham gia triển khai rất nhiều các đề tài khoa học các cấp, từ cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN, cấp Bộ đến cấp Nhà nước, cũng như các đề tài nghị định thư, đề tài phối hợp trong và ngoài nước [H10.10.04.01].

Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học:

- Đối với hoạt động giảng dạy

+ Thành quả nghiên cứu khoa học giúp nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên và được sử dụng trong hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Tháng 4 hàng năm, Khoa Sinh học luôn tổ chức Hội nghị báo cáo khoa học cho sinh viên với số lượng khoảng 60-80 báo cáo dưới hình thức báo cáo miệng, poster hoặc kết hợp cả 2, đó thực sự là ngày hội khoa học của sinh viên [H10.10.04.02]. Hàng năm, phần lớn sinh viên thuộc các ngành học của Khoa đều tham gia làm Khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.03, H10.10.04.04, H10.10.04.05]. Điều này giúp cho sinh viên có thêm kiến thức sâu rộng hơn nữa về một lĩnh vực nào đó của ngành Sinh học.

+ Các kết quả nghiên cứu khoa học như bài báo, sách chuyên khảo, được lấy làm tài liệu tham khảo và được cập nhật vào bài giảng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H10.10.04.06, H10.10.04.07, H10.10.04.08, H10.10.04.09, H10.10.04.10].

+ Các sáng chế và giải pháp hữu ích [H10.10.04.11] được các giảng viên của Khoa sử dụng để lồng ghép vào các nội dung phù hợp của môn học để giúp sinh viên có những kiến thức thực tế ứng dụng các sản phẩm của nghiên cứu khoa học .

### *Đối với hoạt động học*

+ Các số liệu, kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học được lấy làm tài liệu tham khảo, bài tập cho sinh viên thực hành [H10.10.04.12].

+ Nhiều khóa luận tốt nghiệp, báo cáo nghiên cứu khoa học của sinh viên là kết quả hỗ trợ và định hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án do các giảng viên trong và ngoài Khoa làm chủ trì. Việc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học không những nâng cao kỹ năng nghiên cứu, biết cách giải quyết vấn đề mà còn tạo động lực học tập cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu hơn các nội dung được học lý thuyết trên lớp cũng như hoàn thiện các kỹ năng tìm kiếm, đọc và trích dẫn tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình,....

Nhiều bài báo khoa học đã được công bố có sự tham gia của các sinh viên [H10.10.04.14]. Một số sách chuyên khảo là sản phẩm của đề tài và luận án tiến sĩ được xuất bản phục vụ cho giảng dạy [H10.10.04.09].

Số lượng các đề tài NCKH của giảng viên cũng như những hoạt động khoa học khác của Khoa Sinh học trong một số năm của giai đoạn 2015-2021 có nội dung gắn với hoạt động dạy học, phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc dạy và học được thể hiện trên bảng 10.4 dưới đây. Các công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đương nhiên không thể tách rời với các hoạt động giảng dạy phục vụ đào tạo, điều đó được thể hiện qua việc hầu hết sinh viên ngành Sinh học đều tham gia nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp từ năm học thứ 2 và 3, thậm chí là ngay năm thứ nhất. Các hoạt động nghiên cứu khoa học không những giúp người học hiểu sâu hơn những kiến thức lý thuyết được truyền đạt trên lớp, nâng cao những kỹ năng thực hành thực tế, và khả năng ứng dụng của nghiên cứu trong đời sống. Những công trình nghiên cứu có sự tham gia của sinh viên được liệt kê chi tiết tại các minh chứng [H10.10.04.15, H10.10.04.16].

*Bảng 10.4. Bảng thống kê số lượng các hoạt động NCKH gắn với hoạt động dạy và học 2015, 2017, 2019 và 2021 [H10.10.04.01, H10.10.04.02, H10.10.04.06, H10.10.04.10, H10.10.04.11, H10.10.04.16]*

Nội dung	Năm			
	2015	2017	2019	2021
Số lượng đề tài NCKH các cấp	14	20	21	20
Số lượng sách tham khảo, giáo trình	2	2	1	4
Số lượng Báo cáo khoa học sinh viên	69	72	60	78
Số lượng sáng chế và giải pháp hữu ích	7	2	4	4
Số lượng Khóa luận tốt nghiệp	64	49	41	45
Số lượng các bài báo và báo cáo khoa học trong nước và quốc tế	111	83	89	152

## *2. Điểm mạnh*

Khoa Sinh học luôn khuyến khích tạo mọi điều kiện cho các giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký đề tài các cấp, thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế, giao lưu trao đổi khoa học và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, nâng tầm chất lượng khoa học, chất lượng chuyên môn của các cán bộ giảng dạy, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Khoa cũng luôn đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên nhằm đáp ứng việc học đi đôi với hành giúp các sinh viên không những có kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn có nhiều kỹ năng khác.

## *3. Điểm tồn tại*

Những kết quả nghiên cứu trong việc nâng cao hoạt động giảng dạy và việc học của sinh viên cần được thể hiện rõ rệt hơn. Kinh phí cho nghiên cứu khoa học còn hạn chế, đặc biệt kinh phí hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học còn rất thấp.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, nghiên cứu viên và người học. Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, Tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, qua đó nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học.

#### *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 6/7

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Song song với việc nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua việc cải tiến phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới chương trình đào tạo, Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm y tế, ký túc xá, các hoạt động đoàn-hội, trung tâm giới thiệu việc làm, học bổng, ... Vì những dịch vụ hỗ trợ tiện ích này cũng là một trong những yếu tố quan trọng không thể thiếu để tạo nên chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Chất lượng các loại hình dịch vụ hỗ trợ, trang thiết bị và tiện ích thường xuyên được đánh giá thông qua các hình thức sau: Thanh tra [H10.10.05.01]; Phiếu phản hồi [H10.10.05.02, H10.10.05.03]; Hòm thư góp ý [H10.10.05.04]; Sổ góp ý tại các phòng chờ giảng [H10.10.05.05]; Đối thoại và các cuộc họp hay Hội nghị cán bộ viên chức của Khoa [H10.10.05.06, H10.10.05.07, H10.10.05.08].

Sau khi có quyết định đổi tên từ Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng thành Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng [H10.10.05.09] và với văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng Ban chức năng [H10.10.05.10], một trong những nhiệm vụ của Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo kiểm định chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị. Kết quả xử lý được gửi cho lãnh đạo các Khoa, các Phòng Ban chức năng và Ban giám hiệu để kịp thời xử lý và cải tiến, sau đó báo cáo ĐHQGHN [H10.10.05.11]. Tại VNU-HUS có 3 đơn vị phụ trách mảng cơ sở vật chất gồm: Phòng Quản trị-bảo vệ, Phòng KH-CN và Ban quản lý các dự án xây dựng. Trong đó Phòng Quản trị-bảo vệ phụ trách xử lý các sự cố thông thường về điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc. Phòng KH-CN quản lý các thiết bị KH-CN. Ban quản lý các dự án xây dựng phụ trách việc xây dựng các hạng mục công trình lớn [H10.10.05.10].

Bên cạnh đó, số lượng và chất lượng trang thiết bị sử dụng trong đào tạo được giảng viên và sinh viên định kì đánh giá [H10.10.05.12]. Phòng TTPC&ĐBCL phối hợp cùng Phòng KH-CN tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đợt xuất về hiệu quả sử dụng trang thiết bị, công tác đảm bảo an toàn của các PTN [H10.10.05.01].

Phòng TTPC&ĐBCL lên kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng hàng năm [H10.10.05.13]. Thông qua việc thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, qua ý kiến phản hồi đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ đó, cũng như dựa trên yêu cầu về công tác đào tạo và NCKH của Trường, của Khoa, việc nâng cấp cơ sở vật chất của các phòng học, phòng thí nghiệm, hạ tầng công nghệ thông tin, sân chơi,... được thực hiện hàng năm theo kế hoạch. Các sự cố thông thường về cơ sở vật chất như điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc cũng như công tác vệ sinh môi trường được Phòng Quản trị bảo vệ tiếp nhận và xử lý kịp thời [H10.10.05.10, H10.10.05.38]. Đối với các trang thiết bị

phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Khoa Sinh học thường xuyên thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng [H10.10.05.14]. Dựa trên báo cáo sử dụng thiết bị và định hướng nghiên cứu của Khoa dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, hàng năm Khoa Sinh học có quy hoạch, đề xuất đầu tư và mua sắm trang thiết bị mới [H10.10.05.15, H10.10.05.16, H10.10.05.17]. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra trang thiết bị, cơ sở vật chất, Nhà trường và ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc hoặc đầu tư mua mới các thiết bị hoặc xây dựng PTN mới [H10.10.05.01, H10.10.05.18].

Hàng năm, Trung tâm Thông tin Thư viện đều thu thập phản hồi từ bạn đọc chủ yếu bao gồm giảng viên và sinh viên về hoạt động phục vụ đào tạo và nghiên cứu [H10.10.05.19, H10.10.05.20].

Các dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng được cải tiến. Phòng y tế có trạm sơ cứu ban đầu là phòng y tế của Trường [H10.10.05.21], cao hơn là bệnh viện ĐHQGHN [H10.10.05.22]. Dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng đa dạng và hiệu quả như: tìm kiếm học bổng [H10.10.05.23, H10.10.05.24], dịch vụ tìm kiếm việc làm thêm [H10.10.05.25, H10.10.05.26], thông tin về chỗ ở [H10.10.05.27] có thể thấy trên trang web của Khoa và Trường. Dịch vụ trang bị các kỹ năng mềm thông qua các câu lạc bộ [H10.10.05.28], các hoạt động đoàn, hội hỗ trợ sinh viên về tinh thần và vật chất [H10.10.05.29]. Các đơn vị chức năng luôn phản hồi kịp thời yêu cầu của sinh viên [H10.10.05.30, H10.10.05.31].

Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên luôn được quan tâm, hàng năm HNKHSV được tổ chức chu đáo, chuyên nghiệp, đây là cơ hội cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và định hướng cho nghề nghiệp trong tương lai [H10.10.05.32, H10.10.05.33 và H10.10.05.34].

Nhằm giúp sinh viên lựa chọn ngành học phù hợp, ngày hội giới thiệu chuyên ngành được tổ chức thường niên mỗi năm 1 lần, nhằm giới thiệu cho sinh

viên các chuyên ngành trong toàn khoa và định hướng nghiên cứu cho các em [H10.10.05.35].

Để khắc phục sự hạn hẹp về diện tích và cơ sở vật chất, ĐHQGHN đã có kế hoạch xây mới trụ sở của VNU-HUS tại Hòa Lạc và dự định sẽ chuyển lên địa điểm mới vào thời gian thích hợp [H10.10.05.36]. Tháng 3/2019, lễ cất nóc công trình tòa nhà HT1 của trường ĐHKHTN, ĐHQGHN tại Hòa Lạc đã được tổ chức [H10.10.05.37].

Quy định của Trường về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường/Khoa được thể hiện qua: (1) quy định về chức năng nhiệm vụ của các Phòng Ban chức năng của Trường [H10.10.05.12], (2) kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm [H10.10.05.13], (3) kết quả khảo sát chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.05.02, H10.10.05.03, H10.10.05.11, H10.10.05.12], và (4) những ý kiến đóng góp thông qua đối thoại với sinh viên, tổng kết năm học tại Khoa [H10.10.05.04, H10.10.05.05, H10.10.05.06, H10.10.05.07, H10.10.05.08]; Từ đó có những bước triển khai cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Chẳng hạn, thống kê trang thiết bị khoa học hàng năm [H10.10.05.14], thanh tra hiệu quả sử dụng hệ thống trang thiết bị [H10.10.05.01] để từ đó xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm và lớp học [H10.10.05.16], điều này cũng được tiến hành tương tự đối với các nội dung khác.

## *2. Điểm mạnh*

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá và cải tiến một cách có hệ thống. Thông qua thanh kiểm tra, đánh giá cũng như qua các ý kiến phản hồi về các hoạt động hỗ trợ, tiện ích, Nhà trường và Khoa đã có những cải tiến, nâng cấp chất lượng tương đối thỏa mãn nhu cầu của người học.

### *3. Điểm tồn tại*

Hệ thống dữ liệu về đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích chưa thực sự hoàn thiện và đầy đủ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023 Khoa Sinh học sẽ đẩy mạnh hơn việc xây dựng, đầu tư hơn nữa các trang thiết bị phục vụ thực hành và nghiên cứu khoa học. Tối ưu hóa phương pháp đánh giá, khảo sát để có được cơ sở dữ liệu tốt hơn về đánh giá, khảo sát các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

### *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 6/7

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống. Được thể hiện ở hệ thống thu thập phản hồi của các bên liên quan được quy định theo các đơn vị chuyên trách từ cấp ĐHQGHN (Viện Đảm bảo chất lượng) [H10.10.06.01], cấp Trường ĐHKHTN (Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng) [H10.10.06.02], đến cấp Khoa (tổ đảm bảo chất lượng cấp Khoa) [H10.10.06.03]. Quy trình thu thập, xử lý thông tin được quy định cụ thể trong quy định, hướng dẫn của ĐHQGHN [H10.10.06.04] và của trường ĐHKHTN [H10.10.06.05, H10.10.06.06]. Nhận thức được vai trò quan trọng của các bên liên quan trong việc cải tiến chất lượng đào tạo nên Nhà trường đã giao cho Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng theo quy định đã được phê duyệt tháng 7/2015 [H10.10.06.02] và các Khoa với thành viên đảm bảo chất lượng cấp Khoa có quyết định thành lập theo năm học cụ thể [H10.10.06.03], khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như: người học, cựu sinh viên, nhà tuyển



dụng...qua đó xác định được nhu cầu của người học và thị trường lao động, đánh giá của các bên liên quan về chất lượng CTĐT để có những biện pháp cải tiến kịp thời và hiệu quả. Hàng năm, dựa trên kế hoạch của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN thông qua Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng làm đầu mỗi ban hành các văn bản thông báo tới các đơn vị về kế hoạch đảm bảo chất lượng [H10.10.06.07].

Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa Sinh học tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan dựa trên quy định của ĐHQGHN và hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H10.10.06.04, H10.10.06.05, H10.10.06.06] và theo đúng quy trình đã xây dựng. Số lần khảo sát được ĐHQGHN quy định là 01 đợt/năm (đối với người học là 2 lần/năm). Thời điểm khảo sát thì quy định khác nhau tùy theo từng đối tượng khảo sát. Công cụ thu thập là phiếu lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về học phần bao gồm các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các điều kiện đảm bảo chất lượng và kiểm tra đánh giá [H10.10.06.08], phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo [H10.10.06.09], phiếu khảo sát mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của trường ĐHKHTN [H10.10.06.010, H10.10.06.011], phiếu khảo sát bằng hình thức online của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chất lượng đào tạo [H10.10.06.12], phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H10.10.06.13], phiếu khảo sát sinh viên về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.06.14], phiếu khảo sát về môi trường làm việc [H10.10.06.15, H10.10.06.26],.... Ngoài ra còn có các công cụ thu thập là phiếu giảng viên tự đánh giá, phiếu góp ý về công tác lãnh đạo quản lý của Ban giám hiệu, Phiếu góp ý nâng cao chất lượng công việc đối với cán bộ hành chính, phiếu góp ý về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo đơn vị đào tạo và nghiên cứu, phiếu góp ý về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo Phòng chức năng và trung tâm CNTT&TT [từ H10.10.06.16 đến H10.10.06.20].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá trước hết bởi chính những ý kiến góp ý, phản hồi từ các bên liên quan này. Dựa trên những góp ý, ý kiến phản hồi cùng với những ý kiến đóng góp trong các cuộc họp Khoa và Trường [từ H10.10.06.21 đến H10.10.06.24] các phiếu khảo sát được cải tiến.

Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo thường xuyên được cải tiến thông qua cải tiến về nội dung, mẫu phiếu khảo sát, hình thức khảo sát và cách thức tổ chức thực hiện. Hình thức khảo sát cũng được cải tiến thông qua tăng cường khảo sát trực tuyến và giảm khảo sát bằng bảng hỏi giấy nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian khảo sát cũng như thuận tiện cho việc xử lý số liệu, phù hợp với sự phát triển công nghệ số ngày nay.

- Mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần giai đoạn 2015-2017 tập trung vào 4 vấn đề với 24 câu hỏi, thang đánh giá có 5 mức theo thang đo Likert [H10.10.06.08], đến giai đoạn 2018-2020 tập trung vào 20 tiêu chí với thang đánh giá 5 mức [H10.10.06.08]. Từ năm 2021 đến nay sử dụng phiếu khảo sát online với 22 câu hỏi [H10.10.06.25]. Kết quả đánh giá trước năm 2015 được gửi ở hình thức văn bản tới toàn bộ giảng viên, nhưng từ năm 2015 được gửi đến email cho các giảng viên trong Khoa.

- Mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về chất lượng chương trình đào tạo năm 2019 có cải tiến khi tích hợp hai đối tượng nhà sử dụng lao động và cựu người học trong 1 mẫu, làm cho số trang được rút ngắn hơn nhưng vẫn đảm bảo nội dung cần hỏi [từ H10.10.06.9 đến H10.10.06.11].

- Mẫu phiếu giảng viên tự đánh giá cuối năm học từ năm 2018 có bổ sung mục cá nhân tự đánh giá để tạo điều kiện các giảng viên tự đánh giá chung theo các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H10.10.06.16] và cũng đã được chuyển sang hình thức khảo sát online.

## *2. Điểm mạnh*

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thực hiện một cách bài bản, khoa học, có hệ thống, tuân thủ những quy định hướng dẫn của ĐHQGHN. Đã có đơn vị chuyên trách trong việc thu thập, xử lý thông tin ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kế hoạch được xây dựng cụ thể, mẫu phiếu khảo sát được đánh giá và cải tiến phù hợp hơn.

## *3. Điểm tồn tại*

Tính hệ thống trong cơ chế phản hồi của các bên liên quan chưa cao, hình thức khảo sát chưa đa dạng, nội dung phiếu khảo sát cần được cải tiến hơn nữa để phù hợp với điều kiện thực tế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa Sinh học kết hợp với Phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL làm đầu mối cải tiến hơn nữa các loại phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về cả nội dung, hình thức và cách thức khảo sát. Xây dựng cơ sở dữ liệu khảo sát có hệ thống hơn, đầy đủ hơn.

## *5. Tự đánh giá*

Đạt mức 5/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10:***

*Những điểm mạnh nổi bật:* Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi tốt từ các bên liên quan, Có quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo với các bước thực hiện chặt chẽ, đúng những quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN trên cơ sở những ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học được rà soát và đánh giá thường xuyên, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nâng cao chất lượng chuyên môn giảng viên. Ngoài ra, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện

ích được đánh giá và cải tiến một cách có hệ thống. Những điều này góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng chuẩn đầu ra.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:* Những thông tin phản hồi được lưu giữ chưa hợp lý, chưa được xử lý triệt để và chưa có hệ thống thống nhất giữa Khoa và Trường. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo chưa đầy đủ, kinh phí hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa cao.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí; trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 6 và 3 tiêu chí đạt mức 5. Trung bình tiêu chuẩn 10 đạt 5,5/7.

### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra của Chương trình đào tạo**

Đánh giá chất lượng đầu ra và người tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo. Để đánh giá chất lượng người tốt nghiệp, nhà trường, khoa giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của ngành học.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Để quản lý các thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học, Khoa và Trường theo dõi số lượng sinh viên nhập học, thôi học [H11.11.01.01, H11.11.01.02] và các sinh viên bảo lưu kết quả học tập [H11.11.01.03]. Hệ thống này được triển khai bằng công nghệ thông tin giúp cho sinh viên và các bên liên quan có thể dễ dàng quản lý, theo dõi tiến độ, kết quả học tập, đảm bảo thời gian tốt nghiệp theo kế hoạch đề ra [H11.11.01.04].

Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của sinh viên được Trường và Khoa thường xuyên xác định và phân tích trong từng năm học [H11.11.01.05, H11.11.01.06, H11.11.01.07]. Tỷ lệ tốt nghiệp cũng được xác lập dựa trên các đợt xét tốt nghiệp hàng năm của Nhà trường. Thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học trong 5 khóa gần đây của ngành Sinh học được thống kê ở Bảng 11.1.

*Bảng 11.1. Thống kê số sinh viên thôi học và tốt nghiệp ngành Sinh học*

Khoá	Lớp	Tổng	Nữ	Đang học	T.Dừng (Bảo lưu)	Thôi học	% Thôi học	Tốt nghiệp (TN)	%TN
2022-2025	66 Sinh học	88	59	74	11	3	3,41	chưa TN	chưa TN
2021-2024	65 Sinh học	84	54	80	1	3	3,57	chưa TN	chưa TN
2019-2023	64 Sinh học	76	55	65	0	11	14,47	chưa TN	chưa TN
2018-2022	63 Sinh học	81	60	67	1	13	16,05	chưa TN	chưa TN
2017-2021	62 Sinh học	93	67	36	0	10	10,75	47	56,63
2016-2020	61 Sinh học	62	48	15	1	4	6,45	42	72,41
2015-2019	60 Sinh học	58	41	4	1	9	15,52	44	89,80
2014-2018	59 Sinh học	41	37	1	0	6	14,63	34	97,14

$$\text{Tỷ lệ tốt nghiệp (\%)} = \frac{\text{số tốt nghiệp}}{(\text{tổng sv} - \text{số thôi học})\%}$$

Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình trong giai đoạn (K59-K62) là 79% (Bảng 11.1). Tỷ lệ này rơi vào khoảng 72,41% đến 97,14%. K62 có tỷ lệ tốt nghiệp thấp hơn là 56.63% do vẫn còn các sinh viên chưa tốt nghiệp năm 2022.

Số liệu cho thấy Tỷ lệ thôi học xét trong giai đoạn sinh viên đã ra trường (K59-K62) rơi vào từ 6,455 đến 15,52%, trung bình là 11,38%. Tỷ lệ thôi học rải đều ở các năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ 4. Tuy nhiên một số khoá rơi cáo vào năm thứ 3, 4 (Bảng 11.2).

Bảng 11.2. Bảng thống kê thời điểm thôi học ngành SH

Khóa	Tổng số SV	Số SV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
		Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)	Số SV	Tỷ lệ (%)
QH.2016.T (K61)	62	3	4,84	0	0,00	0	0,00	1	1,61	2	3,23
QH.2017.T (K62)	93	10	10,75	2	2,15	1	1,08	0	0,00	7	7,53
QH.2018.T (K63)	81	13	16,05	3	3,70	0	0,00	1	1,23	9	11,11
QH.2019.T (K64)	76	11	14,47	1	1,32	3	3,95	7	9,21	0	0,00
QH.2020.T (K65)	84	3	3,57	0	0,00	3	3,57	0	0,00	0	0,00

So sánh tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của ngành Sinh học được so sánh với các ngành Hoá học, Khoa học Môi trường được thể hiện ở Bảng 11.3 và ở Bảng 11.4. Số liệu cho thấy tính trung bình giữa các khoá từ K59 - K66 cho thấy tỷ lệ thôi học ở ngành Sinh học cao hơn ngành Hoá học nhưng thấp hơn ngành Khoa học Môi trường. Tỷ lệ tốt nghiệp khá tương đương giữa 3 ngành học, cao nhất là ở ngành Sinh học (Bảng 11.3).

Bảng 11.3. So sánh tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp của ngành SH và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN

KHÓA	Lớp	Tổng	Nữ	Đang học	T.Dùng (Bảo lưu)	Tốt nghiệp	Nghỉ (Thôi học)	% tốt nghiệp	% thôi học
QH.2021	66 Hóa học	62	44	58	3	0	1	chưa TN	1,61
	66 KH môi trường	94	38	83	11	0	0	chưa TN	0,00
	<b>66 Sinh học</b>	<b>88</b>	<b>59</b>	<b>74</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>chưa TN</b>	<b>3,41</b>
QH.2020	65 Hóa học	73	48	69	1	0	3	chưa TN	4,11
	65 KH môi trường	45	22	40	0	0	5	chưa TN	11,11
	<b>65 Sinh học</b>	<b>84</b>	<b>54</b>	<b>80</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>chưa TN</b>	<b>3,57</b>
QH.2019	64 Hóa học	79	51	69	2	0	8	chưa TN	10,13

KHÓA	Lớp	Tổng	Nữ	Đang học	T.Dừng (Bảo lưu)	Tốt nghiệp	Nghỉ (Thôi học)	% tốt nghiệp	% thôi học
	64 KH môi trường	45	27	36	0	0	9	chưa TN	20,00
	<b>64 Sinh học</b>	<b>76</b>	<b>55</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>chưa TN</b>	<b>14,47</b>
QH.2018	63 Hóa học	71	46	57	0	1	13	chưa TN	18,31
	63 KH môi trường	75	48	57	0	0	18	chưa TN	24,00
	<b>63 Sinh học</b>	<b>81</b>	<b>60</b>	<b>67</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>chưa TN</b>	<b>16,05</b>
QH.2017	62 Hóa học	132	90	54	0	59	19	52,21	14,39
	62 KH môi trường	54	36	19	1	22	12	52,38	22,22
	<b>62 Sinh học</b>	<b>93</b>	<b>67</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>47</b>	<b>10</b>	<b>56,63</b>	<b>10,75</b>
QH.2016	61 Hóa học	68	48	12	1	43	12	76,79	17,65
	61KHMT	81	56	22	2	47	10	66,20	12,35
	<b>61 Sinh học</b>	<b>62</b>	<b>48</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>42</b>	<b>4</b>	<b>72,41</b>	<b>6,45</b>
QH.2015	60 Hóa học	18	13	1	0	16	1	94,12	5,56
	60 KH môi trường	46	35	5	0	29	12	85,29	26,09
	<b>60 Sinh học</b>	<b>58</b>	<b>41</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>9</b>	<b>89,80</b>	<b>15,52</b>
QH.2014	59 Hóa học	26	18	2	0	24	0	92,31	0,00
	59 KH môi trường	57	36	5	0	47	5	90,38	8,77
	<b>59 Sinh học</b>	<b>41</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>34</b>	<b>6</b>	<b>97,14</b>	<b>14,63</b>

Tỷ lệ tốt nghiệp (%) = số tốt nghiệp/(tổng sv - số thôi học)%

Bảng 11.4 Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp trung bình của các năm của ngành SH và các ngành khác trong trường ĐHKHTN

Ngành	Tỷ lệ thôi học (%)	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
	K59-K63	K59-K63
Ngành Hoá học	11,18	78,86
Ngành KH môi trường	18,69	73,56
<b>Ngành Sinh học</b>	<b>12,68</b>	<b>78,99</b>

Nguyên nhân thôi học được đánh giá là do xuất phát từ định hướng của gia đình hoặc nguyện vọng của sinh viên thay đổi, chuyển sang một ngành học khác hoặc từ kế hoạch cá nhân của sinh viên như đi du học, định cư tại nơi khác [H11.11.01.08]. Sinh viên thôi học ở năm thứ nhất do các em cảm thấy chưa phù hợp về ngành học, có định hướng chuyển ngành nghề. Một số trường hợp đặc biệt, sinh viên đến năm thứ 3, thứ 4 thay đổi định hướng việc làm nên đã rút hồ sơ. Biện pháp để giảm tỉ lệ thôi học như là tư vấn kịp thời đối với những sinh viên, nhất là sinh viên năm thứ nhất có ý định ngừng học với lý do chưa được xem xét kỹ lưỡng [H11.11.01.09, H11.01.10]. Số sinh viên thôi học và bị buộc thôi học còn lại do trình độ không đáp ứng ELO của chương trình học, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn (đặc thù sinh viên của Trường nói chung và của Khoa nói riêng đến từ các tỉnh lân cận, vùng nông thôn). Đối với các sinh viên có ý định thôi học do hoàn cảnh khó khăn thì khoa tăng cường các học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H11.11.01.11]. Ngoài ra để cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp Trường và Khoa đã có những biện pháp như giám sát quá trình học tập, sinh hoạt của sinh viên như xét cảnh báo học tập [H11.11.01.11]; kỷ luật thi cử [H11.11.01.12].

## *2. Điểm mạnh*

Tỷ lệ tốt nghiệp thuộc dạng cao và cao hơn so với các ngành học khác trong trường ĐHKHTN.

## *3. Điểm tồn tại*

Vẫn còn có sinh viên thôi học và tỉ lệ này vẫn ổn định qua các năm, rơi vào 12,68% trong giai đoạn K59-K63. Tỷ lệ tốt nghiệp giảm qua các năm.

## *4. Kế hoạch hành động*



TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập của sinh viên, nhất là sinh viên năm thứ nhất có ý định ngừng học với lý do chưa được xem xét kỹ lưỡng.  Tăng cường các học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

### 5. Tự đánh giá

Đạt, 5/7

### ***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### ***1. Mô tả hiện trạng***

Trong giai đoạn hiện nay, trường Đại học Khoa học Tự nhiên áp dụng đào tạo theo tín chỉ thì thời gian đào tạo phụ thuộc vào tốc độ tích lũy tín chỉ của mỗi sinh viên. Để đảm bảo khối lượng kiến thức, các môn học được bố trí để sinh viên ngành Sinh học tốt nghiệp trong 4 năm tương đương với 8 học kỳ [H11.11.02.01, H11.11.02.02]. Tuy nhiên, thời gian học tập của mỗi sinh viên có thể dao động từ tối thiểu 3 năm đến tối đa 6 năm tùy thuộc vào số lượng tín chỉ trong một học kỳ mà sinh viên tích lũy được [H11.11.02.01]. Thời gian học tập như vậy cho phép sinh viên ngoài việc tích lũy kiến thức chuyên môn còn có thêm thời gian trau dồi tiếng anh cũng như tích lũy các kiến thức như chính trị, an ninh quốc phòng và ngoại ngữ để đáp ứng chất lượng đầu ra [H11.11.02.03, H11.11.02.04, H11.11.02.05]. SV tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình, đáp ứng đủ các

điều kiện tốt nghiệp như: không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm pháp luật; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của SV; Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất [H11.11.02.02].

*Bảng 11.5. Tỷ lệ và thời gian tốt nghiệp của SV ngành SH*

Khoá	Tổng số SV	TN trước hạn (dưới 4 năm)		TN đúng hạn (4 năm)		TN sau hạn (trên 4 năm)		Thời gian TN trung bình
		số lượng	tỷ lệ (%)	số lượng	tỷ lệ (%)	số lượng	tỷ lệ (%)	
<b>QH-2014-T(K59)</b>	34	0	0.00	32	94.12	2	5.88	4.04
<b>QH-2015-T(K60)</b>	47	0	0.00	27	57.45	20	42.55	4.33
<b>QH-2016-T(K61)</b>	38	2	5.26	19	50.00	17	44.74	4.35
<b>QH-2017-T(K62)</b>	58	0	0.00	20	34.48	38	65.52	4.32
<b>QH-2017-T(K63)</b>	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA

Trong thời gian đào tạo, Trường và Khoa luôn có hệ thống giám sát, cảnh báo học tập sinh viên theo định kỳ và kịp thời với những sinh viên không tích lũy đủ điểm thành phần [H11.11.01.06]. Để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng và trước hạn, Khoa đã thành lập tổ cố vấn học tập và các giáo viên chủ nhiệm [H11.11.02.07], hay kết hợp với Đoàn, Hội tổ chức câu lạc bộ Sinh học nhằm hỗ trợ sinh viên đảm bảo chất lượng nội dung chương trình và thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.08]. Các hoạt động này thu hút nhiều sinh viên trong đó có sinh viên năm thứ 1, 2, 3 tham gia. Khoa Sinh học đã tổ chức các buổi giới thiệu chương trình đào tạo, gửi khung chương trình và kế hoạch học tập đến từng sinh viên vào học kỳ 1 năm thứ nhất để sinh viên có kế hoạch học tập phù hợp nhu cầu, năng lực bản thân [H11.11.02.09, H11.11.02.10]. Để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp sớm, trường tổ chức xét tốt nghiệp 1 năm 4 lần [H11.11.02.11]. Ngoài 02 học kỳ chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Nhà trường và nhu cầu của SV mà Trường tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ 3), thời gian học tập là 02 tháng hè và hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học

tập tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.12]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập của nhiều SV.

*Bảng 11.6. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành SH với một số ngành khác trong trường ĐHKHTN*

<b>Khóa học</b>	<b>Thời gian TN trung bình (năm) ngành SH</b>	<b>Thời gian TN trung bình (năm) ngành CNSH</b>	<b>Thời gian TN trung bình (năm) ngành Hoá Học</b>
K59	4.04	4.03	4.07
K60	4.33	4.35	4.10
K61	4.35	4.09	4.25
K62	4.31	4.33	4.32
K63	NA	NA	NA

Số liệu cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của các khoá chiếm từ 34,48% đến 94,12%, trung bình là 59%. 5,26% sinh viên của các khoá 59-62 tốt nghiệp trước 4 năm (từ 3 đến 3,5 năm) (Bảng 11.5). Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trên 4 năm chiếm khoảng 39.67%. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá 59-62 là 4,26 năm (Bảng 11.6). Nguyên nhân tốt nghiệp muộn chủ yếu do sinh viên khó khăn trong đạt chuẩn tiếng Anh [H11.11.01.03]. Đối sánh với các ngành như CNSH hay Hoá Học trong trường ĐHKHTN thì có sự tương đương về thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá.

## *2. Điểm mạnh*

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn 4 năm cao và có một tỉ lệ sinh viên nhất định tốt nghiệp trước hạn.

### 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một tỉ lệ sinh viên chậm tốt nghiệp, kéo dài đến 6 năm, do các nguyên nhân khác nhau ví dụ như động lực học tập hay việc quản lí thời gian của sinh viên để đăng kí tín chỉ chưa tốt.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng vai trò của cố vấn học tập và trợ lý đào tạo trong việc hướng dẫn, tư vấn sinh viên đăng ký môn học để đảm bảo việc phân bổ thời gian, sức học trong từng kỳ.  Tăng cường các hoạt động ngoại khoá như việc thăm quan, khảo sát ngành nghề trong giai đoạn này sẽ góp phần giúp sinh viên củng cố tâm lý, tạo động lực tốt nghiệp đúng hạn.	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
2	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh hình thức và thời gian thực tập thực tế, rà soát và sắp xếp lại một số học phần trong CTĐT, tạo điều kiện cho sinh viên có khả năng tốt nghiệp trước thời hạn 4 năm.		

### 5. Tự đánh giá

Đạt, 5/7

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Khoa Sinh học có hệ thống giám sát việc làm của cựu sinh viên thông qua Ban liên lạc các Khóa và kênh thông tin online trên website của Khoa [H11.11.03.01]. Hàng năm Khoa đã tiến hành khảo sát tỷ lệ SV tìm được việc làm sau 1 năm ra trường [H11.11.03.02], VNU-HUS cũng tiến hành khảo sát và thông báo công khai thông tin tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường [H11.11.03.03].

Để đảm bảo tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, Khoa đã thiết lập và mở rộng mạng lưới kết nối với nhiều cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học và viện nghiên cứu, doanh nghiệp để có thể dễ dàng giới thiệu cho sinh viên những lựa chọn công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Khoa Sinh học có những đối tác hàng năm đều đặt hàng tuyển dụng nguồn nhân lực, có yêu cầu rõ về số lượng và chất lượng tuyển dụng như các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân [H11.11.03.05]. Sinh viên chuẩn bị ra trường và các cựu sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với cơ hội việc làm thông qua các thông báo tuyển dụng trên cổng thông tin tuyển dụng của Trường và của Khoa, ban liên lạc cựu sinh viên của Khoa [H11.11.03.06].

Từ số liệu thống kê về khả năng tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp, Khoa thường xuyên có các cuộc họp trao đổi về định hướng ngành học, những thay đổi trong nhu cầu của xã hội từ đó cập nhật chương trình đào tạo [H11.11.01.07], tăng cường khả năng ngoại ngữ của sinh viên thông qua giao lưu với sinh viên nước ngoài đến Khoa [H11.11.03.08], tăng cường kỹ năng qua đợt thực tập chuyên ngành ngoại khóa thăm quan các cơ quan, doanh nghiệp và câu lạc bộ [H11.11.03.09].

Bảng 11.7. Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của ngành Sinh học và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN

Năm khảo sát	Năm tốt nghiệp	Ngành học	Số lượng khảo sát	Số lượng phản hồi	Số lượng có việc làm sau 1 năm	Số lượng học cao hơn	tỷ lệ có việc làm (%)
2018	2017	Sinh học	67	18	15	NA	83.33
2019	2018	Sinh học	76	72	59	2	84.70
		Công nghệ sinh học	50	49	39	4	87.80
		Hoá học	61	60	47	2	81.70
2020	2019	Sinh học	65	54	23	15	70.37
		Công nghệ sinh học	35	30	24	0	80.00
		Hoá học	32	21	16	2	85.71
2021	2020	Sinh học	57	41	35	3	92.68
		Công nghệ sinh học	74	58	43	3	79.31
		Hoá học	64	49	38	6	89.80

Bảng 11.8. Cơ cấu việc làm ngành Sinh học và một số ngành khác trong trường ĐHKHTN

Năm khảo sát	Năm tốt nghiệp (khoá)	Ngành học	Tỷ lệ (%)			
			Nhà nước	Tư Nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo làm việc
2018	2017 (K59)	Sinh Học	25	66.7	2.78	5.56
2019	2018 (K60)	Sinh học	20.3	47.5	15.3	5.1
		Công nghệ sinh học	30.8	69.2	7.7	2.6
		Hoá học	25.5	46.8	31.9	0.0
2020	2019 (K61)	Sinh học	31.6	57.9	15.8	5.3
		Công nghệ sinh học	50.0	66.7	4.2	4.2
		Hoá học	66.7	44.4	38.9	0.0
2021	2020 (K62)	Sinh học	34.3	51.4	8.6	5.7
		Công nghệ sinh học	27.9	60.5	9.3	4.7
		Hoá học	31.6	34.2	34.2	0.0

Số liệu từ các bảng 11.7 cho thấy tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tăng dần từ 83.33% năm 2018 lên 92,68% năm 2021. Tỷ lệ người học vẫn còn trong tình trạng chưa có việc làm sau khi đã tốt nghiệp 1 năm (theo thống kê năm 2021) là thấp 7,4%. Tỷ lệ NH còn trong tình trạng thất nghiệp này thấp hơn so với tỷ lệ này trên toàn trường. Cơ cấu việc làm và vị trí việc làm năm 2021 cho thấy sự đa dạng, trong đó chủ yếu có việc làm ở khu vực tư nhân (trung bình các năm là 53.18%) và nhà nước (trung bình các năm là 35.41%) (Bảng 11.8).

Đối sánh với các ngành khác thì thấy rằng tỷ lệ có việc làm của ngành SH khá tương đương với 2 ngành CNSH và Hoá học, thậm chí năm 2021 thì ngành SH cao hơn 2 ngành còn lại, nhưng không đáng kể. Cơ cấu việc làm cho thấy 2 ngành SH và CNSH đều tập trung nhiều ở khu vực tư nhân và nhà nước, trong khi đó ngành Hoá học thì trải đều ở khu vực tư nhân, nhà nước và liên doanh. Điều này có thể lý giải là do đặc thù ngành nghề của Sinh học.

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ có việc sau khi tốt nghiệp là cao.

## 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tình trạng NH chưa có việc làm sau khi đã tốt nghiệp 1 năm.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Mở rộng hơn nữa mạng lưới kết nối với nhiều cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học và viện nghiên cứu, doanh nghiệp để có thể dễ dàng giới thiệu cho	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
		<p>sinh viên những lựa chọn công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp. Ví dụ thông qua văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp, tổ chức các Hội thảo kết nối giữa nhà trường và nhà tuyển dụng, tư vấn và tổ chức các hội chợ việc làm cho sinh viên vào mùa tốt nghiệp.</p> <p>- Cung cấp và cập nhật thường xuyên các thông tin về tuyển dụng đến sinh viên thông qua cổng thông tin tuyển dụng của Trường và của Khoa, ban liên lạc cựu sinh viên của Khoa.</p>	học Tự nhiên	Trường ĐHKHTN

### *5. Tự đánh giá*

Đạt, 5/7

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Thông thường, sinh viên của Khoa bắt đầu làm nghiên cứu từ năm thứ ba dưới sự giám sát của cán bộ hướng dẫn. Một số sinh viên có năng lực và mong muốn lên phòng thí nghiệm sớm có thể bắt đầu nghiên cứu từ cuối năm thứ nhất, thứ hai. Các sinh viên năm thứ tư có thể chọn tham gia bảo vệ khoá luận tốt nghiệp



là kết quả của việc làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình hoặc thi tốt nghiệp thay cho đề tài tốt nghiệp [H11.11.04.01, H11.11.04.02].

Hàng năm Khoa tổ chức hội nghị khoa học sinh viên để tạo diễn đàn cho sinh viên trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học và học hỏi kinh nghiệm. Loại hình báo cáo khoa học thường là poster và các báo cáo thuyết trình. Trong năm 2021, 2022 do điều kiện dịch bệnh nên hình thức báo cáo khoa học chuyển dịch sang dạng chỉ poster [H11.11.04.03]. Các báo cáo xuất sắc được lựa chọn để tham gia hội nghị khoa học sinh viên cấp trường ĐHKHTN và các cấp cao hơn [H11.11.04.04, H11.11.04.05, H11.11.04.06].

Sinh viên được khuyến khích tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên trong và ngoài trường để học hỏi kinh nghiệm, có số liệu nghiên cứu [H11.11.04.06, H11.11.04.07, H11.11.04.08]. Khoa thành lập Quỹ hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên để trao giải thưởng cho các báo cáo khoa học có chất lượng xuất sắc nhất và các nhóm nghiên cứu tiềm năng trong Hội nghị KHSV cấp Khoa [H11.11.04.09]. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên (số lượng đề tài, bài báo, sản phẩm ứng dụng...) được thống kê hàng năm. Sinh viên đạt kết quả cao được khen thưởng, cộng điểm ưu tiên trong xét học bổng, điểm rèn luyện, khóa luận tốt nghiệp và điểm chuyển tiếp lên bậc học cao hơn [H11.11.02.09]. Sinh viên ngành Sinh học còn được tiếp cận các hướng nghiên cứu và kiến thức về Sinh học thông qua các khóa học, buổi sinh hoạt chuyên đề phong phú, thường xuyên tổ chức các buổi seminar trao đổi học thuật và nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong Khoa [H11.11.04.10].

Bảng 11.9 thống kê hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Sinh học cho thấy hàng năm ngành Sinh học có 7-20 báo cáo chiếm 15.38% đến 30% số báo cáo khoa học của Khoa. Tỷ lệ tham gia báo cáo KHSV có xu hướng tăng trong giai đoạn 2017-2022, trừ năm 2020-2021, có thể do yếu tố dịch bệnh covid. Các hướng nghiên cứu khoa học khá đa dạng thể hiện các định hướng nghiên cứu chính

theo định hướng phát triển của Khoa [H11.11.04.03, H11.11.04.04]. Bảng 11.10 cho thấy SV trong khoa đã đạt được nhiều thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học, cụ thể là nhiều báo cáo đạt giải cấp Trường và có một số nghiên cứu của sinh viên được công bố trên các Tạp chí hay Hội thảo khoa học [H11.11.04.06, H11.11.04.07].

*Bảng 11.9. So sánh báo cáo NCKH của sinh viên ngành Sinh học và CNSH trong hội nghị KHSV giai đoạn 2017-2022*

Năm học	Tổng số báo cáo NCKH toàn khoa	Báo cáo có sv năm 1, 2, 3 tham gia	Báo cáo của ngành Sinh học	tỷ lệ BC ngành SH	Báo cáo của ngành CNSH	tỷ lệ BC ngành CNSH
2016-2017	71	17	13	18.31	25	35.21
2017-2018	61	45	13	21.31	18	29.51
2018-2019	60	53	18	30.00	18	30.00
2019-2020	69	39	20	28.99	35	50.72
2020-2021	78	29	12	15.38	27	34.62
2021-2022	73	13	20	27.40	23	31.51

*Bảng 11.10. Thống kê thành tích nghiên cứu khoa học sinh viên*

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường (2 nhất, 1 nhì)
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	01 sản phẩm ứng dụng	5 bài báo trong nước	1 bài báo quốc tế, 4 bài báo trong nước	2 bài quốc tế, 3 bài trong nước	1 bài quốc tế, 5 bài trong nước

Đôi sánh với số báo cáo của sinh viên ngành SH và CNSH thì thấy ngành SH có tỉ lệ tham gia NCHK thấp hơn, có lẽ một phần do số lượng sinh viên ngành này ít hơn (Bảng 11.6).

## 2. Điểm mạnh

Các sinh viên tham gia tích cực trong các hoạt động báo cáo khoa học, số lượng báo cáo thể hiện sự ổn định qua các năm. Các đề tài nghiên cứu khoa học đa dạng, càng ngày càng có tính liên ngành cao.

## 3. Điểm tồn tại

Số sinh viên có các công bố khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế chưa cao.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các buổi seminar hướng dẫn sinh viên trình bày và viết các bài báo khoa học. Đề tạo động lực cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, Khoa sẽ tăng cường các buổi học thuật cấp khoa, cấp bộ môn cập nhật các thành tựu nghiên cứu đạt được trong nước và trên thế giới, đưa thêm các vấn đề thực tiễn như dịch bệnh, các bệnh	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
		hiếm nghèo cũng như ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong việc phòng ngừa, chữa trị các bệnh hiếm nghèo...		
2	Phát huy điểm mạnh	Các khen thưởng, cộng điểm ưu tiên trong xét học bổng, điểm rèn luyện, khóa luận tốt nghiệp và điểm chuyển tiếp lên bậc học cao hơn là cần thiết.	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

### *5. Tự đánh giá*

Đạt, 5/7

### ***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hàng năm, Trường và Khoa Sinh học thu thập phản hồi từ các bên liên quan bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ giảng viên, người sử dụng lao động về chất lượng của sinh viên, đánh giá kết quả, nội dung đào tạo thông qua mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng [H11.11.05.01]. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Tỷ lệ phiếu thu về đối với sinh viên đang theo học, cựu sinh viên và cán bộ của Khoa thường đạt trên 90%, và đối với các nhà tuyển dụng là trên 60 % tổng số phiếu gửi [H11.11.05.02, H11.11.05.03].

*Mức độ hài lòng của sinh viên:* Các sinh viên được hỏi đều đánh giá cao môi trường học tập, nghiên cứu với chất lượng tốt và các cơ sở vật chất nâng cấp liên tục cùng với đội ngũ giảng viên, cán bộ chất lượng được đào tạo bài bản. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, hợp lý, nghiêm túc. Trong giai đoạn 2017 – 2020, sinh viên được khảo sát hài lòng với môi trường học tập với số điểm về các mục đánh giá như ở bảng 11,7 với số điểm 4,0-4,5/5. [H11.11.05.02]. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên thì rơi vào 3.8-4.1.

*Bảng 11.11. Ý kiến đánh giá phản hồi của sinh viên (thang điểm 5)*

	2017	2018	2019	2020	2021
Hoạt động giảng dạy	4,4	4,5	4,4	4,1	4
Mục tiêu, chương trình, nội dung học phần	4,4	4,5	4,4	4,2	4
Hoạt động kiểm tra, đánh giá	4,4	4,5	4,4	4,1	4
CSVC	4,3	4,3	4,2	4	3,9
Hoạt động hỗ trợ	3,8	4	3,9	3,9	4,1

*Mức độ hài lòng của cựu sinh viên:* Các cựu sinh viên đánh giá Khoa Sinh học đang đi đúng hướng trong đào tạo các khối kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm rất hữu ích cho họ trong công việc. Đánh giá của các cho thấy có sự ổn định qua các năm(Bảng 11.8). Bên cạnh đó, các cựu sinh viên cũng có những phản hồi đóng góp ý kiến giúp cho việc cải tiến chương trình phù hợp với thực tế công việc (ví dụ tập trung nhiều cho các học phần chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, thực hành,...) [H11.11.05.03]. Đồng thời, cựu sinh viên cũng đề xuất một số giải pháp cải thiện chất lượng đầu ra như: Tăng cơ hội nhận học bổng; Liên kết mở chương trình đào tạo sau đại học với quốc tế; Tăng thời lượng đào tạo tiếng Anh chuyên ngành; Tăng thời lượng thực hành, thực tập, thực tế tại các đơn vị, doanh nghiệp và định hướng khởi nghiệp; Nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học; Kết nối với doanh nghiệp trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên sau ra trường [H11.11.05.03].

*Bảng 11.12. Ý kiến đánh giá phản hồi của cựu sinh viên (thang điểm 5)*

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ	3,7	4	4,3	4,2	4,2	3,9	4
Mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ	3	3,8	3,6	3,7	3,8	3,4	3,4
Tầm quan trọng của Phẩm chất cá nhân	4	4	4,4	4,3	4,3	4	4
Mức độ đáp ứng của Phẩm chất cá nhân	3,2	4	3,8	3,9	4	3,7	3,7
Tầm quan trọng của kỹ năng mềm	3,5	4	4,3	4,3	4,3	3,7	3,9
Mức độ đáp ứng của Kỹ năng mềm	3	4	3,7	3,8	3,9	3,4	3,4

*Mức độ hài lòng của cán bộ trong Khoa:* Dựa trên kết quả tổng hợp của phiếu tự đánh giá hàng năm [H11.11.05.02] cho thấy, các giảng viên của khoa nhìn chung đều hài lòng với công việc của mình với các tiêu chí về nhiệm vụ: giảng dạy, NCKH, học tập, bồi dưỡng và công tác quản lý.

*Bảng 11.13. Phản hồi tự đánh giá của giảng viên trong giai đoạn 2017-2021 (thang điểm 5)*

Các mục tự đánh giá	2017	2018	2019
Nhiệm vụ giảng dạy	4,3	4,3	4,3
Nhiệm vụ NCKH	4,1	4,2	4,1
Nhiệm vụ tham gia công tác quản lý	4,2	4,2	4,3
Nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng	4,1	4,2	4,2

Các mục đánh giá		2020	2021
Nhiệm vụ GV đã thực hiện		4,2	4,9
HĐ giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy	Thông tin học phần và CTĐT	4	4,4
	Kiểm tra đánh giá	3,9	4,4
	Một số HĐ quản trị	3,6	4
	Công tác hỗ trợ và CSVC	3,4	3,5

Các giảng viên mời giảng đều được xin ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo, và có những đánh giá tốt về việc cập nhật của chương trình [H11.11.05.02]. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng cần bổ sung thêm các trang thiết bị và các hoạt động hỗ trợ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H11.11.05.02].

*Mức độ hài lòng của đơn vị tuyển dụng:* Các nhà tuyển dụng đều có những nhận xét tốt, tích cực về các cựu sinh viên của ngành Sinh học nói riêng và Khoa Sinh học nói chung [H11.11.05.02]. Theo đánh giá, các sinh viên tốt nghiệp từ Khoa Sinh học đều có kiến thức nền tảng vững vàng, có kỹ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức được trang bị vào thực tiễn, có khả năng nghiên cứu, có tư duy tổng hợp, có khả năng giao tiếp, có khả năng tổ chức triển khai thực hiện công việc cũng như có khả năng học tập suốt đời. Nhiều sinh viên đã trở thành những cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan/đơn vị công tác [H11.11.03.04]. Khoa cũng thường xuyên xin ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng về chương trình đào tạo/kỹ năng mềm [H11.11.05.01]. Kết quả khảo sát cho thấy: Nhà tuyển dụng đều hài lòng về chương trình đào tạo dựa trên tính cập nhật, hiện đại của Chương trình [H11.11.05.02] và các đánh giá ổn định và có xu hướng tăng cao hơn trong những năm gần đây. Tuy nhiên, một số ý kiến còn chưa hài lòng với sinh viên của Khoa về năng lực sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ năng nghiệp vụ [H11.11.05.02].

*Bảng 11.14. Ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng (thang điểm 5)*

	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tầm quan trọng của Kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ	3,8	3,9	4,4	4,3	NA	NA
Mức độ đáp ứng của Kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ	3,4	3,8	4	3,7	3,9	3,9
Tầm quan trọng của Phẩm chất cá nhân	3,9	3,9	4,4	4,4	NA	NA
Mức độ đáp ứng của Phẩm chất cá nhân	3,4	4,3	4	3,8	4	4
Tầm quan trọng của Kỹ năng mềm	3,8	3,8	4,4	4,35	NA	NA
Mức độ đáp ứng của Kỹ năng mềm	3,3	3,7	4	3,7	3,9	3,8

Các chuyên gia nước ngoài có dịp làm việc với sinh viên của Khoa cũng có những phản hồi và đánh giá cao về khả năng, tinh thần tích cực làm việc, tính năng động cũng như thân thiện của sinh viên ngành Sinh học [H11.11.05.02].

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... ngành Sinh học ổn định ở mức cao qua các năm. Mức độ hài lòng không có sự khác nhau nhiều giữa 2 ngành SH và CNSH của Khoa Sinh học, cho thấy chất lượng giáo dục của Khoa.

Trường và Khoa có kênh để tiếp nhận các phản hồi của các bên liên quan nhằm cải thiện các mặt chưa được trong hoạt động chung của đơn vị như trường có phòng tiếp cán bộ, sinh viên để giải quyết các góp ý của giảng viên, sinh viên, có hòm thư góp ý [H11.11.05.05]. Hàng năm, Trường và Khoa thường xuyên có các hoạt động đánh giá nhu cầu xã hội nhằm cải tiến chương trình đào tạo (cải thiện các kĩ năng còn thiếu, kỹ năng mềm) [H11.11.05.01].

Các phương pháp lấy ý kiến khá đa dạng như thông qua hình thức trực tuyến, phỏng vấn qua điện thoại và phát phiếu hỏi qua email đối với cựu học viên và nhà tuyển dụng và phát phiếu trực tiếp hoặc qua hình thức trực tuyến đối với sinh viên, giảng viên [H11.11.05.01, H11.11.05.02, H11.11.05.03]. Các kết quả đánh giá cho thấy các năm sau có xu hướng cải thiện hơn các năm trước. Sau mỗi năm Khoa, Trường luôn đưa ra những đề xuất để cải thiện chất lượng [H11.11.05.02, H11.11.05.03].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa luôn tích cực lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Các ý kiến phản hồi đều cho thấy sự đánh giá tích cực của các bên liên quan về chương trình đào tạo và chất lượng giảng dạy và chất lượng sinh viên và đánh giá năm sau thường cao hơn năm trước.



### 3. Điểm tồn tại

Các kỹ năng mềm và các hoạt động hỗ trợ người học chưa được đánh giá cao như các tiêu chí khác.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Trường và khoa cần đầu tư hơn nữa để nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học; Cần nâng cao thái độ phục vụ của cán bộ trong các hoạt động hỗ trợ người học tốt hơn. Tăng cường các hoạt động và các khoá học ngoại khoá về kỹ năng mềm cho sinh viên.	Khoa Sinh học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	Sau từng năm học và theo các mốc điều chỉnh CTĐT của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN

### 5. Tự đánh giá

Đạt, 5/7

#### **Kết luận tiêu chuẩn 11:**

Nhìn chung, sinh viên ngành Sinh học có tỷ lệ tốt nghiệp và đúng thời hạn khá cao mặc dù tỷ lệ thôi học còn lớn nhưng đã có xu hướng giảm trong 5 năm gần đây. Trong quá trình học tập, sinh được được trang bị kiến thức và các kỹ năng cơ bản đồng thời được tạo điều kiện NCKH theo đúng triết lí và tầm nhìn của trường đại học định hướng nghiên cứu. Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên và các bên liên quan khác đánh giá tích cực về CTĐT của Khoa. Tuy nhiên, CTĐT không

tránh khỏi những hạn chế nhất định xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Qua quá trình xác lập, giám sát và đối sánh nhiều kết quả đầu ra của CTĐT, Khoa Sinh sẽ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo, phát triển CTĐT của ngành Sinh học nhằm khắc phục những hạn chế trên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí; tất cả tiêu chí đạt mức 5/7.

## PHẦN III. KẾT LUẬN

### 1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân Sinh học đã xác định rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của trường ĐHKHTN và ĐHQGHN. Mục tiêu của CTĐT đã được cụ thể hoá trong các CĐR của CTĐT trong đó bao gồm các CĐR cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp, phẩm chất đạo đức và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT Cử nhân Sinh học đã được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai trên trang web của cơ sở đào tạo (*Tiêu chuẩn 1*).

- Bản mô tả đề cương được công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau, giúp cho người học dễ dàng thu nhận thông tin. Không những thế, nhà tuyển dụng, các bên liên quan cũng tiếp cận các nội dung của CTĐT nhanh chóng, đơn giản với nhiều kênh thông tin khác nhau (*Tiêu chuẩn 2*).

- Chương trình đào tạo cử nhân Sinh học đã đảm bảo về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm như CĐR đã công bố, trong đó, các học phần được xây dựng và thực hiện theo các định hướng của CĐR đã đạt được hầu hết các tiêu chí của CĐR. Tổ hợp các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo đạt CĐR. Chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học được xây dựng thành một khối thống nhất, có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ và logic. Tỷ lệ giữa kiến thức thực hành và lý thuyết tương đối cao, đảm bảo yêu cầu giảm học phần lý thuyết, tăng cường thực hành và tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn các chuyên đề phù hợp với sở trường của bản thân. Việc sắp xếp thực hiện chương trình phù hợp, tạo điều kiện cho người học đạt kết quả học tập tối ưu nhất. Chương trình đã được rà soát, cập nhật và rà soát theo định kỳ (*Tiêu chuẩn 3*).

- Triết lý giáo dục và mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cử nhân Sinh học đã xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục và chiến lược phát triển của

trường Đại học KHTN. Hoạt động dạy và học của chương trình được thiết kế phù hợp với CĐR của chương trình, phù hợp với CĐR của từng học phần. Đề cương chi tiết các học phần được trình bày rõ ràng. Hình thức giảng dạy đa dạng, phù hợp với CĐR, thúc đẩy người học rèn luyện các kỹ năng đáp ứng CĐR của học phần và chương trình. Người học được chủ động trong học tập, được nâng cao tư duy, nhận thức và phát triển khả năng tự học tập suốt đời của bản thân (*Tiêu chuẩn 4*).

- Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR với hệ thống quy định, hướng dẫn rõ ràng, được phổ biến đến tất cả sinh viên mỗi đầu khóa học cũng như trong mỗi học kỳ. Phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR cả về kiến thức lẫn kỹ năng, đảm bảo độ tin cậy và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho sinh viên, góp phần giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập. Sinh viên được biết và thực hiện quyền khiếu nại kết quả đánh giá và được nhận kết quả khiếu nại trong thời gian quy định (*Tiêu chuẩn 5*).

- Trong giai đoạn 2016-2021, Khoa Sinh học đã thực hiện tốt các công tác nhân sự liên quan đến quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, khen thưởng, hưu trí, đảm bảo đúng quy định, quy chế, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển của Khoa và của Trường. Năng lực và khối lượng công việc của GV&NCV được xác định, giám sát và điều chỉnh, qua đó có các căn cứ đáng tin cậy cho bản thân GV&NCV và cho Lãnh đạo Khoa sử dụng để đối chiếu, so sánh cho việc đánh giá thi đua khen thưởng và xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch phát triển đội ngũ giảng dạy, hướng tới đạt các tiêu chuẩn quốc tế. Do vậy, Khoa đã xây dựng được đội ngũ GV&NCV của ngành Cử nhân Sinh học đáp ứng yêu cầu về số lượng, phù hợp về cơ cấu, có nhiều giảng viên là nhà khoa học đầu ngành, giàu kinh nghiệm, đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng tốt các yêu cầu của chương trình đào tạo cử nhân Sinh học. Mặc dù còn nhiều khó khăn, cả ba nhiệm vụ chính của GV&NCV gồm giảng

dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng về cơ bản đều được hoàn thành xuất sắc (*Tiêu chuẩn 6*).

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa có trình độ năng lực chuyên môn vững và luôn sẵn sàng thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng; Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN; Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, kịp thời, có tác dụng khuyến khích động viên (*Tiêu chuẩn 7*).

- Chính sách tuyển sinh và phương pháp đánh giá trong việc lựa chọn sinh viên được công khai tới các bên liên quan, đảm bảo tính công bằng và minh bạch; Các hoạt động hỗ trợ người học được thực hiện một cách tương đối toàn diện, giúp sinh viên có động cơ học tập lành mạnh, thiết thực; Cơ sở vật chất, điều kiện học tập cho sinh viên trong những năm gần đây đã được Nhà trường và Khoa quan tâm nâng cấp, cải thiện để người học có môi trường học tập, và nghiên cứu khoa học tốt nhất trong điều kiện có thể (*Tiêu chuẩn 8*).

- Nhà trường được thành lập từ rất sớm, được thừa hưởng những khuôn viên rộng rãi. Qua nhiều năm phát triển, hệ thống phòng học, cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp (*Tiêu chuẩn 9*).

- Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi tốt từ các bên liên quan, Có quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo với các bước thực hiện chặt chẽ, đúng những quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN trên cơ sở những ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học được rà soát và đánh giá thường xuyên, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học nâng cao chất lượng chuyên môn giảng viên. Ngoài ra, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá và cải

tiến một cách có hệ thống. Những điều này góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng chuẩn đầu ra (*Tiêu chuẩn 10*).

- Sinh viên ngành Sinh học có tỷ lệ tốt nghiệp và đúng thời hạn khá cao mặc dù tỷ lệ thôi học còn lớn nhưng đã có xu hướng giảm trong 5 năm gần đây. Trong quá trình học tập, sinh được được trang bị kiến thức và các kỹ năng cơ bản đồng thời được tạo điều kiện NCKH theo đúng triết lí và tầm nhìn của trường đại học định hướng nghiên cứu. Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên và các bên liên quan khác đánh giá tích cực về CTĐT của Khoa (*Tiêu chuẩn 11*).

## **2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT**

- Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Sinh học mới chỉ được góp ý kiến bởi số lượng ít nhà tuyển dụng và cơ quan quản lý đào tạo. Vì vậy, trong những năm tiếp theo, việc lấy ý kiến của các bên liên quan đối với CDR của CTĐT cần được thực hiện một cách hệ thống và với số lượng lớn hơn (*Tiêu chuẩn 1*).

- Bản đề cương đã được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau tuy nhiên chưa được mở rộng việc giới thiệu ở quy mô lớn hơn (đến các tỉnh thành khác trên toàn quốc) (*Tiêu chuẩn 2*).

- Một số học phần nên có thêm phần thực hành, hoặc tăng số tín chỉ để đạt được các CDR rõ ràng nhất. Quá trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thực sự được liên tục để cải tiến điều chỉnh kịp thời chương trình dạy học (*Tiêu chuẩn 3*).

- Vẫn còn một số sinh viên chưa thật sự chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Số sinh viên năm thứ 4 học học phần KLTN chưa đạt tỷ lệ 100% do một số sinh viên thay đổi định hướng nghề nghiệp của bản thân, một số PTN của Khoa chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu của SV (*Tiêu chuẩn 4*).

- Việc đánh giá, theo dõi kết quả học tập, phản hồi kết quả học tập, khiếu nại kết quả học tập của sinh viên còn thực hiện manh mún, chưa có một hệ thống quản lý trực tuyến chung thuận lợi cho việc đánh giá, phản hồi kết quả đánh giá cũng như việc khiếu nại và trả lời kết quả khiếu nại (*Tiêu chuẩn 5*).

- Mặc dù đội ngũ GV&NCV có tính hội nhập quốc tế cao hơn nhưng số lượng cán bộ đầu ngành có sự giảm so với trước đây. Nguồn kinh phí được sử dụng cho việc thu hút đội ngũ nhân lực xuất sắc và tiềm năng, cũng như việc đào tạo bồi dưỡng cần được bổ sung. Khả năng công bố quốc tế của một số GV&NCV còn chưa cao, chưa chủ động (*Tiêu chuẩn 6*).

- Trong quá trình xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt là phát triển đội ngũ chuyên viên văn phòng còn gặp không ít khó khăn trong vì chỉ tiêu biên chế có hạn. Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên cần được tạo điều kiện tham gia tích cực hơn trong các hội thảo, tập huấn cũng như có kế hoạch hướng đến phục vụ số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng tăng (*Tiêu chuẩn 7*).

- Một số cơ sở vật chất của Nhà trường đã cũ, có dấu hiệu xuống cấp, việc ứng dụng công nghệ thông tin của Trường còn chưa thực sự hiệu quả (*Tiêu chuẩn 8*)

- Diện tích đất của trường ĐHKHTN không mở rộng được nữa trong khi dự án xây dựng tại Hòa Lạc của ĐHQGHN vẫn chưa hoàn thành. Do vậy, việc mở rộng đào tạo gặp khó khăn (*Tiêu chuẩn 9*).

- Những thông tin phản hồi được lưu giữ chưa hợp lý, chưa được xử lý triệt để và chưa có hệ thống thống nhất giữa Khoa và Trường. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo chưa đầy đủ, kinh phí hỗ trợ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa cao (*Tiêu chuẩn 10*).

- Vẫn còn tình trạng người học chưa có việc làm sau khi đã tốt nghiệp 1 năm (*Tiêu chuẩn 11*).

### 3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

- Chủ động, sẵn sàng trong các bước chuẩn bị cho quá trình điều chỉnh CDR của CTĐT phù hợp để bắt kịp với nhu cầu phát triển hiện nay của xã hội (*Tiêu chuẩn 1*).

- Mở rộng thêm quy mô trên toàn quốc giúp cho người quan tâm dễ dàng tiếp cận; Duy trì các phương thức công bố chương trình đào tạo, nâng cấp quy mô để người quan tâm tiếp cận được nhiều nhất (*Tiêu chuẩn 2*).

- Trong năm học tiếp theo, Khoa Sinh học sẽ có kế hoạch kết hợp với các đơn vị chức năng trong nhà trường để lấy ý kiến phản hồi sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về nội dung dạy học, CDR một cách thường xuyên hơn để bổ sung cập nhật chương trình đào tạo định kỳ hợp lý (*Tiêu chuẩn 3*).

- Bộ phận đào tạo Khoa, trợ lý và các cố vấn học tập & giáo viên chủ nhiệm có nhiều hình thức hơn trong định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Trường đầu tư thêm cơ sở vật chất cho các PTN giúp tăng cường điều kiện nghiên cứu cho sinh viên. Khoa Sinh học tiếp tục phối hợp với các đơn vị ngoài trường như Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh thái & Tài nguyên sinh vật, Viện Vi sinh vật, Học viện Quân y, ... trong công tác đào tạo bậc cử nhân, giúp cho sinh viên có cơ hội được học tập và nghiên cứu ở các cơ sở ngoài trường (*Tiêu chuẩn 4*).

- Trong thời gian tiếp theo, Khoa Sinh học sẽ phối hợp với Trường ĐHKHTN để triển khai hệ thống nhập điểm trực tuyến, cho phép giảng viên nhập kết quả đánh giá vào hệ thống và phản hồi riêng rẽ cho từng sinh viên (*Tiêu chuẩn 5*).

- Từ năm học 2020-2021, ĐHQGHN đã ban hành quy chế về chế độ làm việc của GV&NCV trong đó đã quy định về định mức các công bố phải thực hiện và cách quy đổi giờ NCKH, qua đó có các quy định để khen thưởng và đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của từng GV&NCV. Bên cạnh đó, Trường ĐHKHTN và Khoa Sinh học cũng cần có những cơ chế khuyến khích, động viên



và khen thưởng tới các giảng viên đặc biệt xuất sắc. Đồng thời hỗ trợ những GV&NCV trẻ thực hiện các công tác NCKH như tăng cường kinh phí cho NCKH. Tiến hành xây dựng các nhóm nghiên cứu tiềm năng định hướng xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và đủ tiềm lực để xây dựng các PTN trọng điểm cấp ĐHQGHN (*Tiêu chuẩn 6*).

Các năm học tới tiến hành phân bổ rõ chỉ tiêu cho từng đối tượng để tránh việc nhiều GV, NCV và nhân viên có thành tích trong công việc xuất sắc nhưng chưa được khen thưởng kịp thời (*Tiêu chuẩn 7*).

- Đề xuất với Nhà trường trong việc đồng bộ nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo: phòng chờ cho sinh viên, khu vực dành cho sinh viên sinh hoạt ngoại khóa mạng internet... (*Tiêu chuẩn 8*).

- Trường ĐHKHTN và khoa Sinh học đã và đang tận dụng tối đa cơ sở vật chất sẵn có, sắp xếp lịch học để tối ưu việc sử dụng hệ thống phòng học và làm việc (*Tiêu chuẩn 9*).

- Khoa Sinh học tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, nghiên cứu viên và người học. Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, Tìm kiếm các nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu để những đề tài không những có ý nghĩa và có thể áp dụng trong thực tiễn, qua đó nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học (*Tiêu chuẩn 10*).

- Qua quá trình xác lập, giám sát và đối sánh nhiều kết quả đầu ra của CTĐT, Khoa Sinh sẽ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo, phát triển CTĐT của ngành Sinh học nhằm khắc phục những hạn chế trên (*Tiêu chuẩn 11*).

#### 4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

##### Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Mã: .....

Tên CTĐT: Chương trình Đào tạo Cử nhân Ngành Sinh học

Mã CTĐT: .....

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					

<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>											
Tiêu chí 4.1					5						
Tiêu chí 4.2					5				5	3	100%
Tiêu chí 4.3					5						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>											
Tiêu chí 5.1					5						
Tiêu chí 5.5					5						
Tiêu chí 5.3					5				4,8	5	100%
Tiêu chí 5.4					5						
Tiêu chí 5.5				4							
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>											
Tiêu chí 6.1						6					
Tiêu chí 6.2						6					
Tiêu chí 6.3						6					
Tiêu chí 6.4						6			6,0	7	100%
Tiêu chí 6.5						6					
Tiêu chí 6.6						6					
Tiêu chí 6.7						6					
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>											
Tiêu chí 7.1						6			5,0	5	100%
Tiêu chí 7.2					5						

Tiêu chí 7.3				5						
Tiêu chí 7.4			4							
Tiêu chí 7.5				5						
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>										
Tiêu chí 8.1				5				5,2	5	100%
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				6						
Tiêu chí 8.5				5						
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>										
Tiêu chí 9.1			4							
Tiêu chí 9.2					6					
Tiêu chí 9.3				5						
Tiêu chí 9.4				5						
Tiêu chí 9.5					6					
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>								5,5	6	100%
Tiêu chí 10.1				5						
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3					6					
Tiêu chí 10.4					6					
Tiêu chí 10.5					6					

Tiêu chí 10.6					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>										
Tiêu chí 11.1					5			5,0	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>5,15</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

*Ghi chú:* Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2022*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**  
 (theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,  
 Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Mã: .....

Tên CTĐT: Chương trình Đào tạo Cử nhân Ngành Sinh học

Mã CTĐT: .....

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>			3	100%
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>			3	100%
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>			3	100%
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>			3	100%
Tiêu chí 4.1	Đ			

Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>			5	100%
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>				
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ		5	100%
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>				
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			

Tiêu chí 7.5	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>				
Tiêu chí 8.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>				
Tiêu chí 9.1	Đ		5	100%
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>				
Tiêu chí 10.1	Đ		6	100%
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>			5	100%



Tiêu chí 11.1	Đ			
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>			<b>50</b>	<b>100</b>

*Ghi chú:*

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2022*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2022*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC A. CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/6/2021

##### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiếng Anh: VNU University of Science

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHKHTN

Tiếng Anh: VNU-HUS

3. Tên trước đây (nếu có):

Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (Quyết định 2183/TC ngày 04/6/1956 của Chính phủ)

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Quốc Gia Hà Nội

5. Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Họ và tên: PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên

Chức vụ: Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng

Địa chỉ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Email: nguyenthahoanglien@hus.edu.vn Số điện thoại: 0936234533

Website: <http://hus.vnu.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập):

- Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (Quyết định 2183/TC ngày 04/6/1956 của Chính phủ)

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN (Nghị định 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

##### **II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Sinh học

Tiếng Anh: Faculty of Biology

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sinh học

Tiếng Anh: Bachelor of Biology

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: .....

Tiếng Anh: .....

15. Mã CTĐT:.....

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: 0438484734; Email: vpkhoasinh@gmail.com  
Website: bio.hus.edu.vn

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1956

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1956

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1960

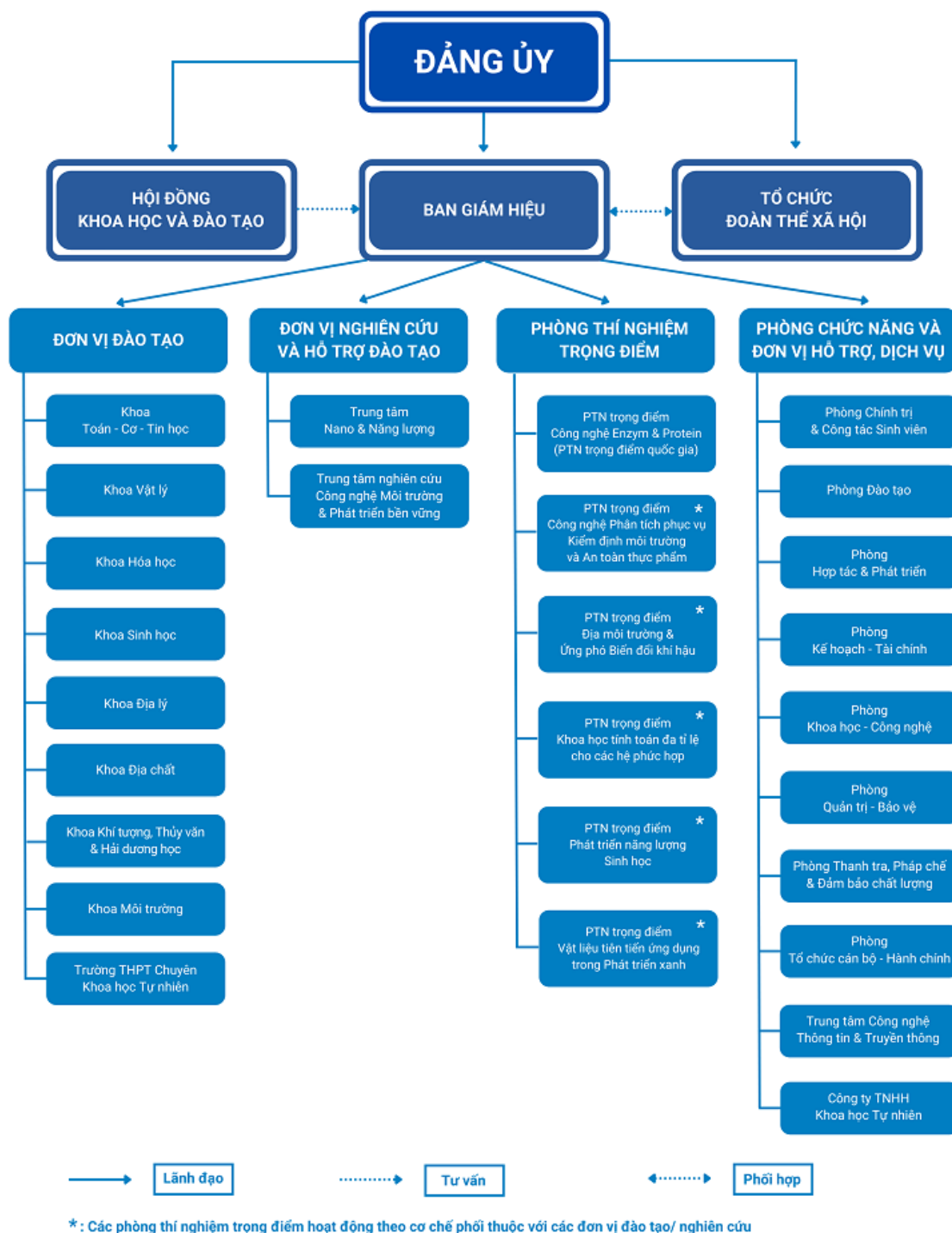
### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

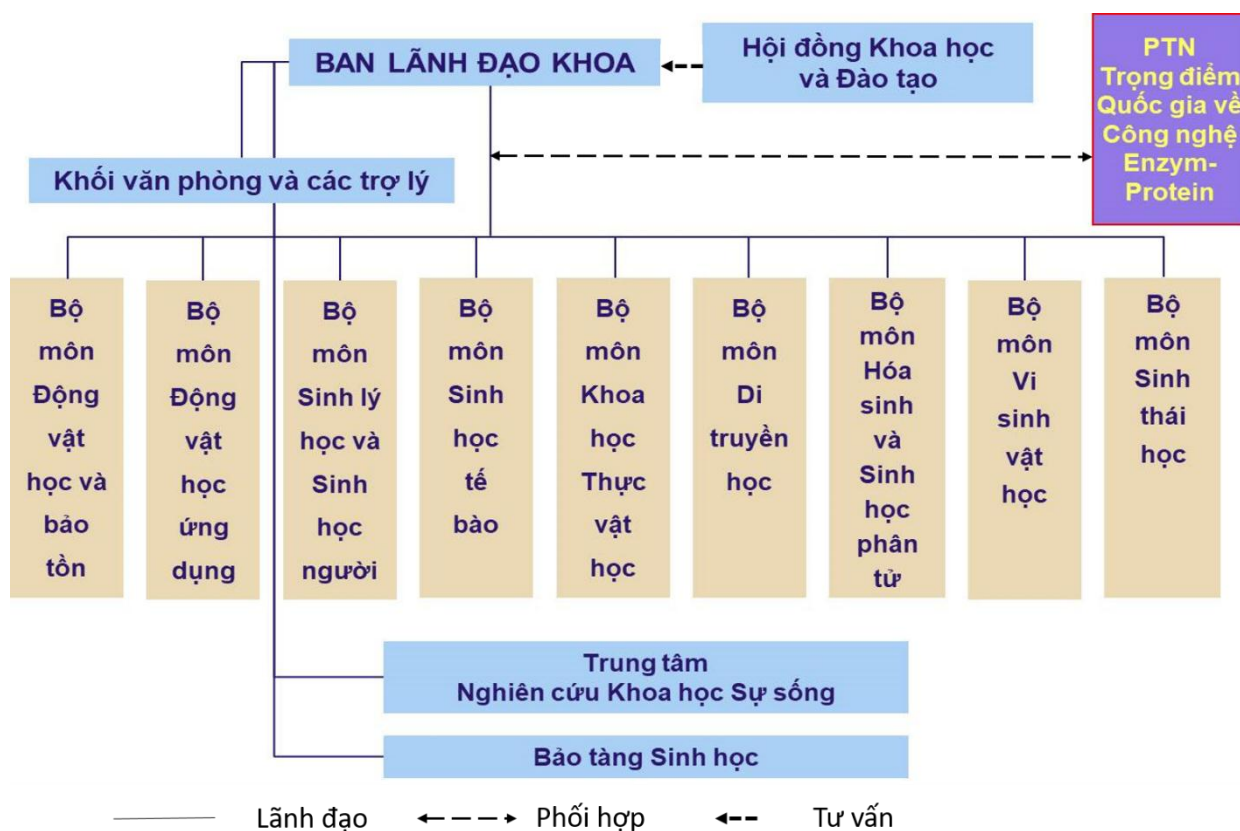
Thành lập năm 1956, Khoa Sinh học là một trong số các Khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Qua hơn 65 năm phát triển, Khoa Sinh học đã trở thành một trong các trung tâm hàng đầu cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học đến thạc sĩ, tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau của ngành Sinh học và Công nghệ Sinh học. Hiện nay Khoa Sinh học có một đội ngũ nhân sự mạnh gồm 71 cán bộ, viên chức, trong đó hơn 80% là giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ. Từ khi mới thành lập chỉ có 2 bộ môn, hiện nay Khoa đã có 9 bộ môn, 1 Trung tâm nghiên cứu Khoa học sự sống và 1 Bảo tàng Sinh vật với bộ sưu tập hơn 100.000 mẫu thực vật và động vật lâu đời nhất, đa dạng nhất và quý hiếm nhất trong cả nước. Khoa còn được Nhà nước đầu tư Phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về Công nghệ Enzyme và Protein. Khoa Sinh học được xã hội đánh giá cao không chỉ về khoa học cơ bản mà còn cả về nghiên cứu ứng dụng và quy trình công nghệ.

Khoa Sinh học đã đạt được nhiều thành tựu về giáo dục và đào tạo trong nhiều năm qua. Hàng năm, Khoa Sinh học cung cấp cho xã hội khoảng 150 cử nhân khoa học sự sống thuộc hai ngành Sinh học và Công nghệ sinh học hệ chính quy, trong đó có khoảng 15 cử nhân thuộc hệ đào tạo Cử nhân khoa học tài năng, với các hướng chuyên ngành: Hoá sinh học, Vi sinh vật và công nghệ lên men, Di truyền học và kỹ thuật di truyền, Sinh học Tế bào và nuôi cấy mô tế bào động vật, Sinh lý thực vật và nuôi cấy mô tế bào thực vật, Lý sinh học, Sinh học người, Sinh lý học, Sinh y học, Thực vật học, Động vật học, Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học, Sinh thái học, Sinh học môi trường. Với quá trình lịch sử lâu dài về đào tạo chất lượng cao, từ năm 2009, Khoa Sinh học đã xây dựng một chương trình đào tạo dựa theo chương trình đào tạo của Đại học Tufts, Hoa Kỳ. Khoa cũng chú trọng đặc biệt đến giáo dục sau đại học và kết quả là số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh tăng lên hàng năm. Hiện tại, Khoa Sinh học đang đào tạo 8 chuyên ngành Cao học và 13 chuyên ngành Tiến sĩ.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên



Hình 2. Sơ đồ tổ chức Khoa Sinh học

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>					
1	Hiệu trưởng	Vũ Hoàng Linh	1968	PGS. TSKH.	0913062989	vhlinh.vnu@gmail.com
...	Phó Hiệu trưởng	Lê Thanh	1970	GS. TS.	0903236282	sonlt@vnu.edu.vn

		Sơn				
	Phó Hiệu trưởng	Trần Quốc Bình	1969	PGS. TS.	0912856926	tranquocbinh@hus.edu.vn
	Phó Hiệu trưởng	Ngạc An Bang	1971	PGS. TS.	0912445352	ngacانبang@hus.edu.vn
	<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng Khoa	Nguyễn Quang Huy	16/03/1974	PGS. TS.	0904263388	nguyenquanghuy@vnu.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Văn Vịnh	27/4/1966	PGS. TS.	0904277958	vinhnv@hus.edu.vn
3	Phó Trưởng khoa	Phạm Thế Hải	10/8/1979	PGS. TS.	0943318978	phamthehai@vnu.edu.vn
4	Phó Trưởng khoa	Nguyễn Thành Nam	14/07/1983	PGS. TS.	0989171907	nguyenthanhnam@hus.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư Chi bộ	Nguyễn Quang Huy	16/03/1974	PGS. TS.	0904263388	nguyenquanghuy@vnu.edu.vn
2.	Chủ tịch Công đoàn	Lê Quỳnh Mai	01/12/1980	TS.	0947485588	Lequynhmai80@gmail.com
3.	Bí thư ĐTN	Trần Trung Thành	23/6/1990	TS.	0972077939	thanhtran@hus.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.						

IV.	Các bộ môn					
1.	Bộ môn Động vật học ứng dụng	Trần Anh Đức	4/10/1979	PGS. TS.	0904565918	tran.anhduc@hus.edu.vn
2	Bộ môn Sinh thái học	Đoàn Hương Mai	19/10/1975	PGS. TS.	0903668003	doanhuongmai@hus.edu.vn
3	Bộ môn Động vật học và Bảo tồn	Nguyễn Thành Nam	14/07/1983	PGS. TS.	0989171907	nguyenthanhnam@hus.edu.vn
4	Bộ môn Sinh học tế bào	Hoàng Thị Mỹ Nhung	22/01/1978	PGS. TS.	0947440249	hoangthimynhung@hus.edu.vn
5	Bộ môn Hóa sinh và Sinh học phân tử	Nguyễn Đình Thắng	7/9/1978	PGS. TS.	0778214176	ndthang@hus.edu.vn
6	Bộ môn Sinh lý học và Sinh học người	Tô Thanh Thuý	31/08/1971	TS.	0988738016	tothanhthuy@hus.edu.vn
7	Bộ môn Vi sinh vật học	Trần Văn Tuấn	2/1/1978	PGS. TS.		tuantran@vnu.edu.vn
8	Bộ môn Di truyền học	Nguyễn Thị Hồng Vân	9/8/1975	PGS. TS.		nguyenthihongvan@hus.edu.vn
9	Bộ môn Khoa học Thực vật	Đỗ Thị Xuyên	27/9/1974	TS.	0979755897	dothixuyen@hus.edu.vn

*(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)*

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 07

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 08

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không



(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): .....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 17

#### IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>	23	38	<b>61</b>
I.1	Đội ngũ trong biên chế	9	9	<b>18</b>
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	14	27	<b>43</b>
II	<b>Các đối tượng khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	5	0	<b>5</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>28</b>	<b>38</b>	<b>66</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

### 34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	18	13	2	1	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	35	6	27	2	0	0
5	Thạc sĩ	9	0	9	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>63</b>	<b>20</b>	<b>38</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 58 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 95% (58/61)

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đổi với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	1	0	0	0	0	5
2	Phó Giáo sư	3,0	18	13	2	1	2	0	47.1
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	35	6	27	2	0	0	67.2
5	Thạc sĩ	1	9	0	9	0	0	0	9
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	
<b>Tổng</b>			<b>63</b>	<b>20</b>	<b>38</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		<b>128.3</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1.72	1						1
2	Phó Giáo sư	15	25.86	9	6	0	0	9	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	33	56.90	13	20	0	14	17	2	0
5	Thạc sĩ	9	15.52	1	8	0	4	5	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>58</b>	<b>100</b>	<b>24</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>31</b>	<b>7</b>	<b>2</b>

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44.8 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 84.5%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	2/58	32
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	12/58	15
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	34/58	10
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	9/58	1
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1	
<b>Tổng</b>		100	100

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018	518	139	1/3,73	111	18.00	-	0
2018-2019	549	133	1/4,13	101	18.70	-	0
2019-2020	586	126	1/4,65	91	20.00	-	0
2020-2021	489	126	1/3,88	101	23.10	-	0
2021-2022	475	141	1/3,37	94	24.20	-	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học	93	81	76	84	88
Trong đó:					
Hệ chính quy	93	81	76	84	88
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	16593	16593	16593	16593	16593
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1780	2105	1690	2150	1970
3. Người học được ở trong ký túc xá (người) – của CTĐT	85	107	99	91	61
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	8.94	8.94	8.94	8.94	8.94

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	71	61	60	69	75
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	76.3	75.3	78.9	82.1	86

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	34	44	42	47	Chưa tốt nghiệp
Trong đó:					
Hệ chính quy	34	44	42	47	
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

#### 44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	34	44	42	47	Chưa tn
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	82.93	75.86	67.75	50.53	-
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	83.33	84.7	70.3	92.68	Chưa khảo sát
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	9	15	12	11	7	108
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	11	19	13	13	4	60
3	Đề tài cấp trường	0,5	6	7	4	6	4	13,5
	Tổng		26	41	29	30	15	

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 181,5 (tổng 5 năm gần nhất)

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 2.8 (trong 5 năm gần nhất)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:



TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	19240.94	19240.94/1377.565	19240.94/72=267
2	2018	20030.69	20030.69/2008.545	20030.69/72=278
3	2019	11304.5	11304.5/1954.360	11304.5/72=157
4	2020	13599.07	13599.07/1762.800	13599.07/72=189
5	2021	20958.66	20958.66/1176.800	20958.66/72=291

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	50 - 60	60-70	27-54	
Từ 4 đến 6 đề tài	1-3	2-5	0	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	0	0	2	4	14
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	0	0	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	1	2	0	3
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		2	0	1	4	4	

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 18.5 (trong 5 năm gần nhất)

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.3 (trong 5 năm gần nhất)

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	6	1	3	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	1	3	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	18	38	36	27	46	247,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	50	31	24	31	57	193,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	
	<b>Tổng</b>		<b>68</b>	<b>69</b>	<b>70</b>	<b>58</b>	<b>103</b>	<b>440,5</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 440,5 (trong 5 năm gần nhất)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7.2 (trong 5 năm gần nhất)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	30	60-70	0
Từ 6 đến 10 bài báo	5-10	15-20	0
Từ 11 đến 15 bài báo	3-5	2-5	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia			

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện

CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	8	0	0	9	18
2	Hội thảo trong nước	0,5	9	31	24	15	24	51,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	2	1	1	1	1,5
	<b>Tổng</b>							<b>71,0</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 71 (trong 5 năm gần nhất)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.2 (trong 5 năm gần nhất)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10-15	30-50	20
Từ 6 đến 10 báo cáo	3-7	5-10	
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 21449/QĐ-SHTT ngày 07/4/2017, Số đơn 2- 2017-00073
2018-2019	- QĐ cấp bằng số 24222/SHTT-SC ngày 27/4/2019 - QĐ chấp nhận đơn hợp lệ số 41146/QĐ-SHTT ngày 14/6/2018, Số đơn 2- 2018-00170 - Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số: 45717/QĐ-SHTT ngày 10/6/2019 - Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số: 4760/QĐ-SHTT ngày /7/2019 - Đã được cấp bằng ngày 19/08/2019, số 69689/SHTT
2019-2020	- Đã được cấp bằng độc quyền GPHI số 2634 năm 2021

<b>Năm học</b>	<b>Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)</b>
2020-2021	- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 12271w/QĐ-SHTT, 2-2021-00263 - 17812w/QĐ-SHTT, 1-2021-06344 - Bằng GPHI 2692, số đơn 2-2019, 00149 - 5609w/QĐ-SHTT, 2-2021-00082
2021-2022	- Chấp nhận đơn hợp lệ, số 2-2021-00259 02 Chấp nhận đơn hợp lệ, hỏi Đồ Minh Hà có

## 55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

<b>Số lượng đề tài</b>	<b>Số lượng người học tham gia</b>			<b>Ghi chú</b>
	<b>Đề tài cấp NN</b>	<b>Đề tài cấp Bộ*</b>	<b>Đề tài cấp trường</b>	
Từ 1 đến 3 đề tài	20-50	25-70	5-10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

<b>TT</b>	<b>Thành tích nghiên cứu khoa học</b>	<b>Số lượng</b>				
		<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa, 3 giải cấp trường	3 giải nhất cấp Khoa, 3 giải nhì cấp Khoa, 9 giải 3 cấp Khoa; 3 giải cấp trường (2 nhất, 1 nhì)
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	01 sản phẩm ứng dụng	5 bài báo trong nước	1 bài báo quốc tế, 4 bài báo trong nước	2 bài quốc tế, 3 bài trong nước	1 bài quốc tế, 5 bài trong nước

## **VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 27.440

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>):  
27.440

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>): 42.397,99

Nơi làm việc: 33.432,99 Nơi học: 7.555 Nơi vui chơi giải trí: 1.410

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 7.505

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3.71 người/m<sup>2</sup>

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện:

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):  
324

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: .....

- Dùng cho người học học tập: .....

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: .....

## **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 61

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 61/71

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 85.3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 329

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 5.4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 50.53

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): .....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): .....

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): .....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): .....

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): .....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): .....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): .....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 181.5

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 291

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.3

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7.2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.2

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: .....

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: .....

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy .....:.....

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

# PHỤ LỤC B. CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1106/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH** **Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá** **Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sinh học**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 2068/QĐ-KHTN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên;*

*Căn cứ công văn số 822/ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về đăng ký kế hoạch đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Theo đề nghị của Trường Khoa Sinh học và Trường Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sinh học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sinh học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Trưởng Khoa Sinh học, Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông (Bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)



**HIỆU TRƯỞNG**

Ký bởi: TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC KHOA  
HỌC TỰ NHIÊN  
Email:  
hus@hus.edu.vn  
Cơ quan: ĐẠI HỌC  
QUỐC GIA HÀ

**PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh**



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH SINH HỌC**  
(Kèm theo Quyết định số 1106/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1.	PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng, Ủy viên thư ký Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
3.	PGS.TS. Nguyễn Quang Huy	Trưởng Khoa Sinh học, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thư ký
5.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên
7.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng Phòng Đào tạo, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
9.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
10.	TS. Trương Thanh Tú	Trưởng Phòng Hợp tác và Phát triển	Thành viên
11.	ThS. Trần Tùng	Trưởng Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên
12.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
13.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
14.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh	Phó Trưởng Khoa Sinh học	Thành viên
15.	TS. Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng Khoa kiêm Trưởng Bộ môn Động vật học và Bảo tồn, Khoa Sinh học	Thành viên
16.	PGS.TS. Phạm Thế Hải	Phó Trưởng Khoa Sinh học, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
17.	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng Bộ môn Di truyền, Khoa Sinh học	Thành viên

18.	PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng	Trưởng Bộ môn Hóa sinh và Sinh học phân tử, Khoa Sinh học	Thành viên
19.	Lưu Tùng Dương	Sinh viên K64 (Khóa QHT.CQ.2019), Khoa Sinh học	Thành viên

*(Danh sách gồm có 19 người).*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

*(Kèm theo Quyết định số 1106 /QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban
2.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	ThS. Đinh Thị Hương	Chuyên viên chính, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	ThS. Bùi Minh Đức	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5.	ThS. Vũ Hải Uyên	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	TS. Lê Thị Hồng Nhung	Cán bộ giảng dạy Khoa Sinh học	Thành viên

*(Danh sách gồm có 06 người)*

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
(Kèm theo Quyết định số 1106 /QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 1, 2</b>		
1.	TS. Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng khoa kiêm Trưởng Bộ môn, Bộ môn Động vật học và Bảo tồn, Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
3.	PGS.TS. Hoàng Thị Mỹ Nhung	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Sinh học tế bào, Khoa Sinh học	Thành viên
4.	TS. Nguyễn Kim Nữ Thảo	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
5.	TS. Nguyễn Thị Bích	Nghiên cứu viên, Khoa Sinh học	Thành viên
<b>Nhóm 2</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 3, 4</b>		
6.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh	Phó Trưởng khoa, Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
7.	PGS. TS. Trần Anh Đức	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Động vật học ứng dụng, Khoa Sinh học	Thành viên
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
9.	TS. Nguyễn Thị Kim Thanh	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
10.	TS. Mai Đàm Linh	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
11.	TS. Phạm Trọng Khả	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
12.	CN. Trịnh Thu Hiền	Chuyên viên, Khoa Sinh học	Thành viên
<b>Nhóm 3</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 5 và 8</b>		
13.	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Di truyền, Khoa Sinh học	Trưởng nhóm

14.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên
15.	TS. Trương Thanh Tú	Trưởng phòng, Phòng Hợp tác và Phát triển	Thành viên
16.	TS. Tô Thanh Thúy	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Sinh lý và Sinh học người, Khoa Sinh học	Thành viên
17.	PGS.TS. Lê Thu Hà	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
18.	ThS. Nguyễn Lan Phương	Nghiên cứu viên, Khoa Sinh học	Thành viên
19.	Lưu Tùng Dương	Sinh viên K64 (Khóa QHT.CQ.2019), Khoa Sinh học	
<b>Nhóm 4</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 6 và 7</b>		
20.	PGS.TS. Nguyễn Quang Huy	Trưởng khoa, Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
21.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính	Thành viên
22.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Vi sinh, Khoa Sinh học	Thành viên
23.	TS. Đỗ Thị Xuyên	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Khoa học thực vật, Khoa Sinh học	Thành viên
24.	TS. Trần Đức Long	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
25.	ThS. Trần Thùy Anh	Nghiên cứu viên, Khoa Sinh học	Thành viên
26.	ThS. Nguyễn Thị Hải	Chuyên viên, Khoa Sinh học	Thành viên
<b>Nhóm 5</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 9 và 10</b>		
27.	PGS.TS. Phạm Thế Hải	Phó Trưởng khoa, Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
28.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng phòng, Phòng Khoa học - Công nghệ	Thành viên
29.	ThS. Trần Tùng	Trưởng phòng, Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên

30.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
31.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
32.	PGS.TS. Đoàn Hương Mai	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Sinh thái học, Khoa Sinh học	Thành viên
33.	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên
34.	TS. Bùi Thị Hoa	Nghiên cứu viên, Khoa Sinh học	Thành viên
<b>Nhóm 6</b>	<b>Thực hiện tiêu chuẩn 11</b>		
35.	PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Hóa sinh và Sinh học phân tử, Khoa Sinh học	Nhóm trưởng
36.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
37.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
38.	TS. Trần Trung Thành	Giảng viên, Khoa Sinh học	Thành viên

*(Danh sách gồm có 38 người)*

Số: 1343 /KH-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2022

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH SINH HỌC THEO  
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

**II. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

**III. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH,

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng,

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo,

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

**IV. Hội đồng tự đánh giá**

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Sinh học được thành lập theo Quyết

định số 1106/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hội đồng gồm có 19 thành viên (có danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1106/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (có danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

Tư vấn và giúp Hội đồng tự đánh giá triển khai các công việc theo kế hoạch tự đánh giá.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1 (TS. Nguyễn Thành Nam - Trưởng nhóm)	Tháng 4 - 7/2022	
2.	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Nhóm 1 (TS. Nguyễn Thành Nam - Trưởng nhóm)		
3.	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 2 (PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh - Trưởng nhóm)		
4.	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 2 (PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh - Trưởng nhóm)		
5.	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 3 (PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân - Trưởng nhóm)		
6.	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 4 (PGS.TS. Nguyễn Quang Huy - Trưởng nhóm)		
7.	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 4 (PGS.TS. Nguyễn Quang Huy - Trưởng nhóm)		
8.	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 3 (PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân - Trưởng nhóm)		
9.	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và	Nhóm 5 (PGS.TS.		



	trang thiết bị	Phạm Thế Hải - Trưởng nhóm)		
10.	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 5 (PGS.TS. Phạm Thế Hải - Trưởng nhóm)		
11.	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 6 (PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng - Trưởng nhóm)		

#### V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: từ ngày 04 tháng 5 năm 2022 đến ngày 06 ngày 5 năm 2022

2. Thành phần:

- Hội đồng tự đánh giá,
- Ban thư ký,
- Các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá; hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng; chia sẻ kinh nghiệm KĐCL CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Thu thập minh chứng và viết báo cáo TĐG theo sự phân công	<p>* Về nhân lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm công tác thu thập minh chứng từ các đơn vị trong và ngoài Trường ĐHKHTN và viết báo cáo TĐG.</li> <li>- Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHKHTN cung cấp minh chứng liên quan cấp Trường.</li> <li>- Các đơn vị thuộc ĐHQGHN cung cấp minh chứng liên quan cấp ĐHQGHN.</li> </ul> <p>* Về Cơ sở vật chất:</p> <p>Tận dụng cơ sở vật chất sẵn</p>	Tháng 4 - 7/2022	

			<p>có của Nhà trường trong trường hợp cần thiết các đơn vị có thể bổ sung thêm để đảm bảo đủ phục vụ công tác.</p> <p>* Về tài chính:</p> <p>Kinh phí dành cho các hoạt động này được lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường ĐHKHTN</p>		
2	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của chuyên gia và theo kết quả rà soát báo cáo của TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Các nhóm công tác tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT	Tháng 9/2022	

**VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Các đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ phối hợp cung cấp các thông tin, minh chứng cần thu thập để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Các đơn vị ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ cung cấp thông tin, minh chứng để thực hiện đối sánh chất lượng.

**VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG**

Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN cử chuyên gia tư vấn, hỗ trợ các CTĐT:

1. Tập huấn tự đánh giá, viết Báo cáo TĐG và thu thập thông tin minh chứng; chia sẻ kinh nghiệm KĐCL CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT: 2 chuyên gia x 3 ngày

2. Góp ý Báo cáo tự TĐG: 2 chuyên gia

Kinh phí bồi dưỡng lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

**IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.

Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

#### X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện
12-28/4/2022	- Thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và xây dựng kế hoạch TĐG CTĐT.	Hội đồng TĐG CTĐT
12-29/4/2022	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan.	Khoa Sinh học
04-06/5/2022	Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.	Viện ĐBCLGD (ĐHQGHN), Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng (Trường ĐHKHTN)
28/4 - 24/6/2022	1. Các nhóm công tác chuyên trách: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).	Các nhóm công tác chuyên trách
	Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.	Khoa Sinh học
25/6 - 03/7/2022	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần) về các thông tin và minh	Hội đồng TĐG CTĐT

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>
	<p>chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung.</li> </ul>	
	Xin ý kiến góp ý của các chuyên gia KĐCL.	Ban thư ký
	Xin ý kiến góp ý của các bộ môn về báo cáo TĐG.	Khoa Sinh học
04-10/7/2022	Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ...) trong Trường và Khoa Sinh học.	Khoa Sinh học
11-17/7/2022	Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo Khoa Sinh học và Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN để xem xét.	Hội đồng TĐG CTĐT
	Hoàn thiện báo cáo TĐG.	Khoa Sinh học
18-22/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi báo cáo TĐG và công văn cho Đại học Quốc gia Hà Nội, Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT</li> <li>- Gửi công văn đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị thẩm định báo cáo TĐG</li> </ul>	Ban thư ký
8/2022	Thẩm định báo cáo TĐG	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)
05-19/9/2022	Chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của chuyên gia	Các nhóm công tác chuyên trách
	Gửi lại báo cáo TĐG cho TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Ban thư ký
20-23/9/2022	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM) rà soát báo cáo TĐG và gửi lại kết quả cho Trường	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)
24-28/9/2022	Tiếp tục chỉnh sửa theo kết quả rà soát báo cáo của TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Các nhóm công tác chuyên trách
	Gửi báo cáo hoàn chỉnh cho TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Ban thư ký
29-30/9/2022	Gửi báo cáo TĐG và công văn thông báo đã đăng ký đánh giá ngoài cho Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT	Ban thư ký

Thời gian	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện
	Lưu giữ báo cáo TĐG, các thông tin minh chứng	Khoa Sinh học, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng


**Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Hội đồng TĐG (đề th/h);
- Khoa Sinh học, các phòng chức năng, TT CNTT&TT (đề th/h);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Ký bởi: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA  
HỌC TỰ NHIÊN  
Ngày ký: 23-05-2022 15:22:13 +07:00

**PGS.TS. Trần Quốc Bình**

## PHỤ LỤC C. BẢNG DANH MỤC MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					
<b>Tiêu chí 1.1</b>	1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành CTĐT 2015		
	2	H1.01.01.02	Quyết định ban hành CTĐT 2019		
	3	H1.01.01.03	Quyết định ban hành CTĐT 2022		
	4	H1.01.01.04	Tầm nhìn, sứ mạng của ĐHQGHN		
	5	H1.01.01.05	Tầm nhìn, sứ mạng của ĐHKHTN		
	6	H1.01.01.06	Luật giáo dục đại học		
<b>Tiêu chí 1.2</b>	1	H1.01.02.01	Quyết định ban hành CTĐT 2019		
	2	H1.01.02.02	Trang web đăng về CTĐT trên trang web ĐHKHTN		
	3	H1.01.02.03	Trang web đăng về CTĐT trên trang web Khoa Sinh học		
	4	H1.01.02.04	Ma trận kỹ năng		
	5	H1.01.02.05	Bản mô tả/dề cương CTĐT		
	6	H1.01.02.06	Quyết định ban hành CTĐT 2022		
	7	H1.01.02.07	Quyết định ban hành CTĐT 2015		
<b>Tiêu chí 1.3</b>	1	H1.01.03.01	Quyết định ban hành CTĐT 2015		
	2	H1.01.03.02	Quyết định ban hành CTĐT 2019		
	3	H1.01.03.03	Quyết định ban hành CTĐT 2022		
	4	H1.01.03.04	Ý kiến người học về CĐR		
	5	H1.01.03.05	Ý kiến nhà tuyển dụng về CĐR		
	6	H1.01.03.06	Ý kiến cơ quan quản lý về CĐR		
	7	H1.01.03.07	Trang web đăng về CTĐT trên trang web Khoa Sinh học		
	8	H1.01.03.08	Tờ rơi quảng bá về CTĐT		
<b>Tiêu chí 2</b>					
<b>Tiêu chí 2.1</b>	1	H2.02.01.01	QĐ ban hành khung CTĐT 2022		
	2	H2.02.01.02	Kế hoạch điều chỉnh DC, CN CTĐT 2019		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
	3	H2.02.01.03	Mẫu phiếu nhận xét CTĐT của HĐ KH và ĐT, chưa có kết quả thu thập phiếu nhận xét của các bên liên quan		
	4	H2.02.01.04	Biên bản họp về điều chỉnh khung CT 2019		
	5	H2.02.01.05	Biên bản họp của HĐ KHĐT 2022		
	6	H2.02.01.06	QĐ ban hành khung CTĐT năm 2019		
	7	H2.02.01.07	QĐ ban hành khung CTĐT năm 2015 (thiếu chữ kí, dấu và phụ lục CTĐT đi kèm)		
<b>Tiêu chí 2.2</b>	1	H2.02.02.01	Đề cương chi tiết học phần năm 2022		
	2	H2.02.02.02	Đề cương chi tiết học phần năm 2019		
	3	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết học phần năm 2015		
	4	H2.02.02.04	Văn bản về chuẩn đầu ra		
	5	H2.02.02.05	Hướng dẫn quy định về đánh giá kiểm tra theo thang Bloom		
	6	H2.02.02.06	Khung CTĐT có bổ sung TLTK		
	7	H2.02.02.07	Văn bản họp bộ môn về việc kiểm định, xét duyệt thay đổi CTĐT		
	8	H2.02.02.08	Quyết định phê duyệt đề cương chi tiết học phần 2022		
<b>Tiêu chí 2.3</b>	1	H2.02.03.01	Quy trình CDIO		
	2	H2.02.03.02	Bản CTĐT để gửi đến các bên liên quan		
	3	H2.02.03.03	Trang web của Khoa		
	4	H2.02.03.04	Tờ rơi giới thiệu về CTĐT tại các đợt tư vấn, hội chợ việc làm...		
	5	H2.02.03.05	Văn bản gửi đến các bên liên quan để giới thiệu CTĐT		
	6	H2.02.03.06	Minh chứng về việc giới thiệu CTĐT tại buổi gặp gỡ SV đầu năm (hình ảnh, slide giới thiệu cho thấy SV đã nhận được CTĐT)		
	7	H2.02.03.07	Công văn về hướng dẫn làm KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (dẫn chứng cụ thể là các email đã được gửi đến SV)		
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					
<b>Tiêu chí 3.1</b>	1	H3.03.01.01	Khung chương trình Sinh học chuẩn 2019, 15, 21		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	2	H3.03.01.02	Đề cương chi tiết các học phần		
	3	H3.03.01.03	Ma trận chuẩn đầu ra		
	4	H3.03.01.04	Ví dụ minh họa bài thi, kiểm tra		
	5	H3.03.01.05	Hướng dẫn đánh giá khóa luận tốt nghiệp		
	6	H3.03.01.06	Các mẫu phiếu phân biện đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đánh giá của cán bộ hướng dẫn		
	7	H3.03.01.07	Minh họa Bản khóa luận của SV và hội đồng bảo vệ		
	8	H3.03.01.08	Ví dụ bài báo cáo thực hành		
	9	H3.03.01.09	Các hình thức giảng dạy đa dạng phù hợp trong từng hoàn cảnh		
	10	H3.03.01.10	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017-2021		
	11	H3.03.01.11	Các tài liệu, nguồn lực, cơ sở vật chất để phục vụ việc dạy học để đạt CDR		
<b>Tiêu chí 3.2</b>					
	1	H3.03.02.01	Đề cương các học phần chi tiết của CTĐT Sinh học		
	2	H3.03.02.02	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo đại học năm 2019 của trường ĐHKHTN & Chương trình đào tạo đại học ngành sinh học năm 2019, 2021		
	3	H3.03.02.03	Ma trận chuẩn đầu ra của CTĐT Sinh học		
	4	H3.03.02.04	Ví dụ minh họa bài thi, kiểm tra		
	5	H3.03.02.05	Ví dụ bài báo cáo thực hành		
	6	H3.03.02.06	Công văn của Khoa năm 2017 gửi các Bộ môn Vv Khảo sát ý kiến các bên liên quan, cho việc điều chỉnh, cập nhật các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học và phản hồi của các bên liên quan về CDR, CTĐT		
	7	H3.03.02.07	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc điều chỉnh khung chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sinh học (2015, 2019)		



<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
<b>Tiêu chí 3.3</b>					
	1	H3.03.03.01	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo đại học năm 2019 của trường ĐHKHTN & Chương trình đào tạo đại học ngành sinh học năm 2019, 2021		
	2	H3.03.03.02	Dự kiến kế hoạch và lịch trình giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sinh học năm 2019		
	3	H3.03.03.03	Thời khóa biểu các học kỳ chính các năm học gần đây		
	4	H3.03.03.04	Kế hoạch học kỳ hè		
	5	H3.03.03.05	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo đại học năm 2015 của trường ĐHKHTN & Chương trình đào tạo đại học ngành sinh học năm 2015, 19,21		
	6	H3.03.03.06	Công văn của Khoa năm 2017 gửi các Bộ môn Vv Khảo sát ý kiến các bên liên quan, cho việc điều chỉnh, cập nhật các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học và phản hồi của các bên liên quan về CDR, CTĐT		
	7	H3.03.03.07	Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc điều chỉnh khung chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ sinh học (2015, 2019)		
	8	H3.03.03.08	Biên bản họp bộ môn góp ý điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh học phần		
	9	H3.03.03.09	Thuyết minh so sánh khung 2015 và 2019, 2021		
	10	H3.03.03.10	Các ví dụ minh họa Bài giảng có nội dung cập nhật		
	11	H3.03.03.11	Đề cương chi tiết các học phần chương trình đào tạo ngành Sinh học năm 2015		
	12	H3.03.03.12	Đề cương chi tiết các học phần chương trình đào tạo ngành Sinh học năm 2019		
	13	H3.03.03.13	Danh sách một số Đề tài Khóa luận của sinh viên bám sát theo sự phát triển của công nghệ sinh học		
	14	H3.03.03.14	Chương trình đào tạo đại học ngành sinh học của đại học Tufts theo trên website tháng 6/2019 <a href="https://as.tufts.edu/biology/current-students/undergraduate-">https://as.tufts.edu/biology/current-students/undergraduate-</a>		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
			programs/bs-biology <a href="https://as.tufts.edu/biology/current-students/courses">https://as.tufts.edu/biology/current-students/courses</a>		
	15	H3.03.03.15	So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng năm 2019 với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài		
	16	H3.03.03.16	Hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHKHTN, 2019		
	17	H3.03.03.17	Quyết định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại ĐHQGHN, 2018		
	18	H3.03.03.18	Hướng dẫn quy trình lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan bằng hình thức trực tuyến của trường ĐHKHTN, kết quả phản hồi từ các bên liên quan		
	19	H3.03.03.19	Phiếu khảo sát và phản hồi của các bên liên quan về CTĐT và CDR ngành Sinh học		
	20	H3.03.03.20	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017-2021		
	21	H3.03.03.21	Bản tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi của sinh viên về các học phần và các giảng viên		
	22	H3.03.03.22	Danh sách báo cáo hội nghị KHSV 2015-2022		
	23	H3.03.03.23	Kết quả chuẩn đầu ra tiếng anh		
	24	H3.03.03.24	Kết quả chuẩn đầu ra an ninh quốc phòng		
	25	H3.03.03.25	Kết quả chuẩn đầu ra giáo dục thể chất		
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
<b>Tiêu chí 4.1</b>	1	H4.04.01.01	<a href="http://hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu/chien-luoc-phat-trien.html">http://hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu/chien-luoc-phat-trien.html</a>		
	2	H4.04.01.02	<a href="https://bio.hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu-chung/">https://bio.hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu-chung/</a>		
	3	H4.04.01.03	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học của Giám đốc ĐHQG, số 3599/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30/9/2015		
	4	H4.04.01.04	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình Đại học độ điều chỉnh của Hiệu trưởng trường ĐHKHTN, số 3343/QĐ-ĐHKHTN, ngày 25/10/2019		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	5	H4.04.01.05	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình Đại học độ điều chỉnh của Hiệu trưởng trường ĐHKHTN, số 879/QĐ-ĐHKHTN, ngày 13/04/2022		
	6	H4.04.01.06	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về việc xây dựng khung chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học năm 2015		
	7	H4.04.01.07	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về việc điều chỉnh khung chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học năm 2019		
	8	H4.04.01.08	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo về việc điều chỉnh khung chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học năm 2022		
	9	H4.04.01.09	Danh sách cán bộ là cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm		
	10	H4.04.01.10	SV thuyết trình theo chủ đề thực tế		
	11	H4.04.01.11	Danh sách SV tham gia nghiên cứu khoa học		
	12	H4.04.01.12	Bản nhận xét của chuyên gia về Khung chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học năm 2015		
	13	H4.04.01.13	Văn bản đối thoại với sinh viên		
	14	H4.04.01.14	Phản hồi của một số bên liên quan về triết lý giáo dục của Khoa Sinh học		
	15	H4.04.01.15	Chiến lược phát triển của Khoa Sinh học giai đoạn 2017 – 2022		
	16	H4.04.01.16	Họp tổng kết Khoa hàng năm		
	17	H4.04.01.17	Thông tin về việc tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân”		
<b>Tiêu chí 4.2</b>	1	H4.04.02.01	Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo CĐR ở ĐHQGHN		
	2	H4.04.02.02	CĐR của chương trình Cử nhân Sinh học (trích dẫn mục Phần II. Chuẩn đầu ra của chương trình – Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học, ngành Sinh học các năm 2015, 2019 và 2022)		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	3	H4.04.02.03	Công văn về Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo trình độ Đại học năm 2015		
	4	H4.04.02.04	Ý kiến nhận xét của chuyên gia về Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sinh học – giai đoạn trước khi họp HĐKH Khoa phê duyệt chương trình		
	5	H4.04.02.05	Đề cương chi tiết các học phần Chương trình đào tạo chuẩn Sinh học trình độ Đại học, 2019		
	6	H4.04.02.06	- Đề cương chi tiết học phần Thực tập thiên nhiên (trích trong 04.02.05); QĐ đi thực tập thiên nhiên; Ảnh đi thực tập thiên nhiên		
	7	H4.04.02.07	- Đề cương chi tiết học phần Cơ sở Sinh thái học (trích trong 04.02.05); - Slide bài giảng; - Báo cáo tường trình thực hành của SV		
	8	H4.04.02.08	- Đề cương chi tiết học phần Sinh thái học môi trường (trích trong 04.02.05); - Slide bài giảng; - Bài tập và tiểu luận của sinh viên		
	9	H4.04.02.09	Hướng dẫn của Trường ĐHKHTN triển khai công tác dạy học trực tuyến đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19		
	10	H4.04.02.10	Bản tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi của sinh viên về các học phần và các giảng viên		
	11	H4.04.02.11	Đánh giá người học: - Tổng hợp điểm rèn luyện , - Kết quả điểm học kỳ, - Danh sách SV bị cảnh cáo học vụ		
<b>Tiêu chí 4.3</b>	1	H4.04.03.01	Đề cương chi tiết các học phần Chương trình đào tạo chuẩn Sinh học trình độ Đại học, 2019		
	2	H4.04.03.02	Hình thức giảng dạy, học tập đa dạng - Hình ảnh các hình thức học tập đa dạng – đã có - Slide bài giảng có chủ đề cho sv làm seminar – bổ sung - Báo cáo minh họa seminar của sinh viên – bổ sung		
	3	H4.04.03.03	Thông báo về Giới thiệu chuyên ngành năm 2022 <a href="https://bio.hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu-chuyen-nganh-khoa-">https://bio.hus.vnu.edu.vn/gioi-thieu-chuyen-nganh-khoa-</a>		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
			<u>sinh-hoc/</u>		
	4	H4.04.03.04	<a href="https://bio.hus.vnu.edu.vn/hoi-nghi-khoa-hoc-sinh-vien-khoa-sinh-hoc-nam-2021/">https://bio.hus.vnu.edu.vn/hoi-nghi-khoa-hoc-sinh-vien-khoa-sinh-hoc-nam-2021/</a> - Thông báo về HNKHSV năm 2022 - Ảnh minh họa - Danh sách SV báo cáo khoa học năm 2022		
	5	H4.04.03.05	Khóa luận tốt nghiệp - Hướng dẫn tổ chức bảo vệ KLTN - Đề cương KLTN (trích chương trình SH) - KLTN của sv ngành SH – chưa có - Đánh giá KLTN của HĐ chấm		
	6	H4.04.03.06	Các hoạt động cộng đồng của sinh viên		
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
<b>Tiêu chí 5.1</b>	1	H5.05.01.01	Quy chế đào tạo đại học Bộ GDĐT 2007 và 2021	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và Quy chế kèm theo	Bộ GDĐT
	2	H5.05.01.02	Thông tư và Quy chế đánh giá rèn luyện sinh viên Bộ GDĐT	Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT	Bộ GDĐT
	3	H5.05.01.03	Quy chế Đào tạo đại học ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	4	H5.05.01.04	Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	5	H5.05.01.05	Hướng dẫn đánh giá rèn luyện sinh viên HUS 19-22	Hướng dẫn 2684/ĐHKHTN-CTSV	Trường ĐHKHTN
	6	H5.05.01.06	Công nhận chương trình Sinh học 2015, 2019, 2022	3599, 3343 và 879/QĐ-ĐHKHTN	Trường ĐHKHTN
	7	H5.05.01.07	Đề cương chi tiết các học phần	Đề cương chi tiết các học phần 2015, 2019 và 2022	KSH
	8	H5.05.01.08	Ma trận CDR CT Sinh học	Ma trận CDR CT Sinh học 2015, 2019 và 2022	KSH
	9	H5.05.01.09	Lịch trình đào tạo hàng năm	2813, 2580, 2335, 2390,	Trường

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				2279 DHKHTN-DT	ĐHKHTN
	10	H5.05.01.10	Điều chỉnh kế hoạch đào tạo		Trường ĐHKHTN
	11	H5.05.01.11	Hướng dẫn giảng dạy hàng năm	2821, 2581, x, 2326, y HD-DHKHTN	Trường ĐHKHTN
	12	H5.05.01.12	Hướng dẫn thi học kì		Trường ĐHKHTN
	13	H5.05.01.13	Quy định về ra đề, chấm thi học kì		Trường ĐHKHTN
	14	H5.05.01.14	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN của Trường	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN 2017-2022	Trường ĐHKHTN
	15	H5.05.01.15	Hướng dẫn bảo vệ và chấm KLTN của Khoa		KSH
	16	H5.05.01.16	QĐ Hội đồng chấm KLTN		KSH
	17	H5.05.01.17	QĐ Hội đồng chấm điểm rèn luyện	2017-2022	KSH
	18	H5.05.01.18	QĐ công nhận điểm rèn luyện 2017-2022	kết quả 10 học kỳ	Trường ĐHKHTN
	19	H5.05.01.19	Rubrics và đề thi một số học phần		
<b>Tiêu chí 5.2</b>	1	H5.05.02.01	Quy chế đào tạo đại học Bộ GDĐT 2007 và 2021	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và Quy chế kèm theo	Bộ GDĐT
	2	H5.05.02.02	Thông tư và Quy chế đánh giá rèn luyện sinh viên Bộ GDĐT	Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT	Bộ GDĐT
	3	H5.05.02.03	Quy chế Đào tạo đại học ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	4	H5.05.02.04	Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	5	H5.05.02.05	Hướng dẫn sinh viên đầu khóa	Sổ tay sinh viên	Trường ĐHKHTN
	6	H5.05.02.06	Thông báo học chính trị đầu năm	Thông báo học chính trị đầu năm	Trường ĐHKHTN
	7	H5.05.02.07	Lịch trình đào tạo hàng năm	2813, 2580, 2335, 2390,	Trường

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				2279 ĐHKHTN-DT	ĐHKHTN
	8	H5.05.02.08	Đề cương chi tiết các học phần	Đề cương chi tiết các học phần 2015, 2019 và 2022	KSH
	9	H5.05.02.09	Hướng dẫn thi học kì		Trường ĐHKHTN
	10	H5.05.02.10	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN 2017-2022	Trường ĐHKHTN
	11	H5.05.02.11	Hướng dẫn bảo vệ và chấm KLTN		KSH
	12	H5.05.02.12	QĐ Hội đồng chấm KLTN		KSH
<b>Tiêu chí 5.3</b>	1	H5.05.03.01	Quy chế đào tạo đại học Bộ GDĐT 2007 và 2021	Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và Quy chế kèm theo	Bộ GDĐT
	2	H5.05.03.02	Thông tư và Quy chế đánh giá rèn luyện sinh viên Bộ GDĐT	Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT	Bộ GDĐT
	3	H5.05.03.03	Quy chế Đào tạo đại học ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	4	H5.05.03.04	Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	5	H5.05.03.05	Hướng dẫn đánh giá rèn luyện sinh viên HUS 19-22	Hướng dẫn 2684/ĐHKHTN-CTSV	Trường ĐHKHTN
	6	H5.05.03.06	Hướng dẫn giảng dạy hàng năm	2821, 2581, x, 2326, y HD-ĐHKHTN	Trường ĐHKHTN
	7	H5.05.03.07	Đề cương chi tiết các học phần	Đề cương chi tiết các học phần 2015, 2019 và 2022	KSH
	8	H5.05.03.08	Quy định ra đề chấm thi học kỳ		
	9	H5.05.03.09	Ma trận CDR CT Sinh học	Ma trận CDR CT Sinh học 2015, 2019 và 2022	KSH
	10	H5.05.03.10	Rubrics và đề thi một số học phần		
	11	H5.05.03.11	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN	Hướng dẫn thực hiện, đánh giá KLTN 2017-2022	Trường ĐHKHTN

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	12	H5.05.03.12	Hướng dẫn bảo vệ và chăm KLTN		KSH
	13	H5.05.03.13	QĐ Hội đồng chăm KLTN		KSH
<b>Tiêu chí 5.4</b>	1	H5.05.04.01	Quy chế Đào tạo đại học ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	2	H5.05.04.02	Quy chế công tác sinh viên tại ĐHQGHN	Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	3	H5.05.04.03	Hướng dẫn đánh giá rèn luyện sinh viên HUS 19-22	Hướng dẫn 2684/ĐHKHTN-CTS	Trường ĐHKHTN
	4	H5.05.04.04	Hướng dẫn giảng dạy hàng năm	2821, 2581, x, 2326, y HD-ĐHKHTN	Trường ĐHKHTN
	5	H5.05.04.05	Quyết định khen thưởng, học bổng		
	6	H5.05.04.06	Quyết định cảnh cáo học vụ		
<b>Tiêu chí 5.5</b>	1	H5.05.05.01	Quy chế Đào tạo đại học ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	2	H5.05.05.02	Thông báo chăm phúc khảo		
	3	H5.05.05.03	Ví dụ Trả lời kết quả phúc tra các học kì		
	4	H5.05.05.04	Kết quả phúc tra		
	5	H5.05.05.05	Thống kê sinh viên phúc khảo và kết quả phúc khảo		
	2	H5.05.05.02	Thông báo chăm phúc khảo		
	3	H5.05.05.03	Trả lời kết quả phúc tra các học kì		
	4	H5.05.05.04	Thống kê sinh viên xin phúc khảo và kết quả phúc khảo		
<b>Tiêu chuẩn 6</b>					
<b>Tiêu chí 6.1</b>	1	H6.06.01.01	Chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN giai đoạn 5 năm từ 2015-2020	2543/TCCB	Trường ĐHKHTN
	2	H6.06.01.02	Phương án sắp xếp, điều chỉnh các đơn vị trong Khoa Sinh học		Khoa Sinh học
	3	H6.06.01.03	Nghi quyết Chi bộ các nhiệm kỳ 17-20, 20-22		Khoa Sinh học
	4	H6.06.01.04	Chương trình xây dựng và phát triển khoa Sinh học nhiệm		Khoa Sinh học



<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
			kỳ 2017-2020		
	5	H6.06.01.05	Bảng chỉ tiêu kế hoạch nhân lực hàng năm của Trường ĐH KHTN	3766/KHTN-KHTC	Khoa Sinh học
	6	H6.06.01.06	Bảng chỉ tiêu kế hoạch nhân lực hàng năm của Khoa Sinh học		Khoa Sinh học
	7	H6.06.01.07	Kế hoạch năm học Khoa Sinh hàng năm		Khoa Sinh học
	8	H6.06.01.08	Đề án VTVL	4741/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	9	H6.06.01.09	Quy hoạch cán bộ chủ chốt của Khoa Sinh học 2015-2020		Khoa Sinh học
	10	H6.06.01.10	Hồ sơ năng lực cán bộ (danh sách GV&NCV giảng dạy ngành SH chuẩn có đầy đủ các thông tin)		Khoa Sinh học
	11	H6.06.01.11	Xin ý kiến phản hồi		ĐHQGHN
<b>Tiêu chí 6.2</b>	1	H6.06.02.01	Quy định chỉ tiêu tuyển sinh của BGDĐT	06/2018/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT
	2	H6.06.02.02	Quy định chế độ làm việc của GV&NCV của VNU 2022	4326/QĐ-ĐHQGHN, 27/12/2021	
	3	H6.06.02.03	Quy định chế độ làm việc của cán bộ viên chức của Trường 2018	1819/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/6/2017	
	4	H6.06.02.04	Mẫu phiếu đăng ký nhiệm vụ năm học		Trường ĐHKHTN
	5	H6.06.02.05	Biên bản họp Bộ môn phân công nhiệm vụ đầu năm học		BM trực thuộc Khoa
	6	H6.06.02.06	Hướng dẫn thực hiện việc đánh giá xếp loại viên chức của HUS	1626/ĐHKHTN-TCCB	Trường ĐHKHTN
	7	H6.06.02.07	Phiếu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của một số cá nhân		
	8	H6.06.02.08	Biên bản kiểm phiếu - xếp loại viên chức cấp Khoa 2019-2020		Khoa Sinh học
	9	H6.06.02.09	Kết quả xếp loại viên chức cấp HUS 2017-2022		Trường ĐHKHTN
	10	H6.06.02.10	Ý kiến phản hồi của GV&NCV về phân công nhiệm vụ		Trường ĐHKHTN

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
<b>Tiêu chí 6.3</b>	1	H6.06.03.01	Quy định tuyển dụng giảng viên của VNU	3768/QĐ-ĐHQGHN, 22/10/2014	ĐHQGHN
	2	H6.06.03.02	Nhu cầu tuyển dụng của Khoa		Khoa Sinh học
	3	H6.06.03.03	Bản mô tả vị trí cần tuyển dụng		Khoa Sinh học
	4	H6.06.03.04	Thông báo vị trí cần tuyển dụng trên website của Khoa và của Trường		Trường ĐHKHTN
	5	H6.06.03.05	Quyết định tiếp nhận Giảng viên từ Trường khác		Trường ĐHKHTN
	6	H6.06.03.06	Quyết định tiếp nhận Giảng viên từ ĐHQGHN hoặc từ Khối Phòng ban		Trường ĐHKHTN
	7	H6.06.03.07	Quyết định ký hợp đồng tạo nguồn đối với sinh viên, học viên		Trường ĐHKHTN
	8	H6.06.03.08	Quy định, hướng dẫn về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, QĐ 1 số cán bộ được bổ nhiệm vào ngạch		Trường ĐHKHTN
	9	H6.06.03.09	Nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS của Khoa Sinh		Khoa Sinh học
	10	H6.06.03.10	Thông báo nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS của Trường,		Trường ĐHKHTN
	11	H6.06.03.11	Quyết định bổ nhiệm PGS của Khoa các năm (từ 2017 đến 2021)		Trường ĐHKHTN
	12	H6.06.03.12	Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm của VNU và của HUS		ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN
	13	H6.06.03.13	Các QĐ bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm nhân sự cấp Khoa và Bộ môn (2017-2021)		Trường ĐHKHTN
	14	H6.06.03.14	Ý kiến phản hồi của GV&NCV về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm		Trường ĐHKHTN
<b>Tiêu chí 6.4</b>	1	H6.06.04.01	Quy định về chức danh nghề nghiệp theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ	36/TTLT-BGDĐT-BNV	BGD&ĐT và BNV
	2	H6.06.04.02	Quy định về chức danh nghề nghiệp của ĐHQGHN	3768/QĐ-ĐHQGHN, 22/10/2014	ĐHQGHN
	3	H6.06.04.03	Quy chế về chế độ làm việc của viên chức HUS	3608/QĐ-ĐHKHTN, ngày	Trường

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				19.10.2018	ĐHKHTN
	4	H6.06.04.04	Đề án vị trí việc làm của Trường	4741/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	5	H6.06.04.05	Biên bản họp Bộ môn phân công nhiệm vụ năm học		Bộ môn
	6	H6.06.04.06	Hướng dẫn đánh giá vào tháng 6		Trường ĐHKHTN
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá VC&NLĐ về hoàn thành nhiệm vụ		Trường ĐHKHTN
	8	H6.06.04.08	Quy định về kí hợp đồng lao động của HUS 2015, các văn bản đánh giá ký tiếp HĐ		Trường ĐHKHTN
	9	H6.06.04.09	Phiếu tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ tập sự		Cá nhân
	10	H6.06.04.10	Nhận xét của cán bộ hướng dẫn tập sự và BB họp Bộ môn nhận xét cán bộ tập sự		CBHD&BM
	11	H6.06.04.11	Công văn của Khoa đánh giá về thời gian tập sự		Khoa Sinh học
	12	H6.06.04.12	Quy định về đánh giá Đảng viên		ĐU Trường ĐHKHTN
	13	H6.06.04.13	Phản hồi của sinh viên về GV&NCV		Trường ĐHKHTN
<b>Tiêu chí 6.5</b>	1	H6.06.05.01	Bản kế hoạch và phân bổ kinh phí đào tạo hàng năm		Trường ĐHKHTN
	2	H6.06.05.02	Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo của Khoa Sinh học		Khoa Sinh học
	3	H6.06.05.03	Chương trình xây dựng và phát triển khoa Sinh học nhiệm kỳ 2017-2020; Kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ các năm học từ 2015-2020 của Khoa Sinh		Trường ĐHKHTN
	4	H6.06.05.04	Quyết định hướng dẫn tập sự		Khoa Sinh học
	5	H6.06.05.05	Sổ tay cán bộ của HUS 2021		Trường ĐHKHTN
	6	H6.06.05.06	Quy định hỗ trợ kinh phí học Sau đại học (Quy chế chi tiêu nội bộ)		Trường ĐHKHTN
	7	H6.06.05.07	Các QĐ hỗ trợ kinh phí cho các công bố quốc tế của HUS		Trường

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
					ĐHKHTN
	8	H6.06.05.08	Khuyến khích cán bộ trẻ tham gia và chủ trì các đề tài, dự án các cấp		Trường ĐHKHTN
	9	H6.06.05.09	Danh sách cán bộ đi học TS trong nước và quốc tế		Khoa Sinh học
	10	H6.06.05.10	Nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS của Khoa Sinh		
	11	H6.06.05.11	Danh sách thực hiện đề tài 15-21		Trường ĐHKHTN
	12	H6.06.05.12	Phân công hướng dẫn cao học, NCS của Khoa Sinh học		Trường ĐHKHTN
	13	H6.06.05.13	Quyết định bổ nhiệm PGS của Khoa các năm		Trường ĐHKHTN
	14	H6.06.05.14	DS cử cán bộ khoa Sinh đi trao đổi nâng cao trình độ chuyên môn		Trường ĐHKHTN
	15	H6.06.05.15	Danh sách các đề tài NCKH hợp đồng chuyển giao công nghệ		Khoa Sinh học
	16	H6.06.05.16	Danh sách cán bộ báo cáo Hội thảo, hội nghị các năm		Khoa Sinh học
	17	H6.06.05.17	Danh sách các Hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức		Khoa Sinh học
	18	H6.06.05.18	QĐ lớp NVSP		Trường ĐHKHTN
	19	H6.06.05.19	QĐ cử đi học ngoại ngữ		Trường ĐHKHTN
	20	H6.06.05.20	QĐ cử đi tập huấn phòng học thông minh		Trường ĐHKHTN
	21	H6.06.05.21	HD dạy học Online		Trường ĐHKHTN
	22	H6.06.05.22	QĐ đi tập huấn kiểm định		Trường ĐHKHTN
	23	H6.06.05.23	Phản hồi của GV&NCV về các Khóa Đào tạo bồi dưỡng		Trường ĐHKHTN
<b>Tiêu chí 6.6</b>	1	H6.06.06.01	Quy chế về chế độ làm việc của viên chức HUS 2018	3068/QĐ-ĐHKHTN	Trường

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
					ĐHKHTN
	2	H6.06.06.02	Hướng dẫn đánh giá CB&VC của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN		Trường ĐHKHTN
	3	H6.06.06.03	Bản tự đánh giá cuối năm học của cán bộ		GV&NCV
	4	H6.06.06.04	Họp Bộ môn, Khoa bình bầu đánh giá 19-20		Bộ môn và Khoa
	5	H6.06.06.05	Quyết định Khen thưởng cấp Trường 2015-2020	3567/QĐ-ĐHKHTN	Trường ĐHKHTN
	6	H6.06.06.06	Mẫu phiếu, Kết quả Phản hồi của sinh viên về giảng viên		Trường ĐHKHTN
	7	H6.06.06.07	Báo cáo của Phòng đào tạo về công tác thanh tra giảng đường		Trường ĐHKHTN
	8	H6.06.06.08	HD và QĐ khen thưởng của Đoàn, Công Đoàn		Trường ĐHKHTN
	9	H6.06.06.09	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường ĐHKHTN
	10	H6.06.06.10	Hỗ trợ công bố quốc tế		Trường ĐHKHTN
	11	H6.06.06.11	CV đề nghị và Quyết định tăng lương trước hạn		Trường ĐHKHTN
	12	H6.06.06.12	QĐ khen thưởng GV có sinh viên đạt giải		Trường ĐHKHTN
	13	H6.06.06.13	QĐ khen thưởng GVXS		Trường ĐHKHTN
	14	H6.06.06.14	Tổng hợp kết quả báo cáo tự đánh giá của GV hàng năm		Trường ĐHKHTN
	15	H6.06.06.15	Ý kiến phản hồi của GV&NCV về công tác đánh giá, khen thưởng		Trường ĐHKHTN
<b>Tiêu chí 6.7</b>	1	H6.06.07.01	Quy định về chức danh nghề nghiệp theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ		Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ
	2	H6.06.07.02	Quy định về chức danh nghề nghiệp của ĐHQGHN		ĐHQGHN

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	3	H6.06.07.03	Quy chế về chế độ làm việc của viên chức HUS 2018		Trường ĐHKHTN
	4	H6.06.07.04	Kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ các năm học từ 2015-2020 của Khoa Sinh		Khoa Sinh học
	5	H6.06.07.05	Danh sách sáng chế, sở hữu trí tuệ		Khoa Sinh học
	6	H6.06.07.06	Danh mục sách xuất bản		Khoa Sinh học
	7	H6.06.07.07	Thống kê đi dự hội nghị, hội thảo		Khoa Sinh học
	8	H6.06.07.08	Hướng dẫn và kết quả triển khai giảng viên tự đánh giá của HUS		Trường ĐHKHTN
	9	H6.06.07.09	Ý kiến phản hồi về công tác NCKH		Trường ĐHKHTN
<b>Tiêu chuẩn 7</b>					
<b>Tiêu chí 7.1</b>	1	H7.07.01.01	Các chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN theo giai đoạn 10 năm		
	2	H7.07.01.02	Chỉ tiêu kế hoạch nhân sự và đào tạo của ĐHQGHN giai đoạn 2106-2020		
	3	H7.07.01.03	Chiến lược phát triển của Khoa Sinh học giai đoạn 2016-2020		
	4	H7.07.01.04	Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ		
	5	H7.07.01.05	Kế hoạch, phương hướng năm học của Khoa Sinh học giai đoạn 5 năm		
	6	H7.07.01.06	Trung tâm hỗ trợ SV của ĐHQGHN		
	7	H7.07.01.07	Trung tâm thông tin thư viện của ĐHQGHN		
	8	H7.07.01.08	Bệnh viện của ĐHQGHN		
	9	H7.07.01.09	Trung tâm dự báo phát triển nguồn nhân lực của ĐHQGHN		
	10	H7.07.01.10	Trung tâm chuyển giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp của ĐHQGHN		
	11	H7.07.01.11	Quy định chức năng nhiệm vụ của các khối phòng ban trường ĐHKHTN		
	12	H7.07.01.12	Nhân sự phòng Công tác và Chính trị sinh viên của Trường		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
			ĐHKHTN		
	13	H7.07.01.13	Nhân sự phòng Đào tạo của Trường ĐHKHTN		
	14	H7.07.01.14	Nhân sự phòng Hợp tác phát triển của Trường ĐHKHTN		
	15	H7.07.01.15	Nhân sự phòng KHCN của Trường ĐHKHTN		
	16	H7.07.01.16	Nhân sự phòng Kế hoạch Tài chính của Trường ĐHKHTN		
	17	H7.07.01.17	Nhân sự phòng Quản trị bảo vệ của Trường ĐHKHTN		
	18	H7.07.01.18	Nhân sự phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính của Trường ĐHKHTN		
	19	H7.07.01.19	Nhân sự phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKHTN		
	20	H7.07.01.20	Nhân sự Trung tâm Công nghệ thông tin của Trường ĐHKHTN		
	21	H7.07.01.21	Các tổ chức đoàn thể của Trường ĐHKHTN		
	22	H7.07.01.22	Phân công nhiệm vụ đội ngũ cán bộ Văn phòng Khoa Sinh học		
	23	H7.07.01.23	Quyết định phân công Cố vấn học tập, Giáo viên chủ nhiệm và các trợ lý		
	24	H7.07.01.24	Đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong phòng thí nghiệm của Khoa Sinh học		
	25	H7.07.01.25	Một số hoạt động đoàn thể của Khoa Sinh học		
<b>Tiêu chí 7.2</b>	1	H7.07.02.01	Quy định tuyển dụng cán bộ của ĐHQGHN		
	2	H7.07.02.02	Nhu cầu tuyển dụng của Khoa Sinh học 2017		
	3	H7.07.02.03	Đề án vị trí việc làm của Khoa Sinh học		
	4	H7.07.02.04	Bản mô tả vị trí công việc của Khoa Sinh học 2017, 2020		
	5	H7.07.02.05	Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHKHTN 2013		
	6	H7.07.02.06	Thông báo tuyển dụng cán bộ của trường ĐHKHTN		
	7	H7.07.02.07	Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ		
	8	H7.07.02.08	Quyết định bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ của Trường ĐHKHTN		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	9	H7.07.02.09	Quyết định bổ nhiệm viên chức Khoa Sinh học làm quản lý cấp Trường		
	10	H7.07.02.10	Quyết định bổ nhiệm và tái bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo trong Trường		
	11	H7.07.02.11	Quy trình bổ nhiệm chức danh PGS và GS của Trường ĐHKHTN		
<b>Tiêu chí 7.3</b>	1	H7.07.03.01	Quy định tuyển dụng cán bộ của ĐHQGHN		
	2	H7.07.03.02	Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHKHTN 2013		
	3	H7.07.03.03	Bản mô tả vị trí công việc của Khoa		
	4	H7.07.03.04	Thông báo tuyển dụng cán bộ của Trường ĐHKHTN		
	5	H7.07.03.05	Hướng dẫn đánh giá CBVC của trường ĐHKHTN		
	6	H7.07.03.06	Phiếu tự đánh giá của viên chức, người lao động		
	7	H7.07.03.07	Đăng ký thi đua khen thưởng năm học		
	8	H7.07.03.08	Biên bản kiểm phiếu – xếp loại viên chức cấp Khoa		
	9	H7.07.03.09	Kết quả bình bầu thi đua khen thưởng của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN		
	10	H7.07.03.10	Quy định tạm thời đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Trường ĐHKHTN 2021		
<b>Tiêu chí 7.4</b>	1	H7.07.04.01	Yêu cầu khảo sát nhu cầu đào tạo cán bộ của Trường ĐHKHTN		
	2	H7.07.04.02	Mẫu phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo		
	3	H7.07.04.03	Bảng tổng hợp các lượt cử cán bộ đi học nâng cao chuyên môn		
	4	H7.07.04.04	Bảng tổng hợp các lượt cử cán bộ đi học khóa đào tạo chuyên viên		
	5	H7.07.04.05	Quyết định cử cán bộ đi học ngoại ngữ		
	6	H7.07.04.06	Quyết định cử cán bộ đi học khóa kiêm định Chất lượng giáo dục		
	7	H7.07.04.07	Quyết định cử cán bộ tham gia khóa đào tạo kỹ năng mềm		



<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	8	H7.07.04.08	Kinh phí cho các khóa đào tạo		
	9	H7.07.04.09	Phản hồi về một số khóa đào tạo		
<b>Tiêu chí 7.5</b>	1	H7.07.05.01	Quy trình đánh giá đội ngũ phục vụ		
	2	H7.07.05.02	Quyết định khen thưởng cho cán bộ phục vụ		
	3	H7.07.05.03	Các quyết định nâng bậc lương trước thời hạn		
	4	H7.07.05.04	Trường hỗ trợ cán bộ đi làm trong thời gian giãn cách		
<b>Tiêu chuẩn 8</b>					
<b>Tiêu chí 8.1</b>	1	H8.08.01.01	Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD		
	2	H8.08.01.02	Quy chế tuyển sinh & Đề án tuyển sinh ĐHQGHN các năm		
	3	H8.08.01.03	Chỉ tiêu tuyển sinh chương trình đào tạo ngành Sinh học		
	4	H8.08.01.04	Thông tin tuyển sinh ngành Sinh học trên website		
	5	H8.08.01.05	Hướng dẫn tuyển sinh		
	6	H8.08.01.06	Thông báo tuyển sinh ngành Sinh học		
	7	H8.08.01.07	Kế hoạch PR tuyển sinh		
	8	H8.08.01.08	Tờ rơi quảng bá tuyển sinh các năm 2020-2022		
	9	H8.08.01.09	Tờ rơi quảng bá thông tin ngành SH		
	10	H8.08.01.10	Tư vấn tuyển sinh 2020		
	11	H8.08.01.10	Tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT		
	12	H8.08.01.11	Hướng dẫn chi tiết về xét tuyển đại học chính quy năm 2021 vào Trường Đại học Khoa học Tự nhiên		
<b>Tiêu chí 8.2</b>	1	H8.08.02.01	Hướng dẫn tuyển sinh các năm gần đây		
	2	H8.08.02.02	Hướng dẫn nhập học các năm gần đây		
	3	H8.08.02.03	Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học các năm VNU-HUS		
	4	H8.08.02.04	Tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT		
	5	H8.08.02.05	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh đại học chính quy		
<b>Tiêu chí 8.3</b>	1	H8.08.03.01	Quy chế đào tạo VNU		
	2	H8.08.03.02	Quy chế công tác học sinh sinh viên các năm		
	3	H8.08.03.03	Kế hoạch CTSV theo năm học		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	4	H8.08.03.04	Quy định về chức năng của phòng ban		
	5	H8.08.03.05	Quyết định GVCN - CVHT		
	6	H8.08.03.06	Hướng dẫn đánh giá điểm rèn luyện		
	7	H8.08.03.07	Bảng điểm sinh viên sinh học		
	8	H8.08.03.08	Điểm rèn luyện của sinh viên		
	9	H8.08.03.09	Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên		
	10	H8.08.03.10	Cảnh báo Học kì các khóa		
	11	H8.08.03.11	Tài liệu cho sinh viên đầu năm		
	12	H8.08.03.12	Hướng dẫn đăng ký học phần qua cổng đào tạo		
	13	H8.08.03.13	Hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần học kỳ II năm học 2021-2022		
	14	H8.08.03.14	Thông báo hướng dẫn đăng ký học phần học kỳ 1 2020-2021		
<b>Tiêu chí 8.4</b>	1	H8.08.04.01	Học chính trị_ Tuần sinh hoạt công dân		
	2	H8.08.04.02	Quy chế công tác sinh viên VNU		
	3	H8.08.04.03	Quyết định GVCN		
	4	H8.08.04.04	Tài liệu cho sinh viên		
	5	H8.08.04.05	Kế hoạch đón sinh viên các Khóa		
	6	H8.08.04.06	Chương trình gặp mặt SV K64-19; Buổi gặp mặt sinh viên của khoa Sinh học		
	7	H8.08.04.07	Đối thoại với sinh viên		
	8	H8.08.04.08	Danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học		
	9	H8.08.04.09	Danh sách sinh viên thực tập tại các cơ quan đối tác ngoài ĐHQGHN		
	10	H8.08.04.10	Hội thảo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên		
	11	H8.08.04.11	Hệ thống hỗ trợ giải đáp thắc mắc		
	12	H8.08.04.12	Hướng dẫn học và thi kỹ năng mềm		
	13	H8.08.04.13	Trợ cấp xã hội sinh viên		
	14	H8.08.04.14	Hoạt động tư vấn hỗ trợ tâm lý cho sv		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	15	H8.08.04.15	Các hoạt động ngoại khóa của sinh viên; HUS OPEN DAY		
	16	H8.08.04.16	Kế hoạch hoạt động của HSV Đoàn Thanh niên, 20, 21, 22		
	17	H8.08.04.17	Thông báo của văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp		
	18	H8.08.04.18	Quyết định cấp học bổng khuyến khích sinh viên học tập các		
	19	H8.08.04.19	Quyết định cấp học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên		
	20	H8.08.04.20	Thông báo học bổng		
	21	H8.08.04.21	Kết quả xét Học bổng		
	22	H8.08.04.22	Quyết định giảm học phí do Covid 19; Mien giam học phi 2018-2021		
	23	H8.08.04.23	QĐ thành lập PK 182 số 982		
	24	H8.08.04.24	Tai lieu danh cho can bo nam 2018_gui cac Khoa		
	25	H8.08.04.25	Quy trình lấy ý kiến phản hồi sinh viên		
	26	H8.08.04.26	Thông báo hoi nghi 2017-2022 HUS		
	27	H8.08.04.27	QD khen thuong-SV 2017-2022		
	28	H8.08.04.28	Hỗ trợ sinh viên bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19		
	29	H8.08.04.29	Tổng hợp kết quả đánh giá và phản hồi của sinh viên		
	30	H8.08.04.30	HNKHSV 2015-2022 Khoa Sinh		
	31	H8.08.04.31	K62 Sinh học_2021_Tổng hợp tom tat KLTN 45SV		
	32	H8.08.04.32	Chương trình workshop CV thực chiến nhà tuyển dụng muốn gì ở bạn		
	33	H8.08.04.33	Trao đổi sinh viên đi nước ngoài		
	34	H8.08.04.34	Tổng hợp góp ý của sinh viên		
	35	H8.08.04.35	Giới thiệu chuyên ngành khoa Sinh 2016-2022		
	36	H8.08.04.36	Họp giao ban Khoa và đội ngũ hỗ trợ		
	37	H8.08.04.37	Thông báo điểm sản năm 2020 lên website trường; Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên chia sẻ cách điều chỉnh nguyện vọng		
	38	H8.08.04.38	Bộ trợ kiến thức, kỹ năng		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	39	H8.08.04.39	Thông báo tuyển dụng trên FB		
	40	H8.08.04.40	Biên bản họp lớp K66 Sinh học		
<b>Tiêu chí 8.5</b>	1	H8.08.05.01	Hướng dẫn xác nhận nhập học trực tuyến		
	2	H8.08.05.02	Hình ảnh sinh viên hoạt động vui chơi ở khuôn viên trường ĐHKHTN		
	3	H8.08.05.03	Hoạt động của Liên chi đoàn khoa Sinh học các năm		
	4	H8.08.05.04	Hoạt động của Liên chi Hội sinh viên khoa Sinh học các năm		
	5	H8.08.05.05	Hoạt động của các CLB		
	6	H8.08.05.06	Danh sách PTN của khoa Sinh học		
	7	H8.08.05.07	Danh sách thiết bị PTN khoa Sinh học		
	8	H8.08.05.08	Danh sách thiết bị PTN khoa Sinh học		
	9	H8.08.05.09	Nâng cấp PTN		
	10	H8.08.05.10	Hệ thống mạng internet ĐHKHTN		
	11	H8.08.05.11	Hệ thống wifi của trường		
	12	H8.08.05.12	Tích hợp hệ thống LAN		
	13	H8.08.05.13	Quyết định thành lập TT CNTT		
	14	H8.08.05.14	Cantin của trường ĐHKHTN		
	15	H8.08.05.15	QĐ thành lập PK 182 số 982		
	16	H8.08.05.16	Danh sách phòng trực, bệnh viện ĐHQGHN		
	17	H8.08.05.17	Danh mục cơ sở vật chất Bệnh viện ĐHQG		
	18	H8.08.05.18	Thông báo khám sức khỏe sinh viên các năm		
	19	H8.08.05.19	Giảng dạy trực tuyến do Covid		
	20	H8.08.05.20	Hỗ trợ cho sinh viên do Covid		
	21	H8.08.05.21	Quy định về chức năng của phòng ban		
	22	H8.08.05.22	Đối thoại với sinh viên		
	23	H8.08.05.23	Giấy mời họp GVCN các năm		
<b>Tiêu chí 9</b>					

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
<b>Tiêu chí 9.1</b>	1	H9.09.01.01	Thông báo công khai cơ sở vật chất		
	2	H9.09.01.02	Quyết định 234-QĐ-BXD phê duyệt quy hoạch VNU tại Hòa Lạc		
	3	H9.09.01.03	Quyết định Thủ tướng Chính phủ duyệt dự án ĐHQGHN tại Hòa Lạc		
	4	H9.09.01.04	ĐHQG Chuyển trụ sở làm việc lên cơ sở Hòa Lạc 5/2022		
	5	H9.09.01.05	Hình ảnh giảng đường trường ĐHKHTN tại 334 Nguyễn Trãi		
	6	H9.09.01.06	Sơ đồ giảng đường		
	7	H9.09.01.07	Văn bản về sửa chữa, nâng cấp giảng đường		
	8	H9.09.01.08	Hình ảnh sửa chữa, nâng cấp giảng đường trường ĐHKHTN tại 334 Nguyễn Trãi		
<b>Tiêu chí 9.2</b>	1	H9.09.02.01	Thông báo công khai cơ sở vật chất		
	2	H9.09.02.02	Hình ảnh cơ sở vật chất, máy tính tra cứu, nội quy, bảng chỉ dẫn trong thư viện		
	3	H9.09.02.03	Thông tin từ website Trung tâm thông tin thư viện		
	4	H9.09.02.04	Giao diện phần mềm VNU-LIC và hướng dẫn sử dụng		
	5	H9.09.02.05	Thông tin về tài liệu của thư viện về lĩnh vực Sinh học		
	6	H9.09.02.06	Quy định giờ phục vụ của thư viện		
	7	H9.09.02.07	Khóa luận, luận văn, luận án và tài liệu khoa học tại các bộ môn		
	8	H9.09.02.08	Khảo sát về chất lượng phục vụ TT Thông tin - Thư viện		
<b>Tiêu chí 9.3</b>	1	H9.09.03.01	Danh sách PTN của ĐHQGHN		
	2	H9.09.03.02	Danh sách thiết bị của trường ĐHKHTN		
	3	H9.09.03.03	Danh sách PTN của khoa Sinh học		
	4	H9.09.03.04	Danh sách thiết bị PTN khoa Sinh học		
	5	H9.09.03.05	Nâng cấp PTN		
	6	H9.09.03.06	Danh sách thiết bị PTN khoa Sinh học		
	7	H9.09.03.07	QĐ chia sẻ, dùng chung PTN		
	8	H9.09.03.08	Số sử dụng thiết bị PTN		

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	9	H9.09.03.09	Dự án tăng cường năng lực, chống xuống cấp 2019		
	10	H9.09.03.10	Dự án tăng cường năng lực phòng thực hành khoa Sinh học		
	11	H9.09.03.11	Dự án cải tạo phòng nuôi động vật thí nghiệm		
	12	H9.09.03.12	Kế hoạch đầu tư PTN 5 năm 2021-2025		
	13	H9.09.03.13	Danh mục đề tài nghiên cứu HUS		
	14	H9.09.03.14	Thống kê KHCN khoa Sinh học		
	15	H9.09.03.15	Thống kê hiệu quả sử dụng thiết bị bảng A		
	16	H9.09.03.16	Quy định an toàn PTN		
	17	H9.09.03.17	Quyết định ban hành Sổ tay an toàn PTN		
	18	H9.09.03.18	Danh sách sinh viên làm nghiên cứu, khóa luận ở TTKHSS, PTN Trọng điểm		
	19	H9.09.03.19	Danh sách cán bộ khoa Sinh học kiêm nhiệm PTN Trọng điểm		
	20	H9.09.03.20	Hình ảnh các PTN khoa Sinh học		
	21	H9.09.03.21	Thực hành tại Bảo tàng sinh vật		
	22	H9.09.03.22	Danh sách sinh viên làm đề tài khóa luận tại trường và cơ sở đối tác		
	23	H9.09.03.23	Ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất PTN thực hành		
	24	H9.09.03.24	Chứng từ bảo dưỡng sửa chữa kính hiển vi		
	25	H9.09.03.25	Công văn gửi ĐHKHTN cho ý kiến về dự án Hòa Lạc		
<b>Tiêu chí 9.4</b>	1	H9.09.04.01	QĐ thành lập TTCNTT TT		
	2	H9.09.04.02	Hoàn công lắp đặt mạng		
	3	H9.09.04.03	Web HUS		
	4	H9.09.04.04	Web khoa Sinh học		
	5	H9.09.04.05	Tăng cường năng lực phòng học thông minh		
	6	H9.09.04.06	Hệ thống mạng cho phòng học thông minh		
	7	H9.09.04.07	Website E portal, E office của HUS		
	8	H9.09.04.08	Tập huấn dạy học online		
	9	H9.09.04.09	Chứng từ mua thiết bị quay video, micro phục vụ dạy online		

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
<b>Tiêu chí 9.5</b>	1	H9.09.05.01	Văn bản và thông tin về hoạt động PCCC thường xuyên của HUS		
	2	H9.09.05.02	Hạ tầng hỗ trợ người khuyết tật		
	3	H9.09.05.03	Văn bản liên quan hỗ trợ người khuyết tật		
	4	H9.09.05.04	Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng		
	5	H9.09.05.05	Các hợp đồng vệ sinh, phòng dịch		
	6	H9.09.05.06	Báo cáo về công tác vệ sinh trường học 2022		
	7	H9.09.05.07	Ảnh khuôn viên, cây xanh, sân tập thể thao, nhà văn hóa		
	8	H9.09.05.08	TT Giáo dục Sinh thái và TT Giáo dục Quốc phòng ĐHQG		
	9	H9.09.05.09	Hình ảnh canteen		
	10	H9.09.05.10	QD bảo hiểm y tế		
	11	H9.09.05.11	Thông tin từ bệnh viện ĐHQG		
	12	H9.09.05.12	Bồn rửa tay, sát khuẩn trong thời gian dịch Covid-19		
	13	H9.09.05.13	Thông báo, cập nhật tình hình Covid-19 đến cán bộ, sinh viên		
	14	H9.09.05.14	Quy định an toàn PTN		
	15	H9.09.05.15	Quyết định ban hành Sổ tay an toàn PTN		
	16	H9.09.05.16	Hợp đồng xử lý chất thải PTN		
<b>Tiêu chuẩn 10</b>					
<b>Tiêu chí 10.1</b>	1	H10.10.01.01	Quy chế đào tạo đại học	5115/QĐ-ĐHQGHN, 25/12/2014	ĐHQGHN
	2	H10.10.01.02	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan, 2014	5077/HD-ĐHQGHN, 23/12/2014	ĐHQGHN
	3	H10.10.01.03	Hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo đại học theo quy chế đào tạo đại học, 2015	1110/HD-ĐHQGHN, 30/3/2015	ĐHQGHN
	4	H10.10.01.04	Hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHKHTN, 2019	2321 /HD-ĐHKHTN, 29/7/2019	ĐHKHTN
	5	H10.10.01.05	Quyết định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại ĐHQGHN, 2018	1111/QĐ-ĐHQGHN, 4/4/2018	ĐHQGHN
	6	H10.10.01.06	Kế hoạch đảm bảo chất lượng	287/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL	ĐHKHTN

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
				15/02/2017 266/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 25/01/2018 159/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 17/01/2019 345/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 14/02/2020 383/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 23/02/2021	
	7	H10.10.01.07	Phiếu lấy ý kiến của sinh viên về học phần giai đoạn 2015 - 2017 và 2018-2020	-	<i>ĐHKHTN</i>
	8	H10.10.01.08	Phiếu mẫu khảo sát và báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017, 2018, 2019	-	<i>ĐHKHTN</i>
	9	H10.10.01.09	Phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học tốt nghiệp về chương trình đào tạo của ĐHQGHN	-	<i>ĐHKHTN</i>
	10	H10.10.01.10	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017-2021	3990/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL, 29/11/2017	<i>ĐHKHTN</i>
	11	H10.10.01.11	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan, đánh giá nội dung hỗ trợ NH 2017-2021	2323/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL, 30/6/2017	<i>ĐHKHTN</i>
	12	H10.10.01.12	Mẫu sinh viên nhận xét học phần 2015 - 2017 và 2018-2020	-	<i>ĐHKHTN</i>
	13	H10.10.01.13	Bản tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi của sinh viên về các học phần và các giảng viên	-	<i>ĐHKHTN</i>
	14	H10.10.01.14	Đối thoại với sinh viên năm học 2019-2020	3413/ĐHKHTN-CTSV, 1/11/2019	<i>ĐHKHTN</i>
	15	H10.10.01.15	Biên bản họp hội đồng đào tạo 2014-2022	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	16	H10.10.01.16	Quyết định thành lập nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo của Khoa 2015, 2017, 2019	165/QĐ-KSH, 15/10/2015	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	17	H10.10.01.17	Kế hoạch điều chỉnh CTĐT đại học (bộ môn di truyền) 2019	-	<i>Bộ môn di truyền học, Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>



<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	18	H10.10.01.18	QĐ HĐ thẩm định SH 2022	611/QĐ-ĐHKHTN, 21/03/2022	<i>ĐHKHTN</i>
	19	H10.10.01.19	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2015	3599/QĐ-ĐHQGHN, 30/9/2015	<i>ĐHQGHN</i>
	20	H10.10.01.20	Công văn về việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT đại học, 2015	1234/ĐHKHTN-ĐT, 17/4/2015	<i>ĐHKHTN</i>
	21	H10.10.01.21	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2019	3343/QĐ-ĐHKHTN, 25/10/2019	<i>ĐHKHTN</i>
	22	H10.10.01.22	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2022	879/QĐ-ĐHKHTN, 13/4/2022	<i>ĐHKHTN</i>
	23	H10.10.01.23	Thuyết minh điều chỉnh CTĐT Ngành Sinh học năm 2019 so với năm 2015	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	24	H10.10.01.24	Giải trình, so sánh khung Sinh học chuẩn năm 2019 và khung Sinh học đề nghị điều chỉnh năm 2022	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	25	H10.10.01.25	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng TC PC và ĐBCL	-	<i>ĐHKHTN</i>
	26	H10.10.01.26	SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	27	H10.10.01.27	Chương trình của ĐH Tufst	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 10.2</b>	1	H10.10.02.01	Ban hành quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở ĐHQGHN	1366/QĐ-ĐHQGHN, 25/4/2012	<i>ĐHQGHN</i>
	2	H10.10.02.02	THÔNG TƯ Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	07/2015/TT-BGDĐT, 16/4/2015	<i>Bộ Giáo dục và đào tạo</i>
	3	H10.10.02.03	Quy chế đào tạo ĐHQGHN	5115/QĐ-ĐHQGHN, 25/12/2014	<i>ĐHQGHN</i>
	4	H10.10.02.04	Hướng dẫn điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo đại học theo quy chế đào tạo đại học, 2015	1110/HD-ĐHQGHN, 30/3/2015	<i>ĐHQGHN</i>

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	5	H10.10.02.05	Ban hành quy định về đảm bảo chất lượng đào tạo trong ĐHQGHN, 2015	628/QĐ-ĐHQGHN, 10/2/2015	ĐHQGHN
	6	H10.10.02.06	Quyết định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại ĐHQGHN, 2018	1111/QĐ-ĐHQGHN, 4/4/2018	ĐHQGHN
	7	H10.10.02.07	Hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại trường ĐHKHTN, 2019	2321/HD-ĐHKHTN, 29/7/2019	ĐHKHTN
	8	H10.10.02.08	Quyết định thành lập nhóm chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo của Khoa 2015, 2017, 2019	165/QĐ-KSH 15/10/2015 30/QĐ-KSH 06/4/2017 46/QĐ-KSH 22/5/2019	Khoa Sinh học, ĐHKHTN
<b>Tiêu chí 10.3</b>	1	H10.10.03.01	Danh sách cử GV, SV đi học tập trao đổi ở nc ngoài	-	ĐHKHTN
	2	H10.10.03.02	Các quyết định cử cán bộ Khoa Sinh học đi - trao đổi ở nước ngoài	641/QĐ-ĐHKHTN 22/03/2021 1856/QĐ-KHTN 30/6/2020 209/QĐ-KHTN 25/01/2021 285/QĐ-KHTN 26/1/2018 2806/QĐ-KHTN 05/9/2019	ĐHKHTN
	3	H10.10.03.03	Khuyến khích tham gia đề tài nckh	-	-
	4	H10.10.03.04	Danh mục đề tài Khoa Sinh 2015-2022	-	Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN
	5	H10.10.03.05	Quy chế đào tạo ĐHQGHN	5115/QĐ-ĐHQGHN, 25/12/2014	ĐHQGHN
	6	H10.10.03.06	Ban hành về đảm bảo chất lượng đào tạo trong ĐHQGHN, 2015	628/QĐ-ĐHQGHN, 10/2/2015	ĐHQGHN
	7	H10.10.03.07	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2015	3599/QĐ-ĐHQGHN, 30/9/2015	Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	8	H10.10.03.08	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2019	3343/QĐ-ĐHKHTN, 25/10/2019	ĐHKHTN
	9	H10.10.03.09	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2022	879/QĐ-ĐHKHTN, 25/10/2019	ĐHKHTN
	10	H10.10.03.10	Đề cương học phần SH chuẩn_ 2015	-	Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN
	11	H10.10.03.11	Đề cương học phần-SH chuẩn_2019	-	Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN
	12	H10.10.03.12	Đề cương học phần-SH chuẩn2021	-	Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN
	13	H10.10.03.13	Kế hoạch năm học từ 2016-2021	-	Khoa Sinh học
	14	H10.10.03.14	Biên bản họp phân công nhiệm vụ năm học (Di truyền)	-	Khoa Sinh học
	15	H10.10.03.15	Thời khóa biểu một số học kỳ	-	Khoa Sinh học
	16	H10.10.03.16	Biên bản, báo cáo tổng kết năm học của Khoa	-	Khoa Sinh học
	17	H10.10.03.17	Đối thoại với sinh viên năm học 2019-2020	3413/ĐHKHTN-CTSV, 1/11/2019	ĐHKHTN
	18	H10.10.03.18	Mẫu sinh viên nhận xét học phần 2015 - 2017 and 2018-2020	-	ĐHKHTN
	19	H10.10.03.19	Bản tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi của sinh viên về các học phần và các giảng viên	-	ĐHKHTN
	20	H10.10.03.20	Fanpage của sinh viên, nơi phản ánh các quan điểm của sinh viên ĐHKHTN	-	ĐHKHTN
	21	H10.10.03.21	Biên bản dự giờ cán bộ	-	Khoa Sinh học
	22	H10.10.03.22	Trao đổi học thuật giữa các cán bộ trong Khoa	-	Khoa Sinh học
	23	H10.10.03.23	Các hình thức giảng dạy đa dạng	-	Khoa Sinh học
	24	H10.10.03.24	Cập nhật bài giảng (minh họa bằng một số chương của môn học Sinh lý học người và động vật)	-	Khoa Sinh học
	25	H10.10.03.25	Ví dụ minh họa bài giảng đã được cập nhật hàng năm (Di truyền)	-	Khoa Sinh học
	26	H10.10.03.26	Thông tin về hướng dẫn giảng dạy trực tuyến, cách khai thác các ứng dụng để dạy trực tuyến	944/ĐHQGHN-DT	ĐHKHTN, ĐHQGHN

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
				27/3/2020 988/BGDĐT-GDDH 23/3/2020 955/ĐHKHTN-CTSV 31/3/2020 1345/HD-ĐHQGHN 06/5/2020\	
	27	H10.10.03.27	Quy chế quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học-khoa Sinh	35/KSH 16/3//2015	<i>Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN</i>
	28	H10.10.03.28	Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên về học phần và giảng viên 2020-2021, 2021-2022	-	<i>ĐHKHTN</i>
	29	H10.10.03.29	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2015	3599/QĐ-ĐHQGHN, 30/9/2015	<i>Khoa Sinh học, trường ĐHKHTN</i>
	30	H10.10.03.30	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2019	3343/QĐ-ĐHKHTN, 25/10/2019	<i>ĐHKHTN</i>
	31	H10.10.03.31	Ban hành chương trình đào tạo đại học Khoa Sinh học, 2022	879/QĐ-ĐHKHTN, 25/10/2019	<i>ĐHKHTN</i>
	32	H10.10.03.32	Vấn bản hướng dẫn tổ chức thi, quy trách nhiệm GV và SV trong kỳ thi	HD-ĐHKHTN	<i>ĐHKHTN</i>
	33	H10.10.03.33	Thành lập hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp	46/QĐ-KSH, 9/5/2017	<i>Khoa Sinh học</i>
	34	H10.10.03.34	Kế hoạch đảm bảo chất lượng	287/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 15/02/2017 266/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 25/01/2018 159/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 17/01/2019 345/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 14/02/2020 383/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 23/02/2021	<i>ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 10.4</b>	1	H10.10.04.01	Danh sách đề tài Khoa Sinh học 2015-2022	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	2	H10.10.04.02	Danh sách sinh viên Khoa sinh học tham gia hội nghị khoa học sinh viên từ 2015-2021	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	3	H10.10.04.03	Thông tin về khóa luận tốt nghiệp đại học bảo vệ năm 2016-2020 ngành Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	4	H10.10.04.04	Thông tin về khóa luận tốt nghiệp đại học bảo vệ năm 2021 ngành Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	5	H10.10.04.05	Thông tin về khóa luận tốt nghiệp đạo học bảo vệ năm 2022 ngành Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	6	H10.10.04.06	Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo xuất bản	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	7	H10.10.04.07	Kết quả nghiên cứu phục vụ cho bài giảng	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	8	H10.10.04.08	Thống kê đề tài liên quan đến sản phẩm phục vụ cho giảng dạy và nâng cao chất lượng nghiên cứu	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	9	H10.10.04.09	Sách chuyên khảo là sản phẩm của luận án	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	10	H10.10.04.10	Thống kê các công bố kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa Sinh từ 2015-2022	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	11	H10.10.04.11	Danh mục đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích 2015-2021	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	12	H10.10.04.12	Bài giảng đã được cập nhật sử dụng kết quả nghiên cứu (Di truyền)	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	13	H10.10.04.13	Danh sách các công bố của Khoa Sinh học được cập nhật trên trang web của Khoa và Trường	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
	14	H10.10.04.14	Kết quả công bố trên các Tạp chí khoa học của sinh viên	-	<i>Khoa Sinh học, ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 10.5</b>	1	H10.10.05.01	Quyết định, Báo cáo thanh tra hiệu quả sử dụng hệ thống trang thiết bị	2626/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 21/7/2015 4591/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 29/12/2016	<i>ĐHKHTN</i>

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				4603/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 26/12/2018	
	2	H10.10.05.02	Mẫu phiếu khảo sát chất dịch vụ hỗ trợ người học	-	<i>ĐHQGHN</i>
	3	H10.10.05.03	Thông báo thu thập thông tin phản hồi sau khi vận hành thử nghiệm hệ thống mạng	571/KHTN-TTr, PC&ĐBCL, 9/3/2017	<i>ĐHKHTN</i>
	4	H10.10.05.04	Hòm thư góp ý	-	<i>ĐHKHTN</i>
	5	H10.10.05.05	Sổ góp ý tại các phòng chờ giảng	-	<i>ĐHKHTN</i>
	6	H10.10.05.06	Đối thoại với sinh viên năm học 2019-2020	-	<i>ĐHKHTN</i>
	7	H10.10.05.07	Fanpage của sinh viên, nơi phản ánh các quan điểm của sinh viên ĐHKHTN	-	<i>ĐHKHTN</i>
	8	H10.10.05.08	Biên bản họp tổng kết năm học của Khoa Sinh các năm gần đây	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	9	H10.10.05.09	QĐ đổi tên phòng TCPCKĐCL	3169/QĐ-ĐHKHTN, 30/7/2014	<i>ĐHKHTN</i>
	10	H10.10.05.10	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng Ban chức năng của Trường ĐHKHTN	-	<i>ĐHQGHN</i>
	11	H10.10.05.11	Kết quả khảo sát chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học và khảo sát nâng cao chất lượng thư viện	1754/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 30/5/2016, 149/TTTTV 6/6/2018 30/5/2016 157/BC-TTTV 29/7/2020	<i>ĐHKHTN,</i>
	12	H10.10.05.12	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan, đánh giá nội dung hỗ trợ người học 2017-2021	2323/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 30/6/2017 2443/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 12/7/2018 2102/KHTN-TTr,	<i>ĐHKHTN,</i>

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				PC&ĐBCL 03/7/2019 2343/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 05/8/2020 1904/BC-ĐHKHTN 30/6/2021	
	13	H10.10.05.13	Kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm	287/KHTN-TTr,PTTr&ĐBCL 15/02/2017 266/KHTN-TTr,PTTr&ĐBCL 25/01/2018 159/KHTN-TTr,PTTr&ĐBCL 17/01/2019 345/KHTN-TTr,PTTr&ĐBCL 14/02/2020 383/KHTN-TTr,PTTr&ĐBCL 23/02/2021	<i>ĐHKHTN</i>
	14	H10.10.05.14	Thống kê trang thiết bị Khoa Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	15	H10.10.05.15	Quy hoạch PTN Khoa Sinh học	1666/HD-ĐHQGHN, 6/5/2015	<i>ĐHQGHN</i>
	16	H10.10.05.16	Kế hoạch đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm và lớp học	-	<i>ĐHKHTN</i>
	17	H10.10.05.17	Đề xuất tăng cường năng lực, dự án đầu tư mới của Khoa Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	18	H10.10.05.18	Kinh phí dự trù sửa chữa	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	19	H10.10.05.19	Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi - Trung tâm thông tin thư viện và tri thức số	77/TVTTS, 15/4/2022	<i>ĐHQGHN</i>
	20	H10.10.05.20	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ của Trung tâm thông tin-thư viện	137/TTTV 15/5/2015 186/TTTV 29/6/2017 149/TTTV 06/6/2018	<i>ĐHQGHN</i>

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
				158/TTTV 09/7/2019 157/TTTV 29/7/2020	
	21	H10.10.05.21	Phòng y tế, lịch trực phòng y tế	-	<i>ĐHKHTN</i>
	22	H10.10.05.22	Bệnh viện ĐHQGHN	-	<i>ĐHKHTN</i>
	23	H10.10.05.23	Thông báo các loại học bổng trên trang web của VNU - HUS	-	<i>ĐHKHTN</i>
	24	H10.10.05.24	Thông tin học bổng trên trang web Khoa Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	25	H10.10.05.25	Thông tin về việc làm trên Web Khoa Sinh học	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	26	H10.10.05.26	Thông tin về việc làm trên Web VNU-HUS	-	<i>ĐHKHTN</i>
	27	H10.10.05.27	Thông tin về chỗ ở trên web VNU-HUS	-	<i>ĐHKHTN</i>
	28	H10.10.05.28	Các câu lạc bộ của Trường ĐHKHTN	-	<i>ĐHKHTN</i>
	29	H10.10.05.29	Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên	-	<i>ĐHKHTN</i>
	30	H10.10.05.30	Lịch tiếp sinh viên của các Phòng Ban chức năng	-	<i>ĐHKHTN</i>
	31	H10.10.05.31	Lịch tiếp sinh viên của P. KHCN	-	<i>ĐHKHTN</i>
	32	H10.10.05.32	Thông báo hội nghị KHSV trường	-	<i>ĐHKHTN</i>
	33	H10.10.05.33	Thông báo số 3_HNKHSV năm 2022	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	34	H10.10.05.34	Danh sách sinh viên báo cáo poster 2022	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	35	H10.10.05.35	Giới thiệu chuyên ngành khoa Sinh 2016-2022	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	36	H10.10.05.36	Đề án xây dựng ĐHQGHN trên Hòa Lạc	-	<i>ĐHQGHN</i>
	37	H10.10.05.37	Hình ảnh lễ cất nóc tòa nhà HT1 của trường ĐHKHTN tại Hòa Lạc	-	<i>ĐHQGHN</i>
	38	H10.10.05.38	Báo cáo về công tác vệ sinh trường học 2022	832/ĐHKHTN-QTBV, 8/4/2022	<i>ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 10.6</b>	1	H10.10.06.01	Quyết định về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục	1980/QĐ-TCCB, 5/7/2010	<i>ĐHQGHN</i>
	2	H10.10.06.02	Quy định về chức năng nhiệm vụ Phòng TTPCĐBCL		<i>ĐHKHTN</i>
	3	H10.10.06.03	Quyết định về thành viên tổ đảm bảo chất lượng cấp Khoa Sinh học	407/QĐ-KHTN 07/02/2018	<i>ĐHKHTN</i>



Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
				1426/QĐ-ĐHKHTN 28/5/2021	
	4	H10.10.06.04	Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan	5077HD-ĐHQGHN, 23/12/2014	<i>ĐHQGHN</i>
	5	H10.10.06.05	Hướng dẫn quy trình lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan bằng hình thức trực tuyến của trường ĐHKHTN	4360/KHTN-TTr, PC&ĐBCL, 20/11/2015	<i>ĐHKHTN</i>
	6	H10.10.06.06	Công văn về việc hd giảng viên tự đánh giá	1371/ KHTN-TTr, PC&ĐBCL, 28/5/2020	<i>ĐHKHTN</i>
	7	H10.10.06.07	Kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm	287/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 15/02/2017 266/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 25/01/2018 159/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 17/01/2019 345/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 14/02/2020 383/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 23/02/2021	<i>ĐHKHTN</i>
	8	H10.10.06.08	Phiếu lấy ý kiến của sinh viên về học phần giai đoạn 2015 - 2017 và 2018-2020	-	<i>ĐHKHTN</i>
	9	H10.10.06.09	Mẫu lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về chất lượng chương trình đào tạo trước năm 2019	-	<i>ĐHKHTN</i>
	10	H10.10.06.10	Mẫu lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về chất lượng chương trình đào tạo trước năm 2019	-	<i>ĐHKHTN</i>
	11	H10.10.06.11	Mẫu lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chất lượng chương trình đào tạo 2019	-	<i>ĐHKHTN</i>
	12	H10.10.06.12	Mẫu khảo sát online (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên) về chất lượng đào tạo tại trường	-	<i>ĐHKHTN</i>
	13	H10.10.06.13	Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp	-	<i>ĐHKHTN</i>
	14	H10.10.06.14	Phiếu khảo sát sinh viên về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học	-	<i>ĐHKHTN</i>

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
	15	H10.10.06.15	Phiếu khảo sát về môi trường làm việc	-	<i>ĐHKHTN</i>
	16	H10.10.06.16	Phiếu giảng viên tự đánh giá	-	<i>ĐHKHTN</i>
	17	H10.10.06.17	Phiếu góp ý về công tác lãnh đạo quản lý của Ban giám hiệu	-	<i>ĐHKHTN</i>
	18	H10.10.06.18	Phiếu góp ý nâng cao chất lượng công việc đối với cán bộ hành chính	-	<i>ĐHKHTN</i>
	19	H10.10.06.19	Phiếu góp ý về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo đơn vị đào tạo và nghiên cứu	-	<i>ĐHKHTN</i>
	20	H10.10.06.20	Phiếu góp ý về công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo Phòng chức năng và trung tâm CNTT&TT	-	<i>ĐHKHTN</i>
	21	H10.10.06.21	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017-2021	3990/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 29/11/2017 4629/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 27/12/2018 384/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 16/01/2020 3797/KHTN-TTr,PTr&ĐBCL 15/12/2020	<i>ĐHKHTN</i>
	22	H10.10.06.22	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan, đánh giá nội dung hỗ trợ NH 2017-2021	2323/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 30/6/2017 2443/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 12/7/2018 2102/KHTN-TTr, PC&ĐBCL 03/7/2019 2343/KHTN-TTr, PC&ĐBCL	<i>ĐHKHTN,</i>

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
				05/8/2020 1904/BC-ĐHKHTN 30/6/2021	
	23	H10.10.06.23	Bản tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi của sinh viên về các học phần và các giảng viên	-	<i>ĐHKHTN</i>
	24	H10.10.06.24	Biên bản, báo cáo tổng kết năm học của Khoa	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	25	H10.10.06.25	Phiếu khảo sát sinh viên về học phần (online)	-	<i>ĐHKHTN</i>
	26	H10.10.06.26	Mẫu phiếu online khảo sát về môi trường làm việc	-	<i>ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 11</b>					
<b>Tiêu chí 11.1</b>	1	H11.11.01.01	Quyết định về việc công nhận sv trúng tuyển các khoá	-	<i>ĐHKHTN</i>
	2	H11.11.01.02	Quyết định sinh viên bị xoá tên	-	<i>ĐHKHTN</i>
	3	H11.11.01.03	Quyết định bảo lưu học tập 2015-2020	-	<i>ĐHKHTN</i>
	4	H11.11.01.04	Hình ảnh minh hoạ hệ thống quản lí sinh viên	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	5	H11.11.01.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường	-	<i>ĐHKHTN</i>
	6	H11.11.01.06	Báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa sinh	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	7	H11.11.01.07	Bảng thống kê sinh viên thôi học và tốt nghiệp	-	<i>ĐHKHTN</i>
	8	H11.11.01.08	Danh sách sinh viên thôi học và lý do	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	9	H11.11.01.09	Hình ảnh gặp gỡ các sinh viên xin thôi học	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	10	H11.11.01.10	Hình ảnh các hoạt động giới thiệu ngành học cho sinh viên	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	11	H11.11.01.11	Quyết định cấp học bổng và ds sinh viên được học bổng 2015-2020.pdf	-	<i>ĐHKHTN</i>
	12	H11.11.01.12	Quyết định cảnh báo học tập	-	<i>ĐHKHTN</i>
	13	H11.11.01.13	Quyết định kỉ luật thi cử và vi phạm khác	-	<i>ĐHKHTN</i>
<b>Tiêu chí 11.2</b>	1	H11.11.02.01	Quy định về đào tạo theo tín chỉ	3079 /QĐ-ĐHQGHN và 07/2015/TT-BGDĐT	<i>ĐHQGHN và BGDĐT</i>
	2	H11.11.02.02	Quy chế đào tạo đại học số 5115 của ĐHQGHN	Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN	<i>ĐHQGHN</i>
	3	H11.11.02.03	Kết quả chuẩn đầu ra tiếng anh	-	<i>ĐHKHTN</i>
	4	H11.11.02.04	Kết quả chuẩn đầu ra an ninh quốc phòng	-	<i>ĐHKHTN</i>
	5	H11.11.02.05	Kết quả chuẩn đầu ra giáo dục thể chất	-	<i>ĐHKHTN</i>

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện
	6	H11.11.02.06	Quyết định cảnh báo học tập	-	ĐHKHTN
	7	H11.11.02.07	Quyết định thành lập tổ tư vấn học tập	-	Khoa Sinh học
	8	H11.11.02.08	Hình ảnh hoạt động của câu lạc bộ Sinh học	-	Khoa Sinh học
	9	H11.11.02.09	Hình ảnh giới thiệu về ngành học và chương trình đào tạo cho tân sinh viên	-	Khoa Sinh học
	10	H11.11.02.10	Khung chương trình và lịch trình dự kiến cho 4 năm	-	Khoa Sinh học
	11	H11.11.02.11	Quyết định công nhận bằng tốt nghiệp	-	Khoa Sinh học
	12	H11.11.02.12	Thông báo học kì hè	-	Khoa Sinh học
<b>Tiêu chí 11.3</b>	1	H11.11.03.01	Thông tin liên lạc với cựu sv-website trường	-	Khoa Sinh học
	2	H11.11.03.02	Kết quả khảo sát việc làm	-	ĐHKHTN
	3	H11.11.03.03	Tỷ lệ sinh viên có việc làm 1 năm sau TN-3 công khai	-	ĐHKHTN
	4	H11.11.03.04	Danh sách các nhà tuyển dụng có kết nối với khoa sinh học	-	ĐHKHTN
	5	H11.11.03.05	Công văn đặt hàng tuyển dụng nguồn nhân lực cử nhân	-	ĐHKHTN
	6	H11.11.03.06	hoạt động tư vấn việc làm cho sinh viên và kết nối với nhà tuyển dụng	-	Khoa Sinh học
	7	H11.11.03.07	Đề cương một số học phần	-	Khoa Sinh học
	8	H11.11.03.08	Thống kê sinh viên nhận học bổng nước ngoài	-	Khoa Sinh học
	9	H11.11.03.09	Thống kê sinh viên nước ngoài học tập tại khoa sinh	-	Khoa Sinh học
	10	H11.11.03.10	Thông tin hoạt động ngoại khoá và hoạt động của các câu lạc bộ	-	Khoa Sinh học
<b>Tiêu chí 11.4</b>	1	H11.11.04.01	Hướng dẫn về tổ chức làm KLTN và giảng dạy các học phần thay thế KLTN	3945 /HD-ĐHKHTN	ĐHKHTN
	2	H11.11.04.02	Quy định hướng dẫn sv NCKH	Ban hành kèm theo QĐ 5115/QĐ-ĐHQGHN	ĐHQGHN
	3	H11.11.04.03	Thông báo TB HNKHSV 2015-2022	-	Khoa Sinh học
	4	H11.11.04.04	Báo cáo tổng kết hội nghị khoa học sv	-	Khoa Sinh học
	5	H11.11.04.05	Danh sách BCHNKHSV 2015-2022	-	Khoa Sinh học
	6	H11.11.04.06	hồ sơ SV tham gia hội thảo cấp trường	-	Khoa Sinh học
	7	H11.11.04.07	Một số bài báo của sinh viên	-	Khoa Sinh học
	8	H11.11.04.08	Báo cáo tổng kết khoa học khoa Sinh 2015-2020	-	Khoa Sinh học

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>	<b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b>
	9	H11.11.04.09	Kết quả đào tạo các nhiệm vụ KHCN	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	10	H11.11.04.10	Một số hoạt động trao đổi học thuật trong khoa	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	11	H11.11.04.11	Quy chế quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học-khoa Sinh	35/KSH 16/3//2015	<i>Khoa Sinh học</i>
<b>Tiêu chí 11.5</b>	1	H11.11.05.01	Bộ mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan	-	<i>ĐHKHTN</i>
	2	H11.11.05.02	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ sinh viên và giảng viên	-	<i>ĐHKHTN</i>
	3	H11.11.05.03	Báo cáo kết quả lấy phiếu phản hồi từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng 2017-2021	-	<i>ĐHKHTN</i>
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp tổng kết khoa Sinh	-	<i>Khoa Sinh học</i>
	5	H11.11.05.05	Hòm thư góp ý, sổ góp ý giảng đường	-	<i>ĐHKHTN</i>
	6	H11.11.05.06	Kết quả khảo sát việc làm	-	<i>ĐHKHTN</i>